PHỤ LỤC

CTY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
VIETWOOD INDUSTRIES J.S.C
----------◆----------
Số 01 /2008/GUQ.CT.HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----------◆----------

GIẤY UỶ QUYỀN

- Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt
- Căn cứ vào chức năng và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT

Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư trong nước, Trong quá trình hoạt động, chúng tôi có thay đổi như sau:

Bà: **Lê Ngọc Dung**
Sinh năm: 1966
Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Nay, ủy quyền cho Ông **Nguyễn Văn Nghệ**
Sinh năm 1963
Chức vụ: Tổng giám đốc

Là người được quyền ký thay các văn bản, chứng từ: Báo cáo thuế, số sách và chứng từ kế toán (phiếu thu, chi, tạm ứng, phiếu nhập xuất kho, hóa đơn bán hàng); chứng từ liên quan đến ngân hàng (giấy nhận nợ, ủy nhiệm chi, séc, đối chiếu công nợ); báo cáo tài chính, các loại hợp đồng (hợp đồng thương mại, hợp đồng xây dựng, hợp đồng tín dụng, hợp đồng lao động, hợp đồng bảo hiểm); Quyết định mức lương, thưởng, phụ cấp, tiếp nhận, bổ nhiệm, sa thải lao động đối với các chức danh từ Quản đốc, trưởng bộ phận trở xuống; các giấy tờ, công văn gửi các cơ quan ban ngành và trực tiếp giải quyết các vụ việc khác liên quan đến hoạt động của Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi có văn bản ủy quyền khác thay thế văn bản ủy quyền này.

Người được ủy quyền tự ý thực hiện không đúng với nội dung ủy quyền nêu trên sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Bình Dương, Ngày 10 tháng 03 năm 2008

Người được ủy quyền	Chủ tịch HĐQT
NGUYỄN VĂN NGHỆ	LÊ NGỌC DUNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 3700756534

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 10 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 15 tháng 05 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET WOOD INDUSTRIES JOINT STOCK COMPANY.

Tên công ty viết tắt: VIET WOOD.

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Khu phố An Sơn, Phường An Điền, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: *0274 3554012* Fax: *0274 3554013*

Email: Website: *vietwoodvn.com.vn*

3. Vốn điều lệ: 168.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.680.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ NGỌC DUNG Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: *28/03/1966* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001166011363*

Ngày cấp: *28/03/2018* Nơi cấp: *Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *V9 Ba Vì, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *V9 Ba Vì, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Phan Thị Ngọc Hiền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

7425840130009 6.2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Giấy chứng nhận ĐKDN công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 3700756534 đăng ký lần đầu ngày 24/10/2006, Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 03/01/2012 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ: ấp 1, xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

BO 617019

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất

a) Thửa đất số: 239 , tờ bản đồ số: 41

b) Địa chỉ: xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

c) Diện tích: 7.287,0m^2 (bằng chữ: Bảy nghìn hai trăm tám mươi bảy mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng: 7.287,0m^2 , chung: không m²

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC)

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 29/01/2056

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

2. Nhà ở: -/-

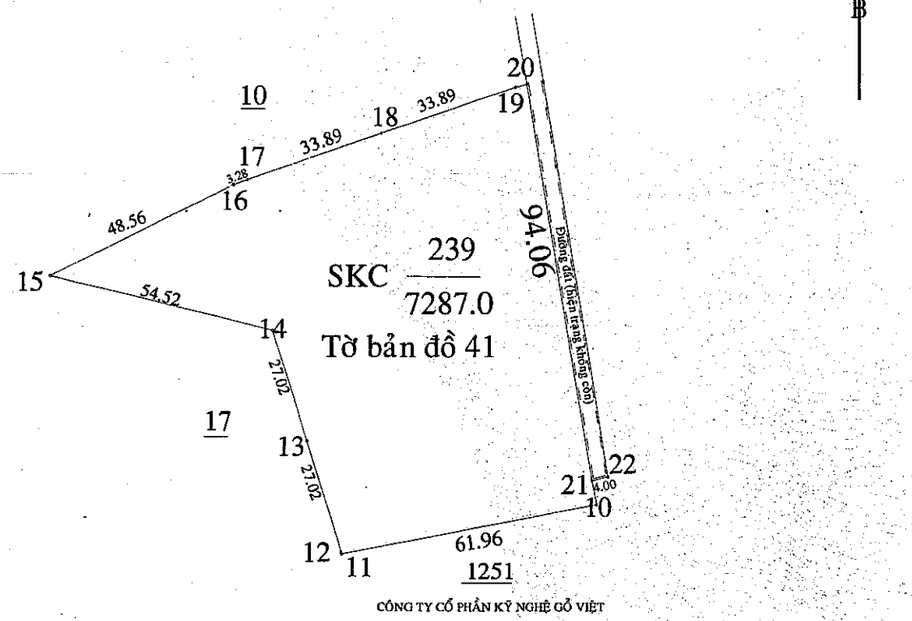
3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Bình Dương, ngày .02 tháng.01 năm 2014

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

TUQ CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phạm Danh

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CT06577

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

258402100462 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 3700756534, đăng ký lần đầu ngày 24/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12/7/2018 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp

Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất 358, tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

DĐ 248430

Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Thửa đất:

a) Thửa đất số: **1806** , tờ bản đồ số: **42**

b) Địa chỉ: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

c) Diện tích: 33.226,5m², (bằng chữ: Ba mươi ba nghìn hai trăm hai mươi sáu phẩy năm mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (32.663,9m²); HLATĐB (562,6m²)

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 29/01/2056

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất (18.697,9m²); Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm (13.966m²)

Nhà ở: -/-.

Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Công ty cổ phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m²)	Diện tích sàn (m²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà kho	2.952	2.952	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng	3.060	3.060	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng số 15	3.400	3.400	Sở hữu riêng	II	-/-
Văn phòng làm việc	160	766	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng	3.240	3.240	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà kho	2.916	2.916	Sở hữu riêng	III	-/-

Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

Cây lâu năm: -/-.

Ghi chú:

- Tổng diện tích khu đất: 33226,5m² (trong đó có 562,6m² thuộc HLATĐB: việc quản lý, sử dụng phải thực hiện theo quy định về bảo vệ hành lang an toàn đường bộ).
- Thửa 1806 tờ 42 được hợp từ thửa 27, 249 tờ 41 và thửa 358 tờ 42.
- Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận (giấy chứng nhận số AH 540038 ngày 28/02/2007; số CB 886639 ngày 24/11/2015, số BO 617021 ngày 02/01/2014) và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, hồ sơ gốc số 29/CN-SHCT ngày 30/01/2008.

Bình Dương, ngày 25 tháng 4 năm 2022

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

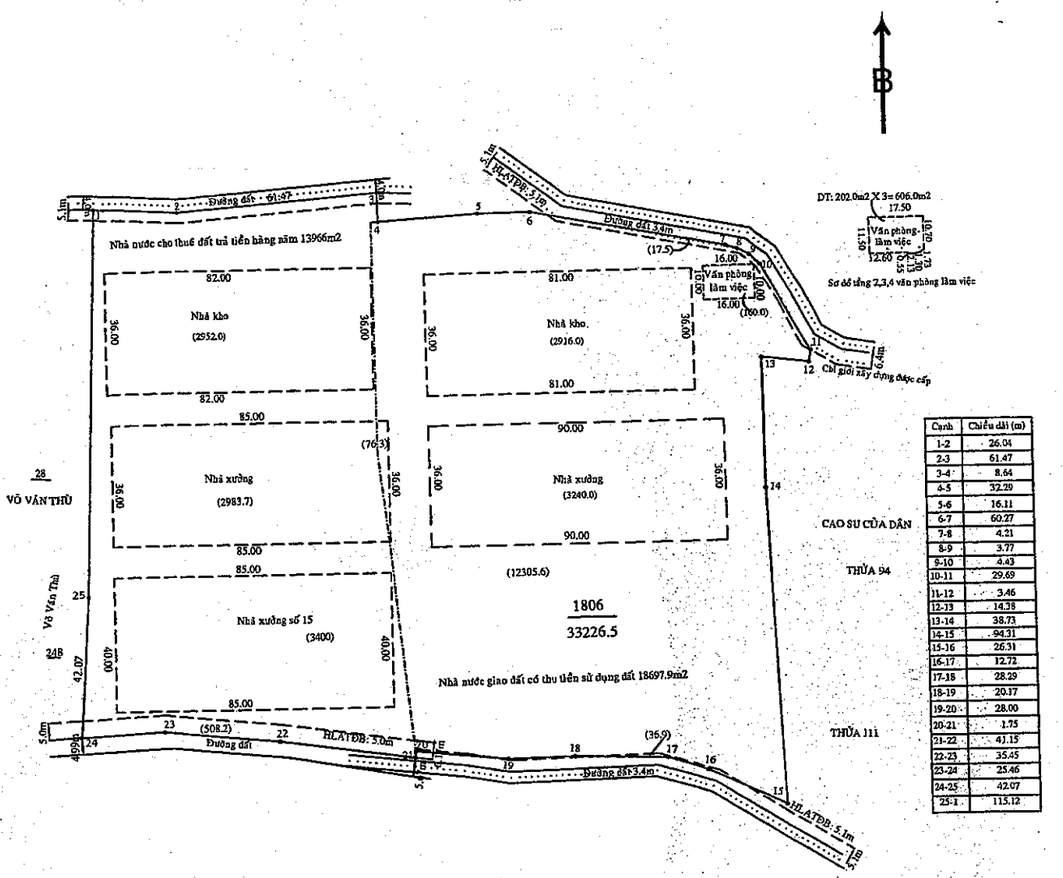
KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Xuân Ngọc

Số vào sổ cấp GCN: CT78801

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	26.04
2-3	61.47
3-4	8.64
4-5	32.29
5-6	16.11
6-7	60.27
7-8	4.21
8-9	3.77
9-10	4.43
10-11	29.69
11-12	3.46
12-13	14.38
13-14	38.73
14-15	94.31
15-16	26.31
16-17	12.72
17-18	28.29
18-19	20.17
19-20	28.00
20-21	1.75
21-22	47.15
22-23	35.45
23-24	25.46
24-25	42.07
25-1	115.12

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy

2584022004782

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 3700756534, đăng ký lần đầu ngày 24/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12/7/2018 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp

Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất 358, tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

DĐ 248429

hửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Thửa đất:

) Thửa đất số: **1805** , tờ bản đồ số: **42**

) Địa chỉ: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

) Diện tích: 44.197,6m², (bằng chữ: Bốn mươi bốn nghìn một trăm chín mươi bảy phẩy sáu mét vuông)

) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (42.200m²); HLATĐB (1.997,6m²)

) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 29/01/2056 (31.421,2m²); Đến ngày 31/12/2059 (12.776,4m²)

) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất (11.737,5m²); Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm (30.462,5m²)

Nhà ở: -/-.

Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà kho - nhà xưởng

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m²)	Diện tích sàn (m²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà kho	3.096	3.096	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng	4.043,2	4.043,2	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng số 12	4.500	4.500	Sở hữu riêng	II	-/-
Nhà xưởng số 13	2.340	2.340	Sở hữu riêng	II	-/-

Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

Cây lâu năm: -/-.

Ghi chú:

- Tổng diện tích khu đất: 44.197,6m² (trong đó có 1.997,6m² thuộc HLATĐB: việc quản lý, sử dụng phải thực hiện theo quy định về bảo vệ hành lang an toàn đường bộ).
- Thửa 1805 tờ 42 được hợp từ thửa 1393, 1251 và thửa 68 tờ 42.
- Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận (giấy chứng nhận số BO 617020 ngày 02/01/2014, số BA 133407 ngày 04/02/2010, số CB 886638 ngày 24/11/2015).

Bình Dương, ngày 25 tháng 4 năm 2022 .

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

KT. GIÁM ĐỐC

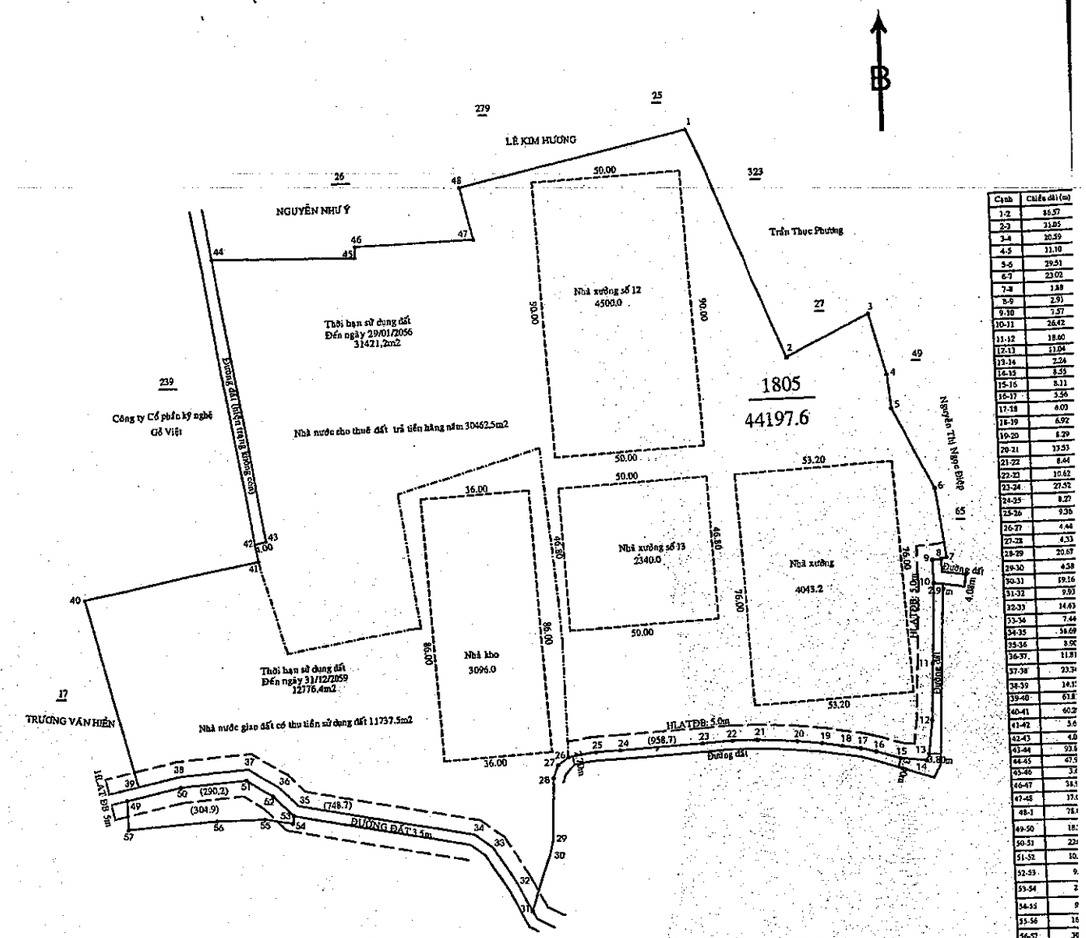
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Phạm Xuân Ngọc

Số vào sổ cấp GCN: CT78792

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	16.57
2-3	31.85
3-4	20.59
4-5	33.10
5-6	29.51
6-7	22.02
7-8	1.80
8-9	2.91
9-10	7.57
10-11	26.42
11-12	18.60
12-13	13.04
13-14	2.24
14-15	5.52
15-16	8.31
16-17	3.56
17-18	4.09
18-19	6.92
19-20	8.29
20-21	17.53
21-22	8.44
22-23	10.61
23-24	27.52
24-25	8.27
25-26	9.36
26-27	4.44
27-28	4.53
28-29	20.67
29-30	4.58
30-31	59.16
31-32	9.93
32-33	14.63
33-34	7.44
34-35	34.69
35-36	8.96
36-37	11.81
37-38	23.36
38-39	14.31
39-40	63.8
40-41	60.29
41-42	3.6
42-43	4.8
43-44	92.8
44-45	47.9
45-46	3.3
46-47	34.1
47-48	17.6
48-1	78.1
49-50	18.2
50-51	22.6
51-52	10.2
52-53	9.2
53-54	2
54-55	8
55-56	18
56-57	39
57-49	1

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

Số: 1181 /SXD-TĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Thủ Dầu Một, ngày 05 tháng 7 năm 2007.

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG + NHÀ KHO CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Kính gửi: **Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt.**

- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

- Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ Về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14/02/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ.

- Căn cứ Quyết định số 179/2006/QĐ-UBND ngày 20/7/2006 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ hồ sơ pháp lý:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số TOO 303/CN-2007 ngày 28/02/2007 do UBND tỉnh Bình Dương cấp. Kèm theo Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 29/01/2007 của UBND tỉnh Bình Dương V/v Giao đất cho Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt.

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4603000277, đăng ký lần đầu ngày 24/10/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

+ Công văn số 6685/UBND-KTTH ngày 19/12/2006 của UBND tỉnh Bình Dương Về đầu tư xưởng sản xuất của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt.

+ Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 01/GXN-UBND ngày 04/01/2007 của UBND huyện Bến Cát về dự án của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt, tại ấp 1, xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 278/TD-PCCC ngày 21/5/2007 do Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy – Công an tỉnh Bình Dương cấp.

+ Quyết định số 266/QĐ-XP-TTrXD ngày 13/6/2007 và số 267/QĐ-XP-TTrXD ngày 13/6/2007 của Thanh tra xây dựng Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra xây dựng.

Sau khi thẩm định, Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở công trình như sau:

1) Thông tin chung về các công trình thuộc dự án:

a. Tên công trình: Nhà xưởng + Nhà kho.

b. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.

c. Thuộc dự án: Nhà xưởng sản xuất và kinh doanh bao bì giấy từ giấy cuộn, bao bì nhựa, ...

d. Dự kiến tổng mức đầu tư của dự án: 20.000.000.000 đồng.

e. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt.

f. Địa điểm xây dựng: Ấp 1, xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

g. Diện tích đất: 18.752,3m^2.

h. Nhà thầu lập thiết kế cơ sở: Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Gia Anh.

i. Quy mô xây dựng, công suất thiết kế, các thông số kỹ thuật chủ yếu:

i.1/ Nhà xưởng:

- Quy mô: Nhà 01 tầng.
- Diện tích: 3.240m^2.
- Cấu trúc: Móng, cột, đà bằng bê tông cốt thép. Khung cột thép hình tiền chế. Tường xây gạch cao 1,2m bên trên ốp tole. Nền bê tông xoa phẳng. Mái lợp tole. Xà gồ thép hộp. Cửa sắt cuốn.

i.2/ Nhà kho:

- Quy mô: Nhà 01 tầng.
- Diện tích: 2.916m^2.
- Cấu trúc: Móng, cột, đà bằng bê tông cốt thép. Khung cột thép hình tiền chế. Tường xây gạch cao 1,2m bên trên ốp tole. Nền bê tông xoa phẳng. Mái lợp tole. Xà gồ thép hộp. Cửa sắt cuốn.

i.3/ Các hạng mục phụ khác:

Công trình có bố trí nhà bảo vệ, hệ thống cấp điện, thoát nước, phòng cháy chữa cháy.

j. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:

- TCVN 4514-1998: Xí nghiệp công cộng. Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 4604-1988 : Nhà công nghiệp. Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 46-1986: Chống sét cho công trình xây dựng. Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 45-78 : Nền nhà và công trình. Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5575-1991: Kết cấu thép. Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 2737-1995 : Tải trọng và tác động. Tiêu chuẩn thiết kế.

2) **Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở:**

a. Thiết kế cơ sở công trình Nhà xưởng và nhà kho của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt phù hợp với quy hoạch xây dựng.

b. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng trong các giải pháp thiết kế là phù hợp.

c. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn, năng lực hành nghề của cá nhân lập thiết kế cơ sở:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000436 đăng ký lần đầu ngày 04/4/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/6/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
- Kiến trúc sư chủ trì: KTS. Nguyễn Thái Bình. Chứng chỉ hành nghề số BD 0068/TKCT ngày 15/12/2003 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp.
- Kỹ sư chủ trì: KS. Nguyễn Anh Hoằng. Chứng chỉ hành nghề số BD 0126/TKCT- ngày 08/3/2005 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp.
- Kỹ sư điện: KS. Trần Đức Tài. Chứng chỉ hành nghề số BD 0113/TKCT ngày 01/3/2005 do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp.

Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Gia Anh đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, các cá nhân lập thiết kế cơ sở đủ năng lực hành nghề theo quy định.

d. Chỉ giới xây dựng: Tính từ mép đường đất đến chân hạng mục nhà kho là 8m. Các hạng mục công trình còn lại định vị theo mặt bằng tổng thể đã được phê duyệt và theo quy chuẩn xây dựng hiện hành do Nhà nước quy định.

3) **Kết luận:**

a) Thiết kế cơ sở công trình trên đảm bảo các điều kiện để phê duyệt dự án và triển khai các công việc tiếp theo.

b) Đề nghị chủ đầu tư tiếp tục thực hiện các bước theo đúng quy định.

Nơi nhận:
- Như trên.
- UBND h.Bến Cát
- Tổ chức tư vấn.
- Ph.KTKT.
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

Nguyễn Văn Thiều

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG
Số: 2849 /SXD-TĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc
Thủ Dầu Một, ngày 20 tháng 12 năm 2007.

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC DỰ ÁN

Xưởng sản xuất, chế biến gỗ (giai đoạn mở rộng)

Kính gửi: Công ty cổ phần kỹ nghệ Gỗ Việt

- Sở Xây dựng đã nhận được tờ trình số 02/CV ngày 22 tháng 11 năm 2007 của Công ty cổ phần kỹ nghệ Gỗ Việt về việc thẩm định thiết kế cơ sở công trình xưởng sản xuất, chế biến gỗ (giai đoạn mở rộng).

- Căn cứ Quyết định số 179/2006/QĐ-UBND ngày 20/07/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Căn cứ Nghị định 112/2006/NĐ-CP ngày 29/09/2006 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14/02/2007 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn một số nội dung về lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình qui định tại nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 và nghị định số 112/NĐ-CP ngày 29/09/2006 của Chính phủ.

- Căn cứ hồ sơ pháp lý:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00303/CN-2007 ngày 28/02/2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000277 đăng ký lần đầu ngày 24/10/2006 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 704/TD-PCCC ngày 20/11/2007 của phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy - Công an tỉnh Bình Dương cấp.

+ Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 01/GXN-UBND ngày 04/01/2007 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát cấp.

- Căn cứ dự án công trình.
- Căn cứ nhiệm vụ thiết kế cơ sở công trình.
- Căn cứ tài liệu khảo sát địa chất công trình.
- Căn cứ nhiệm vụ, biên bản nghiệm thu thiết kế và khảo sát địa chất.
- Căn cứ hồ sơ thiết kế cơ sở công trình.

1. Sau khi xem xét. Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở công trình như sau:

a) Tên công trình: xưởng sản xuất, chế biến gỗ (giai đoạn mở rộng)

b) Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: công trình dự án cấp III.

c) Thuộc dự án: xưởng sản xuất, chế biến gỗ (giai đoạn mở rộng).

d) Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 8.905.600.000 đồng.

e) Chủ đầu tư: Công ty cổ phần kỹ nghệ Gỗ Việt.

f) Địa điểm xây dựng: Xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

g) Diện tích đất: 18.752,3m^2.

h) Nhà thầu lập thiết kế cơ sở: Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn đầu tư và xây dựng Gia Anh.

i) Quy mô xây dựng, công suất, các thông số kỹ thuật chủ yếu của dự án:

i.1- Nhà xưởng:

- Qui mô: Nhà 1 tầng. Chiều cao đến đỉnh mái 11,8m.
- Diện tích: (40m x 90m) = 3.600m^2.
- Cấu trúc: Móng, cổ cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Xà gồ, cột, khung kèo thép. Mái lợp tole. Cửa kính khung sắt, cửa cuốn. Nền đổ bê tông xoa phẳng.

i.2- Ha tầng:

- Công trình có thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy và thu lôi chống sét.

2. Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở:

a) Thiết kế cơ sở công trình xưởng sản xuất, chế biến gỗ (giai đoạn mở rộng) phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00303/CN-2007 ngày 28/02/2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

b) Các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng trong các giải pháp thiết kế là tiêu chuẩn hiện hành.

c) Hồ sơ pháp lý của nhà thầu lập thiết kế cơ sở:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000436 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 04/04/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25/06/2007. Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn đầu tư và xây dựng Gia Anh đủ điều kiện lập thiết kế cơ sở công trình theo quy định.

d) Hồ sơ pháp lý của nhà thầu lập khảo sát xây dựng:

Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn khảo sát xây dựng tổng hợp H.A.I đủ điều kiện lập khảo sát địa chất công trình theo quy định.

e) Chỉ giới xây dựng: tính từ tim đường đất đến chân hạng mục công trình đầu tiên là 8m, các hạng mục khác định vị theo mặt bằng tổng thể đã được phê duyệt và theo quy chuẩn xây dựng hiện hành do nhà nước quy định.

3. Kết luận:

a) Hồ sơ thiết kế cơ sở công trình trên đủ điều kiện xem xét phê duyệt cùng với dự án đầu tư xây dựng.

b) Đề nghị chủ đầu tư tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo, theo đúng quy định hiện hành.

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

Nguyễn văn Khiêu

Nơi nhận:
- Như trên.
- Tổ chức tư vấn.
- Ph. KTKT.
- Lưu VP.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
THANH TRA SỞ XÂY DỰNG

Số: 266/QĐ-XP-TTrXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thủ Dầu Một, ngày 15 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH CỦA CHÁNH THANH TRA SỞ XÂY DỰNG

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02/7/2002;

Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà;

Căn cứ Quyết định số 3503/QĐ-UBND ngày 01/8/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Thanh tra Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2007/QĐ-UBND ngày 30/01/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Thanh tra Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Biên bản VPHC số: 266 /BB-VPHC ngày 11/6/2007;

Xét nội dung, tính chất vi phạm hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Việt

Địa chỉ: Xã An Sơn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Bằng các hình thức sau:

1. Hình thức phạt chính:

Phạt tiền: 11.000.000 đồng (viết bằng chữ: Mười một triệu đồng) đối với hành vi khởi công xây dựng công trình khi chưa đủ điều kiện khởi công. Hành vi này được quy định tại điểm b, khoản 1, điều 9, Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 của Chính phủ. Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp Việt Nam Singapore II, Huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương . Hạng mục công trình: Nhà xưởng, nhà kho

2. Hình thức phạt bổ sung: không áp dụng.

Điều 2. Các hình thức xử lý: Buộc Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Việt phải xin phép xây dựng theo quy định tại khoản 2, điều 9, Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 của Chính phủ.

Điều 3. Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Việt có trách nhiệm nộp tiền phạt theo điều 1 của Quyết định này tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Dương, đồng thời thi hành nghiêm chỉnh các hình thức xử phạt bổ sung và các hình thức xử lý nêu tại điều 2 của Quyết định này.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được giao Quyết định này nếu Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Việt không tự nguyện thực hiện quyết định này sẽ bị cưỡng chế thi hành.

Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Việt có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết định này theo quy định của Pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Việt chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để chấp hành);
- Kho bạc Nhà nước BD (để thu tiền phạt);
- Giám đốc Sở XD;
- Lưu: TTr (Chi).

CHÁNH THANH TRA

Trần Khắc Thạch

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
THANH TRA SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 267/QĐ-XP-TTrXD

Thủ Dầu Một, ngày 13 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH CỦA CHÁNH THANH TRA SỞ XÂY DỰNG

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02/7/2002;

Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà;

Căn cứ Quyết định số 3503/QĐ-UBND ngày 01/8/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Thanh tra Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2007/QĐ-UBND ngày 30/01/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Thanh tra Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Biên bản VPHC số: 267 /BB-VPHC ngày 11/6/2007;

Xét nội dung, tính chất vi phạm hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Công ty TNHH Cơ khí và xây dựng Hồng Hà

Địa chỉ: Khu 10, phường Phú Hoà, TX Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Bằng các hình thức sau:

1. Hình thức phạt chính:

Phạt tiền: 150.000 đồng (viết bằng chữ: Một trăm năm chục ngàn đồng) đối với hành vi nhận thầu thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng. Hành vi này được quy định tại điểm a, khoản 1, điều 15, Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 của Chính phủ. Địa điểm xây dựng: Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Việt tại Khu công nghiệp Việt Nam Singapore II, Huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương . Hạng mục công trình: Nhà xưởng, nhà kho

2. Hình thức phạt bổ sung: không áp dụng.

Điều 2. Các hình thức xử lý: Không áp dụng

Điều 3. Công ty TNHH Cơ khí và xây dựng Hồng Hà có trách nhiệm nộp tiền phạt theo điều 1 của Quyết định này tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Dương, đồng thời thi hành nghiêm chỉnh các hình thức xử phạt bổ sung và các hình thức xử lý nêu tại điều 2 của Quyết định này.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được giao Quyết định này nếu Công ty TNHH Cơ khí và xây dựng Hồng Hà không tự nguyện thực hiện quyết định này sẽ bị cưỡng chế thi hành.

Công ty TNHH Cơ khí và xây dựng Hồng Hà có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết định này theo quy định của Pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Công ty TNHH Cơ khí và xây dựng Hồng Hà chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để chấp hành);
- Kho bạc Nhà nước BD (để thu tiền phạt);
- Giám đốc Sở XD;
- Lưu: TTr (Chi).

CHÁNH THANH TRA

Trần Khắc Thạch

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
THANH TRA SỞ XÂY DỰNG

Số: 266/QĐ-XP-TTrXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thủ Dầu Một, ngày 13 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH CỦA CHÁNH THANH TRA SỞ XÂY DỰNG

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02/7/2002;

Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà;

Căn cứ Quyết định số 3503/QĐ-UBND ngày 01/8/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Thanh tra Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2007/QĐ-UBND ngày 30/01/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Thanh tra Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Biên bản VPHC số: 266 /BB-VPHC ngày 11/6/2007;

Xét nội dung, tính chất vi phạm hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Việt

Địa chỉ: Xã An Sơn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Bằng các hình thức sau:

1. Hình thức phạt chính:

Phạt tiền: 11.000.000 đồng (viết bằng chữ: Mười một triệu đồng) đối với hành vi khởi công xây dựng công trình khi chưa đủ điều kiện khởi công. Hành vi này được quy định tại điểm b, khoản 1, điều 9, Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 của Chính phủ. Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp Việt Nam Singapore II, Huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương . Hạng mục công trình: Nhà xưởng, nhà kho

2. Hình thức phạt bổ sung: không áp dụng.

Điều 2. Các hình thức xử lý: Buộc Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Việt phải xin phép xây dựng theo quy định tại khoản 2, điều 9, Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 của Chính phủ.

Điều 3. Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Việt có trách nhiệm nộp tiền phạt theo điều 1 của Quyết định này tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Dương, đồng thời thi hành nghiêm chỉnh các hình thức xử phạt bổ sung và các hình thức xử lý nêu tại điều 2 của Quyết định này.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được giao Quyết định này nếu Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Việt không tự nguyện thực hiện quyết định này sẽ bị cưỡng chế thi hành.

Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Việt có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết định này theo quy định của Pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Việt chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để chấp hành);
- Kho bạc Nhà nước BD (để thu tiền phạt);
- Giám đốc Sở XD;
- Lưu: TTr (Chi).

CHÁNH THANH TRA

Trần Khắc Thạch

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 458 /QĐ-STNMT

Bình Dương, ngày 05 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng công suất nhà máy chế biến gỗ từ 58.147,72m^2 lên 84.072,30m^2 (chi tiết ván ghép 42.000 m^3/năm, chi tiết sản phẩm trang trái nội thất 96.000 sản phẩm/năm) tại ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát của Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và hoàn thành phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án nằm ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng công suất nhà máy chế biến gỗ từ 58.147,72m^2 lên 84.072,30m^2 của Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt họp ngày 20 tháng 4 năm 2017 tại Phòng họp Chi cục Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng công suất nhà máy chế biến gỗ từ 58.147,72m^2 lên 84.072,30m^2 tại ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 01/CVMT/2018 ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 27../TTr-CCBVMT ngày30... tháng 01 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng công suất nhà máy chế biến gỗ từ 58.147,72m^2 lên 84.072,30m^2 tại ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (chi tiết ván ghép 42.000 m^3/năm, chi tiết sản phẩm trang trái nội thất 96.000 sản phẩm/năm) của Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt với các nội dung chủ yếu sau đây:

Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1 Vị trí thực hiện: Ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

1.2 Ngành nghề hoạt động: Sản xuất, chế biến gỗ.

1.3 Quy mô, công suất: Chi tiết ván ghép 42.000 m^3/năm; chi tiết sản phẩm trang trí nội thất (bàn, ghế, tủ, giường) 96.000 sản phẩm/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1 Các yêu cầu về xử lý chất thải:

- Tách riêng hệ thống thoát nước mưa, nước thải. Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (k_q=0,6; k_f=1,1) trước khi thải ra môi trường.

- Khí thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) trước khi thải ra môi trường;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT);

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

2.2 Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố:

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

2.3 Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải:

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi

trường: cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Lắp đặt thiết bị quan trắc lưu lượng nước thải theo quy định tại Điều 71 và Điều 72 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

2.4 Các yêu cầu khác:

Khu vực dự án chưa có hạ tầng về thoát nước nên tạm thời Công ty cho nước thải sau xử lý tự thấm, khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước hoặc khi khu vực có hạ tầng về thoát nước thì Công ty phải thực hiện việc tổ chức đấu nối nước thải sau xử lý vào nguồn tiếp nhận theo quy định.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

- Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án nêu tại Điều 1 của Quyết định này và các nội dung về bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Chi cục Bảo vệ môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Xây dựng;
- UBND Tx Bến Cát;
- Chủ dự án;
- Lưu: VT, CCBVMT, Quang5.

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Phạm Danh

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23 /TD-PCCC (.....)

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 07/CV ngày 10/ 01 /2009

của: CÔNG TY CỔPHẦN GỖ VIỆT

Người đại diện là ông/ bà: Nguyễn Văn Nghệ Chức danh Tổng Giám đốc

(1) **Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương**

CHỨNG NHẬN:

(2) NHÀ XƯỞNG 3096 M2

Địa điểm: Xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty Cổphần Gỗ Việt

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH TV-XD Kiến Thành, Cty TNHH PCCC Tiến Hưng

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc
- Kết cấu
- Hệ thống cấp nước chữa cháy

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) Làm tường ngăn cháy đảm bảo diện tích sàn không quá 2600 m2 (9.4). Bố trí ít nhất hai lối thoát nạn kích thước 0,8m x 2m (7.17). Xây bể dự trữ nước chữa cháy đạt 126 m3. Trang bị thêm 01 máy bơm dự phòng có công suất tương đương bơm chính (10.22, 10.24) TC 2622-1995

- Nghiệm thu hệ thống trước khi đưa vào hoạt động (Điều 16) Luật PCCC

Thủ Dầu Một ngày 18 tháng 01 năm 20 10

(4) **TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC**

Lê Anh Việt

Nơi nhận:
- Cục CS PCCC (Báo cáo).
- Công ty Cổphần Gỗ Việt.
- Lưu Phòng CS PCCC Bình Dương.

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
	Các bản vẽ thiết kế kỹ thuật	KT1/4 - 4/4	
		KC1/6 - 6/6	
		PCCC1/2 - 2/2	

CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT PC&CC

Số: 74 /PCCC

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thủ Dầu Một, ngày 09 tháng 4 năm 2010

Kính gửi: Công ty TNHH Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt

Theo công văn của Công ty TNHH Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt về việc nghiệm thu hệ thống cấp nước chữa cháy cho công trình: Nhà xưởng thuộc Công ty TNHH Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt, địa chỉ : xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào hồ sơ đã thẩm duyệt số 23/TD-PCCC ngày 18 tháng 01 năm 2010; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống cấp nước chữa cháy do đại diện các bên liên quan lập ngày 08 tháng 4 năm 2010;

Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy – Công an tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về PCCC đối với hệ thống cấp nước chữa cháy đối với công trình Nhà xưởng thuộc Công ty TNHH Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt với những nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy lắp đặt theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.
- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: Phòng CS PCCC.

TRƯỞNG PHÒNG

CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Thượng tá Lê Anh Việt

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 127/TD-PCCC (.....)

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01/CV ngày 06/6/2011 của: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Người đại diện là ông/ bà: Nguyễn Văn Nghệ Chức danh Tổng giám đốc

(1) **Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương**

CHỨNG NHẬN:

(2) NHÀ XƯỞNG 40M X 86M

Địa điểm: Ấp 1, An Điền, Bến Cát, Bình Dương

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty cổ phần kỹ nghệ Gỗ Việt

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc và xây dựng Vạn Gia

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc
- Kết cấu
- Hệ thống cấp nước chữa cháy
- Hệ thống báo cháy tự động
- Hệ thống chữa cháy tự động

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) ~~Cửa thoát nạn phải mở ra phái ngoài nhà theo mục 7.24 TCVN 2622 - 1995.~~

- Lắp đặt đèn chỉ dẫn lối thoát nạn, đèn chiếu sáng sự cố cho công trình theo mục 7.5 TCVN 2622- 1995.
- Thiết kế, lắp đặt hệ thống điện, chống sét theo đúng tiêu chuẩn hiện hành.
- Tổ chức nghiệm thu hệ thống PCCC trước khi đưa vào sử dụng theo điều 16 Luật PCCC.

Thủ Dầu Một, ngày 24 tháng 6 năm 2011

(4) TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC

Đại tá Lê Anh Việt

Nơi nhận:
- Cục CS PCCC (Báo cáo
- Công ty cổ phần kỹ nghệ Gỗ Việt
- Lưu Phòng CS PCCC Bình Dương

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
	Các bản vẽ thiết kế kỹ thuật	KT01-07/07	
		KC01 - 07/07	
		PCCC01-08/08	

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31/3/2004

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 278 /TD-PCCC (.....)

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 02/CV ngày 16 / 05 / 2007 của: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Người đại diện là ông/bà: DƯƠNG THỊ TỐ TRÂN Chức danh Giám đốc

(1) **Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương.**

CHỨNG NHẬN:

(2) CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Địa điểm: Xã An Điền-Huyện Bến Cát-Tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty cổ phần kỹ nghệ Gỗ Việt

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư &XâyDựng Gia Anh

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

-Kết cấu.

-Kiến trúc.

-Hệ thống chữa cháy vách tường.

-Hệ thống báo cháy tự động.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2

Các yêu cầu kèm theo: (3)

-Lắp đặt thêm đầu báo cháy khói để đảm bảo diện tích bảo vệ đối với quy mô nhà xưởng, nhà kho.Theo điều 6.12 TCVN 5738-2000.

-Nghiệm thu công trình trước khi đưa vào hoạt động.

Thủ Dầu Một, ngày 21 tháng 05 năm 2007

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC

(4) .....

(Ký tên, đóng dấu)

THƯỢNG TÁ : Lê Xuân Việt

Nơi nhận:
- Cục CS PCCC (Báo cáo).
- Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ việt.
- Lưu CS PCCC Bình Dương.

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.
(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.
(4) Chức danh người ký giấy.

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
	Các tài liệu kèm theo gồm:	KC :01/05-05/05	
		KT :01/03-03/03	
		PC :01/02-02/02	

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
Số: 704 /TD-PCCC (.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01/CV ngày 16/ 11 /2007 của: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Người đại diện là ông/ bà: DƯƠNG THỊ TỐ TRÂM Chức danh Giám đốc

(1) **Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Bình Dương**

CHỨNG NHẬN:

(2) NHÀ XƯỞNG 40M X 90M - GIAI ĐOẠN 2

Địa điểm: Ấp 1 - An Điền - Bến Cát - Bình Dương

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH TVĐT XD Gia Anh

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc
- Kết cấu
- Hệ thống chữa cháy vách tường
- Hệ thống báo cháy tự động

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) - Bố trí ít nhất 02 lối thoát nạn loại cửa cánh mở ra ngoài theo hướng thoát nạn, có kích thước nhỏ nhất cho phép 0,8m x 2m (Mục 7). Xây bể dự trữ nước chữa cháy đạt 126 m3 (Mục 10) - TCVN 2622-1995.

- Nghiệm thu trước khi đưa công trình vào hoạt động (Điều 16 Luật PCCC).

Thủ Dầu Một ngày 20 tháng 11 năm 20 07

(4) TL. GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH
TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC

THƯỢNG TÁ : Lê Anh Vinh

Nơi nhận:
- Cục CS PCCC (Báo cáo)
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt
- Lưu Phòng CS PCCC Bình Dương.

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
	Các bản vẽ thiết kế kỹ thuật	TT01	
		KT01/06 - 06/06	
		KC01/06 - 06/06	
		PC01/03 - 03/03	

CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

Số: 241 /PCCC&CNCH

V/v xác nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 12 tháng 9 năm 2011

Kính gửi: Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt

Theo công văn ngày 08 tháng 09 năm 2011 của Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy cho công trình: Hệ thống cấp chữa cháy (nhà xưởng 40m X 86m), hệ thống báo cháy tự động (nhà xưởng 40m X 90m, nhà kho 81m X 36m). Địa chỉ: An Điền, Bến Cát, Bình Dương.

Căn cứ vào hồ sơ đã thẩm duyệt số 287/TD-PCCC ngày 29 tháng 7 năm 2011, 278/TD-PCCC ngày 21 tháng 5 năm 2007, 704/TD-PCCC ngày 20 tháng 11 năm 2007; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 09 tháng 09 năm 2011;

Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy & Cứu nạn cứu hộ – Công an tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy với những nội dung sau:

- Hệ thống cấp chữa cháy (nhà xưởng 40m X 86m), hệ thống báo cháy tự động (nhà xưởng 40m X 90m, nhà kho 81m X 36m)lắp đặt theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: Phòng CS PCCC.

TRƯỞNG PHÒNG

CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG * PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH *

Đại tá Lê Anh Việt

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PCCC TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 112.../TD-PCCC (ĐC...)

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 002/CV.CTY ngày 21.../3.../2014...

của: ...CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT.....

Người đại diện là ông/ bà:.....Nguyễn Văn Nghệ..... Chức danh ....Tổng giám đốc.....

(1).Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

(2).....VĂN PHÒNG.....

Địa điểm: ....Ấp 1, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.....

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện:.....Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt.....

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: ..Công ty TNHH TM- XD PCCC Thăng Long.....

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau: .....

...Hệ thống báo cháy tự động.....

...Hệ thống chữa cháy vách tường.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3)...Xây dựng theo đúng bản vẽ thiết kế....Tổ chức nghiệm thu công..
..trình trước khi đưa vào hoạt động theo Điều 16 Luật PCCC.....

.....

.....

.....

.....

Bình Dương..., ngày ..11...tháng ....4...năm 2014...

(4).....GIÁM ĐỐC.....

Nơi nhận:
- Cục CS PCCC (Báo cáo);
- Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt;
- Lưu: Phòng 2(01);.....
- Lưu: Phòng CS PCCC Thị xã Bến Cát(02).

.....

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

BỘ CÔNG AN
SỞ CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 149 /SCSPCCC-BC

V/v xác nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 09 tháng 6 năm 2014

Kính gửi: Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt

Xét công văn đề nghị số 004/CV.CTY ngày 20 tháng 5 năm 2014 của Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy cho công trình: Văn phòng. Địa chỉ: Xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào hồ sơ thẩm duyệt số 142/TD-PCCC(BC) ngày 11/4/2014; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 30 tháng 5 năm 2014.

Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với những nội dung sau:

- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy vách tường lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt.

- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng theo hướng dẫn và quy định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng 2(1);
- Lưu: Phòng CSPCCC Bến Cát(2).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC T. BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC01
Ban hành kèm theo thông tư số 11/2014/TT-BCA, ngày 12/3/2014

Số: 559/TDPCCC-P2.

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

- Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BCA ngày 12/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 và Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 201114 ngày 20/11/2014 của: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Người đại diện là ông/bà: Nguyễn Văn Nghệ Chức danh: Tổng Giám đốc

CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHỨNG NHẬN:

NHÀ XƯỞNG (36M X 82M) VÀ NHÀ XƯỞNG (50M X 82M)

Địa điểm xây dựng: Ấp 1, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH MTV Hoàng Tiến Minh

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Khoảng cách an toàn PCCC; Giao thông phục vụ chữa cháy;
- Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu;
- Hệ thống chữa cháy bằng nước;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler;

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo Thực hiện các kiến nghị theo công văn số 405 /CSPC&CC-P2 ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương.

Bình Dương, ngày 30 tháng 12 năm 2014
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

Nơi nhận:
- Cục CS PCCC (Báo cáo);
- Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt;
- Phòng Cảnh sát PCCC số 4;
- Lưu: P2(2).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
		TT 01-07	
		KT 01-07	
		KC 01-07	
		PC 01-06	

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC T. BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC01
Ban hành kèm theo thông tư số 11/2014/TT-BCA, ngày 12/3/2014

Số: 296/TDPCCC-...12...

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

- Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BCA ngày 12/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 và Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 01/CV ngày 23 / 8 / 2014 của: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Người đại diện là ông/bà: Nguyễn Văn Nghệ Chức danh: Giám đốc

CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHỨNG NHẬN:

NHÀ XƯỞNG (38X100) SỐ 2

Địa điểm xây dựng: Xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty Cổ phần kỹ nghệ Gỗ Việt

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Cty TNHH MTV Hoàng Tiến Minh;Cty TNHH TMXD-PCCC Thăng Long

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông phục vụ chữa cháy; Giải pháp thoát nạn;
- Khoảng cách an toàn PCCC;
- Hệ thống chữa cháy vách tường;
- Hệ thống báo cháy tự động
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo -Yêu cầu chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các kiến nghị theo công văn hướng dẫn an toàn PCCC số 226 /CSPC&CC-P2 ngày 29 tháng 9 năm 2014.

Nơi nhận:
- Cục CS PCCC (Báo cáo);
- CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
- Lưu CS PCCC S4(1).
- Lưu P2(2).

Bình Dương, ngày 29 tháng 9 năm 2014

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
		TT 01/01	
		KT 01/07-07/07	
		BC 01	
		CC 01	

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 192 /CSPC&CC-P2

Bình Dương, ngày 23 tháng 7 năm 2015

V/v xác nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty Cổ phần kỹ nghệ Gỗ Việt

Xét công văn ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Công ty Cổ phần kỹ nghệ Gỗ Việt về việc nghiệm thu hệ thống PCCC đối với công trình: Nhà xưởng (38m x 100m) số 2, nhà xưởng (36m x 82m). Địa điểm xây dựng: ẤP An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ hồ sơ thẩm duyệt về PCCC số 296/TDPCCC(P2) ngày 29 tháng 9 năm 2014; số 559/TDPCCC-P2 ngày 30 tháng 12 năm 2014; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC ngày 21 tháng 7 năm 2015.

Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với nội dung sau:

- Hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy vách tường, chữa cháy tự động sprinkler lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt.

- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: Phòng CS PC&CC số 4; P2 (TD&KT).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PCCC T. BÌNH DƯƠNG
Số: 405/TD-PCCC (P2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01/CV.CTY ngày 19/11/2013

của: Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt

Người đại diện là ông/ bà: Nguyễn Văn Nghệ Chức danh Tổng giám đốc

(1) **Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương**

CHỨNG NHẬN:

(2) NHÀ XƯỞNG (36M X 88M); NHÀ KHO (36M X 82M)

Địa điểm: ấp 1, xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Cty TNHH MTV XD Bảo Ngọc Anh; Cty TNHH TMDV PCCC Thăng Long

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc
- Kết cấu
- Hệ thống cấp nước chữa cháy
- Hệ thống báo cháy tự động
- Hệ thống chữa cháy tự động

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) Bể nước chữa cháy có khối tích không nhỏ hơn 442,8m3 tính toán theo căn cứ quy định tại mục 10 TCVN 2622: 1995 và mục 6.4 TCVN 7336: 2003.

- Tổ chức kiểm tra an toàn PCCC trong quá trình thi công và nghiệm thu công trình trước khi đưa vào sử dụng theo quy định tại Điều 16 Luật PCCC./.

Bình Dương, ngày 03 tháng 12 năm 2013

(4) **GIÁM ĐỐC**

Đại tá Lê Anh Việt

Nơi nhận:
- Cục CS PCCC (Báo cáo);
- Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt;
- Lưu: Phòng 2 (2).

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
	Các bản vẽ thiết kế kỹ thuật:	TT	
		BC01/03-03/03	
		CC01/05-05/05	
		KT	

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 190/CSPC&CC-P2

V/v xác nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 23 tháng 7 năm 2014

Kính gửi: Công ty cổ phần kỹ nghệ Gỗ Việt

Xét công văn đề nghị số 10/CVNT ngày 17 tháng 6 năm 2014 của Công ty cổ phần kỹ nghệ Gỗ Việt về việc nghiệm thu hệ thống PCCC đối với công trình: Nhà xưởng (36m x 88m), nhà kho (36m x 82m). Địa điểm xây dựng: Ấp 1, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ hồ sơ đã thẩm duyệt về PCCC số 405/TD-PCCC(P2) ngày 03 tháng 12 năm 2013; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 19 tháng 7 năm 2014,

Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt.

- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: Phòng 2 (TH, KT).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC T. BÌNH DƯƠNG

Số: 215/TD-PCCC-P2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 01/CV ngày 14/3/2016 của: Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt

Người đại diện là ông/bà: Nguyễn Văn Nghệ Chức danh: Tổng Giám đốc

CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHỨNG NHẬN:

Công trình: NHÀ XƯỞNG (40M X 85M)

Địa điểm xây dựng: Ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH MTV Hoàng Tiến Minh

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Khoảng cách an toàn PCCC, giao thông phục vụ chữa cháy;
- Điều kiện thoát nạn;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy (vách tường, ngoài nhà);
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Bình Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2016.

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

Nơi nhận:
- Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt;
- Lưu: Phòng CS PCCC số 4 (KT);
- Lưu: Phòng 2 (TH, TDKT).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
	Các bản vẽ thiết kế kỹ thuật:	KT 01-05/05	
		KC 04-07/07	
		TT 01/07	
		PC 01-07/07	

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 339/CSPCCC-S4

V/v xác nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 07 tháng 10 năm 2016

Kính gửi: Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt

Xét công văn đề nghị ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy cho công trình: Xưởng (40Mx85M). Địa điểm xây dựng: Ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào hồ sơ thẩm duyệt số 215/TD-PCCC-P2 ngày 22/3/2016; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 04 tháng 10 năm 2016.

Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với những nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt.
- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng theo hướng dẫn và quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng 2(1);
- Lưu: Phòng CSPCCC Số 4(2).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC T. BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

Số: 641/TD-PCCC-...P2.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số Đơn ngày 29/ 8 /2016 của: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Người đại diện là ông/bà: Nguyễn Văn Nghệ Chức danh: Giám đốc

CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHỨNG NHẬN:

Công trình: NHÀ XƯỞNG (90M X 50M), NHÀ XƯỞNG (50M X 46,8M)

Địa điểm xây dựng: Ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty Cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH MTV Hoàng Tiến Minh

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông phục vụ chữa cháy;
- Khoảng cách PCCC; Điều kiện thoát nạn;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2

Bình Dương, ngày 30 tháng 8 năm 2016

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt
- Phòng CS PCCC số 4;
- Lưu: P2 (TDKT);

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
		TT 01/08; 06/08	
		KT 01/07-07/07	
		KT 01/05-05/05	
		KC 01/06-05/06	
		PC 01/08-08/08	
		PC 01/06-06/06	

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 318 /CSPCCC-S4

V/v xác nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 31 tháng 8 năm 2017

Kính gửi: Công ty Cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt.

Xét đơn đề nghị ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Công ty Cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy cho công trình: Nhà xưởng (90m x 50m), nhà xưởng (50m x 46,8m). Địa điểm xây dựng: Ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào hồ sơ thẩm duyệt số 641/TD-PCCC-P2 ngày 30/8/2016; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 27 tháng 8 năm 2017.

Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với những nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt.
- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng theo hướng dẫn và quy định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng 2(1);
- Lưu: Phòng CSPCCC Số 4(2).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CẢNH SÁT P.C VÀ C.C T. BÌNH DƯƠNG

Anh Việt

BỘ CÔNG AN
CS PCCC T. BÌNH DƯƠNG

Số: 173 /TD-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ...01/CV.. ngày ..06 /.3.. / 2018.. của: .....Công ty CP kỹ nghệ gỗ Việt.....

Người đại diện là Ông/Bà:...Nguyễn Văn Nghệ..... Chức danh:Tổng Giám đốc.. ..

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỨNG NHẬN:

.....NHÀ XƯỞNG 15 (53,2M X 76M).....

Địa điểm xây dựng: Ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện:Công ty CP kỹ nghệ gỗ Việt.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH Hoàng Tiến Minh & Công ty TNHH Ha Vi

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa; khoảng cách an toàn PCCC;.....
- Giao thông chữa cháy; điều kiện thoát nạn;.....
- Hệ thống cấp nước chữa cháy (trong nhà, ngoài nhà);.....
- Hệ thống báo cháy tự động;.....
- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler; màn nước ngăn cháy.....

.....

.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2018

GIÁM ĐỐC

CÔNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CẢNH SÁT PC VÀ C.C.T.BÌNH DƯƠNG

Đại tá Nguyễn Văn Dực

Nơi nhận:
- Công ty CP kỹ nghệ gỗ Việt;
- Phòng CSPCCC Số 4;
- Lưu: VT, Phòng 2 (TDKT).

DANH MỤC TÀI LIỆU BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
01	Các bản vẽ kiến trúc kết cấu	TT 02, 03, 07/07; KT 01 đến 06/06; KC 03 đến 05/10	
02	Các bản vẽ thiết kế PCCC	TT 01 đến 04/04; PC 01 đến 08	
03	Tập thuyết minh thiết kế PCCC		

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 209/CSPC&CC-S4

Bình Dương, ngày 01 tháng 6 năm 2018

V/v xác nhận nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty Cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt

Xét đơn đề nghị ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Công ty Cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy cho công trình: Nhà xưởng 15 (53,2m x 76m). Địa điểm xây dựng: Ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào hồ sơ thẩm duyệt số 173/TD-PCCC ngày 20/3/2018; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 26 tháng 5 năm 2018.

Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với nội dung sau:

- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy (trong nhà, ngoài nhà), hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, màn nước ngăn cháy lắp đặt theo đúng thiết kế được duyệt.

- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng 2;
- Lưu: VT, Phòng CSPC&CCS4(KT).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CẢNH SÁT PC VÀ CC TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đại tá Nguyễn Văn Dự

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1577 /GPXD-SXD

Bình Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2014

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT.

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 1, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3700756534, đăng ký lần đầu ngày 24/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 03/01/2012 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

2. Được phép xây dựng các hạng mục công trình Nhà xưởng của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt.

- Tên công trình: Nhà xưởng.

- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: TT(01-07); KT(01-07); KC(01-07); PC(01-06); CS(01-02); TN (01-03), Đ(01-02).

- Do: Công ty TNHH Một thành viên Hoàng Tiến Minh lập.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Xây dựng Tân Bình Phú.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng công trình: Thửa số 239; tờ bản đồ số 41; tại xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

+ Mật độ xây dựng: 52,14%, hệ số sử dụng đất: 0,52.

+ Chỉ giới xây dựng được cấp: Định vị hạng mục công trình theo mặt bằng tổng thể.

Các hạng mục công trình gồm:

- Nhà xưởng (38 x 100): Xưởng 9.

+ Diện tích xây dựng: 3.800m^2.

+ Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,3m.

+ Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): +13,86m; Số tầng: 01 tầng.

+ Cấu trúc: Móng, cổ cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch sơn nước, phía trên khung thép ốp tôn. Cột, khung kèo, xà gồ thép. Mái lợp tôn. Cửa sắt cuốn.

- Các hạng mục khác: Công trình có sơ đồ đấu nối điện, thoát nước, phòng cháy chữa cháy và thu lôi chống sét.

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 617019 (số vào sổ cấp GCN: CT06577)

ngày 02/01/2014, do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty Cổ phần kỹ nghệ Gỗ Việt. Diện tích 7.287m^2; Mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (SKC). Thời hạn sử dụng đất đến ngày 29/01/2056.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

Nguyễn Lộc Hà

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, Thg.

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng

---

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày ..... tháng ..... năm .....

GIÁM ĐỐC

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 115 /GP-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 25 tháng 10 năm 2024

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Gia hạn giấy phép lần 1)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 2800/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước cho một số trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác nước dưới đất ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản tại tờ trình số 3331../TTr-TNNKS ngày 23 tháng 10 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt; địa chỉ: khu phố An Sơn, phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương khai thác nước dưới đất với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Công trình khai thác nước dưới đất của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt;

2. Mục đích sử dụng: sinh hoạt, sản xuất và tưới cây xanh;

3. Vị trí công trình khai thác nước: khu phố An Sơn, phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương;

4. Tầng chứa nước: Pleistocen dưới;

5. Tổng số giếng khoan khai thác: 01 giếng;

6. Tổng lượng nước khai thác: 130 m^3/ngày đêm;

7. Thời hạn khai thác: 3 năm, kể từ ngày 22/01/2025;

8. Số ngày khai thác trong năm: 365 ngày/năm;

9. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác nước dưới đất là không nhỏ hơn 20m tính từ miệng giếng;

10. Bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của giếng khoan cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ (VN 2000)		Đường kính giếng (mm)	Lưu lượng (m^3/ ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ ngày đêm)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Mực nước động cho phép (m)
	X	Y				Từ	Đến	
G1	12.22.625	06.72.018	140	130	10	50	58	30,00

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

2. Thực hiện việc quan trắc, giám sát tài nguyên nước theo quy định tại Điều 92 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, cụ thể như sau:

a. Thông số giám sát gồm:

- Lưu lượng khai thác;

- Mực nước trong giếng khai thác;

- Chất lượng nước.

b. Hình thức giám sát: thực hiện giám sát định kỳ.

c. Chế độ giám sát:

- Đối với lưu lượng và mực nước: không quá 24 giờ 01 lần và phải cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát trước 10 giờ sáng hôm sau;

- Đối với chất lượng nước: hai (02) lần/năm. Một lần vào mùa mưa (tháng 9); một lần vào mùa khô (tháng 2), đồng thời phải thực hiện cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát không quá 05 ngày kể từ ngày có kết quả phân tích. Các thông số quan trắc pH, NO_3^-, NH_4^+, Chỉ số permanganat, TDS, Độ cứng, As, Cl^-, NO^-_2, F^-, SO_4^{2-}, Cd, CN^-, Hg, Pb, Cr, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Se, Phenol, Benzene, Toluene, Xylene, Tổng Coliform, E. Coli theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm QCVN 09:2023/BTNMT.

3. Thực hiện đúng quy định về phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác nước dưới đất như quy định tại Khoản 8 Mục I của Tờ trình. Trong phạm vi trên không được thực hiện các hoạt động phát sinh nguồn gây ô nhiễm;

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước;

6. Thực hiện báo cáo hoạt động khai thác nước dưới đất hàng năm gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo;

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương, cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống tài nguyên nước quốc và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

8. Sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm.

9. Nộp thuế tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế giấy phép khai thác nước dưới đất số 24/GP-STNMT ngày 24 tháng 01 năm 2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp. Chậm nhất 45 ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt còn tiếp tục khai thác nước dưới đất với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Việt;
- UBND Tp Bến Cát;
- Cục thuế tỉnh;
- Lưu: VT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Ngọc Thúy

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3843 /STNMT-TNNKS&KTTV
V/v xả nước thải vào nguồn nước

Bình Dương, ngày 19 tháng 11 năm 2015

Kính gửi : Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được công văn của Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt. Địa chỉ: ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương về việc cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước

Ngày 24/9/2015 Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hiện trạng việc xả nước thải của Công ty, kết quả kiểm tra như sau:

Ngành nghề công ty: chế biến gỗ; tổng số công nhân viên lớn nhất 700 người; tổng nhu cầu sử dụng nước theo sổ theo dõi lưu lượng sử dụng nước từ ngày 01/01/2015 – 24/9/2015 thì lưu lượng khai thác sử dụng nước trung bình 60 m^3/ngày đêm, lưu lượng xả thải theo ước tính khoảng 46m^3/ngày đêm.

Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 46m^3/ngày đêm theo quy trình như sau:

- Nước thải sản xuất từ quá trình rửa thiết bị ép keo, được thu gom về hệ thống xử lý theo quy trình: nước thải chứa keo → thiết bị keo tụ, tạo bông → lắng hóa lý → bể điều hòa chung với nước thải sinh hoạt.

- Nước thải sinh hoạt → bể thu gom → bể điều hòa → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → lọc áp lực → tự thấm

Nước thải sau xử lý được cho tự thấm vào khu đất trống trong khuôn viên công ty. Hiện tại, khu vực công ty chưa hệ thống thoát nước chung, không gần sông suối kênh rạch, vị trí công ty cách hệ thống thoát nước của đường ĐT748 khoảng 600m.

Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Căn cứ Khoản 3 Điều 9 của Luật Tài nguyên nước 2012 thì hành vi xả nước thải vào lòng đất là hành vi bị nghiêm cấm. Do đó, để thực hiện đúng quy định về Luật tài nguyên nước 2012 và bảo vệ tầng chứa nước dưới đất tránh bị ô nhiễm do hoạt động xả nước thải cho tự thấm vào đất, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt phải thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi xả ra môi trường. Ngay khi khu vực có hệ thống thoát nước chung, đề nghị Công ty liên hệ chủ đầu tư cơ sở hạ tầng để đấu nối việc thoát nước thải vào cống thoát nước chung trong khu vực, không cho nước thải tự thấm vào đất. Sau đó, tiến hành lập thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, chuyển đến Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ Việt biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TNNKS&KTTV,2.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Ngô Quang Sự

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
VIETWOOD INDUSTRIES J.S.C
Đ/c: Thửa đất 358, tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, TX. Bến Cát, T.Bình Dương
Điện thoại: 0274 3554012 Fax: 0274 3554013

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

NĂM 2023

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Stt	Tháng 01../2023 Ngày	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Tổng lưu lượng (m^3)	Người theo dõi
1	1	11229	11244	15	Nghỉ tết
2	2	11244	11322	78	
3	3	11322	11397	75	
4	4	11397	11470	73	
5	5	11470	11544	74	
6	6	11544	11614	70	
7	7	11614	11679	65	
8	8	11679	11689	10	CN. nghỉ
9	9	11689	11756	67	
10	10	11756	11821	65	
11	11	11821	11881	60	
12	12	11881	11944	63	
13	13	11944	11990	46	
14	14	11990			
15	15				
16	16				
17	17				
18	18				
19	19				
20	20				
21	21				
22	22			372	Nghỉ Tết Nguyên Đán
23	23				
24	24				
25	25				
26	26				
27	27				
28	28				
29	29				
30	30				
31	31		12362		
CỘNG					

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Stt	Tháng 2.../2023 Ngày	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Tổng lưu lượng (m^3)	Người theo dõi
1	1	12362	12428	66	
2	2	12428	12495	67	
3	3	12495			
4	4			75	Nghỉ (06 tấn)
5	5		12570		
6	6	12570	12630	60	
7	7	12630	12686	56	
8	8	12686	12743	57	
9	9	12743			x6 hàm
10	10				Trên cây 1
11	11			133	
12	12		12876		
13	13	12876	12934	58	
14	14	12934	13004	70	
15	15	13004	13069	65	
16	16	13069			
17	17			113	
18	18				
19	19		13182		
20	20	13182	13238	56	
21	21	13238	13297	59	
22	22	13297	13357	60	
23	23	13357			
24	24				x1-7-5-6
25	25				hàm
26	26			272	
27	27				
28	28		13629		
29	29				
30	30				
31	31				
CỘNG					

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Stt	Tháng 3../2023 Ngày	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Tổng lưu lượng (m^3)	Người theo dõi
1	1	13629	13701	72	
2	2	13701	13774	73	
3	3	13774	13847	73	
4	4	13847	13907	60	
5	5	13907	13915	8	CN
6	6	13915	13965	50	
7	7	13965	14023	58	
8	8	14023	14084	61	
9	9	14084	14150	66	
10	10	14150	14209	59	
11	11	14209	14278	69	
12	12	14278	14286	8	CN
13	13	14286	14338	52	
14	14	14338	14389	51	
15	15	14389	14439	50	
16	16	14439	14490	51	
17	17	14490	14540	50	
18	18	14540	14600	60	
19	19	14600	14609	9	CN
20	20	14609	14665	56	
21	21	14665	14718	53	
22	22	14718	14774	56	
23	23	14774	14825	51	
24	24	14825	14880	55	
25	25	14880	14937	57	
26	26	14937	14947	10	CN
27	27	14947	15010	63	
28	28	15010	15074	64	
29	29	15074	15136	62	
30	30	15136	15189	53	
31	31	15189	15247	54	
CỘNG				1814	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Stt	Tháng 1../2023 Ngày	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Tổng lưu lượng (m^3)	Người theo dõi
1	1	15243	15304	61	
2	2	15304	15314	10	
3	3	15314	15370	56	
4	4	15370	15429	59	
5	5	15429	15486	57	
6	6	15486	15550	64	
7	7	15550	15610	60	
8	8	15610	15676	66	
9	9	15676	15686	10	
10	10	15686	15746	60	
11	11	15746	15796	50	
12	12	15796	15851	55	
13	13	15851	15901	50	
14	14	15901	15961	60	
15	15	15961	16021	60	
16	16	16021	16031	10	
17	17	16031	16076	45	
18	18	16076	16123	47	
19	19	16123	16174	51	
20	20	16174	16222	48	
21	21	16222	16275	53	
22	22	16275	16335	60	
23	23	16335	16345	10	
24	24	16345	16400	55	
25	25	16400	16419	19	
26	26	16419	16500	51	
27	27	16500	16552	52	
28	28	16552	16612	60	
29	29	16612	16621	9	
30	30	16621	16629	8	
31	31			1386	
CỘNG					

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Stt	Tháng 5.../2023 Ngày	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Tổng lưu lượng (m^3)	Người theo dõi
1	1	16629	16637	8	
2	2	16637	16646	9	Lê
3	3	16646	16654	8	
4	4	16654	16704	50	
5	5	16704	16760	56	
6	6	16760	16818	58	
7	7	16818	16826	8	CV
8	8	16826	16913	87	Tăng ca 2h
9	9	16913	17002	89	
10	10	17002	17087	85	
11	11	17087	17171	84	
12	12	17171	17258	87	
13	13	17258	17327	69	
14	14	17327	17337	10	
15	15	17337	17404	67	
16	16	17404	17461	57	
17	17	17461	17522	61	
18	18	17522	17594	72	
19	19	17594	17655	61	
20	20	17655	17724	69	
21	21	17724	17732	8	CV. ốm
22	22	17732	17793	61	
23	23	17793	17853	60	
24	24	17853	17911	58	
25	25	17911	17970	59	
26	26	17970	18034	64	
27	27	18034	18087	53	
28	28	18087	18095	8	
29	29	18095	18154	59	
30	30	18154	18211	57	
31	31	18211	18266	55	
CỘNG				1637	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Stt	Tháng 6..../2023 Ngày	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Tổng lưu lượng (m^3)	Người theo dõi
1	1	18266	18310	44	
2	2	18310	18354	44	
3	3	18354	18405	51	
4	4	18405	18413	8	
5	5	18413	18463	50	
6	6	18463	18508	45	
7	7	18508	18554	46	
8	8	18554	18607	53	
9	9	18607	18660	53	
10	10	18660	18712	52	
11	11	18712	18722	10	
12	12	18722	18767	45	
13	13	18767	18818	51	
14	14	18818	18868	50	
15	15	18868	18912	44	
16	16	18912	18962	50	
17	17	18962	19017	55	
18	18	19017	19025	8	
19	19	19025	19082	57	
20	20	19082	19131	49	
21	21	19131	19181	50	
22	22	19181	19232	501	
23	23	19232	19279	47	
24	24	19279	19334	55	
25	25	19334	19342	8	CN
26	26	19342	19395	53	
27	27	19395	19447	52	
28	28	19447	19498	51	
29	29	19498	19544	46	
30	30	19544	19588	44	
31	31				
CỘNG				1322	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Stt	Tháng 7../2023 Ngày	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Tổng lưu lượng (m^3)	Người theo dõi
1	1	19588	19636	48	
2	2	19636	19644	8	CN
3	3	19644	19690	46	
4	4	19690	19736	46	
5	5	19736	19779	43	
6	6	19779	19821	42	
7	7	19821	19866	45	
8	8	19866	19912	46	
9	9	19912	19919	7	CN
10	10	19919	19966	47	
11	11	19966	20007	41	
12	12	20007	20053	46	
13	13	20053	20095	42	
14	14	20095	20144	49	
15	15	20144	20189	45	
16	16	20189	20197	8	CN
17	17	20197	20235	38	
18	18	20235	20272	37	
19	19	20272	20308	36	
20	20	20308	20349	41	
21	21	20349	20393	44	
22	22	20393	20434	41	
23	23	20434	20442	8	CN
24	24	20442	20490	48	
25	25	20490	20532	42	
26	26	20532	20572	40	
27	27	20572	20613	41	
28	28	20613	20656	43	
29	29	20656	20696	40	
30	30	20696	20704	8	CN
31	31	20704	20741	37	
CỘNG				~~340~~ 1153	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Stt	Tháng 8.../2023 Ngày	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Tổng lưu lượng (m^3)	Người theo dõi
1	1	20741	20792	51	
2	2	20792	20834	42	
3	3	20834	20871	37	
4	4	20871	20921	50	
5	5	20921	20965	44	
6	6	20965	20973	8	CN
7	7	20973	21024	51	
8	8	21024	21074	50	
9	9	21074	21119	45	
10	10	21119	21163	44	
11	11	21163	21170	7	cúp điện (cả ngày)
12	12	21170	21210	40	
13	13	21210	21218	8	CN
14	14	21218	21258	40	
15	15	21258	21303	45	
16	16	21303	21342	39	
17	17	21342	21379	37	
18	18	21379	21421	42	
19	19	21421	21465	44	
20	20	21465	21473	8	CN
21	21	21473	21513	40	
22	22	21513	21549	36	
23	23	21549	21587	38	
24	24	21587	21625	38	
25	25	21625	21661	36	
26	26	21661	21696	35	
27	27	21696	21704	8	CN
28	28	21704	21740	36	
29	29	21740	21778	38	
30	30	21778	21813	35	
31	31	21813	21857	44	
CỘNG				1112	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Stt	Tháng 09./2023 Ngày	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Tổng lưu lượng (m^3)	Người theo dõi
1	1	21853	21893	40	
2	2	21893	21907	10	Nghỉ lễ
3	3	21903	21913	10	
4	4	21913	21923	10	
5	5	21923	21967	44	
6	6	21967	22009	42	
7	7	22009	22056	47	
8	8	22056	22106	50	
9	9	22106	22111	5	CN
10	10	22111	22154	43	
11	11	22154	22203	49	
12	12	22203	22242	39	
13	13	22242	22285	43	
14	14	22285	22326	41	
15	15	22326	22376	50	
16	16	22376	22428	52	
17	17	22428	22438	10	CN
18	18	22438	22486	48	
19	19	22486	22539	53	
20	20	22539	22593	54	
21	21	22593	22637	44	
22	22	22637	22680	43	
23	23	22680	22730	50	
24	24	22730	22738	8	CN
25	25	22738	22789	51	
26	26	22789	22833	44	
27	27	22833	22872	39	
28	28	22872	22910	38	
29	29	22910	22953	43	
30	30	22953	22993	40	
31	31			1140	
CỘNG					

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Stt	Tháng 10/2023 Ngày	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Tổng lưu lượng (m^3)	Người theo dõi
1	1	22993	23001	8	CN
2	2	23001	23039	38	
3	3	23039	23086	47	
4	4	23086	23129	43	
5	5	23129	23172	43	
6	6	23172	23217	45	
7	7	23217	23264	47	
8	8	23264	23272	8	CN
9	9	23272	23320	48	
10	10	23320	23364	44	
11	11	23364	23406	42	
12	12	23406	23451	45	
13	13	23451	23495	44	
14	14	23495	23541	46	
15	15	23541	23549	8	CN
16	16	23549	23592	43	
17	17	23592	23635	43	
18	18	23635	23680	45	
19	19	23680	23722	42	
20	20	23722	23763	41	
21	21	23763	23808	45	
22	22	23808	23816	8	CN
23	23	23816	23863	47	
24	24	23863	23911	48	
25	25	23911	23960	49	
26	26	23960	24005	45	
27	27	24005	24049	44	
28	28	24049	24089	40	
29	29	24089	24097	8	CN
30	30	24097	24130	47	
31	31	24130	24182	42	
CỘNG				1189	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Stt	Tháng 11../2023 Ngày	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Tổng lưu lượng (m^3)	Người theo dõi
1	1	24182	24232	50	
2	2	24232	24277	45	
3	3	24277	24324	47	
4	4	24324	24374	50	
5	5	24374	24382	8	CN
6	6	24382	24434	52	
7	7	24434	24485	51	
8	8	24485	24538	53	
9	9	24538	24586	48	
10	10	24586	24634	48	
11	11	24634	24686	52	
12	12	24686	24690	8	CN
13	13	24690	24749	55	
14	14	24749	24802	53	
15	15	24802	24848	46	
16	16	24848	24899	51	
17	17	24899	24947	48	
18	18	24947	25005	58	
19	19	25005	25013	8	
20	20	25013	25056	43	
21	21	25056	25103	47	
22	22	25103	25154	51	
23	23	25154	25197	43	
24	24	25197	25240	46	
25	25	25240	25289	49	
26	26	25289	25297	8	CN
27	27	25297	25343	46	
28	28	25343	25397	54	
29	29	25397	25441	44	
30	30	25441	25490	49	
31	31			1311	
CỘNG					

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Stt	Tháng 12../2023 Ngày	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Tổng lưu lượng (m^3)	Người theo dõi
1	1	25190	25243	53	
2	2	25243	25298	55	
3	3	25298	25606	8	CN
4	4	25606	25664	58	
5	5	25664	25724	60	
6	6	25724	25786	62	
7	7	25786	25842	56	
8	8	25842	25890	48	
9	9	25890	25936	46	
10	10	25936	25944	8	CN
11	11	25944	25996	52	
12	12	25996	26049	53	
13	13	26049	26101	52	
14	14	26101	26154	53	
15	15	26154	26212	58	
16	16	26212	26268	56	
17	17	26268	26276	8	CN
18	18	26276	26330	54	
19	19	26330	26384	54	
20	20	26384	26429	45	
21	21	26429	26475	46	
22	22	26475	26525	50	
23	23	26525	26575	50	
24	24	26575	26583	8	CN
25	25	26583	26635	52	
26	26	26635	26687	52	
27	27	26687	26735	48	
28	28	26735	26785	50	
29	29	26785	26832	47	
30	30	26832	26886	54	
31	31	26886	26894	8	CN
CỘNG				1414	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Stt	Tháng ..5../2024	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Tổng lưu lượng (m^3)	Người theo dõi
	Ngày				
1	1	28958	29005	47	Thoy
2	2	29005	29051	46.	Thoy
3	3	29051	29059	8.	CN.
4	4	29059	29111.	52	Thoy
5	5	29111	29154.	43	Thoy
6	6	29154	29200	46	Thoy
7	7	29200	29243	43	Thoy
8	8	29243	29287	44	Thoy
9	9	29287	29327	40	Thoy
10	10	29327	29335	8	CN
11	11	29335	29383	48	Thoy
12	12	29383	29430	47	Thoy
13	13	29430	29471	41	Thoy
14	14	29471.	29516	45	Thoy
15	15	29516	29564	48	Thoy
16	16	29564	29614	50	Thoy
17	17	29614	29622	8	CN
18	18	29622	29675	53.	Thoy
19	19	29675	29722	47	Thoy
20	20	29722.	29768	46	Thoy
21	21	29768	29817	49	Thoy
22	22	29817	29862	45	Thoy
23	23	29862	29906	44	Thoy
24	24	29906	29914	8	CN
25	25	29914	29957	43.	Thoy
26	26	29957	30005	48	Thoy
27	27	30005	30050	45	Thoy
28	28	30050	30093	43	Thoy
29	29	30093	30135	42	Thoy
30	30	30135	30181	46	Thoy
31	31	30181	30189	8	CN
CỘNG				1231 M^3	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Stt	Tháng 4../2024 Ngày	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Tổng lưu lượng (m^3)	Người theo dõi
1	1	30189	30226	37	Thọm
2	2	30226	30262	36	Thọm
3	3	30262	30297	35	Thọm
4	4	30297	30336	39	Thọm
5	5	30336	30377	41	Thọm
6	6	30377	30417	40	Thọm
7	7	30417	30426	9	CN
8	8	30426	30464	38	phương
9	9	30464	30505	41	phương
10	10	30505	30549	44	phương
11	11	30549	30590	41	phương
12	12	30590	30630	40	phương
13	13	30630	30638	38	✓ phương
14	14	30638	30676	8	CN
15	15	30676	30719	43	phương
16	16	30719	30757	38	phương
17	17	30757	30801	44	phương
18	18	30801	30840	39	phương
19	19	30840	30883	43	phương
20	20	30883	30925	42	phương
21	21	30925	30934	9	CN
22	22	30934	30978	44	phương
23	23	30978	31020	42	phương
24	24	31020	31062	42	phương
25	25	31062	31106	44	phương
26	26	31106	31151	45	phương
27	27	31151	31195	44	phương
28	28	31195	31204	9	Nghỉ lễ
29	29	31204			
30	30				
31	31				
CỘNG	24 ngày			1.015 m^3	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Stt	Tháng 5../2024 Ngày	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Tổng lưu lượng (m^3)	Người theo dõi
1	1				
2	2	31204	31288	84	phương
3	3	31288	31324	36	phương
4	4	31324	31363	39	phương
5	5	31363	31371	8	CN
6	6	31371	31411	40	phương
7	7	31411	31455	44	phương
8	8	31455	31496	41	phương
9	9	31496	31539	43	phương
10	10	31539	31583	44	phương
11	11	31583	31625	42	phương
12	12	31625	31635	10	CN
13	13	31635	31675	40	phương
14	14	31675	31718	43	phương
15	15	31718	31762	44	phương
16	16	31762	31802	40	phương
17	17	31802	31821	36	phương
18	18	31821	31859	38	phương
19	19	31859	31868	9	phương
20	20	31868	31909	41	phương
21	21	31909	31945	36	phương
22	22	31945	31974	29	phương
23	23	31974	32018	44	phương
24	24	32018	32058	40	phương
25	25	32058	32100	42	phương
26	26	32100	32108	8	phương
27	27	32108	32151	43	phương
28	28	32151	32191	40	phương
29	29	32191	32230	39	phương
30	30	32230	32270	40	phương
31	31	32270	32312	42	phương
CỘNG	26 ngày			1125	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Stt	Tháng 6../2024 Ngày	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Tổng lưu lượng (m^3)	Người theo dõi
1	1	32312	32354	42	phương
2	2				CN
3	3	32354	32397	43	phương
4	4	32397	32438	41	phương
5	5	32438	32474	36	phương
6	6	32474	32508	34	phương
7	7	32508	32540	32	phương
8	8				CN
9	9	32540	32578	38	phương
10	10	32578	32612	34	phương
11	11	32612	32647	35	phương
12	12	32647	32683	36	phương
13	13	32683	32717	34	phương
14	14	32717	32749	32	phương
15	15	32749	32801	52	phương
16	16		~~32801~~	~~52~~	CN
17	17	32801	32838	~~37~~	phương
18	18	32838	32881	43	phương
19	19	32881	32927	46	phương
20	20	32927	32965	38	phương
21	21	32965	33003	38	phương
22	22	33003	33051	48	phương
23	23				CN
24	24	33051	33088	37	phương
25	25	33088	3125	37	phương
26	26	33125	33162	37	phương
27	27	33162	33198	36	phương
28	28	~~33198~~	33233	35	phương
29	29	33233	33281	48	phương
30	30				
31	31				
CỘNG 25 ngày				969 m^3	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Stt	Tháng 01./2024 Ngày	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Tổng lưu lượng (m^3)	Người theo dõi
1	1	26894	26902	08	Lê
2	2	26902	26962	60	Thắng
3	3	26962	27016	54	Thắng
4	4	27016	27074	58	Thắng
5	5	27074	27133	59	Thắng
6	6	27133	27186	53	Thắng
7	7	27186	27194	8	CN
8	8	27194	27250	56	Thắng
9	9	27250	27299	49	Thắng
10	10	27299	27350	51	Thắng
11	11	27350	27398	48	Thắng
12	12	27398	27449	51	Thắng
13	13	27449	27489	40	Thắng
14	14	27489	27497	8	CN
15	15	27497	27554	57	Thắng
16	16	27554	27607	53	Thắng
17	17	27607	27647	40	Thắng
18	18	27647	27697	50	Thắng
19	19	27697	27745	48	Thắng
20	20	27745	27792	47	Thắng
21	21	27792	27800	8	CN
22	22	27800	27851	51	Thắng
23	23	27851	27897	46	Thắng
24	24	27897	27951	54	Thắng
25	25	27951	28004	53	Thắng
26	26	28004	28051	47	Thắng
27	27	28051	28100	49	Thắng
28	28	28100	28108	8	CN
29	29	28108	28150	42	Thắng
30	30	28150	28195	45	Thắng
31	31	28195	28240	45	Thắng
CỘNG				1.346 m^3	

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

BẢNG THEO DÕI LƯU LƯỢNG NƯỚC KHAI THÁC

Tháng 2.../2024 Ngày	Chỉ số đầu	Chỉ số cuối	Tổng lưu lượng (m^3)	Người theo dõi
1	28240	28291	51	Thong
2	28291	28331	40	Thong
3	28331			
4				Thong
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11			119	
12			Nghỉ	
13			Tết	
14			Nguyên	
15			Đán	
16				
17				
18		28450		Thong
19	28450	28489	39	Thong
20	28489	28519	60	Thong
21	28519	28611	62	Thong
22	28611	28673	62	Thong
23	28673	28727	54	Thong
24	28727	28782	55	Thong
25	28782	28822	40	CN.
26	28822	28864	42	Thong
27	28864	28874	10	Cuc-Dion
28	28874	28907	43	
29	28917	28958	41	
30				
31			718 M^3	
CỘNG				

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Mã số thuế: 3700256122-001
Điện thoại: 0274.33834765
Địa chỉ: Tầng 7, Tháp B, Tòa Trung tâm Hành chính tỉnh, P. Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương .

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01BLP0-001
Ký hiệu: AB-22E
Số: **0002032**

BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ

Tên loại phí, lệ phí: Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

Tên đơn vị nộp tiền: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Số tiền: **1.141.360**
(Viết bằng chữ): ***Một triệu một trăm bốn mươi một nghìn ba trăm sáu mươi đồng chẵn.***
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Ngày 08 tháng 05 năm 2024

Đơn vị thu tiền

Signature Valid
***Ký bởi*: CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
***Ký ngày*: 08/05/2024**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **7MCZF2VQ5LR9**

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số 721 /TB-CCBVMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 14 tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Quý 1 năm 2024
(Thông báo lần 1)

Mã nguồn thải
T20-300

- Tên đơn vị: Công ty cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt
- Địa chỉ: Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 42, ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp Quý 1 năm 2024 của đơn vị và kết quả thẩm định, Chi cục Bảo vệ môi trường thông báo số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đơn vị phải nộp quý này như sau:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị theo Tờ khai	Giá trị sau thẩm định	Ghi chú
1	Tổng lượng nước thải trong quý *(m3)*:	1.051	1.051	
2	Hàm lượng chất ô nhiễm:			
2.1	- COD *(mg/l)*:	42	42	
2.2	- TSS *(mg/l)*:	21	21	
2.3	- Hg *(mg/l)*:	0	0	
2.4	- Pb *(mg/l)*:	0	0	
2.5	- As *(mg/l)*:	0	0	
2.6	- Cd *(mg/l)*:	0	0	
3	Số phí phát sinh quý này *(đồng)*:	1.141.360	1.141.300	
3.1	Số phí cố định *(đồng)*:	1.000.000	1.000.000	
3.2	Số phí biến đổi *(đồng)*:	141.360	141.300	
4	Số phí chưa nộp *(đồng)*:	0	0	
5	Số phí nộp thừa *(đồng)*:	0	0	
6	Số phí phải nộp vào ngân sách *(đồng)*:	**1.141.400**	**1.141.300**	

- Kết quả thẩm định cho thấy, Công ty đã kê khai phí Quý 1 năm 2024 nhưng chưa nộp phí. Do đó, Công ty cần nộp số phí là 1.141.300 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn ba trăm đồng) vào tài khoản số: 3511.0.1096941.00000 của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Dương. Hạn nộp là 10 ngày kể từ ngày thông báo.

- Lưu ý: khi nộp phí Công ty cần ghi đầy đủ các thông tin (tên doanh nghiệp, địa chỉ, mã số thuế, mã nguồn thải, email) để phục vụ việc xuất biên lai điện tử.

Chi cục Bảo vệ môi trường thông báo đến Công ty để biết, thực hiện./.

KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Ngô Thanh Mua

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, QLCT, Mh3.

Đề nghị nộp Tờ khai phí qua Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.binhduong.gov.vn.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 30 tháng 10 năm 2014

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 74.001073.T
(Cấp lần 2)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải :

Tên: Công ty cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt.

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: Ấp 1, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650 3554012; Fax: 0650 3554013; Email: vietwoodvn@vnn.vn.

Tài khoản số: 5590211001512 Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Sóng Thần.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3700756534

Ngày cấp (chứng nhận thay đổi lần 2): ngày 03 tháng 01 năm 2012

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

II. Nội dung đăng ký :

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH khi có các thay đổi, bổ sung, điều chỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sổ đăng ký có mã số QLCTNH: 74.001073.T cấp lại lần đầu ngày 11 tháng 11 năm 2010./.

Nơi nhận:
- Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Việt;
- Lưu: VT, Tuyet3.

CHI CỤC TRƯỞNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG * CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG * TỈNH BÌNH DƯƠNG

Tào Mạnh Quân

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 74.001073.T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 2 ngày 30 tháng 12 năm 2014)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

Tên: Công ty cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt.

Địa chỉ: Ấp 1, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650 3554012; Fax: 0650 3554013; Email: vietwoodvn@vnn.vn.

Tài khoản số: 5590211001512 Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Sóng Thần.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3700756534

Ngày cấp (chứng nhận thay đổi lần 2): ngày 03 tháng 01 năm 2012

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng *(kg/năm)*	Mã CTNH	Ghi chú
1	Dầu nhớt thải	Lỏng	204	17 02 04	-
2	Cặn sơn thải	Bùn	3.600	08 01 02	Tăng
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	240	16 01 06	Tăng
4	Thùng đựng dầu nhớt, bao bì đựng sơn, keo, dung môi thải	Rắn	7.800	18 01 02	-
5	Dung môi thải	Rắn	216	17 08 03	-
6	Keo thải	Rắn	7.200	08 03 01	Tăng
7	Pin, ắc quy thải	Rắn	24	19 06 01	-
8	Hộp mực in thải	Rắn	18	08 02 04	-
9	Giẻ lau dính dầu nhớt, dung môi, sơn, keo thải	Rắn	3.000	18 02 01	Tăng
10	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	3.600	12 06 06	-
Tổng số lượng: 25.902 kg					

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng *(kg/năm)*
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	45.600
2	Dăm bào	Rắn	4.800.000
3	Củi vụn	Rắn	480.000
Tổng số lượng: 5.325.600 kg			

4. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Bộ hồ sơ đăng ký "Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có Mã số QLCTNH: 74.001073.T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 2 ngày ३१ tháng १० năm 2014" được Chi cục Bảo vệ môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này./.

VÀ MÔI TRƯỜNG
I CỤC
O VỆ
TRƯỜNG
ÌNH DƯƠNG

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: BDU122223
Số: 4407496

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220230203862081

Người nộp thuế: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT — Mã số thuế: 3700756534

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền

Quận/Huyện: Thị xã Bến Cát — Tỉnh, TP: Bình Dương

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam — trích TK số: 5590211001512

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Bến Cát - Bình Dương — Tỉnh, TP: Tỉnh Bình Dương

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Huyện Bến Cát

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Bình Dương

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	Nam 2023	00/06/2023	Nước thiên nhiên khác.		387,200	554	1558
			Tổng tiền		387,200		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BA TRĂM TÁM MƯƠI BẢY NGHÌN HAI TRĂM ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN			NGÂN HÀNG (KBNN)	
Ngày.....Tháng.....Năm.....			Ngày.....Tháng.....Năm.....	
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng	Kế toán	Kế toán trưởng

Người ký : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Ngày ký : 18/07/2023 15:07:29

Người ký : Tổng cục Thuế
Ngày ký : 18/07/2023 15:07:17

Người ký : NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Ngày ký : 18/07/2023 15:07:50

Quay lại In GNT

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: BDU122223
Số: 5115026

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220230209061053

Người nộp thuế: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT — Mã số thuế: 3700756534

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền

Quận/Huyện: Thị xã Bến Cát — Tỉnh, TP: Bình Dương

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trích TK số: 5590211001512

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Bến Cát - Bình Dương — Tỉnh, TP: Tỉnh Bình Dương

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Huyện Bến Cát

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Bình Dương

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	**Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo**	**Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo**	**Nội dung các khoản nộp NSNN**	**Số tiền nguyên tệ**	**Số tiền VND**	**Mã chương**	**Mã NDKT**
1	T07/2023	00/07/2023	Nước thiên nhiên khác.		366,080	554	1558
			Tổng tiền		366,080		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BA TRĂM SÁU MƯƠI SÁU NGHÌN KHÔNG TRĂM TÁM MƯƠI ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN			NGÂN HÀNG (KBNN)	
Ngày.....Tháng.....Năm.....			Ngày.....Tháng.....Năm.....	
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng	Kế toán	Kế toán trưởng

Người ký : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Ngày ký : 18/08/2023 14:59:04

Người ký : Tổng cục Thuế
Ngày ký : 18/08/2023 14:58:54

Người ký : NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Ngày ký : 18/08/2023 14:59:39

Quay lại In GNT

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: BDU122223
Số: 5674294

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220230210933823

Người nộp thuế: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT Mã số thuế: 3700756534

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền

Quận/Huyện: Thị xã Bến Cát Tỉnh, TP: Bình Dương

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trích TK số: 5590211001512

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Bến Cát - Bình Dương Tỉnh, TP: Tỉnh Bình Dương

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Huyện Bến Cát

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Bình Dương

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	**Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo**	**Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo**	**Nội dung các khoản nộp NSNN**	**Số tiền nguyên tệ**	**Số tiền VND**	**Mã chương**	**Mã NDKT**
1	Nam 2023	00/08/2023	Nước thiên nhiên khác.		338,880	554	1558
			Tổng tiền		338,880		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BA TRĂM BA MƯƠI TÁM NGHÌN TÁM TRĂM TÁM MƯƠI ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN			NGÂN HÀNG (KBNN)	
Ngày.....Tháng.....Năm.....			Ngày.....Tháng.....Năm.....	
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng	Kế toán	Kế toán trưởng

Người ký : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Ngày ký : 19/09/2023 14:58:47

Người ký : Tổng cục Thuế
Ngày ký : 19/09/2023 14:58:48

Người ký : NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Ngày ký : 19/09/2023 14:59:06

Quay lại In GNT

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: BDU122223
Số: 6308349

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220230213970399

Người nộp thuế: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT — Mã số thuế: 3700756534

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền

Quận/Huyện: Thị xã Bến Cát — Tỉnh, TP: Bình Dương

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam — trích TK số: 5590211001512

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Bến Cát - Bình Dương — Tỉnh, TP: Tỉnh Bình Dương

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Huyện Bến Cát

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Bình Dương

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	Nam 2023	00/09/2023	Nước thiên nhiên khác.		383,040	554	1558
			Tổng tiền		383,040		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BA TRĂM TÁM MƯƠI BA NGHÌN KHÔNG TRĂM BỐN MƯƠI ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền Kế toán trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Thủ trưởng Kế toán Kế toán trưởng

Người ký : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Ngày ký : 18/10/2023 14:58:20

Người ký : Tổng cục Thuế
Ngày ký : 18/10/2023 14:57:56

Người ký : NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Ngày ký : 18/10/2023 14:58:43

Quay lại In GNT

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mã hiệu: BDU122223
Số: 7066618

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220230219498303

Người nộp thuế: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT — Mã số thuế: 3700756534

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền

Quận/Huyện: Thị xã Bến Cát — Tỉnh, TP: Bình Dương

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam — trích TK số: 5590211001512

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Bến Cát - Bình Dương — Tỉnh, TP: Tỉnh Bình Dương

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Huyện Bến Cát

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Bình Dương

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	Nam 2023	00/10/2023	Nước thiên nhiên khác.		440,960	554	1558
			Tổng tiền		440,960		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BỐN TRĂM BỐN MƯƠI NGHÌN CHÍN TRĂM SÁU MƯƠI ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN			NGÂN HÀNG (KBNN)	
Ngày.....Tháng.....Năm.....			Ngày.....Tháng.....Năm.....	
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng	Kế toán	Kế toán trưởng

Người ký :	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Ngày ký :	20/11/2023 10:37:41

Người ký :	Tổng cục Thuế
Ngày ký :	20/11/2023 10:38:05

Người ký :	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Ngày ký :	20/11/2023 10:38:17

Quay lại In GNT

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: BDU122223
Số: 7704937

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220230221964929

Người nộp thuế: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT — Mã số thuế: 3700756534

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền

Quận/Huyện: Thị xã Bến Cát — Tỉnh, TP: Bình Dương

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam — trích TK số: 5590211001512

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Bến Cát - Bình Dương — Tỉnh, TP: Tỉnh Bình Dương

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Huyện Bến Cát

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Bình Dương

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	Nam 2023	00/11/2023	Nước thiên nhiên khác.		404,160	554	1558
			Tổng tiền		404,160		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BỐN TRĂM LẺ BỐN NGHÌN MỘT TRĂM SÁU MƯƠI ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN			NGÂN HÀNG (KBNN)	
Ngày.....Tháng.....Năm.....			Ngày.....Tháng.....Năm.....	
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng	Kế toán	Kế toán trưởng

Người ký : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Ngày ký : 20/12/2023 09:18:47

Người ký : Tổng cục Thuế
Ngày ký : 20/12/2023 09:18:33

Người ký : NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Ngày ký : 20/12/2023 09:19:24

Quay lại In GNT

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: BDU122224
Số: 0587455

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220240228588426

Người nộp thuế: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT — Mã số thuế: 3700756534

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền

Quận/Huyện: Thị xã Bến Cát — Tỉnh, TP: Bình Dương

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam — trích TK số: 5590211001512

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Bến Cát - Bình Dương — Tỉnh, TP: Tỉnh Bình Dương

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Huyện Bến Cát

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Bình Dương

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	Nam 2024	00/01/2024	Nước thiên nhiên khác.		438,720	554	1558
			Tổng tiền		438,720		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BỐN TRĂM BA MƯƠI TÁM NGHÌN BẢY TRĂM HAI MƯƠI ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN			NGÂN HÀNG (KBNN)	
Ngày.....Tháng.....Năm.....			Ngày.....Tháng.....Năm.....	
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng	Kế toán	Kế toán trưởng

Người ký : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Ngày ký : 19/01/2024 09:04:28

Người ký : Tổng cục Thuế
Ngày ký : 19/01/2024 09:04:10

Người ký : NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Ngày ký : 19/01/2024 09:04:49

Quay lại In GNT

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: BDU122223
Số: 3159159

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220230198340923

Người nộp thuế: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT — Mã số thuế: 3700756534

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền

Quận/Huyện: Thị xã Bến Cát — Tỉnh, TP: Bình Dương

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam — trích TK số: 5590211001512

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Bến Cát - Bình Dương — Tỉnh, TP: Tỉnh Bình Dương

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Huyện Bến Cát

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Bình Dương

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	Thang 04 nam 2023	00/04/2023	Nước thiên nhiên khác.		485,760	554	1558
			Tổng tiền		485,760		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BỐN TRĂM TÁM MƯƠI LĂM NGHÌN BẢY TRĂM SÁU MƯƠI ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN			NGÂN HÀNG (KBNN)	
Ngày.....Tháng.....Năm.....			Ngày.....Tháng.....Năm.....	
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng	Kế toán	Kế toán trưởng

Người ký : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Ngày ký : 19/05/2023 13:50:44

Người ký : Tổng cục Thuế
Ngày ký : 19/05/2023 13:51:36

Người ký : NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Ngày ký : 19/05/2023 13:51:39

Quay lại In GNT

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: BDU122223
Số: 3743060

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220230200561647

Người nộp thuế: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT — Mã số thuế: 3700756534

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền

Quận/Huyện: Thị xã Bến Cát — Tỉnh, TP: Bình Dương

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trích TK số: 5590211001512

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Bến Cát - Bình Dương — Tỉnh, TP: Tỉnh Bình Dương

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Huyện Bến Cát

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Bình Dương

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	Thang 05 nam 2023	00/05/2023	Nước thiên nhiên khác.		457,920	554	1558
			Tổng tiền		457,920		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BỐN TRĂM NĂM MƯƠI BẢY NGHÌN CHÍN TRĂM HAI MƯƠI ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN			NGÂN HÀNG (KBNN)	
Ngày.....Tháng.....Năm.....			Ngày.....Tháng.....Năm.....	
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng	Kế toán	Kế toán trưởng

Người ký : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Ngày ký : 19/06/2023 14:25:13

Người ký : Tổng cục Thuế
Ngày ký : 19/06/2023 14:25:22

Người ký : NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Ngày ký : 19/06/2023 14:25:28

Quay lại In GNT

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: BDU122223
Số: 2549609

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220230193434681

Người nộp thuế: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT — Mã số thuế: 3700756534

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền

Quận/Huyện: Thị xã Bến Cát — Tỉnh, TP: Bình Dương

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam — trích TK số: 5590211001512

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Bến Cát - Bình Dương — Tỉnh, TP: Tỉnh Bình Dương

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Huyện Bến Cát

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Bình Dương

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1		00/03/2023	Nước thiên nhiên khác.		491,520	554	1558
			Tổng tiền		491,520		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BỐN TRĂM CHÍN MƯƠI MỐT NGHÌN NĂM TRĂM HAI MƯƠI ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN			NGÂN HÀNG (KBNN)	
Ngày.....Tháng.....Năm.....			Ngày.....Tháng.....Năm.....	
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng	Kế toán	Kế toán trưởng

Người ký : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Ngày ký : 19/04/2023 14:50:53

Người ký : Tổng cục Thuế
Ngày ký : 19/04/2023 14:50:38

Người ký : NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Ngày ký : 19/04/2023 14:51:22

Quay lại In GNT

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: BDU122223
Số: 1251288

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220230179507443

Người nộp thuế: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT — Mã số thuế: 3700756534

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền

Quận/Huyện: Thị xã Bến Cát — Tỉnh, TP: Bình Dương

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam — trích TK số: 5590211001512

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Bến Cát - Bình Dương — Tỉnh, TP: Tỉnh Bình Dương

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Huyện Bến Cát

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Bình Dương

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1		00/01/2023	Nước thiên nhiên khác.		416,320	554	1558
			Tổng tiền		416,320		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BỐN TRĂM MƯỜI SÁU NGHÌN BA TRĂM HAI MƯƠI ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN			NGÂN HÀNG (KBNN)	
Ngày.....Tháng.....Năm.....			Ngày.....Tháng.....Năm.....	
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng	Kế toán	Kế toán trưởng

Người ký :	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Ngày ký :	20/02/2023 14:32:02

Người ký :	Tổng cục Thuế
Ngày ký :	20/02/2023 14:32:27

Người ký :	NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Ngày ký :	20/02/2023 14:32:32

Quay lại In GNT

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Mã số thuế: 3700256122-001
Điện thoại: 0274.33834765
Địa chỉ: Tầng 7, Tháp B, Tòa Trung tâm Hành chính tỉnh, P. Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương .

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01BLP0-001
Ký hiệu: AB-22E
Số: **0001628**

BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ

Tên loại phí, lệ phí: Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

Tên đơn vị nộp tiền: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Số tiền: **1.245.300**
(Viết bằng chữ): ***Một triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm đồng chẵn.***
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Ngày 19 tháng 01 năm 2024

Đơn vị thu tiền

Signature Valid
***Ký bởi*:** CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
***Ký ngày*:** 19/01/2024

Tr. a tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **G8C6IZ4DE01**

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 89 /TB-CCBVMT	*Bình Dương, ngày 12 tháng 01 năm 2024*

THÔNG BÁO NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Quý 4 năm 2023

(Thông báo lần 1)

Mã nguồn thải
T20-300

- Tên đơn vị: Công ty cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt
- Địa chỉ: Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 42, ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp Quý 4 năm 2023 của đơn vị và kết quả thẩm định, Chi cục Bảo vệ môi trường thông báo số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đơn vị phải nộp quý này như sau:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị theo Tờ khai	Giá trị sau thẩm định	Ghi chú
1	Tổng lượng nước thải trong quý *(m3)*:	1.363	1.363	
2	Hàm lượng chất ô nhiễm:			
2.1	- COD *(mg/l)*:	60	60	
2.2	- TSS *(mg/l)*:	25	25	
2.3	- Hg *(mg/l)*:	0	0	
2.4	- Pb *(mg/l)*:	0	0	
2.5	- As *(mg/l)*:	0	0	
2.6	- Cd *(mg/l)*:	0	0	
3	Số phí phát sinh quý này *(đồng)*:	1.245.340	1.245.300	
3.1	Số phí cố định *(đồng)*:	1.000.000	1.000.000	
3.2	Số phí biến đổi *(đồng)*:	245.340	245.300	
4	Số phí chưa nộp *(đồng)*:	0	0	
5	Số phí nộp thừa *(đồng)*:	0	0	
6	Số phí phải nộp vào ngân sách *(đồng)*:	**1.245.300**	**1.245.300**	

- Kết quả thẩm định cho thấy, Công ty đã kê khai phí Quý 4 năm 2023 nhưng chưa nộp phí. Do đó, Công ty cần nộp số phí là 1.245.300 đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm đồng) vào tài khoản số: 3511.0.1096941.00000 của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Dương. Hạn nộp là 10 ngày kể từ ngày thông báo.
- Lưu ý: khi nộp phí Công ty cần ghi đầy đủ các thông tin (tên doanh nghiệp, địa chỉ, mã số thuế, mã nguồn thải, email) để phục vụ việc xuất biên lai điện tử.

Chi cục Bảo vệ môi trường thông báo đến Công ty để biết, thực hiện./.

KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Ngô Thành Mua

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, QLCT, Dung3.

Đề nghị nộp Tờ khai phí qua Dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.binhduong.gov.vn.

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: BDU122223
Số: 1839737

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220230182982464

Người nộp thuế: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT — Mã số thuế: 3700756534

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền

Quận/Huyện: Thị xã Bến Cát — Tỉnh, TP: Bình Dương

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam — trích TK số: 5590211001512

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Bến Cát - Bình Dương — Tỉnh, TP: Tỉnh Bình Dương

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Huyện Bến Cát

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Bình Dương

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1		00/02/2023	Nước thiên nhiên khác.		434,560	554	1558
			Tổng tiền		434,560		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BỐN TRĂM BA MƯƠI BỐN NGHÌN NĂM TRĂM SÁU MƯƠI ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền Kế toán trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Thủ trưởng Kế toán Kế toán trưởng

Người ký : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Ngày ký : 18/03/2023 13:40:52

Người ký : Tổng cục Thuế
Ngày ký : 18/03/2023 13:41:50

Người ký : NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Ngày ký : 18/03/2023 13:41:59

Quay lại In GNT

T01 - T05

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: BDU122224
Số: 1369539

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220240236831238

Người nộp thuế: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT — Mã số thuế: 3700756534

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền

Quận/Huyện: Thị xã Bến Cát — Tỉnh, TP: Bình Dương

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam — trích TK số: 5590211001512

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Bến Cát - Bình Dương — Tỉnh, TP: Tỉnh Bình Dương

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Huyện Bến Cát

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Bình Dương

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1		00/01/2024	Nước thiên nhiên khác.		256,960	554	1558
			Tổng tiền		256,960		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: HAI TRĂM NĂM MƯƠI SÁU NGHÌN CHÍN TRĂM SÁU MƯƠI ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN			NGÂN HÀNG (KBNN)	
Ngày.....Tháng.....Năm.....			Ngày.....Tháng.....Năm.....	
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng	Kế toán	Kế toán trưởng

Người ký : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Ngày ký : 20/02/2024 14:42:26

Người ký : Tổng cục Thuế
Ngày ký : 20/02/2024 14:42:06

Người ký : NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Ngày ký : 20/02/2024 14:42:25

Quay lại In GNT

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: BDU122224
Số: 2009001

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220240242136990

Người nộp thuế: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT — Mã số thuế: 3700756534

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền

Quận/Huyện: Thị xã Bến Cát — Tỉnh, TP: Bình Dương

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam — trích TK số: 5590211001512

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Bến Cát - Bình Dương — Tỉnh, TP: Tỉnh Bình Dương

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Huyện Bến Cát

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Bình Dương

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1		00/02/2024	Nước thiên nhiên khác.		392,000	554	1558
			Tổng tiền		392,000		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BA TRĂM CHÍN MƯƠI HAI NGHÌN ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN			NGÂN HÀNG (KBNN)	
Ngày.....Tháng.....Năm.....			Ngày.....Tháng.....Năm.....	
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng	Kế toán	Kế toán trưởng

Người ký : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Ngày ký : 19/03/2024 14:26:33

Người ký : Tổng cục Thuế
Ngày ký : 19/03/2024 14:26:00

Người ký : NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Ngày ký : 19/03/2024 14:23:38

Quay lại In GNT

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: BDU122224
Số: 2798080

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220240254079236

Người nộp thuế: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT — Mã số thuế: 3700756534

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền

Quận/Huyện: Thị xã Bến Cát — Tỉnh, TP: Bình Dương

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam — trích TK số: 5590211001512

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Bến Cát - Bình Dương — Tỉnh, TP: Tỉnh Bình Dương

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Huyện Bến Cát

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Bình Dương

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1		00/03/2024	Nước thiên nhiên khác.		360,320	554	1558
			Tổng tiền		360,320		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BA TRĂM SÁU MƯƠI NGHÌN BA TRĂM HAI MƯƠI ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền Kế toán trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Thủ trưởng Kế toán Kế toán trưởng

Người ký : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Ngày ký : 19/04/2024 13:17:07

Người ký : Tổng cục Thuế
Ngày ký : 19/04/2024 13:16:57

Người ký : NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Ngày ký : 19/04/2024 13:13:48

Quay lại In GNT

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: BDU122224
Số: 3423019

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220240259170868

Người nộp thuế: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT — Mã số thuế: 3700756534

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Phường An Điền

Quận/Huyện: Thị xã Bến Cát — Tỉnh, TP: Bình Dương

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: — Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam — trích TK số: 5590211001512

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Bến Cát - Bình Dương — Tỉnh, TP: Tỉnh Bình Dương

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Huyện Bến Cát

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Cục thuế tỉnh Bình Dương

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1		00/04/2024	Nước thiên nhiên khác.		1,000,000	554	1558
			Tổng tiền		1,000,000		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: MỘT TRIỆU ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN			NGÂN HÀNG (KBNN)	
Ngày.....Tháng.....Năm.....			Ngày.....Tháng.....Năm.....	
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng	Kế toán	Kế toán trưởng

Người ký : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Ngày ký : 14/05/2024 15:01:35

Người ký : Tổng cục Thuế
Ngày ký : 14/05/2024 15:00:38

Người ký : NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Ngày ký : 14/05/2024 14:58:18

Quay lại In GNT

Mẫu số 07/BB-KT, ban hành kèm theo Thông tư số 51/2022/TT-BCA ngày 09/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Công an

CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT KINH TẾ
Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 126/QĐ-CAT-PC03 ngày 11/6/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Thi hành Quyết định số 126/QĐ-CAT-PC03 ngày 11/6/2024 của Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương về kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt (gọi tắt là Quyết định kiểm tra).

Hôm nay, hồi 14 giờ 20 phút ngày 12/6/2024 tại Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt, địa chỉ: Khu phố An Sơn, phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

I. Đoàn kiểm tra gồm:

1.Ông Ngô Quang Vinh, cấp bậc: Thượng úy, chức vụ: Phó Đội trưởng – Phòng Cảnh sát Kinh tế - Công an tỉnh Bình Dương, Phó Trưởng đoàn;

2. Ông Nguyễn Văn Tuấn, cấp bậc: Thượng úy, chức vụ: Cán bộ – Phòng Cảnh sát Kinh tế - Công an tỉnh Bình Dương, Thành viên;

3. Ông Đoàn Khải Thành, cấp bậc: Thượng úy, chức vụ: Cán bộ – Phòng Cảnh sát Kinh tế - Công an tỉnh Bình Dương, Thành viên;

II. Đại diện cơ quan/tổ chức được đề nghị tham gia kiểm tra

Ông: Bùi Bình Dương; chức vụ: Nhân viên - Trung tâm quan trắc kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

Ông Bùi Thế Đang, chức vụ: Cảnh sát khu vực Công an phường An Điền, thành phố Bến Cát.

III. Tổ chức được kiểm tra:

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt (sau đây gọi tắt là Công ty Gỗ Việt);

- Địa chỉ: Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 42, Khu phố An Sơn, phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Ngành nghề sản xuất: Đồ gỗ nội thất; công suất: 60 cont/tháng (công suất thực tế), với quy trình: Nguyên liệu (gỗ cao su) → Cắt, chọn → Bào bốn mặt → Kiểm tra, phân loại → Ghép dọc → Bào Cạnh → Ghép ngang → Chà nhám → Định hình, tạo dáng → Lắp ráp → chà nhám → phun sơn → đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 3700756534 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 24/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 15/5/2024;

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Ngọc Dung, sinh ngày 28/3/1966, CCCD: 001166011363 do Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

cấp ngày 28/3/2018; Chổ ở hiện nay: V9 Ba Vì, Cư xá Bắc Hải, phường 15, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh; chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- Làm việc với Đoàn kiểm tra: Ông Nguyễn Ngọc Trang, Chức vụ/chức danh: Phó Tổng Giám đốc (0913.975.853).

III. Nội dung và kết quả kiểm tra

1. Thông tin chung

- Công ty Gỗ Việt bắt đầu hoạt động từ đầu năm 2006 đến nay tại Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 42, Khu phố An Sơn, phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Hiện nay, tổng số công nhân viên: 607 người, hoạt động 01 ca/ngày (mỗi ngày 08 giờ, 06 ngày/tuần, chủ nhật không làm việc).

- Nguồn nước sử dụng: Công ty Gỗ Việt sử dụng nước sạch từ 01 giếng khoan phục vụ sinh hoạt của công nhân, sản xuất, nấu ăn, tưới cây và phục vụ phòng cháy chữa cháy với lưu lượng khoảng 43m^3/ngày (Theo Sổ theo dõi lưu lượng khai thác nước dưới đất tháng 3,4,5/2024).

- Tại thời điểm kiểm tra, Công ty Gỗ Việt đang hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường.

2. Quá trình kiểm tra

Đoàn sẽ kiểm tra các hồ sơ pháp lý về hoạt động đầu tư, về bảo vệ môi trường; Kiểm tra thực tế hệ thống xử lý khí thải, hệ thống thoát nước mưa, nước thải và các khu vực có phát sinh chất thải, các công trình lưu giữ, xử lý chất thải trong khuôn viên Công ty Gỗ Việt và xác định các vị trí xả chất thải vào môi trường để thu mẫu, kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

- Kiểm tra hồ sơ pháp lý, hồ sơ môi trường;

- Kiểm tra các nguồn thải, công tác thu gom, quản lý và xử lý các nguồn chất thải phát sinh:

+ Nước thải từ sinh hoạt, vệ sinh, hiện trạng thu gom và xử lý nước thải;

+ Chất thải công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại.

3. Kết quả kiểm tra

a) Về hồ sơ pháp lý

- Quyết định số 156/QĐ-STNMT ngày 05/02/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án công suất nhà máy chế biến gỗ từ 58:147,72m^2 lên 84.072,30m^2 (chi tiết ván ghép 42.000m^3/năm, chi tiết sản phẩm trang trí nội thất 96.000 sản phẩm/năm).

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 24/GP-STNMT ngày 22/01/2020 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp, có thời hạn 05 năm kể từ ngày ký.

- Báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước dưới đất năm 2023.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023.

- Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại số 2184-RNH/HĐ-KT/22 ngày 21/12/2022 với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty cổ phần - Tổng công ty nước – môi trường Bình Dương, có thời hạn đến 20/12/2024.

- Hợp đồng xử lý chất thải công nghiệp số 2184-RCN/HĐ-KT/22 ngày 21/12/2022 với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty cổ phần - Tổng công ty nước – môi trường Bình Dương, có thời hạn đến 20/12/2024.

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt số 146/HĐTGVC/2024 ngày 02/01/2024 với Xí nghiệp công trình công cộng Bến Cát.

- Hợp đồng mua bán dăm bào, củi vụn số 01/24/HĐMB ngày 04/01/2024 với Công ty TNHH Đại Phú Phong, địa chỉ: phường An Tây, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, có thời hạn đến 31/12/2024.

b) Về nước thải

Nước thải của Công ty Gỗ Việt phát sinh gồm nước thải sinh hoạt của công nhân viên + nước thải nhà ăn + nước sản xuất từ công đoạn rửa keo, rửa dụng cụ với tổng lưu lượng khoảng 15,7m^3 (theo Sổ theo dõi lưu lượng nước thải tháng 3,4,5/2024), được xử lý theo các quy trình sau:

- Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải sản xuất → Thiết bị keo tụ kết hợp lắng → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ nhà ăn → Bể tách dầu mỡ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Công ty sử dụng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100m^3 (theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường) có quy trình xử lý như sau: Nước thải (nước thải sinh hoạt của công nhân viên + nước thải nhà ăn + nước sản xuất từ công đoạn rửa keo, rửa dụng cụ) → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể xử lý sinh học → Bể lắng → Lọc áp lực → Bể khử trùng → Tự thấm (tưới cây xanh trong khuôn viên công ty).

Tại thời điểm kiểm tra, Hệ thống xử lý nước thải đang hoạt động bình thường.

c) Về khí thải và bụi

- Bụi phát sinh từ công đoạn chà nhám được xử lý theo quy trình: Bụi → chụp hút → Xử lý bụi tại chỗ bằng bông hút → Lọc bụi túi vải → Silo chứa bụi → Hợp đồng thu gom, xử lý.

- Bụi phát sinh từ máy cưa, cắt, bào được xử lý theo quy trình: Bụi → chụp hút → ống dẫn → Cyclon → Lọc bụi túi vải → Silo chứa bụi → Hợp đồng thu gom, xử lý.

- Bụi sơn, hơi dung môi được xử lý bằng than hoạt tính.

- Công ty không sử dụng lò hơi để phục vụ hoạt động sản xuất.

d) Về chất thải rắn

Qua kiểm tra thực tế, chất thải phát sinh tại Công ty Gỗ Việt gồm:

- Chất thải sinh hoạt... được chuyển giao cho Xí nghiệp công trình công cộng Bến Cát thu gom, vận chuyển.

- Chất thải công nghiệp gồm: Bìa carton, bọc nilon, simili, vải vụn, Mút xốp, được chuyển giao cho Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty cổ phần - Tổng công ty nước – môi trường Bình Dương.

- Mùn cưa, dăm bào, gỗ vụn được bán cho.... Công ty TNHH Đại Phú Phong.

- Chất thải nguy hại gồm giẻ lau dính dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang thải, thùng đựng keo dán thải,... được thu gom chuyển giao cho Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty cổ phần - Tổng công ty nước – môi trường Bình Dương thu gom, xử lý.

- Tại thời điểm kiểm tra, Đoàn kiểm tra ghi nhận: Công ty bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại không đảm yêu cầu kỹ thuật (không có gờ chống tràn); chưa thu gom triệt để chất thải nguy hại (thùng nhựa thải dính keo loại 1000 lít) để ngoài trời, không có mái che.

4. Mẫu vật được thu thập

Đại diện Trung tâm Quan trắc Tài nguyên – Môi trường – Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Bình Dương tiến hành thu: 01 mẫu nước thải (thể tích 02 lít) sau hệ thống xử lý nước thải tập trung để phân tích, đánh giá chất lượng nước thải (có biên bản lấy mẫu kèm theo).

IV. Nhận xét, yêu cầu của Đoàn kiểm tra

1. Nhận xét

Công ty Gỗ Việt đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuy nhiên, Công ty bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại không đảm yêu cầu kỹ thuật (không có gờ chống tràn); chưa phân loại chất thải nguy hại với chất thải công nghiệp, còn để lẫn với nhau, chưa thu gom triệt để chất thải nguy hại (thùng nhựa thải dính keo loại 1000 lít) để ngoài trời, không có mái che có dấu hiệu vi phạm quy định tại Nghị Định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Yêu cầu: Công ty Gỗ Việt

- Bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thu gom triệt để các loại chất thải nguy hại, tiến hành phân loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp theo đúng quy định.

- Phải thực hiện đúng quy định của pháp luật bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Yêu cầu Người đại diện theo pháp luật của Công ty Gỗ Việt có mặt tại trụ sở của Phòng Cảnh sát Kinh tế – Công an tỉnh Bình Dương, địa chỉ: Số 681, đường Cách mạng tháng 8, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (liên hệ Đội 2 – Phòng PC03) vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 17/6/2024 (thứ hai) để làm việc và cung cấp các tài liệu có liên quan (mang bản phô tô có đóng dấu của công ty theo yêu cầu cung cấp hồ sơ kèm theo).

V. Ý kiến của tổ chức được kiểm tra

Công ty Gỗ Việt thống nhất với nội dung Biên bản kiểm tra, đồng thời cam kết cung cấp đầy đủ các tài liệu đúng thời gian. Quá trình kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã thực hiện theo đúng quy trình công tác, không gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất bình thường của Công ty Gỗ Việt.

Việc kiểm tra kết thúc hồi 16 giờ 15 ngày 12/6/2024, Biên bản kiểm tra gồm 05 trang, được lập thành 05 bản có giá trị như nhau, giao cho Công ty Gỗ Việt 01 bản và Đoàn kiểm tra giữ 04 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí và ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT	**PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**
	Thượng úy Ngô Quang Vinh
ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN/BAN QUẢN LÝ HOẶC CÔNG AN ĐỊA PHƯƠNG (nếu có) *(Ký tên, đóng dấu; ghi rõ họ tên)*	**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN/TỔ CHỨC THAM GIA KIỂM TRA (nếu có)** *(Ký tên, ghi rõ họ tên)*
NGƯỜI CHỨNG KIẾN	**NGƯỜI SOẠN BIÊN BẢN**
	Nguyễn Văn Tuấn

BỘ CÔNG AN **CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 426 /QĐ-CAT-PC03	*Bình Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2012/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BCA ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Giấy ủy quyền số 24/GUQ-CAT-PC03(PV01) ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương thực hiện thẩm quyền kiểm tra việc chấp hành pháp luật/kiểm tra phương tiện, đồ vật, địa điểm có liên quan đến tội phạm và vi phạm hành chính về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm;

Căn cứ Báo cáo đề xuất ngày 5../6/2024 của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường về việc đề xuất kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường tại Tờ trình số 30/TTr-PC03 ngày 11. tháng 6. năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt;

Địa chỉ: phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Thời hạn kiểm tra là 7 ngày, kể từ ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra tại nơi được kiểm tra, không bao gồm thời gian lấy mẫu, phân tích, giám định, kiểm định mẫu môi trường (nếu có).

Hình thức kiểm tra: Kiểm tra đột xuất.

Điều 2. Thành phần Đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông: Nguyễn Sơn Ca, cấp bậc: Trung tá, chức vụ: Phó Trưởng phòng - Phòng Cảnh sát Kinh tế – Công an tỉnh Bình Dương, Trưởng Đoàn;

2. Ông: Ngô Quang Vinh, cấp bậc: Thượng úy, chức vụ: Phó Đội trưởng - Phòng Cảnh sát Kinh tế – Công an tỉnh Bình Dương, Phó Trưởng Đoàn;

3. Ông: Nguyễn Văn Bình, cấp bậc: Trung tá, chức vụ: Cán bộ - Phòng Cảnh sát Kinh tế – Công an tỉnh Bình Dương, Thành viên;

4. Ông: Nguyễn Văn Tuấn, cấp bậc: Thượng úy, chức vụ: Cán bộ - Phòng Cảnh sát Kinh tế – Công an tỉnh Bình Dương, Thành viên;

5. Ông: Đoàn Khải Thành , cấp bậc: Thượng úy, chức vụ: Cán bộ - Phòng Cảnh sát Kinh tế – Công an tỉnh Bình Dương, Thành viên;

6. Mời đại diện cơ quan chuyên ngành Tài nguyên và môi trường tham gia đoàn kiểm tra.

Đơn vị lấy mẫu, phân tích, giám định, kiểm định mẫu môi trường là Trung tâm Quan trắc Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Bình Dương.

Thời gian trả kết quả: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày lấy mẫu, phân tích, giám định, kiểm định mẫu môi trường.

Kinh phí phục vụ việc lấy mẫu, phân tích, giám định, kiểm định mẫu được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm. Trường hợp kết quả mẫu vượt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho phép, đơn vị được kiểm tra phải chịu trách nhiệm chi trả theo quy định.

Trung tâm Quan trắc - Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Bình Dương chịu trách nhiệm về kết quả giám định mẫu theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Đoàn kiểm tra và đối tượng được kiểm tra có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 160 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 163 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 4. Các ông (bà) có tên tại Điều 2, Trưởng đoàn kiểm tra, người đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Trung tâm QTKTTN-MT Bình Dương;
- Lưu: VT, PC03 (Đ2, 4b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đại tá Trần Văn Chính

Mẫu biên bản số 02

CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT KINH TẾ

Số: .../BB-LV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Hôm nay, hồi 09 giờ 30 phút, ngày 17/6/2024, tại Phòng Cảnh sát Kinh tế - Công an tỉnh Bình Dương, địa chỉ: Số 681, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Chúng tôi gồm:

1. Người có thẩm quyền lập biên bản:

Họ và tên: Nguyễn Văn Tuấn; Chức vụ: Cán bộ.

Cơ quan: Phòng Cảnh sát Kinh tế – Công an tỉnh Bình Dương

2. Tổ chức có liên quan trực tiếp đến vụ việc:

Tên của tổ chức: Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt (gọi tắt là Công ty Gỗ Việt).

Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố An Sơn, phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Mã số doanh nghiệp 3700756534 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 24/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 15/5/2024. Ngành nghề: Sản xuất Đồ gỗ nội thất;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Ngọc Dung, sinh ngày 28/3/1966, CCCD: 001166011363 do Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 28/3/2018; Chổ ở hiện nay: V9 Ba Vì, Cư xá Bắc Hải, phường 15, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh; chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người làm việc với Phòng Cảnh sát Kinh tế – Công an tỉnh Bình Dương: Ông Nguyễn Ngọc Trang, Chức vụ/chức danh: Phó Tổng Giám đốc (theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ_CTY ngày 12/6/2024 của Bà Lê Ngọc Dung - Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Tiến hành lập biên bản làm việc đối với Công ty Gỗ Việt có liên quan trực tiếp đến vụ việc:

1. Thời gian xảy ra vụ việc: Ngày 12/6/2024.

2. Địa điểm xảy ra vụ việc: Công ty Gỗ Việt, địa chỉ: Khu phố An Sơn, phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Diễn biến của vụ việc:

Thi hành Quyết định số 126/QĐ-CAT-PC03 ngày 11/6/2024 của Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương về kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty Gỗ Việt, địa chỉ: Khu phố An Sơn, phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương; ngành nghề sản xuất: Đồ gỗ nội thất. Vào lúc 14 giờ 20 phút ngày 17/5/2024, Đoàn kiểm tra, Phòng Cảnh sát Kinh tế – Công an

tỉnh Bình Dương tiến hành kiểm tra Công ty Gỗ Việt. Quá trình kiểm tra, Đoàn kiểm tra ghi nhận:

- Chưa bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại đáp ứng yêu cầu kỹ thuật;
- Chất thải nguy hại chưa thu gom triệt để, còn để ngoài trời, không có mái che.

- Đại diện Trung tâm Quan trắc Tài nguyên – Môi trường tỉnh Bình Dương – Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Bình Dương tiến hành thu 01 mẫu nước thải (thể tích 02 lít) sau hệ thống xử lý nước thải tập trung để phân tích, đánh giá chất lượng nước thải (có biên bản lấy mẫu kèm theo).

4. Hiện trường: Không

5. Thiệt hại (nếu có): Không

6. Ý kiến trình bày của *<cá nhân/tổ chức>*(*) bị thiệt hại (nếu có): Không

7. Lời khai của Người đại diện Công ty Gỗ Việt có liên quan trực tiếp đến vụ việc:

Ông Nguyễn Ngọc Trang, Chức vụ/chức danh: Phó Tổng Giám đốc cung cấp bản phô tô các hồ sơ pháp lý như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 3700756534 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 24/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 15/5/2024;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DĐ248429 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/4/2024. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số B0 617019 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/01/2014. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DĐ248430 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/4/2024.

- Quyết định số 156/QĐ-STNMT ngày 05/02/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án công suất nhà máy chế biến gỗ từ 58.147,72m^2 lên 84.072,30m^2 (chi tiết ván ghép 42.000m^3/năm, chi tiết sản phẩm trang trí nội thất 96.000 sản phẩm/năm).

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 24/GP-STNMT ngày 22/01/2020 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp, có thời hạn 05 năm kể từ ngày ký.

- Sổ theo dõi lưu lượng nước khai thác giếng khoan từ tháng 01/2024 đến ngày 12/6/2024.

- Báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước dưới đất năm 2023.

- Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại số 2184-RNH/HĐ-KT/22 ngày 21/12/2022 với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty cổ phần - Tổng công ty nước – môi trường Bình Dương, có thời hạn đến 20/12/2024. Kèm theo Chứng từ giao nhận chất thải nguy hại từ tháng 01/2024 đến tháng 5/2024.

- Hợp đồng xử lý chất thải công nghiệp số 2184-RCN/HĐ-KT/22 ngày 21/12/2022 với Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty cổ phần - Tổng công ty nước – môi trường Bình Dương, có thời hạn đến 20/12/2024. Kèm theo Biên bản bàn giao CTRCNTT tháng 01,3,4/2024.

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt số 146/HĐTGVC/2024 ngày 02/01/2024 với Xí nghiệp công trình công cộng Bến Cát.

- Hợp đồng mua bán dăm bào, củi vụn số 01/24/HĐMB ngày 04/01/2024 với Công ty TNHH Đại Phú Phong, địa chỉ: phường An Tây, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, có thời hạn đến 31/12/2024. Kèm theo Hóa đơn giá rị gia tăng mua bán dăm bào, củi vụn từ tháng 01/2023 đến tháng 5/2024 và Hồ sơ pháp lý của Công ty TNHH Đại Phú Phong.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 74.001073.T do Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương cấp lần 2 ngày 30/10/2014.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023.

- Bảng theo dõi lưu lượng nước thải từ tháng 01/2024 đến ngày 12/6/2024.

Qua làm việc, đại diện Công ty Gỗ Việt trình bày và thừa nhận như sau:

* Về chất thải

Chất thải của công ty phát sinh gồm:

- Chất thải sinh hoạt... được chuyển giao cho Xí nghiệp công trình công cộng Bến Cát thu gom, vận chuyển.

- Chất thải công nghiệp gồm: Bìa carton, bọc nilon, simili, vải vụn, Mút xốp khoảng 800kg/tháng được chuyển giao cho Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty cổ phần - Tổng công ty nước – môi trường Bình Dương.

- Mùn cưa, dăm bào, gỗ vụn khoảng 210 tấn/tháng được bán cho…. Công ty TNHH Đại Phú Phong.

- Chất thải nguy hại gồm giẻ lau dính dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang thải, thùng đựng keo dán thải,...khoảng 783kg/tháng được thu gom chuyển giao cho Chi nhánh xử lý chất thải – Công ty cổ phần - Tổng công ty nước – môi trường Bình Dương thu gom, xử lý.

- Công ty thừa nhận, tại thời điểm kiểm tra, Công ty bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại không đảm yêu cầu kỹ thuật (không có gờ chống tràn); chưa thu gom triệt để chất thải nguy hại (thùng nhựa thải dính keo loại 1000 lít) để ngoài trời, không có mái che.

Công ty Gỗ Việt cam kết sẽ chấp hành nghiêm các hình thức xử lý theo đúng quy định của pháp luật./

8. Ý kiến trình bày của người chứng kiến (nếu có): Không

9. Các biện pháp xử lý và ngăn chặn hậu quả do sự việc gây ra (nếu có): Không

10. *<Tang vật/phương tiện>*(*) có liên quan đến vụ việc (nếu có): Không

Biên bản lập xong hồi 10 giờ 40 phút, ngày 17/6/2024, gồm 04 trang, được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho Công ty Gỗ Việt có liên quan trực tiếp đến vụ việc 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ.

Lý do ông (bà) (6)..... là *<cá nhân/người đại diện của tổ chức>*(*) có liên quan trực tiếp đến vụ việc không ký biên bản:..... .....

ĐẠI DIỆN **CÔNG TY GỖ VIỆT**	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN** *(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)*
Nguyễn Ngọc Trang	Nguyễn Văn Tuấn

Biên bản đã giao trực tiếp cho Người đại diện của Công ty Gỗ Việt có liên quan trực tiếp đến vụ việc vào hồi 10 giờ 45 phút, ngày 17/6/2024.

NGƯỜI NHẬN BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Ngọc Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC –
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 4184 **-RCN/HĐ – KT/22**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải công nghiệp của Công Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 17 ngày 05/05/2022) cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH:1-2-3-4-5-6.028.VX của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700756534 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần 3) ngày 16 tháng 12 năm 2014.

Hôm nay, ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Địa chỉ: Thửa đất 358, tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743. 554012 Fax: 02742.

Mã số thuế: 3700756534

Do Ông/Bà: **NGUYỄN VĂN NGHỆ** Chức vụ: Tổng Giám Đốc làm đại diện.

Mã khách hàng: 3700756534BC00

Ngành sản xuất: Chế biến gỗ.

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 29, khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.6564528/29 Fax: 02743.542907

Tên tài khoản: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam-CN Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **Ngô Chí Thắng** Chức vụ: Phó giám đốc CN Làm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 09/UQ-XLCT.NSQT ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp (không nguy hại) phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A.

1.2. Điều kiện lưu chứa

- Chất thải công nghiệp (không nguy hại) được bên A thu gom, phân loại và lưu chứa trong các bao bì, thùng chứa riêng biệt; đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường; đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý chất thải công nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- **Thời gian thu gom :** Thu gom theo yêu cầu bên A báo trước cho bên B 02 ngày và ít nhất 01 lần/ 03 tháng (trừ ngày lễ và ngày tết).
- **Địa điểm giao nhận**: tại Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt (Địa chỉ: Thửa đất 358, tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.)

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá chất thải công nghiệp (không nguy hại) được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Stt	Loại chất thải công nghiệp	Trạng thái	Đơn giá Xử Lý (Đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Vải vụn, simili vụn thải, carton, mút xốp, giấy nhám thải, dây đai, dây curoa, băng tải nhựa.	Rắn	3.000	700.000

Ghi chú:

- *Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.*
- *Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản*
- *Trong trường hợp bên A có nhu cầu chuyển giao cho bên B các loại chất thải công nghiệp (không nguy hại) ngoài Danh mục chất thải công nghiệp thì hai bên sẽ tiến hành thương thảo, thỏa thuận lại các điều kiện của Hợp đồng trước khi tiến hành giao nhận.*

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: **www.biwase.com.vn** (định kỳ hàng tháng bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
MS Cơ	**hoahong12.93@gmail.com**	**0985.728.053**

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Có quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại chất thải theo đúng quy định về quản lý chất thải trước khi chuyển giao cho bên B.
- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Thực hiện đúng quy trình biên bản bàn giao chất thải ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Thông tin quản lý và kí xác nhận biên bản bàn giao chất thải

Họ và tên người quản lý và kí nhận biên bản bàn giao	Chức vụ	Số điện thoại
Trần Quang Trọng	Trưởng bộ phận Ngoại vụ xưởng	0975547373

- Khi có sự thay đổi thông tin người quản lý và kí xác nhận biên bản bàn giao chất thải bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản trước 30 ngày.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 02. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 01 – khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 02 – khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Phân loại chất thải theo quy định. Không để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người lao động, bùn thải hoặc các loại chất thải khác vào các loại chất thải thuộc Danh mục chất thải công nghiệp quy định tại Điều 02 – khoản 2.1. Chịu trách nhiệm chi trả chi phí vận chuyển đối với lần đến vận chuyển không đúng quy định này.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 03 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 02.
- Bên B có quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :

- Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 02- khoản 2.2.
- Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
- Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

– Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.

– Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ loại hoặc lô hàng chất thải công nghiệp chuẩn bị chuyển giao của Bên A có lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục chất thải công nghiệp. Bên B yêu cầu bên A thanh toán chi phí vận chuyển cho lần đến vận chuyển không đúng quy định này.

– Bên B có quyền từ chối nhận các loại chất thải công nghiệp không thuộc Danh mục chất thải công nghiệp đã ký kết. Chỉ tiếp nhận các loại chất thải theo Danh mục chất thải công nghiệp đã ký kết

– Quyền cung cấp thông tin của hợp đồng này theo luật định hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.

– Trong trường hợp phát hiện Bên A tự xử lý chất thải công nghiệp (không nguy hại) không đúng quy định về quản lý chất thải thông thường thì bên B có quyền thông báo bằng văn bản cho cơ quan có chức năng để xem xét, xử lý.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

– Bảo đảm tuân thủ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng như Điều 1; quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường và Giấy phép xử lý chất thải nguy hại được cấp.

– Chịu trách nhiệm khi vi phạm các quy định hiện hành về quản lý chất thải thông thường và Giấy phép xử lý chất thải nguy hại được cấp trong khi thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường của Bên B.

– Thực hiện đúng quy trình biên bản bàn giao chất thải ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 12 năm 2024 .Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

5.2. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3. Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.4. Hợp đồng bao gồm 6 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT	CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
NGUYỄN VĂN NGHỆ	Ngô Chí Thắng Phó Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC –
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 2184 **-RNH/HĐ – KT/22**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại cho Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 17 ngày 05/05/2022) cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- Căn cứ theo sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải nguy hại mã số QLCT nguy hại: 74.001.073.T, ngày 30 tháng 10 năm 2014 do Chi Cục Bảo Vệ Môi Trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt
- Căn cứ theo bảng phân định, phân loại chất thải nguy hại ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt
- Căn cứ theo nhu cầu của Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700756534 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần 3) ngày 16 tháng 12 năm 2014.

Hôm nay, ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Địa chỉ: Thửa đất 358, tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743. 554012 Fax: 02742.

Mã số thuế: 3700756534

Do Ông/Bà: **NGUYỄN VĂN NGHỆ** Chức vụ: Tổng Giám Đốc làm đại diện.

Mã khách hàng: 3700756534BC00

Ngành sản xuất: Chế biến gỗ.

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29 Fax: 02743.542907

Tên tài khoản: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam-CN Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **Ngô Chí Thắng** Chức vụ: Phó giám đốc CN Làm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 09/UQ-XLCT.NSQT ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom,vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A .

1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục Chất thải nguy hại chuyển giao đính kèm hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- **Thời gian thu gom** : Thu gom theo yêu cầu bên A báo trước cho bên B 02 ngày và ít nhất 01 lần/tháng (trừ ngày lễ và ngày tết).
- **Địa điểm giao nhận**: tại Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt (Địa chỉ: Thửa đất 358, tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.)

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý, vận chuyển (đồng/kg)
01	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 04	Thiêu đốt	4.000
02	Cặn sơn	Rắn	08 01 02	Thiêu đốt	4.300
03	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	Hóa rắn/chôn	15.000
04	Thùng đựng dầu nhớt bằng kim loại	Rắn	18 01 02	Thiêu đốt/tẩy rửa	2.000
05	Dung môi thải	Lỏng	17 08 03	Tái chế	1.000
06	Keo thải	Rắn	08 03 01	Thiêu đốt	5.000
07	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Phá dỡ-tẩy rửa	8.000
08	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	Thiêu đốt	8.000
09	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, sơn, keo thải	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt	4.000
10	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	12 06 06	Thiêu đốt/chôn	5.000
11	Vật thể mài	Rắn	07 03 08	Hóa rắn/chôn	6.500

Ghi chú: *- Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.*

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: **www.biwase.com.vn** (định kỳ bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
MS Cơ	Hoahong12.93@gmail.com	0985.728.053

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1– khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 2– Khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
  + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
  + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
  + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
  + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 của hợp đồng.
- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

4.2 Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

4.3 Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 12 năm 2024 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.

5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT	CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
NGUYỄN VĂN NGHỆ	Ngô Chí Thắng Phó Giám Đốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 01 /HĐTGVC/2024

Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày 31 tháng 08 năm 2024, tại CÔNG TY TNHH MTV XUÂN THẢO, đại diện các bên gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MTV XUÂN THẢO

Đại diện bà: **Nguyễn Xuân Thảo** Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại DĐ: 0933984911.

Địa chỉ: Số 10 đường Hoàng Cầm, tổ 15b, Khu phố 2, phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Mã số thuế: 3703241741

Số tài khoản: 8620034617.

Tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Mỹ Phước

Đơn vị thụ hưởng: **CÔNG TY TNHH MTV XUÂN THẢO**

Gmail: xuanthaomtv@gmail.com

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Đại diện ông**: Nguyễn Văn Nghệ** Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Điện thoại: 0274 3554012 – ***0977317781 (bộ phận Nhân sự)***

Địa chỉ: Thửa đất 358, tờ bản đồ 42, Khu phố An Sơn, Phường An Điền, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Mã số thuế: 3700756534

Gmail nhận hóa đơn: nhansu@vietwoodvn.vn

Hợp đồng này được lập trên cơ sở hai Bên đã thống nhất khối lượng, đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, thỏa thuận như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Bên B tại địa điểm sau: Thửa đất 358, tờ bản đồ 42, Khu phố An Sơn, Phường An Điền, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Bên B không được để chất thải nguy hại, chất thải từ hoạt động xây dựng, bùn thải, cây, ván, đá, vật cứng… lẫn trong chất thải rắn sinh hoạt. Đồng thời Bên B phải tập trung chất thải rắn sinh hoạt tại một điểm trong thùng chứa, đảm bảo thuận tiện để xe của Bên A đến thu gom nhanh gọn và đảm bảo vệ sinh môi trường.

Điều 2. Khối lượng, giá trị, phương thức và thời hạn thanh toán

- Khối lượng ước thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt hàng tháng cho bên B là 2.500 kg/tháng; Nếu vượt quá khối lượng này, hai bên cùng thống nhất xác định lại khối lượng và bên B phải thanh toán phần tăng thêm cho Bên A.

- Dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn cho Bên B phải thanh toán cho Bên A mỗi tháng như sau:

STT	Nội dung	Số tiền
1	Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	3.987.500 đồng/tháng
Giá trên chưa bao gồm thuế VAT		

(*Số tiền bằng chữ: Ba triệu, chín trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*)

- Thời hạn thanh toán: Bên B thanh toán phí thu gom, vận chuyển và xử lý cho Bên A từ ngày 05 đến ngày 20 hàng tháng, thông qua tài khoản tại ngân hàng Bidv Mỹ Phước, Bên A xuất hóa đơn tài chính cho Bên B ngay khi nhận được thông báo chuyển khoản từ ngân hàng.

- Thời gian làm việc: Sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (trừ Chủ nhật, Lễ, Tết).

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

*** Phí dịch vụ Ngân hàng do bên B thanh toán.**

Điều 3. Thời gian thực hiện:

Bên A thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho Bên B vào khoảng thời gian từ 6 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút (02-03 lần/tuần), bắt đầu từ ngày 01/09/2024 đến ngày 31/08/2025.

Điều 4. Điều khoản chung:

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản trong Hợp đồng, không bên nào tự ý hủy Hợp đồng. Trong khi thực hiện nếu có trở ngại, khó khăn, hai bên cùng nhau bàn bạc trên tinh thần hợp tác.

Trường hợp Bên B để chất thải nguy hại, chất thải từ hoạt động xây dựng, bùn thải và vật cứng (cây, ván, đá …) lẫn trong chất thải rắn sinh hoạt thì Bên A sẽ lập biên bản vi phạm và không nhận thu gom, vận chuyển loại rác này, khi đó Bên B vẫn phải thanh toán phí vệ sinh cho Bên A theo điều 2 của Hợp đồng.

* Trường hợp một trong hai bên vì lý do khách quan chung mà không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia biết trước ít nhất 30 ngày (trừ thứ 7, Chủ nhật).

Hợp đồng tự thanh lý khi khi Bên B thanh toán dứt điểm cho Bên A, thời gian Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/09/2024, được lập hai bản, mỗi bên giữ một bản, có cùng nội dung và giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
M.S.D.N: 3703241741 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH MTV XUÂN THẢO - TP. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG	M.S.D.N: 3700756534 - C.T.C.P - CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT - TP. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG
GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Xuân Thảo	NGUYỄN VĂN NGHỆ

CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE

Số: 361 - RCN&RNH/ PL – HĐ/24

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

V/v thay đổi thông tin Công ty (Bên B)

Căn cứ hợp đồng số: 2184-RCN&RNH/HĐ-KT/22 ngày 21 tháng 12 năm 2022 được ký giữa Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt (Bên A) và Chi nhánh Xử Lý Chất Thải (Bên B) về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

Căn cứ theo nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương số 37/NQ-HĐQT ngày 06/06/2024.

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công Ty TNHH Một Thành Viên Liên Hợp Khoa Học - Công Nghệ - Môi Trường Biwase, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2024.

Căn cứ Thông báo số 03A/TB-KHCNMT.KD ngày 01 tháng 07 năm 2024 về việc thay đổi thông tin pháp nhân.

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2024 tại Bình Dương, Chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Địa chỉ: Thửa đất 358, tờ bản đồ 42, Khu Phố An Sơn, Phường An Điền, Thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.554012

Mã số thuế: 3700756534

Do Ông/Bà: **NGUYỄN VĂN NGHỆ** Chức vụ: Tổng Giám Đốc làm đại diện.

Mã khách hàng: 3700756534BC00

Ngành sản xuất: Chế biến gỗ.

BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE

Địa chỉ: Số 39, Tổ 8, Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3543527 Fax: 02743.542907

Tên tài khoản : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE**

Tài khoản số: 8600413939 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương

Mã số thuế: 3703221375

Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG** Chức vụ: Giám đốc Làm Đại Diện

Hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký phụ lục thay đổi thông tin Công ty (Bên B) cho hợp đồng xử lý chất thải số: 2184-RCN&RNH/HĐ-KT/22 ngày 21 tháng 12 năm 2022 với các điều khoản như sau:

Điều I: Hai bên đồng ý ký phụ lục thay đổi thông tin Công ty (Bên B) cho hợp đồng số: 2184-RCN&RNH/HĐ-KT/22 ngày 21 tháng 12 năm 2022 như sau:

THÔNG TIN CŨ	THÔNG TIN MỚI
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ chi nhánh : Thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa , thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Điện thoại: 0274. 6564528/29 Fax: 02743.542907 Tên tài khoản : **CN XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** Tài khoản số 1: 6500069090 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Bình Dương Tài khoản số 3: 1013853365 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bình Dương Mã số thuế: 3700145694-008 Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG** Chức vụ: Giám đốc CN Làm Đại Diện	**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE** Địa chỉ: Số 39, Tổ 8, Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Điện thoại: 0274.3543527 Fax: 02743.542907 Tên tài khoản : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LIÊN HỢP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG BIWASE** Tài khoản số: 8600413939 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bình Dương Mã số thuế: 3703221375 Do Ông **NGÔ CHÍ THẮNG** Chức vụ: Giám đốc Làm Đại Diện

MẪU CON DẤU CŨ	MẪU CON DẤU MỚI
	

Điều II: Các Nội dung và các điều khoản khác trong hợp đồng số: 2184-RCN&RNH/HĐ-KT/22 ngày 21 tháng 12 năm 2022 vẫn không thay đổi.

Điều III: Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và là một phần không thể tách rời của hợp đồng số số: 2184-RCN&RNH/HĐ-KT/22 ngày 21 tháng 12 năm 2022.

Điều IV Các bên có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký.

Điều V: Phụ lục hợp đồng bao gồm 3 (ba) trang, được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
	
NGUYỄN VĂN NGHỆ	Ngô Chí Thắng



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH

Mã số chi nhánh: 3700145694-008

Đăng ký lần đầu, ngày 10 tháng 01 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 08 tháng 05 năm 2023

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI - CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: *0274 3543527* Fax: *0274 3542907*

Email: *xnxlctbd@gmail.com* Website: *www.biwase.com.vn*

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: NGÔ CHÍ THẮNG Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *01/01/1983* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *074083000174*

Ngày cấp: *08/02/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 21, An Hoà , Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 21, An Hoà , Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số doanh nghiệp: 3700145694

Địa chỉ trụ sở chính: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Lâm Ngọc Thinh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số : 01/24/HĐMB

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên

Hôm nay, ngày 04 tháng 01 năm 2024 tại văn phòng Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt. Chúng tôi gồm có:

Bên Bán: CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

(Gọi tắt là bên A)

Địa chỉ:Thửa đất 358, Tờ Bản Đồ 42,Áp An Sơn,Xã An Điền TX. Bến Cát Tỉnh Bình Dương
Tel: 0274- 3554012 Fax: 0274 3554 013
Mã số thuế: 3700756534
Do Ông : Nguyễn Văn Nghệ Chức vụ; Tổng Giám Đốc làm đại diện

Bên Mua: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

(Gọi tắt là bên B)

Địa Chỉ:Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44 Ấp An Tây Huyện Bến Cát Tỉnh Bình Dương

Mã số thuế: 3701635814

Do Bà: Hà Thị Sáu Chức Vụ: Giám Đốc làm đại diện

Sau khi thỏa thuận,hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng với các điều khoản và điều kiện như sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng

Bên A đồng ý bán cho Bên B dăm bào, củi vụn cụ thể như sau:

STT	Tên Hàng	ĐVT	SL/KL	Đơn Giá
01	Dăm bào	Kg	Tùy thuộc vào đơn hàng Bên A và nhu cầu Bên B	550 đ
02	Củi Vụn	Kg		350 đ

Ghi chú : Loại xe .....tấn

Điều 2: Phương thức thanh toán

Thanh toán 100% bằng chuyển khoản trong vòng 60 ngày kể từ ngày đối chiếu công nợ và xuất hóa đơn tài chính.

Điều 3. Địa điểm giao nhận- Bốc xếp- Vận chuyển

Địa điểm giao hàng:Tại Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Thời gian giao nhận; Từ 4h00' đến 6h30' và từ 11h30' đến 18h

Chi phí bốc xếp ,vận chuyển: Bên B chịu

Điều 4: Trách nhiệm 02 bên

Bên A

Tạo mọi điều kiện để Bên B bốc dỡ và nhận hàng.

Thông báo cho Bên B biết kế hoạch nhận hàng và quy định rõ ràng thời gian lấy hàng để tránh trường hợp làm ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh

Cung cấp đầy đủ chứng từ hóa đơn theo quy định

Bên B

Bố trí xe, người để bốc dỡ hàng

Cho xe vào Công ty đúng thời gian quy định

Đảm bảo dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ.

Công nhân bốc dỡ tuyệt đối không được vào khu vực sản xuất, kho...

Thanh toán tiền cho Bên A đúng hạn

Điều 5. Điều khoản chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.
2. Những nội dung không được thỏa thuận trong Hợp đồng này thì áp dụng các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Nế có tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này thì các bên trước hết phải cùng nhau giải quyết bằng thương lượng, hòa giải.Nếu không đạt được sự thương lượng, hòa giải thì mỗi bên có quyền khởi kiện ra tòa án để giải quyết theo thủ tục chung của pháp luật.
4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.Hợp đồng này coi như thanh lý xong khi các điều khoản trong hợp đồng được thực hiện.
5. *Hợp đồng này được làm thành hai (02) bản, mỗi bên giữ một (01) bản. có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.*

ĐẠI DIỆN BÊN A	***ĐẠI DIỆN BÊN B***
NGUYỄN VĂN NGHỆ	Hà Thị Yến

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	213	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày* 04 *tháng* 11 *năm* 23
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Thắng	Cao Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	193	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày...6.. tháng.1.... năm..2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trung	CHU Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	210	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày...9... tháng...1... năm.2023.*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trọng	CHU Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	480 Kg	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Thị Thùy Dung	....., *ngày 13.. tháng 01.. năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	182	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày 27 tháng 11 năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Thị Thùy	Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	187	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Thắng	....., *ngày 20 tháng 01 năm 23.* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* CHU THANH C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	186	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày* 13 *tháng* 12 *năm* 2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trung	Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	220	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Thanh Phong	....., *ngày 10... tháng 02 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Nhu Thanh Co

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	212	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

.....0....., *ngày*...08.. *tháng*.02. *năm*.23.	....., *ngày*..08.. *tháng*..02. *năm*..23.
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Tran Quang Thang	Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	192	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày 06 tháng 02 năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Thắng	Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	184	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày* 23 *tháng* 02 *năm* 23	....., *ngày* 23 *tháng* 02 *năm* 2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Thắng	CHU Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	310	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	....., *ngày 1 tháng 2 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	130	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	...Bến Cát....., *ngày..31.. tháng..05. năm.2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trọng	Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	143	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., ngày 21 tháng 3 năm 2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Nguyễn Thanh Hùng	CHU Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	138	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày.22. tháng..03. năm.2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Phan Quang Thắng	Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	151	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Cty Cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt Nam	....., *ngày 20 tháng 5 năm 2025* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Công ty

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	162	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày 17 tháng 3 năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Dũng	CHU THANH C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	135	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày*..13.. *tháng*.03. *năm*2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trọng	Cao Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	121	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày 13 tháng 03 năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trung	Cao Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	143	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày..... tháng..... năm.....	*....., ngày..16.. tháng..9.. năm.2022*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Văn Tùng	Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	1200 K	
	Tổng khối lượng	~~1.150K~~	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày* 08 *tháng* 03 *năm* 2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Trọng	Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	180	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Trọng	....., *ngày 6 tháng 12 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Cửu Thanh Cường

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	126	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày 12 tháng 12 năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Trang	Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	133	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày 04 tháng 04 năm 2022*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trung	Chu Thanh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	200	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày 5 tháng 12 năm 2024*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trung	Phú Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	193	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày* 5 *tháng* 6 *năm* 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Trọng	Chu Thanh O

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	220	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	*Thủ Dầu Một, ngày 10 tháng 04 năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Thắng	Chu Thanh Ô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	165	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	....., *ngày 12... tháng 4... năm 2025* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	171	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	...Khú...6..., *ngày..14.. tháng..04.. năm..2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Trọng	Phú Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	169	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	...Phú..2..., *ngày.17... tháng...4.. năm..2022*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Mông	Cty thanh c

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	201	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	*Chủ H...., ngày..19. tháng..4... năm..2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Thắng	Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	184	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Công Trọng	Bến Cát, *ngày 21 tháng 04 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Châu Thanh Cường

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	162	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Mai Quang Trọng	...Chủ..2.., *ngày..24 tháng.04.. năm.2023.* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu thanh c

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	197	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....Thứ 4.., *ngày.26.. tháng.04.. năm.2022*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Thắng	Châu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	176	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Trọng	...Bình..., *ngày.28.. tháng.04.. năm.2023.* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Ô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	187	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	...Bến Cát..5..., *ngày.04... tháng..05. năm.2023.* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	184	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày* 31 *tháng* 5 *năm* 2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Man Quang Trung	CHU thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	1498	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Thọ	....., ngày 29 tháng 5 năm 2025 **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* CHU THANH C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	169	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Trung	Bình C, *ngày 26 tháng 05 năm 2023*. **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* CHU thanh O

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	195	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày 21 tháng 5 năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Thân Quang Trọng	CHU Thanh Ca

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	183	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	Bến Cát, *ngày 22 tháng 05 năm 2022*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Thắng	Chu Thanh O

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	21.2	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	Chũ 6....., ngày 19.. tháng 05.. năm 2023 .
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quý Mạnh	CHU thanh Co

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	191	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	...Thủ Dầu Một..., *ngày..15.. tháng..05. năm..2023.*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trung	Cảm thanh Co

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	240 Kg	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	Chư A..., *ngày 27.. tháng 05. năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trung	Cấu thanh c

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	173	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày* 10 *tháng* 05 *năm* 2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Thắng	Chu Thanh Tú

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	198	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	.....Bến Cát, *ngày 8 tháng 5 năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Nam Quang Trung	Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	182	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày* 30 *tháng* 6 *năm* 2025
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Thảo Quang Mạng	chu thanh c

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	196	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày 26 tháng 06 năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trọng	Chi Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	171	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày* 23 *tháng* 06 *năm* 2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Mai Duy Mạnh	Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	169	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	Thủ Dầu Một, *ngày 01 tháng 12 năm 2021*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Thắng	Cao Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	201	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày* 20 *tháng* 6 *năm* 2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Thị Thanh Mông	Chu Thanh O

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	172	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày*....., *tháng*..... *năm*.....	Thứ 2....., *ngày* 19.. *tháng* 06. *năm* 2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Quý Lộc Mai Quang Thắng	Chu Thanh

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH

Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT

Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091

Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	196	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	...Thứ 6..., *ngày..16.. tháng..6... năm.2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Mai Chí Thắng	Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	185	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

T.H....., *ngày* 14 *tháng* 6 *năm* 2023	T.H....., *ngày* 14 *tháng* 6 *năm* 2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Mạng	Lưu Thanh

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	173	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày 12 tháng 6 năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Thị Thu Hằng	Chu Thanh Cí

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	190	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày..... tháng..... năm.....	T.6....., *ngày* 9 *tháng* 6 *năm* 2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Hồng	Chi Thanh U

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	183	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	Thủ Dầu Một, *ngày 07 tháng 06 năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Thanh Trọng	CTU Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	167	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	Tx....., *ngày*...5.. *tháng*...6.. *năm*.2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Minh	Cao Thanh Ca

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	240 K	
	Tổng khối lượng	10.130 - 9.890	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	T.6....., *ngày* 2 *tháng* 6 *năm* 2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Thanh	Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	178	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

.....Thứ 2.., ngày..31.. tháng...7... năm.2023. **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Trọng	*....., ngày..... tháng..... năm.....* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu thanh c

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	169	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	*Thứ 6....., ngày 28.. tháng 7... năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Mai Quang Mong	Chu Danh

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	184	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	Thủ Dầu Một, *ngày 14 tháng 7 năm 2023.*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Quý	Phạm Thanh Ô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	196	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	*Thứ tư....., ngày 26.. tháng 7.. năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trọng	Phạm Mạnh Cường

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	193	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	Thứ 4....., *ngày* 5 *tháng* 7 *năm* 2023.
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Thọng	Chu Thanh G

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	290 Kg	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày..... tháng..... năm..... **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	*Thủ Dầu..., ngày..3... tháng..7... năm2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	173	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

..12....., ngày..11.. tháng..05 năm2023	..Thủ..2....., ngày:11. tháng.05 năm.2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
(Văn Công Tài)	Phu thanh Co

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....1.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	169	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày..... tháng..... năm.....	....., ngày..16.. tháng..9.. năm..2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Mai Công Thắng	Chu Thanh O

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	197	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Công Thắng	....., ngày 21 tháng 01 năm 2023 **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	184	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Mai Công Mạng	....., ngày 12 tháng 8 năm 2017 **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Châu Thanh Cơ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	196	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày 13 tháng 01 năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	176	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày 25 tháng 8 năm 2021*)
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Mạng	Châu Thanh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. **Bên giao:** CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. **Bên nhận:** XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. **Khối lượng:** CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	193	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày..... tháng..... năm..... **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	*....., ngày 15 tháng 8 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	203	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	....., *ngày 20 tháng 08 năm 2021* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	181	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày..... tháng..... năm.....	....., ngày 21 tháng 09 năm 2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Bên nhận *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Thắng	Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	201	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Mai Quang Mạng	....., *ngày 4 tháng 9 năm 2025* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Phu Thanh Co

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	192	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., ngày 05 tháng 09 năm 2021
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Trung	Chu Thanh G

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. **Bên giao:** CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. **Bên nhận:** XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. **Khối lượng:** CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	195	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	....., *ngày 01 tháng 09 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Đăng Thắng	Chu Manh Do

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	178	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày..... tháng..... năm..... **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	*....., ngày..11... tháng..09 năm.2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	207	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	....., *ngày 12 tháng 10 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Nguyễn Thị Thùy Dung	Chu Thanh Co

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	190	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày* 15 *tháng* 09 *năm* 2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Đăng Thắng	Chu Thanh Cô

BIÊN BẢN BAN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	176	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày*..18.. *tháng*.03. *năm*..2017
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Bình Dương 18/3/2017	Chu thanh Ca

BIEN BAN BAN GIAO CHAT THAI RAN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	193	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	....., *ngày 10 tháng 09 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Nguyễn Văn Dương	Cha Thanh Co

BIEN BAN BAN GIAO CHAT THAI RAN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	187	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	....., ngày 12 tháng 09 năm 2023 **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	196	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Thắng	....., ngày 15 tháng 09 năm 2017 **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Cô

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	201	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày* 27 *tháng* 09 *năm* 2017
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Thắng	Chu Thanh Lê

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	218	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	....., *ngày 29 tháng 09 năm 2017* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	210	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	....., *ngày 30 tháng 10 năm 2017* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	180	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	Thủ Dầu Một, *ngày 18 tháng 12 năm 2024*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Mai Thanh Thắng	Công ty cổ phần

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	220	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày* 25 *tháng* 10 *năm* 2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Mạng	Cafe Thanh O

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	190	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày 27 tháng 10 năm 17*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Thắng	Chu Thanh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	230	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày..... tháng..... năm..... **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Co	*Thủ Dầu Một, ngày 20 tháng 10 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. **Bên giao:** CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. **Bên nhận:** XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. **Khối lượng:** CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	220	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Bến Cát, *ngày 18 tháng 10 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	210	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	Hố 2....., *ngày 10 tháng 10 năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Mai Thanh Hoàng	Chu Thanh Có

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	180	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Thủ Dầu Một, *ngày 13 tháng 10 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Thắng	Phan Thanh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	220	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., ngày 11 tháng 10 năm 2021
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Văn Công Nay	Nhanh Co

BIÊN BẢN BAN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. **Bên giao:** CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. **Bên nhận:** XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. **Khối lượng:** CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	190	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày 09 tháng 10 năm 2021*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Chuẩn Mai Chung Mạng	Cô Châu thanh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	200	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày* 06 *tháng* 10 *năm* 2017
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Trọng	C/ty Thanh Co

BIEN BAN BAN GIAO CHAT THAI RAN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	210	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Thủ Dầu Một, *ngày 04 tháng 10 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	180	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày* 24 *tháng* 10 *năm* 2017
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Hiệp	Chu Thanh Cô

BIEN BAN BAN GIAO CHAT THAI RAN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	178	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày 27 tháng 11 năm 23* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	....., *ngày 27 tháng 11 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Tran Thanh Tuan	Chu Thanh Co

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	188	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Thắng	....., *ngày 19, tháng 11 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Cơ

BIÊN BẢN BAN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	Vào 12650 / Ra : 12816	Σ 166

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày* 14.. *tháng* 11... *năm* 23...	....., *ngày* 14.. *tháng* 11... *năm* 2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trung	Chu Thanh Co

BIÊN BẢN BAN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	148	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Công Thắng	Thứ 4....., *ngày 22.. tháng 11.. năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu thanh Co

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	đợt 1: 1926,0 và 13,47 = 157	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày 20.. tháng 11... năm 23.*	Thủ Dầu Một, *ngày 20... tháng 11... năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Dương Hưng	Chu Thanh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	151	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày 17 tháng 11 năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Mai Quang Hưng	Phu Thanh Co

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. **Bên giao:** CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. **Bên nhận:** XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. **Khối lượng:** CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	153	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	*Bình Dương, ngày 15 tháng 11 năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Mạnh	Lưu Thanh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. **Bên giao:** CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. **Bên nhận:** XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. **Khối lượng:** CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	191	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày 15 tháng 11 năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Thắng Trung	Chu thanh Co

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. **Bên giao:** CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. **Bên nhận:** XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. **Khối lượng:** CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	155	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	...Dĩ..6...., *ngày..10. tháng..11 năm.2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	158	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày..... tháng..... năm..... **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	*Thứ 4....., ngày 05... tháng 11.. năm 2023.* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1.	Chất thải rắn sinh hoạt	163	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	....., *ngày 06... tháng 11. năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Co

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	Cân: 12.130 / Lô: 12.310	180 kg

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	Thứ 6, *ngày* 29 *tháng* 12 *năm* 2023
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Thắng	Phạm Thanh Cô

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	Cân: 12810 / 10: 12990	180 kg

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Thứ 4, *ngày 27 tháng 12 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Công ty Nhà Trang Mây	Chu thanh ô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	Đầu: 12850. / Lại: 13060.	160 kg

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	*Thứ 2....., ngày 25. tháng 12. năm 2023.*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	~~Bên nhận~~ *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Thị Thúy	Huỳnh Thanh C

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	Vào: 12.250 / ra: 12420.	(170) kg

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Thủ Dầu Một, *ngày 22 tháng 12 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Thuy	Chu Thanh Có

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	Vào: 13260 Ra: 13420	(160) kg

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	Thủ Dầu Một, *ngày 20 tháng 12 năm 2023*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Phong	Chu Thanh Co

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	Vào 12650 / Ra: 12840	(190) kg

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	....., *ngày 18 tháng 12 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	13 12320 Vao Lq: 12480	(160) kg

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	....., *ngày* 01 *tháng* 11 *năm* 2021
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Đăng Trọng	Chu thanh Cô

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	Viết: 12700 Là: 12890	(190) kg

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....*	Huế 2....., *ngày 04 tháng 12 năm 2023.*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trung	Chu Thanh G

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	Nhựa: 1876 . Rác: 14.960	(160) kg

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	....., *ngày 26 tháng 12 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Man Chung Mong	Chu Thanh Co

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	Tấn (RSH) Xác (3434	(150) kg

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Đăng Thắng	Thủ Dầu Một, *ngày 08 tháng 11 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Cơ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. **Bên giao:** CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. **Bên nhận:** XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. **Khối lượng:** CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	Vào: 13.890. Ra: 14.120	(230) kg

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Hố 2....., *ngày 11 tháng 12 năm 2023* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	Vào: 12.080/ra: 12.230	(150) kg

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Thứ 4....., *ngày 13 tháng 12 năm 2022* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Đăng Hưng	Chi thanh Co

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	Vải: 13.430. Ia: 13.600	(170) kg

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..... tháng..... năm.....* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Thứ 6....., *ngày 15. tháng 12. năm 2023.* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Khanh Co

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	177	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày..07. tháng..6.... năm..24.. **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Thái Quang May	....., ngày..07. tháng...6.. năm..24... **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Ô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	182	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày*...05.. *tháng*..6.... *năm*.24...	....., *ngày*...05.. *tháng*...6.. *năm*....24
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trung	Chi Thanh Le

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	187	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..03.. tháng..6... năm..24..* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Trọng	....., *ngày..03.. tháng..6... năm..24..* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chi Thanh

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	.190	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày*..31.. *tháng*...5... *năm*.2024..	....., *ngày*...31.. *tháng*..05 *năm*.2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trọng	Chu Thanh G

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	149	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày*..29.. *tháng*5..... *năm*..24... **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	....., *ngày*...29 *tháng*...5.. *năm*..24.. **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Thắng	Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	191	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày* 27 *tháng* 5 *năm* 24 **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Công Trang	....., *ngày* 27 *tháng* 5 *năm* 24 **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Thanh G

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	178	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày 24 tháng 8 năm 24.* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Duy Thắng	....., *ngày 24 tháng 09 năm 2024* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Co

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	476	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày*..12.. *tháng*..5.... *năm*..24..	....., *ngày*..12. *tháng*....5. *năm*....24
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Thắng	Chu Thanh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	179	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày*...20.. *tháng*..5... *năm*....24	....., *ngày*..20.. *tháng*..5.. *năm*...24
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Duyệt Trần Quang Thắng	Chu Thanh Cô

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	187	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày*...17. *tháng*.5.... *năm*...24.	Thứ 6....., *ngày*.17.. *tháng*...5.. *năm*.2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Thu Oanh Thuy	Phu Thanh Co

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	149	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày*....15. *tháng*..5... *năm*..24.	....., *ngày*..15. *tháng*..5... *năm*..24.
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Dương Thắng	Nhi Thanh

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	189	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..13... tháng.5.... năm..24..*	....., *ngày..13. tháng..5.... năm.24..*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Thắng	Chu Thanh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	156	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày*...10.. *tháng*..5... *năm*....24	Thủ Dầu Một, *ngày*..10.. *tháng*.05 *năm*.2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Phan Thanh Mạng	Chu Thanh Cô

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	161	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày*...8.... *tháng*...5.. *năm*....24	....., *ngày*08.... *tháng*...5.. *năm*....24
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Nguyễn Quang Thông	Cô Thu Thanh Cô

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	189	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày*...06. *tháng*.5.... *năm*.24...	....., *ngày*...06. *tháng*...5. *năm*..24..
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Thắng	Thu Thanh Co

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	166	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày 02 tháng 5 năm 2024	....., ngày 02 tháng 05 năm 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Mạng	Chu Thanh Cô

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	198	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày* 29 *tháng* 4 *năm* 24	....., *ngày* 29 *tháng* 4 *năm* 24
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Thị Thanh Thương	Chu Thanh Cơ

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	248	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Thủ Dầu Một, ngày 06 tháng 04 năm 2021 **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Trung	Thủ Dầu Một, ngày 06 tháng 04 năm 2021 **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Le

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	196	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày* 22 *tháng* 4 *năm* 24 **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Thông	....., *ngày* 22 *tháng* 4 *năm* 24 **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Co

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	133	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày...14.. tháng...4.. năm..24..* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Trọng	....., *ngày..14.. tháng..4... năm..24.* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Cô

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	169	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..15.. tháng04.. năm.2024* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Thuy	Thủ..2....., *ngày..15.. tháng.04 năm..2024* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Phu Thanh Co

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	146	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày*..12. *tháng*...4.. *năm*..24..	....., *ngày*..12. *tháng*...4.. *năm*..24..
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Thắng	Chu Thanh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	171	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày 10 tháng 4 năm 2024	Thứ 4, ngày 10 tháng 04 năm 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Bên nhận *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trọng	Chi nhánh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	147	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày* 08 *tháng* 4 *năm* 24. **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Công Thắng	Bình Dương, *ngày* 08 *tháng* 04 *năm* 2024. **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	146	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày 15... tháng...4.. năm..24..* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Công Thắng	Thủ Dầu Một, *ngày 05 ..tháng. 04 năm. 2024* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chủ Thành Công

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	439	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày 03... tháng...4. năm...24. Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Thắng	Thủ Dầu Một, ngày 03 tháng 04 năm 2024 Bên nhận *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	169	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày 01 tháng 4 năm 24 Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Thới An, ngày 01 tháng 04 năm 2024 Bên nhận *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Thắng	Chu Thanh Cò

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	147	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày 29 tháng 3 năm 24 Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Thắng	Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2024 Bên nhận *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Cơ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	143	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày..27. tháng.3.... năm.24... Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Công Thắng	Thủ Dầu Một, ngày 27 tháng. 03 năm.2024. Bên nhận *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Co

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	189	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày* 25 *tháng* 3 *năm* 24 **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Thủ Dầu Một, *ngày* 25 *tháng* 03 *năm* 2024 **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Phan Quang Thắng	Chu Thanh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	144	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày..11.. tháng...3.. năm.24.. **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Trung	Thủ Dầu Một, ngày 01 tháng 03 năm 2024. **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chi nhánh Co

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	151	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày* 20 *tháng* 3 *năm* 24	Thủ Dầu Một, *ngày* 20 *tháng* 03 *năm* 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Thiều Quang Mong	Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	179	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..18.. tháng.3.... năm..24..*	Thủ..2....., *ngày 12.. tháng.03.. năm.2024.*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Thắng	Chu Thanh G

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. **Bên giao:** CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. **Bên nhận:** XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. **Khối lượng:** CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	143	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..15. tháng..3... năm..24.*	*Bình Dương, ngày.15. tháng.03. năm.2024.*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Thân Đăng Mạng	Chu Thanh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	148	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày....13 tháng...5.. năm....24* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Công Thắng	Thủ Dầu Một, *ngày.13. tháng.05 năm.2024* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Phan Thanh Tú

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	181	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày 11 tháng 3 năm 24* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Thủ Dầu Một, *ngày 11 tháng 03 năm 2024* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	149	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

.....08..., ngày.07... tháng.03... năm.2024 **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Công Trang	Bình Dương, ngày.08 tháng.03. năm.2024. **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Châu Thanh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. **Bên giao:** CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. **Bên nhận:** XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. **Khối lượng:** CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	153	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày...04. tháng...3. năm.24...* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Bình Dương, *ngày...04. tháng.03 năm.2024.* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	194	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..04.. tháng...3.. năm..24.* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Thắng	Thủ Dầu Một, *ngày..04. tháng.02. năm.2024.* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Cò

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	154	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày..01.. tháng.3.... năm.24... Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Bình Dương, ngày..01.. tháng.03. năm.2024. Bên nhận *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	143	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày..... tháng..... năm.....	Thủ Dầu Một, ngày 29 tháng 02 năm 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Bên nhận *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Thắng	Chu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	168	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày..... tháng..... năm.....	Hưng Hải..., ngày 26 tháng 02 năm 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Bên nhận *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Thắng	Chu Thanh Co

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	147	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày 23 tháng 12 năm 24... **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Thắng	*Thủ Dầu Một, ngày 23 tháng 12 năm 24...* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Cơ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	148	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày.21..... tháng.2... năm.24... Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Thứ ~~Năm~~, ngày.21 tháng.02. năm.2024. Bên nhận *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Nguyễn Quang Thắng	

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số: 0000055

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	173	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày...19.. tháng.2.... năm.24....	Thủ Dầu Một, ngày.19.. tháng.2.. năm.2024.
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Bên nhận *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Nguyễn Quang Phong	Chu Thanh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	194	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày*...01.*tháng*..02.*năm*..24.	Bình Dương, *ngày*..2... *tháng*..2... *năm*.2024.
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Thắng	Cô Lâu Thanh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. **Bên giao:** CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. **Bên nhận:** XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. **Khối lượng:** CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	149	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..11.. tháng.1.... năm.24...* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Thủ Dầu..., *ngày.31.. tháng.01.. năm.2024.* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Thắng	Chu Thanh Có

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	178	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày..29. tháng4..... năm24....	Thủ Dầu..., ngày..29. tháng.04. năm.2024.
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Bên nhận *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trọng	Chu thanh co

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH
Số:.....

1. **Bên giao:** CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. **Bên nhận:** XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. **Khối lượng:** CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	153	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày 26 tháng 01 năm 24	Thủ Dầu Một, ngày 26 tháng 01 năm 2024
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Công Thương	Chu Thanh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	156	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày 24 tháng 1 năm 24* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Phan Quang Mạnh	Thủ Dầu Một, *ngày 24 tháng 01 năm 2024* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Lộ

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	177	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày 22 tháng 1 năm 24... Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Thới Hoà..., ngày 22 tháng 01 năm 2024 Bên nhận *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	165	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..19.. tháng.01... năm...24.*	Hưng.....*ngày.19.. tháng.01. năm.2024*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Thái Thị Thu Thủy	Trần Thanh Cô

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	165	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày..17.. tháng..01.. năm...24. Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Công Mạnh	Thủ Dầu Một, ngày..17.. tháng..01.. năm..2024. Bên nhận *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Cử

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt		
	Tổng khối lượng	Vào: 13430. / Ra: 13650.	Σ 220

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày..15.. tháng..1... năm..24..	Thủ Dầu Một, ngày..15 tháng.01. năm.2024.
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	Bên nhận *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Mạng	Nguyễn Thanh Tú

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	171	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày..12.. tháng.01.. năm.24...* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Mạng	Hải..6....., *ngày.12... tháng.01.. năm.2024* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chu Thanh Cố

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	168	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày 10 tháng 1 năm 24* **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Quang Trọng	Thủ Dầu Một, *ngày 10 tháng 01 năm 2024* **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Phu Thanh C

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....

1. **Bên giao**: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. **Bên nhận**: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. **Khối lượng**: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	166	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày* 08 *tháng* 01 *năm* 24 **Bên giao** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Văn Mong	Thứ 2, *ngày* 08 *tháng* 01 *năm* 2024 **Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Chủ hành có

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH Số:.....			
1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012			
2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091 Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....			
3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	141	
	Tổng khối lượng		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
...T.hủ..Đ...., ngày...05. tháng01.. năm2024 Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Trần Công Trung		....., ngày....15 tháng01. năm..24. Bên nhận *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)* Cao Thanh Cơ	

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG	**BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRSH** Số:.....

1. Bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, ấp An Sơn, xã An Điền, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3554012

2. Bên nhận: XÍ NGHIỆP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TX BẾN CÁT
Địa chỉ: KP 2, P. Mỹ Phước, Tx. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: 0274 3565091
Địa chỉ cơ sở xử lý:.....ĐT:.....

3. Khối lượng: CTRSH, CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRSH (kg)	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	173	
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., *ngày 03 tháng 01 năm 24*	*Thủ Dầu Một, ngày 03 tháng 01 năm 2024*
Bên giao *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*	**Bên nhận** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)*
Trần Quang Trung	Châu Thanh Cí

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: CN 04387

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công Ty Phần Kỹ Nghệ Cao Việt

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI** ĐT: **0274.6566365**
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG ĐT: **0274.6564528-9**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.**
Địa chỉ cơ sở: **Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.**

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao(kg)	Ghi chú
1	Nylon hỗn hợp quấn màng	650	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

BD, ngày 5 tháng 4 năm 2024	BC, ngày 8 tháng 4 năm 2024
Bên giao	**Bên nhận**
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	Nguyễn Văn Đủ (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☐ 5☑

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: CN 06893

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty cổ phần Sợi Phú Việt

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Khu Đất 3.5 KCN Bỉnh An Phường Chánh Phú Hòa TP BD ĐT:

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI** ĐT: **0274.6566365**
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG ĐT: **0274.6564528-9**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.**
Địa chỉ cơ sở: **Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.**

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao(kg)	Ghi chú
1	Bông phế, Sợi vụn, Vải vụn, bụi vải	820	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
	Tổng khối lượng	820	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3 Bến Cát, Bình Dương

BD, ngày 6 tháng 3 năm 2024	BC, ngày 7 tháng 3 năm 2024
Bên giao	**Bên nhận**
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) Nguyễn Văn Dủ

@Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☐ 5☑

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: CN.....10648.....

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):.....CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT.....

Địa chỉ văn phòng:.....

.....ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:.....ĐT:.....

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI** ĐT: **0274.6566365**
CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG ĐT: **0274.6564528-9**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.**
Địa chỉ cơ sở: **Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.**

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao(kg)	Ghi chú
1		920	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

.....,ngày.....5.....tháng.....1.....năm.....2024.....	.....,ngày.....6.....tháng.....1.....năm.....2024.....
Bên giao	**Bên nhận**
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	Nguyễn Văn Dủ (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☐ 5☑

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: CN 017617

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Cty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: An Sơn, An Tiến, BC, BD ĐT: .....

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương ĐT: 02743.542.906
Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương ĐT: 02743.543.528-9
Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Vải, sợi, giẻ vụn thải, mạt cưa, mùn, giấy vụn	1.300	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3 GC 16469 Mch

BD ngày 11 tháng 3 năm 2023

Bên giao

M.S.D.N: 3700756534-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT TX. BẾN CÁT

Nguyễn Ngọc Trung

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

BC ngày 15 tháng 3 năm 2023

Bên nhận

Nguyễn Văn Đỉ

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ 2☐ 3☐ 4☐ 5☑

CÔNG TY CP NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BIWASE BÌNH DƯƠNG

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: CN 059585

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Cty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Ấp An Sơn, An Điền, Bến Cát ĐT: BP

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương — ĐT: 02743.542.906
Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương — ĐT: 02743.543.528-9 — Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Rác CN: Nylon, ...	1310	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3 Giống Quý

BP ngày 30 tháng 5 năm 2023

Bên giao

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trang

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

BC ngày 31 tháng 5 năm 2023

Bên nhận

Nguyễn Văn Dủ

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ 2☐ 3☐ 4☐ 5☑

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: CN 020740

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Ấp An Sơn, X. An Điền, BC ĐT: BD

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương — ĐT: 02743.542.906
Địa chỉ cơ sở: Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương — ĐT: 02743.543.528-9 — Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Vải Vụn, Simili, Vụn Thải, nylon	1.190	
2	Carton, mút xốp		
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3 GIC-16469 Minh

BD ngày 17 tháng 7 năm 2023	BC ngày 18 tháng 7 năm 2023
Bên giao	Bên nhận
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	Nguyễn Văn Đỉ (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ 2☐ 3☐ 4☐ 5☑

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

BIÊN BẢN BÀN GIAO CTRCNTT

Số: CN 054091

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): Công ty cổ phần Kỹ nghệ Gỗ Việt

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ: Ấp An Bình, xã Định Hiệp, Dầu Tiếng, BD ĐT: .....

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
Khu Phố 1B, Phường Chánh Phú Hoà, TX. Bến Cát, Bình Dương

ĐT: 02743.542.906
ĐT: 02743.543.528-9
Fax: 02743.542.907

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao

STT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Giấy nhám	1170	
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
	Tổng khối lượng		

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3 C.H CÔNG NINH

BD ngày 12 tháng 09 năm 2023	BC ngày 13 tháng 9 năm 2023
Bên giao	Bên nhận
Trần Đức Phương	Nguyễn Văn Dỉ
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)	(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ 2☐ 3☐ 4☐ 5☑

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C23TGV**

Ngày 13 tháng 01 năm 2023

Số: **00000021**

Mã CQT: 0045EF832BBC26432B8395B2F80FE9A120

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, ấp An Thành, Xã An Tây, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dăm bào	Kg	53.240	1.500	79.860.000
2	Củi vụn	Kg	28.080	1.100	30.888.000

	Cộng tiền hàng:	**110.748.000**
Thuế suất GTGT:	**10%** Tiền thuế GTGT:	**11.074.800**
	Tổng tiền thanh toán:	**121.822.800**

Số tiền viết bằng chữ: ***Một trăm hai mươi mốt triệu tám trăm hai mươi hai nghìn tám trăm đồng chẵn.***

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Ký ngày: **13/01/2023**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **2QT0I0K100R**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C23TGV**

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

Số: **00000051**

Mã CQT: 006A1A16B9B71E43AFAC3261698A50C240

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, ấp An Thành, Xã An Tây, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dăm bào	Kg	99.340	1.300	129.142.000
2	Củi vụn	Kg	32.290	900	29.061.000

	Cộng tiền hàng:	**158.203.000**
Thuế suất GTGT:	**10%** Tiền thuế GTGT:	**15.820.300**
	Tổng tiền thanh toán:	**174.023.300**

Số tiền viết bằng chữ: ***Một trăm bảy mươi bốn triệu không trăm hai mươi ba nghìn ba trăm đồng chẵn.***

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**
Ký ngày: **28/02/2023**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **W8TVT0RAJA8**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C23TGV**

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Số: **00000093**

Mã CQT: 00E98154B0940E48ABB0F00BB5FF849949

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, ấp An Thành, Xã An Tây, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dăm bào	Kg	53.450	1.000	53.450.000
2	Dăm bào	Kg	52.530	850	44.650.500
3	Củi vụn	Kg	18.040	600	10.824.000
4	Củi vụn	Kg	18.480	450	8.316.000

	Cộng tiền hàng:	**117.240.500**
Thuế suất GTGT:	**10%** Tiền thuế GTGT:	**11.724.050**
	Tổng tiền thanh toán:	**128.964.550**

Số tiền viết bằng chữ: ***Một trăm hai mươi tám triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi đồng chẵn.***

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

***Ký bởi*: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

***Ký ngày*: 31/03/2023**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **0DT5CP5E_A0**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C23TGV**

Ngày 28 tháng 04 năm 2023

Số: **00000133**

Mã CQT: 00161A31DB826343B2AD95102DA72D9DE8

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, ấp An Thành, Xã An Tây, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dăm bào	Kg	72.920	600	43.752.000
2	Dăm bào	Kg	114.620	450	51.579.000
3	Củi vụn	Kg	13.490	400	5.396.000
4	Củi vụn	Kg	27.100	250	6.775.000

	Cộng tiền hàng:	**107.502.000**
Thuế suất GTGT:	**10%** Tiền thuế GTGT:	**10.750.200**
	Tổng tiền thanh toán:	**118.252.200**

Số tiền viết bằng chữ: ***Một trăm mười tám triệu hai trăm năm mươi hai nghìn hai trăm đồng chẵn.***

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
***Ký bởi*: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**
***Ký ngày*: 28/04/2023**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **RKT0HGNB38D**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 31 tháng 05 năm 2023

Ký hiệu: **1C23TGV**

Số: **00000168**

Mã CQT: 008A84A52EF75147C48021A6932645D820

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, ấp An Thành, Xã An Tây, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Củi vụn	Kg	60.590	250	15.147.500
2	Dăm bào	Kg	215.540	450	96.993.000

Cộng tiền hàng:	**112.140.500**
Thuế suất GTGT: **10%** Tiền thuế GTGT:	**11.214.050**
Tổng tiền thanh toán:	**123.354.550**

Số tiền viết bằng chữ: ***Một trăm hai mươi ba triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi đồng chẵn.***

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Ký ngày: **31/05/2023**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **G6TAF76AWNV**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C23TGV**

Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Số: **00000204**

Mã CQT: 00B9C2784110CC46B49370B87DF93392FE

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, ấp An Thành, Xã An Tây, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dăm bào	Kg	201.340	450	90.603.000
2	Củi vụn	Kg	52.820	250	13.205.000

Cộng tiền hàng:		**103.808.000**
Thuế suất GTGT:	**10%** Tiền thuế GTGT:	**10.380.800**
Tổng tiền thanh toán:		**114.188.800**

Số tiền viết bằng chữ: ***Một trăm mười bốn triệu một trăm tám mươi tám nghìn tám trăm đồng chẵn.***

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

***Ký bởi*: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

***Ký ngày*: 30/06/2023**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **9ZTLSN82660**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C23TGV**

Ngày 31 tháng 07 năm 2023

Số: **00000236**

Mã CQT: 004C6CA8CC581C4AC68902F3699001B84B

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, ấp An Thành, Xã An Tây, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dăm bào	Kg	167.340	450	75.303.000
2	Củi vụn	Kg	39.200	250	9.800.000

	Cộng tiền hàng:	**85.103.000**
Thuế suất GTGT:	**8%** Tiền thuế GTGT:	**6.808.240**
	Tổng tiền thanh toán:	**91.911.240**

Số tiền viết bằng chữ: ***Chín mươi mốt triệu chín trăm mười một nghìn hai trăm bốn mươi đồng chẵn.***

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Ký ngày: **31/07/2023**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **XLTMU3VVEAG**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C23TGV**

Ngày 31 tháng 08 năm 2023

Số: **00000273**

Mã CQT: 00F55044279AA74DFF82BE7A9CEFF18A83

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, ấp An Thành, Xã An Tây, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dăm bào	Kg	226.540	450	101.943.000
2	Cùi vụn	Kg	58.400	250	14.600.000

	Cộng tiền hàng:	**116.543.000**
Thuế suất GTGT:	**8%** Tiền thuế GTGT:	**9.323.440**
	Tổng tiền thanh toán:	**125.866.440**

Số tiền viết bằng chữ: ***Một trăm hai mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi đồng chẵn.***

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Ký ngày: **31/08/2023**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **2QTVIMAJRML**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C23TGV**

Ngày 30 tháng 09 năm 2023

Số: **00000308**

Mã CQT: 0034763FF5936F468699624D2E955820DD

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, ấp An Thành, Xã An Tây, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dăm bào	Kg	190.390	650	123.753.500
2	Củi vụn	Kg	35.330	450	15.898.500

	Cộng tiền hàng:	**139.652.000**
Thuế suất GTGT:	**8%** Tiền thuế GTGT:	**11.172.160**
	Tổng tiền thanh toán:	**150.824.160**

Số tiền viết bằng chữ: ***Một trăm năm mươi triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi đồng chẵn.***

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Ký ngày: **30/09/2023**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **5JTBT9KVVMK**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C23TGV**

Ngày 31 tháng 10 năm 2023

Số: **00000344**

Mã CQT: 004D71DF86151B459B915B305AA22E680D

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, ấp An Thành, Xã An Tây, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Củi vụn	Kg	34.450	450	15.502.500
2	Dăm bào	Kg	185.500	650	120.575.000

	Cộng tiền hàng:	**136.077.500**
Thuế suất GTGT:	**8%** Tiền thuế GTGT:	**10.886.200**
	Tổng tiền thanh toán:	**146.963.700**

Số tiền viết bằng chữ: ***Một trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm đồng chẵn.***

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

***Ký bởi*: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

***Ký ngày*: 31/10/2023**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **3PT3CZJK02W**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C23TGV**

Ngày 30 tháng 11 năm 2023

Số: **00000380**

Mã CQT: 0012FF18B5EBC84CBEA886CB2DCCB110A3

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, ấp An Thành, Xã An Tây, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cùi vụn	Kg	35.250	450	15.862.500
2	Dăm bào	Kg	190.200	650	123.630.000

	Cộng tiền hàng:	**139.492.500**
Thuế suất GTGT:	**8%** Tiền thuế GTGT:	**11.159.400**
	Tổng tiền thanh toán:	**150.651.900**

Số tiền viết bằng chữ: ***Một trăm năm mươi triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn chín trăm đồng chẵn.***

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

***Ký bởi*: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

***Ký ngày*: 30/11/2023**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **3PTKH3_RGPD**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C23TGV**

Ngày 30 tháng 12 năm 2023

Số: **00000420**

Mã CQT: 007A8E12B50794486992230l0CC26C752A

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, ấp An Thành, Xã An Tây, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cùi	Kg	38.800	350	13.580.000
2	Dăm bào	Kg	234.800	550	129.140.000

Cộng tiền hàng:		**142.720.000**
Thuế suất GTGT:	**8%** Tiền thuế GTGT:	**11.417.600**
	Tổng tiền thanh toán:	**154.137.600**

Số tiền viết bằng chữ: ***Một trăm năm mươi bốn triệu một trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm đồng chẵn.***

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

***Ký bởi*: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

***Ký ngày*: 30/12/2023**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **9ZTNFAP9L34**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C24TGV**

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

Số: **00000049**

Mã CQT: 008DC68485F6FF487DA0687C9DD3611A19

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, ấp An Thành, Xã An Tây, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dăm bào	Kg	286.400	550	157.520.000
2	Củi vụn	Kg	47.200	350	16.520.000

Cộng tiền hàng:			**174.040.000**
Thuế suất GTGT:	**8%**	Tiền thuế GTGT:	**13.923.200**
		Tổng tiền thanh toán:	**187.963.200**

Số tiền viết bằng chữ: ***Một trăm tám mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm đồng chẵn.***

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**
Ký ngày: **31/01/2024**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **VXCWI33ER_Q**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C24TGV**

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Số: **00000068**

Mã CQT: 00D62D12A95DFB4A64800D2C88AF036204

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, ấp An Thành, Xã An Tây, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dăm bào	Kg	94.600	550	52.030.000
2	Củi vụn	Kg	10.500	350	3.675.000

Cộng tiền hàng:		**55.705.000**
Thuế suất GTGT:	**8%** Tiền thuế GTGT:	**4.456.400**
Tổng tiền thanh toán:		**60.161.400**

Số tiền viết bằng chữ: ***Sáu mươi triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm đồng chẵn.***

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
***Ký bởi*: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**
***Ký ngày*: 29/02/2024**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **BKC3T00J7Q**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C24TGV**

Ngày 30 tháng 03 năm 2024

Số: **00000103**

Mã CQT: 0021C3846683B148F4BD1F5A617D9063B8

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, ấp An Thành, Xã An Tây, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dăm bào	Kg	204.400	550	112.420.000
2	Củi vụn	Kg	35.700	350	12.495.000

Cộng tiền hàng:		**124.915.000**
Thuế suất GTGT:	**8%** Tiền thuế GTGT:	**9.993.200**
Tổng tiền thanh toán:		**134.908.200**

Số tiền viết bằng chữ: ***Một trăm ba mươi bốn triệu chín trăm linh tám nghìn hai trăm đồng chẵn.***

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

***Ký bởi*: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

***Ký ngày*: 30/03/2024**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **8QCLCDDPL4RJ**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C24TGV**

Ngày 27 tháng 04 năm 2024

Số: **00000147**

Mã CQT: 00F1F076EB38EA4339BBC9C5B0B8A4BCBD

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, ấp An Thành, Xã An Tây, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dăm bào	Kg	173.300	550	95.315.000
2	Củi vụn	Kg	30.120	350	10.542.000

	Cộng tiền hàng:	**105.857.000**
Thuế suất GTGT:	**8%** Tiền thuế GTGT:	**8.468.560**
	Tổng tiền thanh toán:	**114.325.560**

Số tiền viết bằng chữ: ***Một trăm mười bốn triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi đồng chẵn.***

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Ký ngày: **27/04/2024**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **3ECXH5PJKQ46**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Khu phố An Sơn, Phường An Điền, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C24TGV**

Ngày 31 tháng 05 năm 2024

Số: **00000185**

Mã CQT: 005197F29657A84612AFFA81E5BD5DB0C2

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, ấp An Thành, Xã An Tây, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dăm bào	Kg	160.200	550	88.110.000
2	Củi vụn	Kg	27.600	350	9.660.000

Cộng tiền hàng:	**97.770.000**
Thuế suất GTGT: **8%** Tiền thuế GTGT:	**7.821.600**
Tổng tiền thanh toán:	**105.591.600**

Số tiền viết bằng chữ: ***Một trăm linh năm triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm đồng chẵn.***

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**
Ký ngày: **31/05/2024**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **WZCLFL8AJGJN**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Khu phố An Sơn, Phường An Điền, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C24TGV**

Ngày 29 tháng 06 năm 2024

Số: **00000220**

Mã CQT: 0020BFC5B1274D45CE91C38412D1C9122B

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, Khu phố An Thành, Phường An Tây, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dăm bào	Kg	158.300	550	87.065.000
2	Củi vụn	Kg	27.100	350	9.485.000

Cộng tiền hàng:		**96.550.000**
Thuế suất GTGT:	**8%** Tiền thuế GTGT:	**7.724.000**
	Tổng tiền thanh toán:	**104.274.000**

Số tiền viết bằng chữ: ***Một trăm linh bốn triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng chẵn.***

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**
Ký ngày: **29/06/2024**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **A0CESA_R54ZP**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Khu phố An Sơn, Phường An Điền, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C24TGV**

Ngày 31 tháng 07 năm 2024

Số: **00000258**

Mã CQT: 00C7BDBF7848B54284986A4DD3542923AC

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, Khu phố An Thành, Phường An Tây, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dăm bào	Kg	166.600	550	91.630.000
2	Củi vụn	Kg	29.200	350	10.220.000

	Cộng tiền hàng:	**101.850.000**
Thuế suất GTGT:	**8%** Tiền thuế GTGT:	**8.148.000**
	Tổng tiền thanh toán:	**109.998.000**

Số tiền viết bằng chữ: ***Một trăm linh chín triệu chín trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn.***

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**
Ký ngày: **31/07/2024**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **JACEU2J8WDNJ**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Mã số thuế: **3700756534**

Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Khu phố An Sơn, Phường An Điền, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3554012 Email: vietwoodvn@vnn.vn

Fax: 0274 3554013 Website: http://vietwoodvn.com

Số tài khoản: 5590211001512 - Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông Thôn - CN Sóng Thần

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: **1C24TGV**

Ngày 31 tháng 08 năm 2024

Số: **00000309**

Mã CQT: 00286332A164D54123A9363A4A9165732A

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚ PHONG

Mã số thuế: 3701635814

Địa chỉ: Thửa đất số 420, Tờ bản đồ số 44, Khu phố An Thành, Phường An Tây, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dăm bào	Kg	184.800	650	120.120.000
2	Củi vụn	Kg	35.400	350	12.390.000

Cộng tiền hàng:		**132.510.000**
Thuế suất GTGT:	**8%** Tiền thuế GTGT:	**10.600.800**
Tổng tiền thanh toán:		**143.110.800**

Số tiền viết bằng chữ: ***Một trăm bốn mươi ba triệu một trăm mười nghìn tám trăm đồng chẵn.***

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**
Ký ngày: **31/08/2024**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **11CXI8RXWL97**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 17266 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
ĐT: **02743.543.644**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cp Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 2023 174 701 073 1
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp An Lợc - An Điền - Bến Cát - BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cắn Sản - Thải	~			080102	390	TĐ
2	Keo - Thải	~			080301	300	TĐ
	Thùng Nhựa Loại đựng Sơn	~			150102	240	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61H-05871

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Việt Hưng Ký: ..... Ngày 27/01/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày 27 tháng 10 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Việc Trung

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
..... ngày ..... tháng 12 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Bế Thanh Phi
Phó Giám Đốc

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 6045 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
ĐT: **02743.543.644**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty C-p Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 4023 / 7400107 5-T
Địa chỉ văn Phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: An Sơn - An Điền Bến Cát BD ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau dính nguy hại	~			180201	370	TĐ
2	bao bì mềm loại 1	~			180102	290	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61H-008.71

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Việt Hưng Ký: Ngày 20/10/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày 20 tháng 10 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Lương Ngọc Thắng

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
....., ngày ..... tháng 10 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Sơn
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1648/2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
ĐT: **02743.543.644**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 7H 001 073T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Lô B20 đường N2, ấp Tân Sơn, An Điền, Bến Cát, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	30	SC-HR-CL/I
2	Thùng kim loại dính nhựa đựng bao bì đựng sơn dung môi thải	x			180102	320	TH

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển** 61C 325.49

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Duy Tân Ký: Tân Ngày 18-10-2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày 11 tháng 10 năm 2023
Nguyễn Ngọc Thang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
....., ngày 18 tháng 10 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Ngô Chí Thắng

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑ GIÁM ĐỐC
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 16434 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương** ĐT: **02743.542.906** / ĐT: **02743.543.644**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương** Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty C'Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 231-14.001.403.T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 358 TBD42 Ấp An Sơn . An Điền . BC . BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dung môi thải		V		170803	420	CCDM
2	Giẻ lau thải	V			180201	240	TĐ
3	Bao bì Kim loại đựng Sơn dung môi	V			180102	190	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** GIC 32349

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Thị Phương Ký: ..... Ngày 13/10/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD, ngày 13 tháng 10 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 13 tháng 10 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Ngô Chí Thắng
GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1602 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương** ĐT: **02743.543.644**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương** ĐT: **02743.542.906** Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 93 / 74.001.0737
Địa chỉ văn Phòng: ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 958 - TBD42 Ấp An Sơn An Điền BC BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại: Rắn	Lỏng	Bùn	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
1	Bùn thải hệ thống xử lý Nước Thải			V	120606	520	TH
2	Keo Thải	V			080301	820	TH
3	Thùng 10 Kg loại dầu nhớt, bao bì đựng Sơn, dung môi	V			180102	230	TH

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** Ctc 323 49

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Thị Phương Ký: ..... Ngày 06/10/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Bình Dương ngày 06 tháng 10 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Mạch Ngọc Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
BC ngày 06 tháng 10 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Sơn
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1663/2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
ĐT: **02743.543.644**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần Kỹ nghệ Gà Việt Mã số QLCTNH: 2023/7400107317
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp An Sơn, An Điền, Bến Cát, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dung môi thải		✓		170803	860	CCDM
2	Bao bì thải	✓			080102	290	TH
3	Chất thải có lẫn các thành phần nguy hại	✓			180102	900	TH
	Dầu Sơn, Dung môi thải						

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển** 61H-00871

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Hoàng Linh Ký: ..... Ngày 6/10/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD, ngày 5 tháng 10 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GÀ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 6 tháng 10 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Linh
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1518 3 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
ĐT: **02743.543.644**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 2023/7400107 5-T
Địa chỉ văn Phòng: ấp An Sơn, An Điền, Bến Cát, BD ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ấp An Sơn, An Điền, Bến Cát, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau dính dầu	✓			180201	270	TĐ
2	bao bì cứng bằng nhựa	✓			180102	250	TĐ
3	Dung môi thải		✓		080103	450	TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 62H1-090 71

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Việt Hưng Ký: ..... Ngày 27/11/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).
ngày 27 tháng 11 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Dũng

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày ..... tháng 11 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lâm
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1801 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương** ĐT: **02743.542.906**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương** ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cp Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 2023 / 3700101015-T
Địa chỉ văn Phòng: Lô 1 cổ phần ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp An Lân, An Điền Bến Cát BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Bóng đèn	✓			160106	20	HR
	bao bì thải loại	✓			180102	550	TD
	Dung môi thải		✓		170803	210	TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61H-08571

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Việt Hưng Ký: ..... Ngày 22/11/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 22 tháng 11 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Ngọc Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 22 tháng 11 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Sơn
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 18105 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 231.001.075.T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 358 TBD42 Ấp An Sơn An Điền BC. BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Thùng kim loại dầu nhớt bao bì dính sơn, sứng mài thải	V			180102	330	TĐ
2	Cặn Cặn thải	V			080102	240	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C323.49

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hà Thế Phương Ký: ..... Ngày 20/11/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 20 tháng 11 năm 2023
M.S.D.N: 4700756584-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT * TX.BẾN CÁT-T.BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Ngọc Trung

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày ..... tháng 11 năm 2023
M.S.D.N: 3700145604 * CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG * TX.BẾN CÁT-T.BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1854 T /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương** ĐT: **02743.542.906** ĐT: **02743.543.644**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương** Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 231-14.001.073.T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 358 TBD42. Ấp An Sơn. An Điền. BC. BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Thùng kim loại đựng dầu nhớt bao bì thải sơn, dung môi thải	V			180102	396	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C 323 49

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Hữu Phương Ký: ..... Ngày 17/11/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Ngày 17 tháng 11 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Ngày 17 tháng 11 năm 2023
CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG – CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1809 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cp Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 2023 7240010755
Địa chỉ văn Phòng: ấp An Lợi, An Điền, Bến Cát, Bình Dương ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ấp An Lợi, An Điền, Bến Cát, Bình Dương ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải			✓	120606	390	TĐ
2	bao bì nhiễm loại	✓			180102	370	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61H-038.71

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Việt Hưng Ký: ..... Ngày 15/11/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 15 tháng 11 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Thắng

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 17 tháng 11 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 18062 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
ĐT: **02743.543.644**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 23174.001.073.T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 358 BD42 Ấp An Sơn An Điền BC BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau Thải	V			180201	190	TĐ
2	Thùng Kim loại dầu nhớt, bao bì dính Sơn, dung môi	V			180102	270	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C 32349

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hà Thị Phương Ký: ..... Ngày 10/11/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 10 tháng 11 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Tùng

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 10 tháng 11 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 10502 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
ĐT: **02743.543.644**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 2317400107373
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 358 TBD42 Ấp An Đa An Điền BC BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Thùng kim loại đã nhiễm, bao bì thuốc BVTV dung môi Thải	V			180102	120	TĐ
2	Cặn sơn Thải	V			080102	360	TĐ
3	Dung môi Thải		V		170803	650	TC
4	Giẻ lau Thải	V			180201	330	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C32349

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hà Thế Phương Ký: ..... Ngày 03/11/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Ngày 03 tháng 11 năm 2023
Nguyễn Ngọc Trang

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Ngày 06 tháng 11 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Phó Giám Đốc

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1110 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương** ĐT: **02743.542.906** ĐT: **02743.543.644**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương** Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 2023 1240010735T
Địa chỉ văn Phòng: Ấp An Lợi, An Điền, Bến Cát, BD ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp An Lợi, An Điền, Bến Cát, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì kim loại	~			18 01 02	180	TD
2	Giẻ lau	~			18 02 01	360	TD
3	Cặn sơn thải	~			08 01 02	400	TD
4	Dung môi thải		~		14 06 03	220	TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61H-008.71

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Việt Lũng Ký: ..... Ngày 29/12/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Bỉ ngày 29 tháng 12 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Thắng

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 06 tháng 12 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 0768 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**

Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cp Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 2023/740010+3-1
Địa chỉ văn Phòng: Ấp An Lợi, Xã An Điền, H. Bến Cát, T. Bình Dương ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Gỗ lau dính dầu	~			180201	270	TH
	bao bì cứng bằng kim loại	~			180102	180	TH

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61H-005.41

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Việt Hùng Ký: ..... Ngày 22/12/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 22 tháng 12 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Tùng

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 22 tháng 12 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2085 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Tô Việt Mã số QLCTNH: 2023 / 7400107357
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp An Sơn - An Điền Bến Cát BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	bùn thải			✓	120606	190	TD
2	bao bì cứng bằng kim loại	✓			180102	200	TD
3	Dung môi thải		✓		170803	510	TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61H-008.71

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Việt Hùng Ký: ..... Ngày 15/12/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Ngày 15 tháng 12 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ TÔ VIỆT
Nguyễn Ngọc Thung

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Ngày 15 tháng 12 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2014/2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 74.001.0737 -
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa Đất 358, Tờ bản Đồ 12, Ấp An Sơn, An Điền, Bến Cát, BD. ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn Sơn thải	V			080102	310	TĐ
2	Thùng Kim loại dính nhớt bao bì đựng sơn dùng rồi thải	V			180102	220	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển** 61C 071.47

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Văn Dũng Ký: Dũng Ngày 13/12/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày 13 tháng 12 năm 2023
Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt
Nguyễn Ngọc Thắng

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
....., ngày 16 tháng 12 năm 2023
M.S.C.N: 3700145694 CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG TX.BẾN CÁT-T.BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 199-11 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
ĐT: **02743.542.906**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 33/-74.001, 0-15, 1
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: thửa 358 TBD49 Ấp An Sơn - An Điền BC BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Thùng Kim loại dính sơn, dung môi Thải	V			180102	280	TĐ
2	Keo Thải	V			080301	280	TĐ
3	Giẻ lau Thải	V			180201	100	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C 323 49

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phan Thanh Long Ký: ..... Ngày 08/12/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD, ngày 08 tháng 12 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Thắng

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
BD, ngày 08 tháng 12 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1903 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** — Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**

Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương** — ĐT: **02743.542.906** / ĐT: **02743.543.644**

Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương** — Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 74.001.0-3.T

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Thửa 358, TBĐ 42 - Ấp An Sơn - An Điền - BC BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Thùng kim loại đính dầu nhớt bao bì chứa sơn, dung môi Thải	V			180102	300	TĐ
2	Cặn Sơn Thải	V			080102	160	TĐ
3	Dung môi Thải		V		170803	250	TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 6K 313.49

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hà Thế Phương Ký: ..... Ngày 29/11/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Ngày 29 tháng 11 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn (hoặc CTNH) bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Ngày 1 tháng 12 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Sơn

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ PHÒ GIÁM ĐỐC 4☑

Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 7275 /2024

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI** — Số giấy phép môi trường: 539/GPMT-BTNMT
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG — ĐT: **02743.542.906**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương** — ĐT: **02743.543.644**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương** — Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có): .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần kỹ nghệ Gỗ Việt Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có): 2021 / 71 001 073 T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp An Sơn, An Điền, Bến Cát, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Thùng kim loại, Bao bì dính SH	V			180102	373	TĐ
2	Cặn sơn thải	V			080102	168	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61H-008711

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Hoàng Linh Ký: ..... Ngày 3/5/2024
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD, ngày 3 tháng 5 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
BD, ngày 5 tháng 5 năm 2024
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 6960 /2024

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số giấy phép môi trường: 539/GPMT-BTNMT
ĐT: **02743.542.906**
ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có):.....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần kỹ nghệ Cao Việt ..... Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có): 2021/74.001.073.T
Địa chỉ văn Phòng:..... ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở: Ấp Ấp Sơn, An Điền, Bến Cát, BD ..... ĐT:.....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau	V			18020l	95	TĐ
2	Cặn sơn thải	V			08010d	575	TĐ
3	thùng kim loại đựng thải, bao bì đựng sơn, dung môi thải	V			18010d	362	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61H-00871

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Hoàng Linh Ký: ..... Ngày 26/04/2024
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký:..... Ngày.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày 26 tháng 04 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ CAO VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
....., ngày ..... tháng 4 năm 2024
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 6600 /2024

1. Chủ CS DV XL.CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Số giấy phép môi trường: 539/GPMT-BTNMT
ĐT: **02743.542.906**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương** ĐT: **02743.543.644**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương** Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có): .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ Việt Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH(nếu có): 7H.001.073.T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: thửa đất 358, TBDH2, Ấp An Sơn, An Điền, Bến Cát, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1/	Thùng kim loại đã nhiễm, Bao bì dính sơn, Dung môi thải	✓			180102	657	TD
2/	Cặn sơn thải	✓			080102	120	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C 11481

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Duy Bình Ký: ..... Ngày 19/4/2024
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD ngày 19 tháng 4 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
BC ngày 21 tháng 4 năm 2024
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 0182/2024/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**
Số Giấy phép môi trường 539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Phần Mỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 24 174. 001. 073.T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 358, TBĐ42, Ấp An Sơn, An Điền, BC, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cản Sơn Thải	V			080102	470	HD
2	Bao Bì Cứng Bằng Kim Loại	V			180102	187	HD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61L 393.49

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trần Thế Phương Ký: ..... Ngày 12/04/24
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD, ngày 12 tháng ..... năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 10 tháng 4 năm 2024
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 5-143 /2024 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**
Số Giấy phép môi trường : 539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 2474,001,093.T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 358. TBD42. Ấp An Sơn. An Điền. BC. BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao Bì Cứng bằng kim loại	V			180102	180	TD
2	Giẻ lau thải	V			180201	400	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C 323 49

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Thị Phương Ký: ..... Ngày 05/04/24
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD, ngày 05 tháng 04 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
BC, ngày 4 tháng 4 năm 2024
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 5288 /2024 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
ĐT: **02743.543.644**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Fax: **02743.542.907**
Số Giấy phép môi trường 539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 241-14001.0731
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 359 TBD 47 Ấp Bến Ấn Định BC. BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao Bì Cứng Bằng Kim loại	√			180202	400	TD
2	Vecni Thải	√			080301	288	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C 323.49

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Thế Phương Ký: ..... Ngày 29/03/24
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD ngày 29 tháng 01 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Thuận

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
BD ngày 06 tháng 3 năm 2024
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 5021/2024/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.806**
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
ĐT: **02743.543.644**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Fax: **02743.542.907**
Số Giấy phép môi trường: 539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 3702174081075.1
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp An Lợi An Điền Bến Cát BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Keo thải	x			080301	480	TD
2	Bụng Cleo	x			160106	30	TK
3	Dung môi		x		17-08-03	1010	TC
4	Giẻ Lau	x			180201	500	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C-08871

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Việt Hùng Ký: ..... Ngày 16/5/2024
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-5 (hoặc 6)
....., ngày 16 tháng 5 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
....., ngày ..... tháng 5 năm 2024
CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 4781 /2024 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**
Số Giấy phép môi trường: **539/GPMT-BTNMT**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ Phần kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 74.001.073.1
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất 359 tờ bản đồ 112, Ấp Sở, An Điền, BC, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Thùng kim loại đựng dầu nhớt, bao bì đựng Sơn, dung môi thải	V			18 01 02	770	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61H.07271

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trần Anh Quốc Ký: ..... Ngày 22/03/2024
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 22 tháng 03 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 26 tháng 3 năm 2024
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...../202..../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**
Số Giấy phép môi trường 539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt (Chi nhánh) Mã số QLCTNH: 2024174000107 5-1
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp An Sơn An Điền Bến Cát BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Gỗ loại đính đầy	✓			18020 1	400	TĐ
2	bao bì thuốc trừ	✓			18020 1	398	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61H-00871

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Việt Hùng Ký: ..... Ngày 15/3/2024
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày 15 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
....., ngày ..... tháng 3 năm 2024

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3860 /2024/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**

Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
ĐT: **02743.543.6**
Fax: **02743.542.907**

Số Giấy phép môi trường 539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Cô Việt Mã số QLCTNH: 2417-4.001.073.1
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 355 TBĐ 42. Ấp An Sơn. An-Điền BC. BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới dây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Keo Thải	V			080301	450	TD
2	Bao Bì Cứng bằng Kim loại	V			18 0102	200	TD
3	Dầu Mài Thải		V		170803	400	TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C323.49

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Thị Phương Ký: ..... Ngày 08/03/24
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 08 tháng 03 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ CÔ Việt
Nguyễn Ngọc Trang

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày ... tháng 3 năm 2024
CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3421 /2024 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**
Số Giấy phép môi trường 539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 74.001.013.T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa Đất 358 Tờ bản Đồ 42, Ấp An Sơn, An Điền, Bến Cát, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Thùng Kim loại dầu nhớt, bao bì lưng Sơn dùng mới Thải	V			180102	250	TD
2	cặn Sơn Thải	V			080102	300	TD
3	giẻ lau	V			180201	220	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C-071.217

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Văn Đăng Ký: Đăng Ngày 11/3/2024
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 11 tháng 3 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày ..... tháng ..... năm 2024
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3364 /2024/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**

Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**
Số Giấy phép môi trường : 539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 74.001.073.T.
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42 Ấp An Sơn, An Điền ĐT: BC, BD

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Thùng Kim loại đựng dầu nhớt, bao bì đựng sơn dùng mới thải	V			180102.	450	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61071447

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Văn Đăng Ký: Đăng Ngày 29/2/2024
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD ngày 7 tháng 2 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
BC ngày 7 tháng 3 năm 2024
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3261 /2024 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**

Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.908**
ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**
Số Giấy phép môi trường 539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 2417-4.001.073.T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 358, TBD42, Ấp An Sơn, An Điền, BC, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn Sơn thải	V			080102	140	TĐ
2	Giẻ lau thải	V			180201	350	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C 323.49

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Thị Phương Ký: ..... Ngày 28/02/24
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD ngày 28 tháng 02 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
BC ngày 28 tháng 2 năm 2024
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☐
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2973 /2024 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**

Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.986**
ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**

Số Giấy phép môi trường 539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 2217A001005
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 358 TBĐ 42, Ấp An Bình, An Điền, Bến Cát, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn Sơn Thải	V			080101	470	TD
2	Giẻ Lau Thải	V			180201	480	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C325.49

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Thị Phương Ký: ..... Ngày: 31/01/24
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD, ngày 31 tháng 1 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
....., ngày 31 tháng 1 năm 2024
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG – TX. BẾN CÁT-T.BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 100/202../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
ĐT: **02743.543.66** Giấy phép môi trường
Fax: **02743.542.907** 539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 7A0010734
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp An Sàn, An Điền, BC, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ Lau thải	✓			180201	620	TĐ
2	Cặn Sơn thải	✓			080102	840	TĐ
3	Keo thải		✓		080301	900	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C07124

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Duy Tâm Ký: Tâm Ngày 2-2-2024
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày 02 tháng 02 năm 2024
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
..... ngày 2 tháng 2 năm 2024
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...XX.../2023/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**

Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906** **Số Giấy phép môi trường**
ĐT: **02743.543.644** **539/GPMT-BTNMT**
Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Lắp Kỹ Nghệ Gò Việt Mã số QLCTNH: 2024/74001015.T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp Ấp Sến An Điền Bến Cát BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Thùng nhựa đựng dầu	~			180101	320	TĐ
2	Giẻ lau	~			180201	250	TĐ
3	Keo thải	~			080301	280	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 60H-108.71

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Việt Hùng Ký: ..... Ngày 1/12/2024
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày 1 tháng 12 năm 2024
Nguyễn Ngọc Trung

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
....., ngày ... tháng 12 năm 2024
CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1210 /2024/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906** **Số Giấy phép môi trường**
ĐT: **02743.543.644** **539/GPMT-BTNMT**
Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Lốp Việt Mã số QLCTNH: 74.001 073.T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 22, Ấp An Sơn, An Điền, BC, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn Sơn Thải	V			080102	290	TD
2	Dung môi Thải		V		170803	420	TC
4	Giẻ lau	V			180201	350	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C 011.47

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Văn Đăng Ký: Đăng Ngày 30/1/2024
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 30 tháng 1 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ LỐP VIỆT
Trương Ngọc Thắng

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 2 tháng 2 năm 2024
CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**

Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương** ĐT: **02743.542.906** ĐT: **02743.543.644**

Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương** Fax: **02743.542.907**

Số Giấy phép môi trường 539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH:.....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải:..... Mã số QLCTNH:.....
Địa chỉ văn Phòng:..... ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở:..... ĐT:.....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1				x	12 0606	400	TĐ
2		x			18 0102	235	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61H-[illegible]

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Việt Hùng Ký: Ngày 24/1/2024
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký:..... Ngày.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày 24 tháng 1 năm 2024

Nguyễn Ngọc Thắng

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày..... tháng 1 năm 2024

Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 691 /2024/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**
Số Giấy phép môi trường 539/GPMT-BTNM

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 7400107[illegible]
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Cụm Sản Xuất Lô An Điền Bến Cát Bình Dương ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Gỗ Sản Thải	x			03 08 02	610	TD
2	Dầu mỡ Thải		x		17 05 03	520	TC
3	Bao bì đã Nhiễm Thành Phần	x			18 01 01	30	HR
4	Thùng kim loại đựng dầu nhớt	x			18 02 02	340	TD
	bao bì đựng sản phẩm				18 01 02		

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C26581

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Trần Linh Ký: Ngày 19/1/2024
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày 19 tháng 1 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Thắng

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
....., ngày 19 tháng 1 năm 2024
CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI 2024

Số: 337 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**
Số Giấy phép môi trườ
539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 24174.001.073.T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 352 TBD 49 Ấp An Sơn An Điền BC BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Gỗ loại Thải	V			180201	390	TH
2	Bao Bì Cứng bằng Kim loại	V			180102	320	TH

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C 323.49

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hà Thị Phương Ký: ..... Ngày 12/01/24
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD, ngày 12 tháng 01 năm 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Hưng

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
BC, ngày 12 tháng 1 năm 2024
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG TX BẾN CÁT-T.BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 522 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**

Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**

ĐT: **0273. 542. 906**

Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương**

ĐT: **0273. 542. 644**

ĐT: **0273. 542. 907**

Số Giấy phép môi trườ 539/GPMT-BTNM

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 74.001.073.T

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Thửa Đất 358, Tổ Bản Đồ 42, Ấp An Sơn, An ĐT: Điền, BC., Bình Dương

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ dủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn Sơn thải	✓			080102	180	TĐ
2	Dung môi thải		✓		170803	480	TC
3	Thùng Kim loại dính thải bao bì đựng Sơn dung môi thải	✓			180102	450	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C 071.47

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Văn Dũng Ký: Dũng Ngày 6/1/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

BD, ngày 6 tháng 1 năm 2024

Nguyễn Ngọc Tăng

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BC, ngày 8 tháng 1 năm 2024

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑

Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 4.2 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: **02743.542.906**
ĐT: **02743.543.644**
Fax: **02743.542.907**

Sở Giấy phép môi trường
539/GPMT-BTNMT

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần sợi nghệ nhà việt Mã số QLCTNH: 74.001.078 T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: TDS 358, TDDS 42, Á Sơn, Phường BC BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Bao thải	V			080301	430	TĐ
	Các loại bao bay dính dầu nhớt	V			180201	400	TĐ
	Cặn Sơn	V			080102	400	TĐ
	thùng kim loại dính dầu nhớt	V			180102	300	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61D 32349

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phan Thanh Long Ký: ..... Ngày 5/1/24
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày 5 tháng 1 năm 2024

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
....., ngày 4 tháng 1 năm 2024

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số 290 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 02743. 542. 906 ĐT: 02743. 543. 644
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Cty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 74.001.0751
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Đường Đồ 2, Ấp An Sơn, An Điền ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Keo thải	x			08501	1.000	TD
2	Cặn sơn thải	x			08502	32.0	TD
3	Bao bì kim loại	x			18052	165	TD
4	Giẻ lau	x			18501	450	TD
5							
6							
7							
8							
9							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 51H-006.51

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Đỗ Văn Hồng Ký: Ngày: 1/1/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Ngày 1 tháng 1 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Đặng Thị Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Ngày 3 tháng 1 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Bùi Thanh Phi
Phó Giám Đốc

Lưu ý: Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Màu hồng (Chủ Nguồn Thải Có Mộc)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 364 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 02743. 542. 906 ĐT: 02743. 543. 644

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 22174. C01. 076.1

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Lô B53. TB042 Đường Đi An Thới BC. BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn Sơn Thải	V			08012	113	TD
2	Dung môi Thải		V		17803	667	TC
3	Bao Bì Kim loại	V			18102	174	TD
4							
5							
6							
7							
8							
9							

Ghi tần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô tạp/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng: ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C. 315.29

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ T.K Phương Ký: ..... Ngày: 07/01/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Ngày 07 tháng 01 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Ngày 9 tháng 1 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Bà Thanh Phi

Phó Giám Đốc

0 Liên số ☐ ☐ 3☐ 1☐ 4☑

Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

Mẫu hồng (Chủ Nguồn Thải Có Mộc)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 431 /2025 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 02743. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 02743. 543. 644
ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:
Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:
ĐT:
Địa chỉ cơ sở:
ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt
Mã số QLCTNH: 7215/24CS 07?7
Địa chỉ văn phòng: Ấp An Sơn An Điền Bến Cát BD
ĐT:
Địa chỉ cơ sở:
ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cây lau bụi bị phân loại Cao Su	-			18C101	300	TD
2					18C102	323	TD
3		-			08C102	516	TD
4							
5							
6							
7							
8							
9							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61H-005 71

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Viết Hưng Ký: Ngày: 9/1/2025
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 9 tháng 1 năm 2025
M.S.D.N: 3700756334-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT Khu phố 1 BẾN CÁT-T.BÌNH DƯƠNG

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 1 tháng 1 năm 2025
M.S.D.N: 3700145691-BQ.C.T.C.P CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG KP.1B BẾN CÁT-T.BÌNH DƯƠNG
Bùi Thanh Phi
Phó Giám Đốc

Ⓞ Liên số ☐ ☐ 3☐ 1☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Mẫu hồng (Chủ Nguồn Thải Có Mộc)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 602 /2025 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 02743. 542. 906 ĐT: 02743. 543. 644

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cp Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 2043/-[illegible]

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Ấp An Tịn An Điền Bến Cát BD ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ Lau	✓			18 02 01	440	TD
2	Bóng Đèn		✓		16 01 06	220	TC
3	Bao Bì Nhiễm Thành Phần	✓			18 01 01	350	TD
4							
5							
6							
7							
8							
9							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế), TH (Trung hoà), PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa), OH (Oxy hoá), SH (Sinh học), ĐX (Đồng xử lý), TĐ (Thiêu đốt), HR (Hoá rắn), CL (Cô lập/đóng kén), C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61H-[illegible]

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Thế Dũng Ký: Ngày: 11/1/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày 11 tháng 1 năm 2025

M.S.D.N: 3700788534-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT * TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG

Ngọc Trang

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 10 tháng 1 năm 2025

M.S.D.N: 3700456694-008-C.T.C.P * CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG * TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG

Bế Thanh Phi
Phó Giám Đốc

Liên số 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☑

Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Màu hồng (Chủ Nguồn Thải Có Mộc)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 745 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 02743. 542. 906 ĐT: 02743. 543. 644

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau	x			18 02 01	300	TC
2	Dung môi thải		x		17 08 04	200	TC
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							

Ghi tần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61H-05...

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Văn Dũng Ký: Ngày: 03/1/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Ngày 3 tháng 1 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Ngày 16 tháng 1 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Bồ Thanh Phi
Phó Giám Đốc

Đ Liên số ☐ ☐ 3☐ 1☐ 4☑

Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTI)

Màu hồng (Chủ Nguồn Thải Có Mộc)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số 133 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 02743. 542. 906 ĐT: 02743. 543. 644

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn Sơn Thải	V			08 01 02	410	TH
2	Giẻ lau Thải	V			18 02 01	320	TH
3	Hộp Thải	V			08 01 01	620	TH
4							
5							
6							
7							
8							
9							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:**

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Ký: Ngày: 31/01/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Ngày 30 tháng 01 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ CAO VIỆT

Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Ngày 31 tháng 1 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Bà Thanh Phi
Phó Giám Đốc

Ⓐ Liên số ☐ 2☐ 3☐ 1☐ 4☑

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Mẫu hồng (Chủ Nguồn Thải Có Mộc)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1634 /2023/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 02743. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 02743. 543. 644 ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Cty CT hữ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 74 COI 073-1
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: Ấp Sặp, Ấp Đình, Bến Cát BD ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại: Rắn	Lỏng	Bùn	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
1	Cặn sơn thải	x			080102	560	TD
2	giẻ lau	x			180201	530	TD
3	Bao bì kim loại	x			180102	160	TD
4							
5							
6							
7							
8							
9							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (Ghi phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H-003.71

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Văn Dũng Ký: Ngày: 6/2/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD ngày 2 tháng 2 năm 2023
M.S.D.N: 3700756534-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ * T.P BẾN CÁT-T. BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Ngọc Trung

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
BC ngày 2 tháng 2 năm 2023
M.S.D.N: 3700145694-003-C.T.C.P * CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG * T. BẾN CÁT-T. BÌNH DƯƠNG
Bế Thanh Phú
Phó Giám Đốc

Liên số: 2☐ 3☐ 1☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Màu hồng (Chủ Nguồn Thải Có Mộc)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2034 /2023 ..../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương — ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương — ĐT: 0273. 542. 644 / ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 2274 QLCTNH: 1

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Lô 355 TĐ12 Ấp An Sơn AD TC BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chứa đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Giẻ lau thải	V			18020 1	420	TD
	Cặn sơn	V			08102	190	TD
	Bao bì kim loại	V			18002	165	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C 323 41

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Thị Phương Ký: ..... Ngày 12/12/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

BD, ngày 12 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trung

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

....., ngày 12 tháng 12 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Bế Thanh Phi
Phó Giám Đốc

Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑

Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ..../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	50	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa), OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: .....

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Văn Đông ..... Ký: ..... Ngày 23/1/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BTD ngày 23 tháng 1 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
BC ngày 31 tháng 1 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 7 [illegible]
Địa chỉ văn Phòng: [illegible] ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: [illegible] ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Thùng chứa hóa chất	x			18102	900	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: [illegible]

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: [illegible] Ký: [illegible] Ngày [illegible]
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1+4 (hoặc 5)
..... ngày ..... tháng ..... năm .....
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
....., ngày ..... tháng ..... năm .....

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☑ 4☐
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 2317A.00.07.1
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Lô 355 TBD2 Ấp An Sơn An Điền, Bến Cát, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Cặn sơn thải	V			080201	330	
	Dung môi		V		170803	660	
	Bao bì kim loại	V			150102	180	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 332.49

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ..... Ký: ..... Ngày 04/03/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày 04 tháng 03 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
....., ngày ..... tháng ..... năm .....

@ Liền số 1☐ 2☐ 3☑ 4☐
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 644 ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: CT... Mã số QLCTNH: 7-00-0731
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau	V			180201	245	
1	Bao bì [illegible]	V			180102	265	265
3	[illegible]	V			090201	90	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa), OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn), CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: [illegible]

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Văn Dũng Ký: ..... Ngày 4/3/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
T.P, ngày 4 tháng 3 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
..... ngày ..... tháng ..... năm .....

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☑ 4☐
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0273. 542. 906
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chứa đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1							
2							
3							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** .....

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ..... Ký: ..... Ngày .....

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☑ 4☐

Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương — ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương — ĐT: 0273. 542. 644 / ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1							
2			V				

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** .....

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ..... Ký: ..... Ngày .....

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trang

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☑ 4☐

Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 644 / ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty C Phần kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 74. CCC. 837T

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Ấp Bà Đo, Q. Dầu Tiếng, Bình D ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao thải	V			18 1 06	500	
2	Giẻ lau	V			18 02 01	100	
3	Bao bì kim loại	V			18 01 02	200	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng: ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61 D - 2 3 9

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Văn Dũng Ký: ..... Ngày 11/12/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

T. Đ ngày 7 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☑ 4☐

Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3645 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 231-14.001.073.1
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 255 TBĐ42 Ấp An Sơn - An Điền BC BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao Bì Kim Loại	V			160102	500	TD
2	Bóng Đèn	V			160106	50	HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 327.44

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: H. Thị Phương Ký: ..... Ngày 13/03/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày 13 tháng 03 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
DC, ngày 14 tháng 3 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 5402 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0273. 542. 906
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: CTy CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 93-1-14.001.21

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Thửa 358 TBĐ 42 Ấp An Sơn An Điền BC BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau thải	V			18 02 01	100	TD
	Bao bì kim loại	V			18 01 02	270	TD
	Dung môi thải		V		17 08 03	450	TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 313.47

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Thị Phương Ký: ..... Ngày 17/03/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày 17 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 20 tháng 3 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑

Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số 4031 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 75174.QLCTNH
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 355 TBD 11 Ấp An Sơn An Điền Bến Cát BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Dung môi Thải	V			170503	375	TC
	Giẻ Lau Thải	V			180201	200	TD
	Bao Bì Các loại	V			180101	460	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 323.47

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Thị Phương Ký: ..... Ngày: 20/05/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD ngày 07 tháng 05 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
BK ngày 22 tháng 5 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 585 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: CT Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 74.000173.T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp 4 - Xã Định Hiệp - Dầu Tiếng - Bình Dương ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng Sơn dung môi thải	V			180102	400	TĐ
2	Giẻ Lau	V			180201	140	TĐ
3	Cặn Sơn thải	V			080102	990	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** CH 00859

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Văn Dũng Ký: ..... Ngày 24/3/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Bình Dương ngày 24 tháng 3 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 24 tháng 3 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI - CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...../2023 ... /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương — ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương — ĐT: 0273. 542. 644 / ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở. ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty Cổ Phần CN Nghề Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 2517A001.073T

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Lô 35c TB-D42 Ấp An Lộc An Điền BC BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Bao Bì Nhiễm Hóa Chất	V			180102	400	TC
	Bóng Đèn	V			160106	32	HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 60C 38 421

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hà Thị Phương Ký: ..... Ngày: 27/03/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Ngày 27 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số: 1☐ 2☐ 3☐ 4☑

Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 4175 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 7317A.001.075.1
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 358 TBĐ 42, Ấp An Sơn An Điền BC ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì Kim loại	V			180102	110	TD
2	Giẻ lau thải	V			180201	230	TD
3	Bùn thải			V	120606	520	TD
4	Dung Môi		V		170503	230	TH

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 323.41

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Thị Phương Ký: ..... Ngày 31/03/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD ngày 31 tháng 03 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 08 tháng 11 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số 0077[illegible] /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** — Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**

Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương** — ĐT: 0273. 542. 906 / ĐT: 0273. 542. 644

Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương** — ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 7[illegible].073.T

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Ấp An Sơn, An Tây, Bến Cát, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ Lau	V			180201	100	TĐ
2	Dầu mỡ thải	V			170503	210	TĐ
3	Bao bì đựng sơn dính dầu mỡ thải	V			180102	220	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61 005 29

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Văn Dũng Ký: Dũng Ngày 31/12/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

BD ngày 007565 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trang

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 5 tháng 1 năm 2024

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑

Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 6925 /2023/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 7015 [illegible]
Địa chỉ văn Phòng: [illegible] ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp Bà Tên Bến Cát Bình [illegible] ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Giẻ lau bóc bì nhiễm loại	~			18 02 01	240	TD
		~			18 01 01	240	TD
	Keo thải	~			08 03 01	240	TD
	Dung môi thải			~	12 06 05	400	TD
			~		17 06 03	230	TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H-18.34

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Văn Hùng Ký: ..... Ngày: 21/11/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 21 tháng 11 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
21 tháng 11 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Tân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số: 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1637 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 905

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 644 / ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 2317.4.001.073.1

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Lô 358 IBD42 Áp Mỹ Lộc, An Điền, H. BC ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn sơn	V			080102	270	TT
2	Bao bì kim loại	V			150102	400	TT

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 32341

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Thị Phương Ký: ..... Ngày 14/04/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

....., ngày 04 tháng 04 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BC, ngày 16 tháng 11 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑

Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 5920/2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cp kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH 1015/-HCM/GP-S.T.
Địa chỉ văn Phòng: Ấp An Tân An Điền Bến Cát BD ĐT .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp An Tân An Điền Bến Cát BD ĐT .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Giẻ lau bao bì thải lót dung môi	✓			18020 1	440	TD
		✓			18901 2	240	TD
			✓		12063	430	TC
		—	—	—			

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kèn); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H-025.11

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Việt Hưng Ký: ..... Ngày 24/11/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 24 tháng 11 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 24 tháng 11 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 6282 /2023 1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 644 ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH .....

Địa chỉ văn Phòng ..... ĐT .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT .....

3. Chủ nguồn thải: Cty Cổ Phần ... Mã số QLCTNH .....

Địa chỉ văn Phòng ..... ĐT .....

Địa chỉ cơ sở: ... ĐT .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Keo thải	V			080301	350	TH
2	Giẻ lau	V			180201	220	TH
3	Bao bì thùng sơn thuộc mài	V			180102	0,30	TH

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

.. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61H 00359

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Văn Dũng Ký: ... Ngày 3/4/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày 5 tháng 4 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 20 tháng 4 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑

Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 646 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 644 / ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty CP kỹ nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: TD 258, Tiến Hưng, Dĩ An, Bình Dương, BC 139 ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Giẻ lau	✓			18 02 01	200	TH
	Cặn Sơn	✓			08 01 02	310	TH
	Thùng kim loại	✓			18 01 02	420	TH
	Bóng đèn	✓			16 01 06	35	HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C-07147

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: N Quyền V Trung Ký: ..... Ngày 5.5.23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
..... ngày 5 tháng 5 năm 23
M.S.D.N: 3700756534 CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Ngọc Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
..... ngày 11 tháng 11 năm 2023
M.S.D.N: 3702345694-001 CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG TX. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Dân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 7304 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 906
ĐT: 0273. 542. 644
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 1073-400103[illegible]
Địa chỉ văn Phòng: [illegible] ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: [illegible] ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Cặn sơn bao bì thải lẫn dung môi hữu cơ	x			18 02 01	280	TD
		x			18 02 02	160	TD
			x		12 08 03	440	TC
		x			08 04 01	460	500 TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H-00329

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Việt Hưng Ký: ..... Ngày 12/5/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 12 tháng 5 năm 2023
M.S.D.N: 3700145694 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT TX. BẾN CÁT-T. BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Ngọc Thắng

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 11 tháng 5 năm 2023
M.S.D.N: 3700145694 C.T.C.P CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG TX. BẾN CÁT-T. BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0273. 542. 906
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cp Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp 2 - Tx Bến Cát - Bình Dương ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Cao Su bụi thu hồi				07 08 02	44	CT
					12 06 05	350	
					16 01 06	350	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C-[illegible]

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Viết Hưng Ký: ..... Ngày .....
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày ..... tháng ..... năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
TX. BẾN CÁT-T. BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày ..... tháng ..... năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TX. BẾN CÁT-T. BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑

Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1605 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT. 0273. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty Cổ Phần Cơ Việt Mã số QLCTNH: 74.000673.T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 366 TBĐ 12 Ấp AC - Ấp Đ. BC BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chứa đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			V	12606	200	TD
2	Bao bì kim loại	V			18062	250	TD
3	Dung môi thải		V		17063	210	C

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61 H3 A9

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ..... Ký: ..... Ngày 22/05/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 30 tháng 05 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ CƠ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 30 tháng 05 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Tân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☑ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1362 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 644 / ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 2317.000.073.T

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Khu 158 TBD 42, Ấp An Sơ, An Điền, Bến Cát, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau thải	✓			18 02 01	100	TĐ
2	Bao bì kim loại	✓			18 01 02	500	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61 B3 42.1

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hà Thị Phương Ký: ..... Ngày 26/5/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày 26 tháng 05 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 31 tháng 5 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑

Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1659 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty CP kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 7400102221
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp An Sơn, An Điền, BC, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì đựng sơn dụng rỗng	V			18010	50	TH
2	Dung môi thải		V		170803	210	TC
3	giẻ lau	V			18201	500	TH

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H00859

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Văn Đông Ký: Đông Ngày 21/6/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD, ngày 7 tháng 6 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 11 tháng 6 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 4131/2023/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 644 ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cp Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 7015124602013

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Ấp Ấp Tân An Bình Hòa Cát Bỉ ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại: Rắn	Lỏng	Bùn	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
	bùn thải			✓	12606	370	TD
	bao bì thải nhiễm thải	✓			18901	240	TD
	Dung môi		✓		17603	340	TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 08211

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Viết Hùng Ký: ..... Ngày 5/6/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày 5 tháng 6 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 1 tháng 6 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Tân

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑

Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1941 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** — Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương — ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương — ĐT: 0273. 542. 644 / ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt — Mã số QLCTNH: 2 5 1 4 0 0 1 C T 2 . 1

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Thửa 555 Tờ B12 Ấp An Sơn - An Điền TX BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Hộp Thải	V			08 01 01	250	TH
2	Dung môi Thải		V		17 08 05	220	TC
3	Bao Bì Kim loại	V			15 01 02	380	TH

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chuết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp), SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 363.40

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hà Thế Phương ..... Ký: ..... Ngày 4/6/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày 02 tháng 6 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 11 tháng 6 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ PHÓ GIÁM ĐỐC 4☑

Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2134 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 644 / ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 74 000 013.T

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Thửa 358 TBĐ42 - Ấp An Sơn - An Điền - BC BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau thải	V			180201	200	TP
2	Bao bì kim loại	V			190102	190	TP

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 323.44

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Thị Thương Ký: ..... Ngày 12/06/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

....., ngày 12 tháng 06 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

....., ngày 11 tháng 6 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑

Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1435 /2023. ...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương — ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương — ĐT: 0273. 542. 644 / ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Thửa 358 TBĐ 42 Ấp Mới - An Điền BC BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại: Rắn	Lỏng	Bùn	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
1	Cặn Sơn Thải	V			080102	80	TD
2	Bao Bì Nhiễm Hoá Chất	V			180102	87	
3	Dung môi Thải		V		080303	225	TC
	Các Loại Vật Liệu Nhiễm Hoá Chất	V			150202	87	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng: ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C 323.47

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hà Thế Phương Ký: ..... Ngày 26/06/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày 30 tháng 6 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 30 tháng 6 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Sơn
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số: 1☐ 2☐ 3☐ 4☑

Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1976/2023/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
ĐT: 0273. 542. 906
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cp Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 3700[illegible]
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp An Tây, An Điền, Bến Cát, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Dung môi - thải bao bì thuốc lỏng		✓		18 02 C3	170	TC
	Gỉ lau	✓			18 02 02	120	TH
	Keo - thải	✓			18 02 01	260	TH
		✓			08 04 01	350	TH

Ghi tần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H-[illegible]

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Viết Huy ..... Ký: ..... Ngày 13/6/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 7 tháng 6 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày ..... tháng ..... năm .....
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Tân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 549 /2023/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 644 / 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Cty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 25-H4.001.022
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 359, TBĐ 40 - Ấp An Sơn - An Điền - BC BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cắt Sơn	V			080102	60	TT
2	Bao Bì Kim Loại	V			180102	290	TT
3	Dung môi Thải		V		170503	140	C
4	Bùn - Dầu	V			160106	30	HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H 323.40

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Thị Phương Ký: ..... Ngày 26/06/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (mục 5)
Ngày 26 tháng 06 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Ngày ..... tháng ..... năm .....
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC, MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số 10232 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 355 TBĐ 42 Ấp An Sơn An Điền - BC BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao Bì, thùng Kim loại đựng Sơn, dung môi Thải	V			180102	375	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 323.49

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Thị Phương Ký: ..... Ngày 30/06/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 30 tháng 06 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 07 tháng 7 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 0141 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0273. 542. 906
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty CPhần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 7[illegible]

Địa chỉ văn Phòng: [illegible] ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Lô 35 - 1BD 42 Ấp An Sơn An Điền Bến Cát BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dung dịch thải có thành phần Xử lý Nhũ tương			V	120606	200	TD
2	Giẻ lau thải	V			180201	160	TD
3	Thùng kim loại thải dính dầu nhớt	V			150102	250	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng: ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61 [illegible]

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: [illegible] Ký: ..... Ngày: 1/7/23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

BD, ngày 1 tháng 7 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

NGUYỄN VĂN NGHỆ

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

BD, ngày 1 tháng 7 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑

Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1407 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0273. 542. 644 / ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ phần Kỹ Nghệ Hà Việt Mã số QLCTNH: 3700107657
Địa chỉ văn Phòng: Ấp An Sơn, Xã An Điền, Bến Cát, Bình Dương ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Cán Sơn thừa	1			ORA162	300	TP
	Giẻ lau	2			180101	240	TP
	Thùng phuy nhựa đính dầu	3			150102	550	TP

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61H-(0.5.11

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Việt Hưng Ký: ..... Ngày: 14/12/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày 14 tháng 12 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ HÀ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trung

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng)** xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Ngày 14 tháng 12 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hưng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1339 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2. ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cp Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 7015240001075
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp Bàu Tre, Thị Trấn Bến Cát, Bình ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Cáu bẩn đính dính	x			18020	240	TĐ
	Bao bì thải bằng kim loại đựng	x			18010	580	TĐ
	Sơn dung môi						
	Keo thải	x			080501	350	TĐ
	Dung môi thải		x		120803	620	TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61A-00xx

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Văn Hưng Ký: ..... Ngày 20/2/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 7 tháng 7 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 2 tháng 2 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Tân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1490 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
ĐT: 0273. 542. 906
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 7225.1.4.000.5.T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp An Lợi, An Điền, Bến Cát, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới dày nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Giẻ lau thùng phuy dính sơn dung môi hữu cơ	✓			18 02 01	190	TD
		✓			18 02 02	320	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H-054.31

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Xuất Dũng Ký: ..... Ngày: 22/12/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 7 tháng 12 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 7 tháng 1 năm 2024
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1908 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: 0273. 542. 906
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cp Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 1013.2.0000.235
Địa chỉ văn Phòng: ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Cụm Công Nghiệp Dịch Vụ Phú Hòa Chánh Phú Hòa ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Dung môi thải gồm hỗn hợp dung dịch		L		120805	200	TC
	Giẻ lau dính dầu	C			180201	100	TH
	Thùng hộp nhựa dính dầu	C			180201	160	TH

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kèn); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C-0.321

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Việt Hùng Ký: ..... Ngày 21/2/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày 21 tháng 2 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 21 tháng 2 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑

Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 147 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương — ĐT: 0273. 542. 906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương — ĐT: 0273. 542. 644 / ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 7013724001075.7
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp An Lợi An Điền Bến Cát BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại: Rắn	Lỏng	Bùn	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
	Cát lẫn dầu thải, bao bì dính dầu nhớt, giẻ dính dầu nhớt	✓			18 02 01	200	TH
		✓			18 02 02	300	TH

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H-[illegible]

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Việt Hùng Ký: ..... Ngày 14/2/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 14 tháng 2 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày ..... tháng ..... năm .....
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☐
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI — Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG — ĐT: 02743.542.906
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương — ĐT: 02743.543.644
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương — Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cp Kỹ Nghệ Gỗ Việt ..... Mã số QLCTNH .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp An Tây An Điền Bến Cát BD ..... ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau dính dầu	✓			18 02 01	250	TH
2	Thùng nhựa loại đựng dầu nhớt						
	bao bì cứng thải bằng nhựa	✓			18 01 01	310	TH
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	500	TH

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C-02824

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Xuân Hồng ..... Ký: ..... Ngày 10/8/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày 10 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 10 tháng 08 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Lân

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑

Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 12903 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương — ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương — ĐT: 0273. 542. 644 / ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 74.021.073.7

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Thửa 11 & 258 Tờ Bản Đồ 42, Ấp An Sơn, An Điền ĐT: Bến Cát, Bình Dương

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau	V			180201	340	TH
2	Dung môi thải		V		170803	630	CHH
3	Thùng chứa loại dầu nhớt, Bao	V			150102	250	TH
	bì đựng sơn dung môi thải						

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá), SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C-071.47

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Văn Thăng Ký: ..... Ngày 18/8/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

30, ngày ..... tháng ..... năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

..... ngày ..... tháng 08 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☒

Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1440 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
ĐT. 0273. 542. 906
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2. ..... Mã số QLCTNH .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Cao Việt Mã số QLCTNH 3 7 4 0 1 0 7 3 T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 355 TBD42 Xã An Sơn - H. Dĩ An - BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chứa đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Thùng kim loại đựng hóa chất, bao bì chứa sơn dung môi thải	V			180102	380	TB
2	Dung môi thải		V		170803	410	CCM

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 325.49

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Thị Phương Ký: ..... Ngày 23/05/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (trước đó)
Bình Dương, ngày 27 tháng 05 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ CAO VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Chingày.nm. 27 tháng 05 năm 2023

CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số:...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 906

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0273. 542. 644
ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: .....Mã số QLCTNH.....
Địa chỉ văn Phòng: .....ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở: .....ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt.....Mã số QLCTNH: 74.000.(73)
Địa chỉ văn Phòng:.....ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 358 TBĐ2 Ấp An2 - An Điền BC DD.....ĐT:.....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cục tàu thải	V			18061	240	
2	Mùn cưa, tàu phế bỏ	V			18062	250	
	Bì thải, Sắt, dụng cụ						

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61-133.21

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Thị Phương.....Ký:.....Ngày 25/08/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: .....Ký:.....Ngày.....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)**

....., ngày 25 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

Nguyễn Ngọc Trang

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4**

....., ngày.....tháng.....năm.....

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☑ 4☐

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1493 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
ĐT: 02743.542.906
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
ĐT: 02743.543.644
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 93174.001.073.7
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 358 TBD 42 Ấp An Sơn An Điền BC BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Cặn Sơn Thải	V			080102	640	TD
2	Dung môi Thải		V		170903	110	TC
3	Giẻ lau, bao tay dính hoá chất	V			180202	440	TD
4	Thùng Kim loại thải nhiễm, bao bì	V			150102	90	TD
	Thùng Sơn, dung môi						

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển** 61C 525.19

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hà Thế Phương Ký: ..... Ngày 05/09/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 05 tháng 09 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. **Chủ CS DV XL CTNH** (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 05 tháng 9 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 0110 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương** ĐT: 02743.542.906 ĐT: 02743.543.644
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương** Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 3572.00.022.1
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 358 BD42 Ấp 1A Xã An Điền BC T.D ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại: Rắn	Lỏng	Bùn	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
1	Thùng kim loại đã chứa bóng đèn	V			180102	320	TT
	Sử dụng nội thất						
2	Cốc Sứ thải	V			080102	460	TT
3	Bóng đèn Huỳnh quang	V			160106	70	TT

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 233.49

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Thị Phương Ký: ..... Ngày: 06/09/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Ngày 06 tháng 09 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Trần Ngọc Trang

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Ngày ..... tháng 9 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Lân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1494/2023/1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương** ĐT: 02743.542.906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương** ĐT: 02743.543.644 Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 3617400025
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 355 TbD 42 Tập An Sơn - An Điền BX BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau Thải	V			180201	340	TD
2	Thùng kim loại chứa dầu thải bao bì thuộc sơn, dung môi	V			180102	210	TD

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C-332.44

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Thế Phương Ký: ..... Ngày 14/09/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD ngày 14 tháng 9 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Phong Trung

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 20 tháng 9 năm 2023
CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG – CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
Nguyễn Hoàng Tân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1493 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương** ĐT: 02743.542.906 ĐT: 02743.543.644
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương** Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 3700758534
Địa chỉ văn Phòng ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 255 Tờ Bản đồ An Sơn An Điền BC BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Thùng Kim loại đã nhiễm, bao bì dính sơn, dung môi thải	V			180102	320	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61 B2 ...

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Văn Phú Ký: ..... Ngày 15/09/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải** xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD, ngày 15 tháng 09 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Thanh Tùng

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng)** xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
ngày 21 tháng 9 năm 2023
CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP TỔNG CÔNG TY NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Nguyễn Hoàng Tân
PHÓ GIÁM ĐỐC

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☐ 4☑
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG** — Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**

Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương** — ĐT: **02743.542.906** — ĐT: **02743.543.644**

Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương** — Fax: **02743.542.907**

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt — Mã số QLCTNH: 7015/1-1-1-1-1-3-T

Địa chỉ văn Phòng: [illegible] — ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: Ấp An Tây, Phú Chánh, Bến Cát, BD — ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại: Rắn	Lỏng	Bùn	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
	Giẻ lau thấm dầu loại thông thường	~			18 02 01	240	
		~			18 01 02	260	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế). Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng: ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 08511

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Mai Việt Hưng — Ký: ..... Ngày: 21/7/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

21, ngày ..... tháng 7 năm 2023

M.S.D.N: 3700756561 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN [illegible] VIỆT — Nguyễn Ngọc Long

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

..... ngày ..... tháng ..... năm .....

@ Liên số: 1☐ 2☐ 3☑ 4☐

Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngay tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số ...../2023..../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 02743.542.906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 02743.543.644
Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn lại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1							
2							
3							
4							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển .....

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ..... Ký ..... Ngày .....
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày ..... tháng ..... năm .....

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
....., ngày ..... tháng ..... năm .....

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☑ 4☐
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 02743.542.906
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 02743.543.644
Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 3603714001 C73.T
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Ấp An Sơn, xã Phú An, Bến Cát, BD ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chứa đủ)

STT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại: Rắn	Lỏng	Bùn	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
1	Dung môi thải		V		17 08 03	200	
2	Cặt sơn thải	V			08 01 02	296	
3	Giẻ lau dính dầu thải	V			18 02 02	200	
	Vỏ hộp sơn, dung môi thải						

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61H 00671

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Hoàng Anh Ký: ..... Ngày 6/12/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
ngày 6 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
....., ngày ..... tháng ..... năm .....

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☑ 4☐
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 02743.542.906
ĐT: 02743.543.644
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty CP Phát Kỹ thuật Cơ Việt Mã số QLCTNH: 37.074.001.037
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Thửa 355, TBĐ 42, Ấp An Sơn, Xã Phước Hòa, H. Phú Giáo ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải			V	120606	500	
2	Giẻ thải	V			080301	520	
3	Thùng kim loại dầu nhớt, bao bì đựng sơn, dung môi	V			150102	230	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C-32.0

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trần Thị Phương Ký ..... Ngày 01/12/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
....., ngày 01 tháng 12 năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ CƠ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
....., ngày ..... tháng ..... năm .....

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☑ 4☐
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
ĐT: 02743.542.986
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
ĐT: 02743.543.644
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**
Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dung môi thải		V		110805	420	
2	Giẻ lau thải	V			180201	240	
3	Bao bì kim loại thải sơn dung môi	V			150102	190	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng: ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 — Số hiệu phương tiện vận chuyển: .....

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: ..... Ký: ..... Ngày .....
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD, ngày ..... tháng ..... năm 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ CAO VIỆT
Nguyễn Ngọc Tùng

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
....., ngày ..... tháng ..... năm .....

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☑ 4☐
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: **Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi. TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **Số 29, Khu phố 1B, P.Chánh Phú Hòa , TX.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương**

Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6. 028.VX**
ĐT: 02743.542.906
ĐT. 02743.543.644
Fax: 02743.542.907

2. Chủ xử lý CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt Mã số QLCTNH: 7100107...
Địa chỉ văn Phòng: ..... ĐT: .....
Địa chỉ cơ sở: Lô C6 Đường D4 KCN Tân Định, H.Bắc Tân Uyên, T.Bình Dương ĐT: .....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chỉ đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn thải có thủy ngân	x			16 01 06	30	
2	Thùng kim loại thải bị thải bỏ từ thùng chứa dung môi hữu	x			18 01 02	320	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. **Xuất khẩu CTNH (nếu có)** Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng ..... Cửa khẩu xuất: .....

7. **Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4** **Số hiệu phương tiện vận chuyển:** 61C-...

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Duy Tùng Ký: ..... Ngày 16/6/23
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày .....

6. **Chủ nguồn thải xác nhận** đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
..... ngày ..... tháng ..... năm .....
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Nguyễn Ngọc Trang

8. **Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận** đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
..... ngày ..... tháng ..... năm .....

@ Liên số 1☐ 2☐ 3☑ 4☐
Ghi chú: .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1196565286

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 16179 ngày 12 tháng 01 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
349.765.130 đồng

Hạn thanh toán
17/01/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

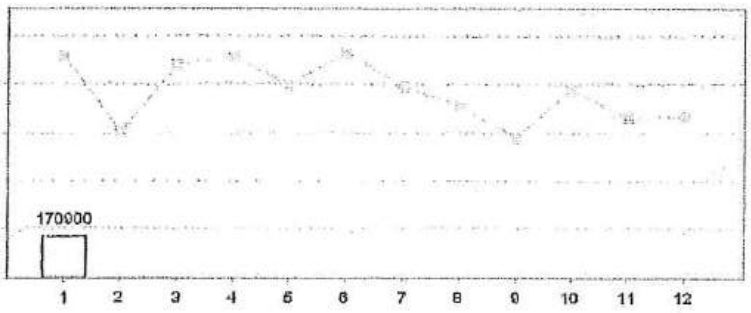
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 1/2023 (10 ngày từ 01/01/2023 đến 10/01/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	164.760	163.724	103.600
Khung giờ cao điểm	100	73.765	73.287	47.800
Khung giờ thấp điểm	100	45.346	45.151	19.500
				Tổng: 170.900



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	103.600	161.098.000
Khung giờ cao điểm	2.871	47.800	137.233.800
Khung giờ thấp điểm	1.007	19.500	19.636.500
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		170.900	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			317.968.300
Thuế suất GTGT			10%
Thuế GTGT (đồng)			31.796.830
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			349.765.130

Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm ba mươi đồng.

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 12/ 01/ 2023 10:08:12

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014
EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1201002602

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 54845 ngày 26 tháng 01 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
123.379.190 đồng

Hạn thanh toán
31/01/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

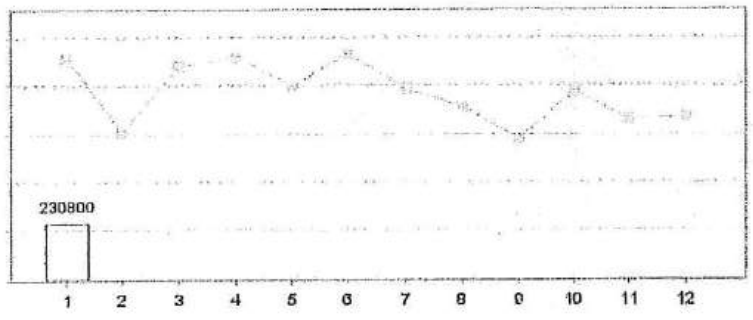
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 1/2023 (10 ngày từ 11/01/2023 đến 20/01/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	165.121	164.760	36.100
Khung giờ cao điểm	100	73.937	73.765	17.200
Khung giờ thấp điểm	100	45.412	45.346	6.600
				Tổng: 59.900



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS Android

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	36.100	56.135.500
Khung giờ cao điểm	2.871	17.200	49.381.200
Khung giờ thấp điểm	1.007	6.600	6.646.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		59.900	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			112.162.900
Thuế suất GTGT			10%
Thuế GTGT (đồng)			11.216.290
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			123.379.190

Bằng chữ: Một trăm hai mươi ba triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn một trăm chín mươi đồng.

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 26/ 01/ 2023 11:55:03

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014
EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1201325626

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 59206 ngày 02 tháng 02 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
6.534.330 đồng

Hạn thanh toán
07/02/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

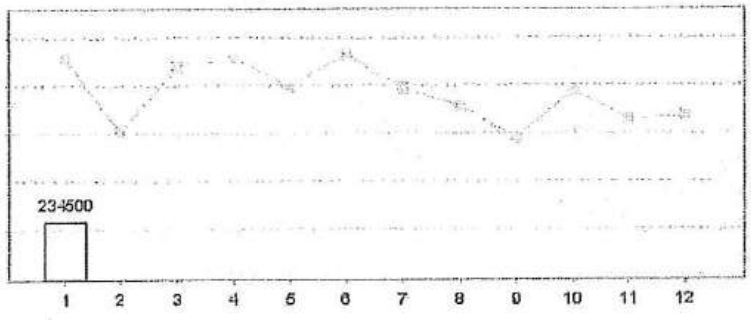
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 1/2023 (11 ngày từ 21/01/2023 đến 31/01/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	165.141	165.121	2.000
Khung giờ cao điểm	100	73.943	73.937	600
Khung giờ thấp điểm	100	45.423	45.412	1.100
				Tổng: 3.700



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	2.000	3.110.000
Khung giờ cao điểm	2.871	600	1.722.600
Khung giờ thấp điểm	1.007	1.100	1.107.700
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		3.700	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			5.940.300
Thuế suất GTGT			10%
Thuế GTGT (đồng)			594.030
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			6.534.330

Bằng chữ: Sáu triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi đồng.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 02/ 2023 13:07:51

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương

MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1208533830

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 81682 ngày 14 tháng 02 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng: PB04040030183

Số tiền thanh toán: 208.311.290 đồng

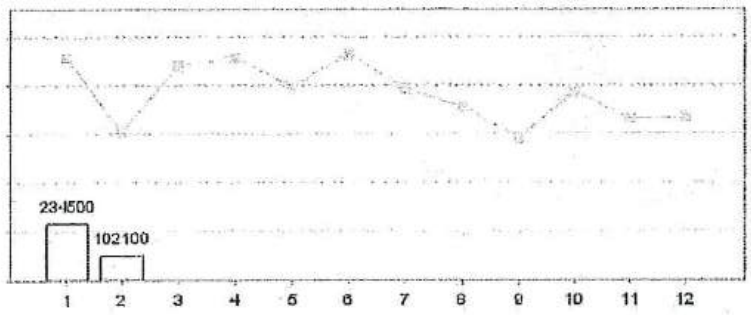
Hạn thanh toán: 19/02/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 2/2023 (10 ngày từ 01/02/2023 đến 10/02/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	165.911	165.141	77.000
Khung giờ cao điểm	100	74.181	73.943	23.800
Khung giờ thấp điểm	100	45.436	45.423	1.300
				Tổng: 102.100



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	77.000	119.735.000
Khung giờ cao điểm	2.871	23.800	68.329.800
Khung giờ thấp điểm	1.007	1.300	1.309.100
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		102.100	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			189.373.900
Thuế suất GTGT			10%
Thuế GTGT (đồng)			18.937.390
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			208.311.290

Bằng chữ: Hai trăm linh tám triệu ba trăm mười một nghìn hai trăm chín mươi đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 14/ 02/ 2023 10:15:24

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014
EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1211057425

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 103620 ngày 21 tháng 02 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
191.303.420 đồng

Hạn thanh toán
26/02/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

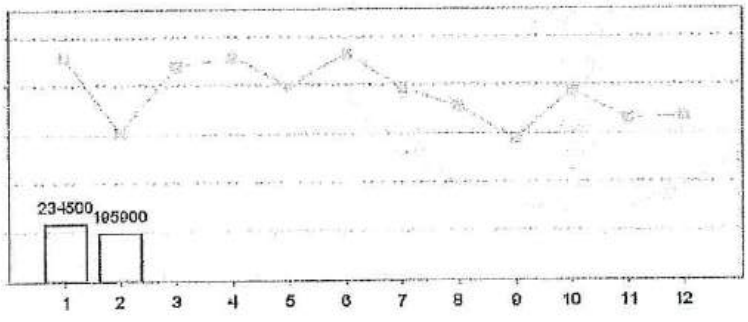
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 2/2023 (10 ngày từ 11/02/2023 đến 20/02/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	166.616	165.911	70.500
Khung giờ cao điểm	100	74.400	74.181	21.900
Khung giờ thấp điểm	100	45.450	45.436	1.400
				Tổng: 93.800



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	70.500	109.627.500
Khung giờ cao điểm	2.871	21.900	62.874.900
Khung giờ thấp điểm	1.007	1.400	1.409.800
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		93.800	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			173.912.200
Thuế suất GTGT			10%
Thuế GTGT (đồng)			17.391.220
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			191.303.420

Bằng chữ: Một trăm chín mươi mốt triệu ba trăm linh ba nghìn bốn trăm hai mươi đồng.

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 02/ 2023 11:09:21

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1211276040

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 115502 ngày 01 tháng 03 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB040400030183

Số tiền thanh toán
138.831.110 đồng

Hạn thanh toán
06/03/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

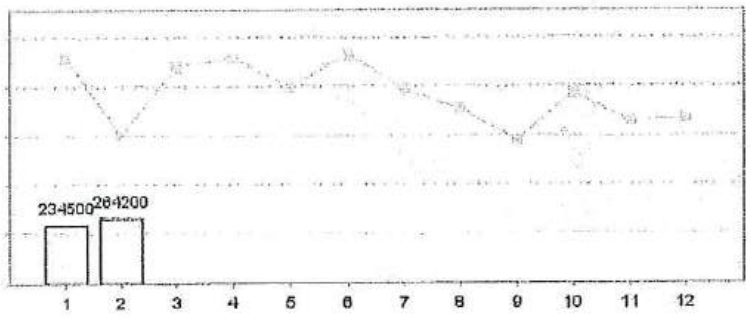
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 2/2023 (8 ngày từ 21/02/2023 đến 28/02/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	167.130	166.616	51.400
Khung giờ cao điểm	100	74.557	74.400	15.700
Khung giờ thấp điểm	100	45.462	45.450	1.200
				Tổng: 68.300



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS *Android*

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	51.400	79.927.000
Khung giờ cao điểm	2.871	15.700	45.074.700
Khung giờ thấp điểm	1.007	1.200	1.208.400
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**68.300**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**126.210.100**
Thuế suất GTGT			**10%**
Thuế GTGT (đồng)			**12.621.010**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**138.831.110**

Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu tám trăm ba mươi một nghìn một trăm mười đồng.

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 03/ 2023 11:40:11

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương

MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1217069989

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 132540 ngày 12 tháng 03 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng: PB04040030183

Số tiền thanh toán: 328.684.730 đồng

Hạn thanh toán: 17/03/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

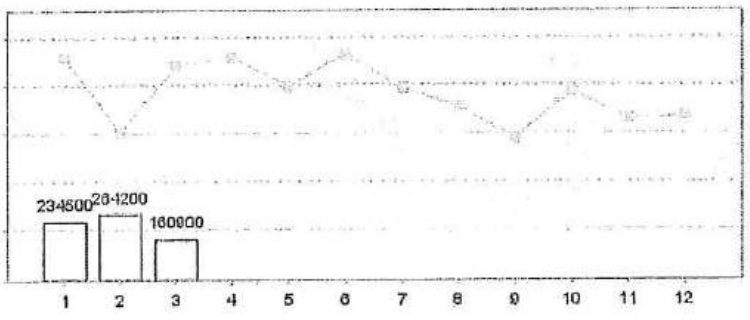
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 3/2023 (10 ngày từ 01/03/2023 đến 10/03/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	168.347	167.130	121.700
Khung giờ cao điểm	100	74.933	74.557	37.600
Khung giờ thấp điểm	100	45.478	45.462	1.600
				Tổng: 160.900



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS Android

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	121.700	189.243.500
Khung giờ cao điểm	2.871	37.600	107.949.600
Khung giờ thấp điểm	1.007	1.600	1.611.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		160.900	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			298.804.300
Thuế suất GTGT			10%
Thuế GTGT (đồng)			29.880.430
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			328.684.730

Bằng chữ: Ba trăm hai mươi tám triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm ba mươi đồng.

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 12/ 03/ 2023 12:36:06

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014
EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1221303138

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 161145 ngày 21 tháng 03 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB0204030183

Số tiền thanh toán
287.578.830 đồng

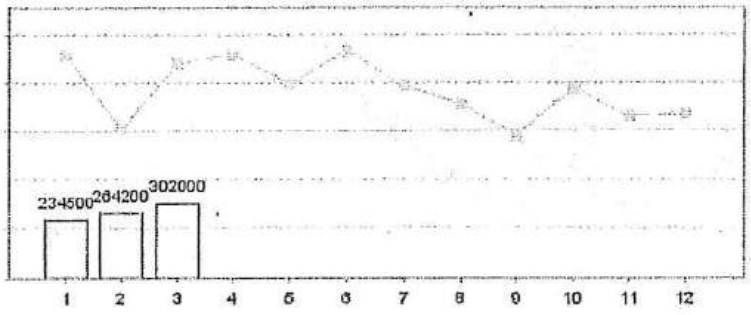
Hạn thanh toán
26/03/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 3/2023 (10 ngày từ 11/03/2023 đến 20/03/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	169.416	168.347	106.900
Khung giờ cao điểm	100	75.259	74.933	32.600
Khung giờ thấp điểm	100	45.494	45.478	1.600
				Tổng: 141.100



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	106.900	166.229.500
Khung giờ cao điểm	2.871	32.600	93.594.600
Khung giờ thấp điểm	1.007	1.600	1.611.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		141.100	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			261.435.300
Thuế suất GTGT			10%
Thuế GTGT (đồng)			26.143.530
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			287.578.830

Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm ba mươi đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 03/ 2023 10:02:42

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1221576863

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 173316 ngày 01 tháng 04 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
358.435.110 đồng

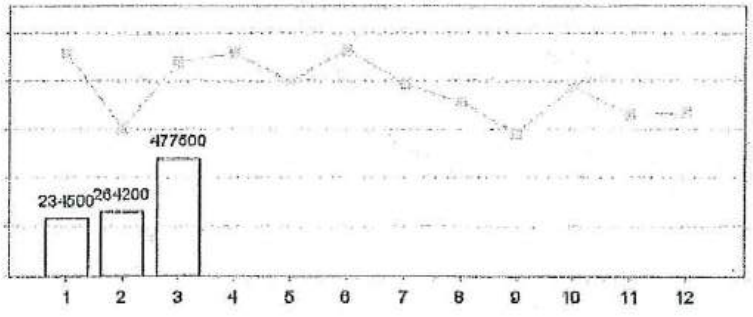
Hạn thanh toán
06/04/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 3/2023 (11 ngày từ 21/03/2023 đến 31/03/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	170.746	169.416	133.000
Khung giờ cao điểm	100	75.668	75.259	40.900
Khung giờ thấp điểm	100	45.510	45.494	1.600
				Tổng: 175.500



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	133.000	206.815.000
Khung giờ cao điểm	2.871	40.900	117.423.900
Khung giờ thấp điểm	1.007	1.600	1.611.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		175.500	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			325.850.100
Thuế suất GTGT			10%
Thuế GTGT (đồng)			32.585.010
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			358.435.110

Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tám triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn một trăm mười đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 04/ 2023 12:25:44

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương

MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1226552916

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 186171 ngày 11 tháng 04 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng: PB04040030183

Số tiền thanh toán: 289.842.080 đồng

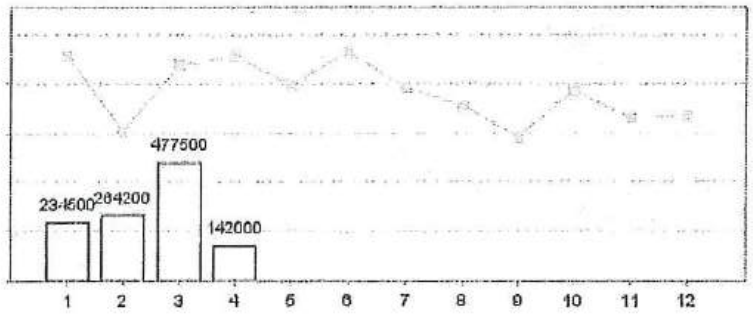
Hạn thanh toán: 16/04/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 4/2023 (10 ngày từ 01/04/2023 đến 10/04/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	171.819	170.746	107.300
Khung giờ cao điểm	100	75.999	75.668	33.100
Khung giờ thấp điểm	100	45.526	45.510	1.600
				Tổng: 142.000



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	107.300	166.851.500
Khung giờ cao điểm	2.871	33.100	95.030.100
Khung giờ thấp điểm	1.007	1.600	1.611.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		142.000	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**263.492.800**
Thuế suất GTGT			**10%**
Thuế GTGT (đồng)			**26.349.280**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**289.842.080**

Bằng chữ: Hai trăm tám mươi chín triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn không trăm tám mươi đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 04/ 2023 15:02:34

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Sổ bảng kê: 1231562036

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 218947 ngày 21 tháng 04 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
315.592.420 đồng

Hạn thanh toán
26/04/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

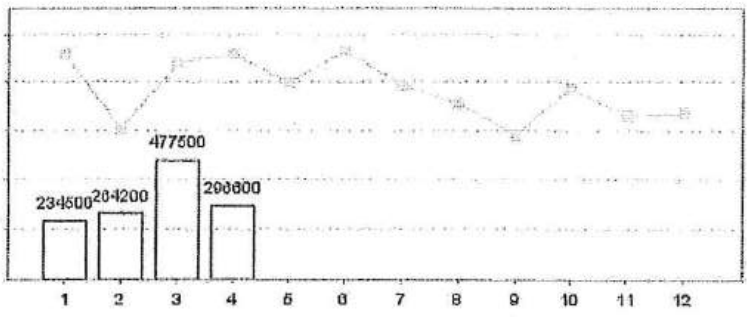
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 4/2023 (10 ngày từ 11/04/2023 đến 20/04/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường - Tháo ngày 11/04/2023	100	171.819	171.819	0
Khung giờ cao điểm - Tháo ngày 11/04/2023	100	75.999	75.999	0
Khung giờ thấp điểm - Tháo ngày 11/04/2023	100	45.526	45.526	0
Khung giờ bình thường	100	172.989	171.819	117.000
Khung giờ cao điểm	100	76.359	75.999	36.000
Khung giờ thấp điểm	100	45.542	45.526	1.600
				Tổng: 154.600



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại — Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 04/ 2023 08:08:01

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	117.000	181.935.000
Khung giờ cao điểm	2.871	36.000	103.356.000
Khung giờ thấp điểm	1.007	1.600	1.611.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**154.600**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**286.902.200**
Thuế suất GTGT			**10%**
Thuế GTGT (đồng)			**28.690.220**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**315.592.420**

Bằng chữ: Ba trăm mười lăm triệu năm trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi đồng.

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1231811676

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 232076 ngày 01 tháng 05 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PD040400030183

Số tiền thanh toán
246.290.990 đồng

Hạn thanh toán
08/05/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

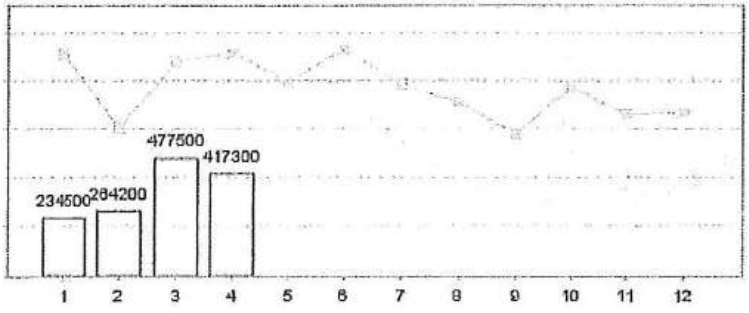
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 4/2023 (10 ngày từ 21/04/2023 đến 30/04/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	173.901	172.989	91.200
Khung giờ cao điểm	100	76.640	76.359	28.100
Khung giờ thấp điểm	100	45.556	45.542	1.400
				Tổng: 120.700



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS *Android*

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	91.200	141.816.000
Khung giờ cao điểm	2.871	28.100	80.675.100
Khung giờ thấp điểm	1.007	1.400	1.409.800
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**120.700**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**223.900.900**
Thuế suất GTGT			**10%**
Thuế GTGT (đồng)			**22.390.090**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**246.290.990**

Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn chín trăm chín mươi đồng.

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 05/ 2023 10:26:40

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1239730434

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 243064 ngày 17 tháng 05 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PE040040030183

Số tiền thanh toán
960.991.720 đồng

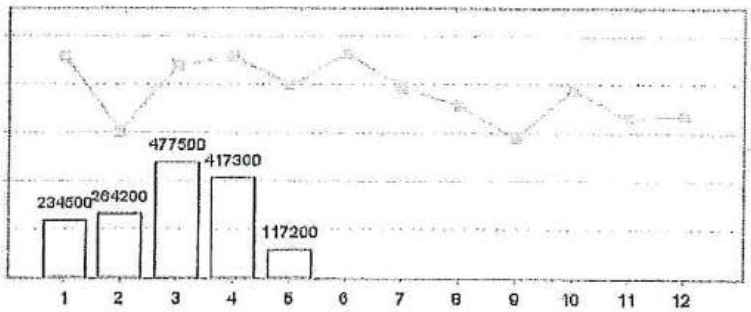
Hạn thanh toán
22/05/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 5/2023 (10 ngày từ 01/05/2023 đến 10/05/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường - **Chốt chỉ số** ngày 04/05/2023	100	173.907	173.901	600
Khung giờ cao điểm - **Chốt chỉ số** ngày 04/05/2023	100	76.643	76.640	300
Khung giờ thấp điểm - **Chốt chỉ số** ngày 04/05/2023	100	45.559	45.556	300
Khung giờ bình thường	100	174.689	173.907	78.200
Khung giờ cao điểm	100	77.010	76.643	36.700
Khung giờ thấp điểm	100	45.570	45.559	1.100
				Tổng: 117.200



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.555	600	933.000
Khung giờ cao điểm	2.871	300	861.300
Khung giờ thấp điểm	1.007	300	302.100
Khung giờ bình thường	1.604	78.200	125.432.800
Khung giờ cao điểm	2.959	36.700	108.595.300
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.100	1.140.700
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**117.200**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**237.265.200**
Thuế suất GTGT			**10%**
Thuế GTGT (đồng)			**23.726.520**

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 17/ 05/ 2023 08:31:44

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014
EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1242612677

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 270034 ngày 24 tháng 05 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB0404040030183

Số tiền thanh toán
430.861.420 đồng

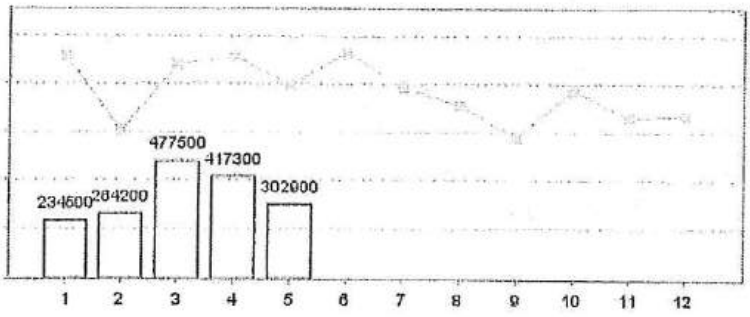
Hạn thanh toán
../05/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 5/2023 (10 ngày từ 11/05/2023 đến 20/05/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	175.828	174.689	113.900
Khung giờ cao điểm	100	77.710	77.010	70.000
Khung giờ thấp điểm	100	45.588	45.570	1.800
				Tổng: 185.700



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại — Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	113.900	182.695.600
Khung giờ cao điểm	2.959	70.000	207.130.000
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.800	1.866.600
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**185.700**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**391.692.200**
Thuế suất GTGT			**10%**
Thuế GTGT (đồng)			**39.169.220**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			**430.861.420**

Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi triệu tám trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm hai mươi đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 24/ 05/ 2023 11:30:21

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1242942867

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 289472 ngày 02 tháng 06 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
415.316.880 đồng

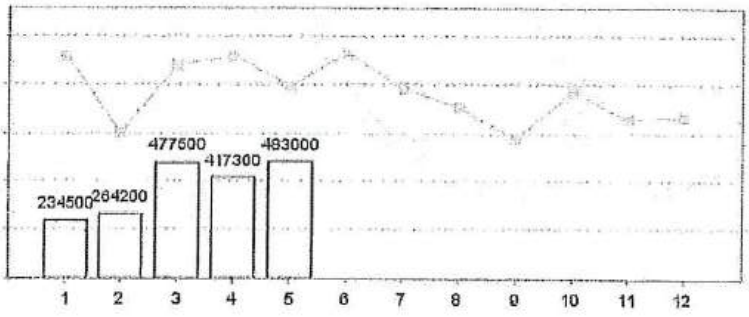
Hạn thanh toán
07/06/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trễ, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 5/2023 (11 ngày từ 21/05/2023 đến 31/05/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	176.949	175.828	112.100
Khung giờ cao điểm	100	78.372	77.710	66.200
Khung giờ thấp điểm	100	45.606	45.588	1.800
			Tổng:	180.100



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	112.100	179.808.400
Khung giờ cao điểm	2.959	66.200	195.885.800
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.800	1.866.600
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		180.100	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			377.560.800
Thuế suất GTGT			10%
Thuế GTGT (đồng)			37.756.080
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			415.316.880

Bằng chữ: Bốn trăm mười lăm triệu ba trăm mười sáu nghìn tám trăm tám mươi đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 06/ 2023 07:58:09

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1249699341

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 307107 ngày 13 tháng 06 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB0404000030183

Số tiền thanh toán
311.528.140 đồng

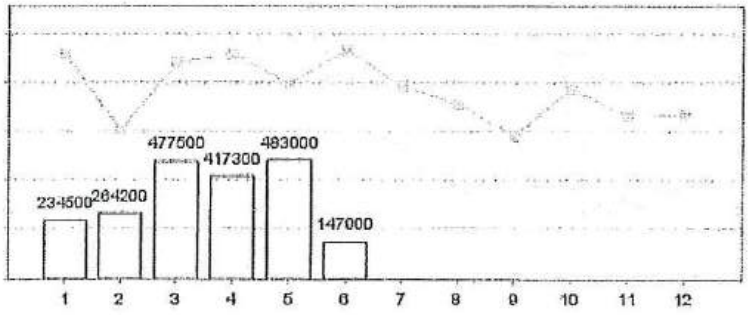
Hạn thanh toán
13/06/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 6/2023 (10 ngày từ 01/06/2023 đến 10/06/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	178.066	176.949	111.700
Khung giờ cao điểm	100	78.718	78.372	34.600
Khung giờ thấp điểm	100	45.622	45.606	1.600
				Tổng: 147.900



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	111.700	179.166.800
Khung giờ cao điểm	2.959	34.600	102.381.400
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.600	1.659.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		147.900	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			283.207.400
Thuế suất GTGT			10%
Thuế GTGT (đồng)			28.320.740
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			311.528.140

Bằng chữ: Ba trăm mười một triệu năm trăm hai mươi tám nghìn một trăm bốn mươi đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 13/ 06/ 2023 11:01:20

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1253069582

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 329726 ngày 21 tháng 06 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Mã khách hàng: PB0404000801 83

Số tiền thanh toán: 276.480.930 đồng

Hạn thanh toán: 21/06/2023

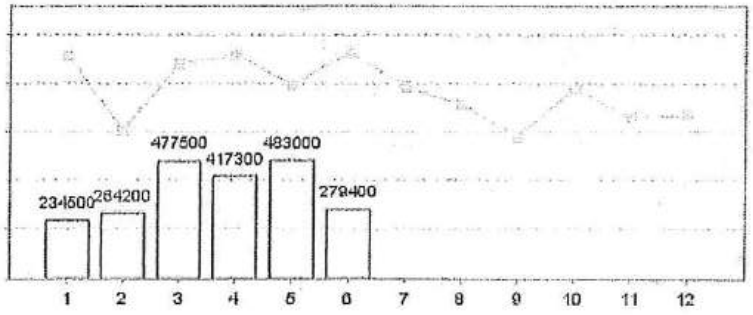
Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 6/2023 (10 ngày từ 11/06/2023 đến 20/06/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	179.060	178.066	99.400
Khung giờ cao điểm	100	79.023	78.718	30.500
Khung giờ thấp điểm	100	45.638	45.622	1.600
				Tổng: 131.500



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	99.400	159.437.600
Khung giờ cao điểm	2.959	30.500	90.249.500
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.600	1.659.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		131.500	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			251.346.300
Thuế suất GTGT			10%
Thuế GTGT (đồng)			25.134.630
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			276.480.930

Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn chín trăm ba mươi đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 06/ 2023 10:55:45

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1253395662

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 347647 ngày 03 tháng 07 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB0402000030183

Số tiền thanh toán
308.581.920 đồng

Hạn thanh toán
03/07/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

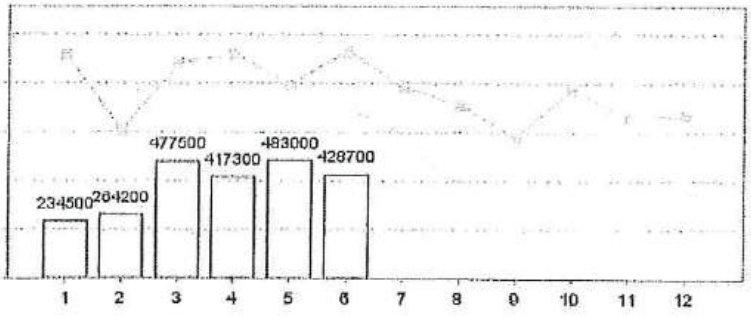
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 6/2023 (10 ngày từ 21/06/2023 đến 30/06/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	180.189	179.060	112.900
Khung giờ cao điểm	100	79.371	79.023	34.800
Khung giờ thấp điểm	100	45.654	45.638	1.600
				Tổng: 149.300



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	112.900	181.091.600
Khung giờ cao điểm	2.959	34.800	102.973.200
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.600	1.659.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		149.300	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			285.724.000
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			22.857.920
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			308.581.920

Bằng chữ: Ba trăm linh tám triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm hai mươi đồng.

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 03/ 07/ 2023 08:47:50

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1260056224

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 367033 ngày 13 tháng 07 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng: PB0204000[illegible]

Số tiền thanh toán: 265.579.128 đồng

Hạn thanh toán: 15/07/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

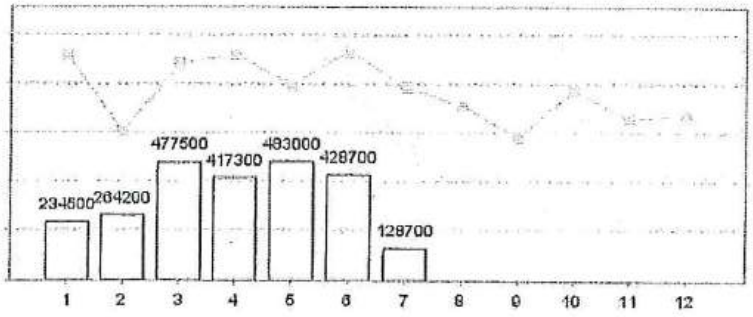
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 7/2023 (10 ngày từ 01/07/2023 đến 10/07/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	181.162	180.189	97.300
Khung giờ cao điểm	100	79.669	79.371	29.800
Khung giờ thấp điểm	100	45.670	45.654	1.600
				Tổng: 128.700



☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS *Android*

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	97.300	156.069.200
Khung giờ cao điểm	2.959	29.800	88.178.200
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.600	1.659.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		128.700	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			245.906.600
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			19.672.528
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			265.579.128

Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn một trăm hai mươi tám đồng.

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 13/ 07/ 2023 11:07:55

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương

MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1263354800

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 392601 ngày 21 tháng 07 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PE040400301166

Số tiền thanh toán
296.193.024 đồng

Hạn thanh toán
26/07/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

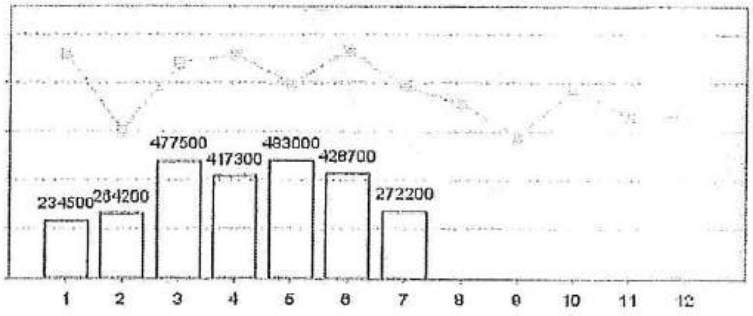
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 7/2023 (10 ngày từ 11/07/2023 đến 20/07/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	182.249	181.162	108.700
Khung giờ cao điểm	100	80.001	79.669	33.200
Khung giờ thấp điểm	100	45.686	45.670	1.600
				Tổng: 143.500



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS *Android*

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	108.700	174.354.800
Khung giờ cao điểm	2.959	33.200	98.238.800
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.600	1.659.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		143.500	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			274.252.800
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			21.940.224
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			296.193.024

Bằng chữ: Hai trăm chín mươi sáu triệu một trăm chín mươi ba nghìn không trăm hai mươi bốn đồng.

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/07/2023 19:15:08

EVN

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương

MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1263723508

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 405917 ngày 02 tháng 08 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng: PB0404000301183

Số tiền thanh toán: 305.563.860 đồng

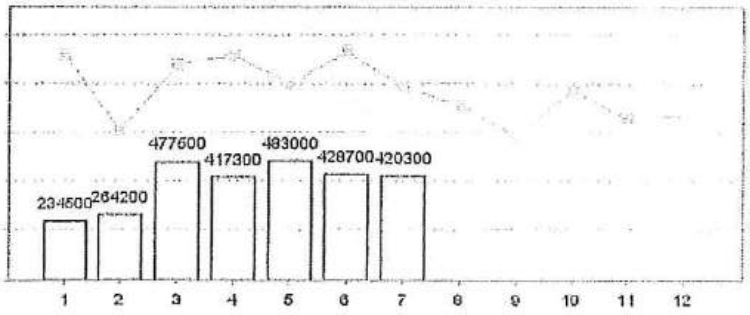
Hạn thanh toán: 07/08/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 7/2023 (11 ngày từ 21/07/2023 đến 31/07/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	183.371	182.249	112.200
Khung giờ cao điểm	100	80.343	80.001	34.200
Khung giờ thấp điểm	100	45.703	45.686	1.700
				Tổng: 148.100



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại — Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	112.200	179.968.800
Khung giờ cao điểm	2.959	34.200	101.197.800
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.700	1.762.900
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		148.100	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			282.929.500
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			22.634.360
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			305.563.860

Bằng chữ: Ba trăm linh năm triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 08/ 2023 07:41:38

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014
EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1270013757

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 427197 ngày 14 tháng 08 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng: PB0404000030183

Số tiền thanh toán: 311.454.936 đồng

Hạn thanh toán: 19/08/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

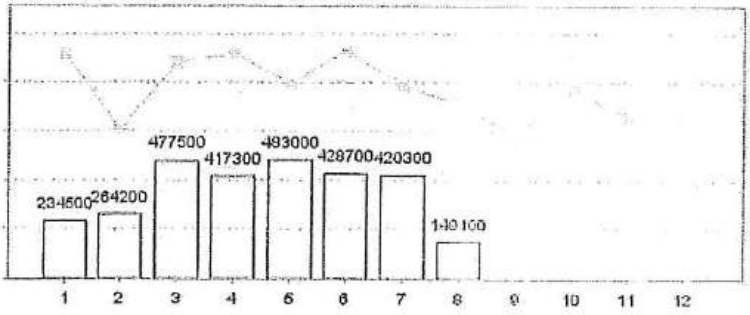
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 8/2023 (10 ngày từ 01/08/2023 đến 10/08/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	184.476	183.371	110.500
Khung giờ cao điểm	100	80.713	80.343	37.000
Khung giờ thấp điểm	100	45.719	45.703	1.600
				Tổng: 149.100



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	110.500	177.242.000
Khung giờ cao điểm	2.959	37.000	109.483.000
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.600	1.659.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		149.100	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			288.384.200
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			23.070.736
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			311.454.936

Bằng chữ: Ba trăm mười một triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 14/ 08/ 2023 11:24:49

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1273449440

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 446116 ngày 21 tháng 08 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng: **PB04040030183**

Số tiền thanh toán: **241.453.548 đồng**

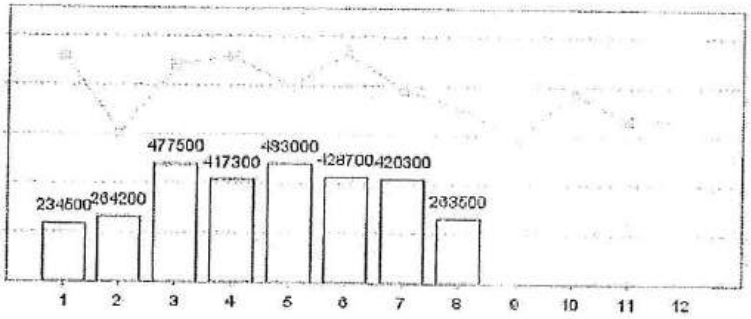
Hạn thanh toán: **26/08/2023**

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 8/2023 (10 ngày từ 11/08/2023 đến 20/08/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	185.303	184.476	82.700
Khung giờ cao điểm	100	81.015	80.713	30.200
Khung giờ thấp điểm	100	45.734	45.719	1.500
				Tổng: 114.400



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	82.700	132.650.800
Khung giờ cao điểm	2.959	30.200	89.361.800
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.500	1.555.500
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		114.400	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			223.568.100
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			17.885.448
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			241.453.548

Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 08/ 2023 16:37:01

EVN

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương

MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1274047539

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 461767 ngày 02 tháng 09 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán:
330.022.080 đồng

Hạn thanh toán
07/09/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

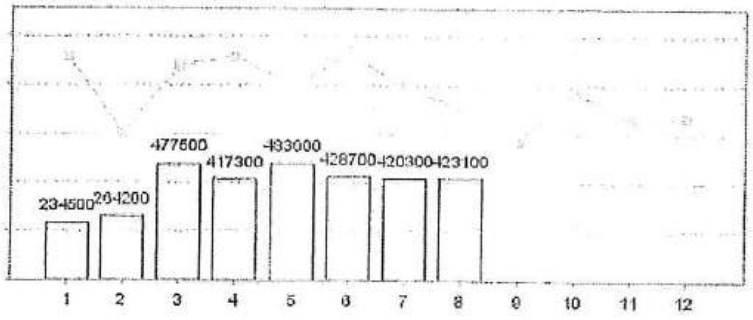
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 8/2023 (11 ngày từ 21/08/2023 đến 31/08/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	186.509	185.303	120.600
Khung giờ cao điểm	100	81.388	81.015	37.300
Khung giờ thấp điểm	100	45.751	45.734	1.700
				Tổng: 159.600



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	120.600	193.442.400
Khung giờ cao điểm	2.959	37.300	110.370.700
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.700	1.762.900
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		159.600	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			305.576.000
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			24.446.080
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			330.022.080

Bằng chữ: Ba trăm ba mươi triệu không trăm hai mươi hai nghìn không trăm tám mươi đồng.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 09/ 2023 09:08:40

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1277355020

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 476992 ngày 12 tháng 09 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã số khách hàng
PB[illegible]0030163

Số tiền thanh toán
198.398.808 đồng

Thời hạn thanh toán
[illegible]

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

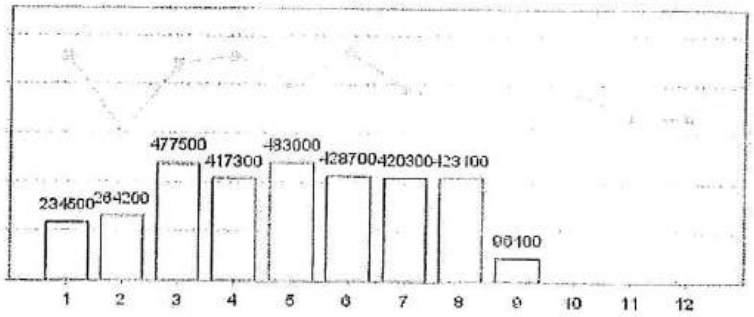
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 9/2023 (10 ngày từ 01/09/2023 đến 10/09/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	187.232	186.509	72.300
Khung giờ cao điểm	100	81.612	81.388	22.400
Khung giờ thấp điểm	100	45.765	45.751	1.400
				Tổng: 96.100



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại — Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS Android

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	72.300	115.969.200
Khung giờ cao điểm	2.959	22.400	66.281.600
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.400	1.451.800
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		96.100	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			183.702.600
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			14.696.208
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			198.398.808

Bằng chữ: Một trăm chín mươi tám triệu ba trăm chín mươi tám nghìn tám trăm linh tám đồng.

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 12/09/2023 14:02:50

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014
EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1283244555

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 501395 ngày 21 tháng 09 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
296.581.284 đồng

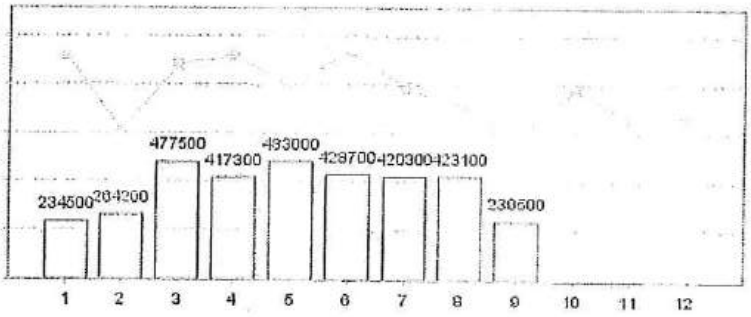
Hạn thanh toán
26/09/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 9/2023 (10 ngày từ 11/09/2023 đến 20/09/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	188.317	187.232	108.500
Khung giờ cao điểm	100	81.947	81.612	33.500
Khung giờ thấp điểm	100	45.779	45.765	1.400
				Tổng: 143.400



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thí Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	108.500	174.034.000
Khung giờ cao điểm	2.959	33.500	99.126.500
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.400	1.451.800
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		143.400	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			274.612.300
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			21.968.984
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			296.581.284

Bằng chữ: Hai trăm chín mươi sáu triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng.

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 09/ 2023 13:53:02

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1284138827

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 511772 ngày 01 tháng 10 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng: PB02[illegible]

Số tiền thanh toán: 304.690.140 đồng

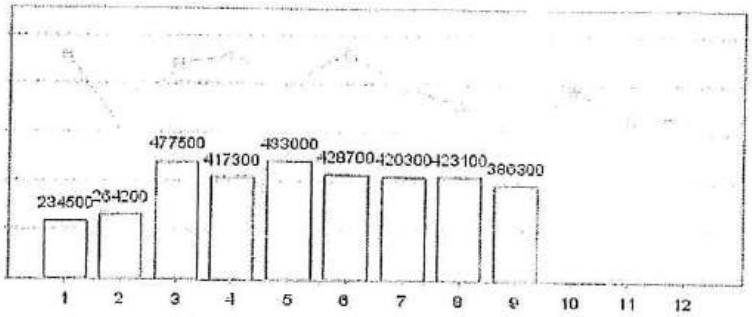
Hạn thanh toán: 06/10/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 9/2023 (10 ngày từ 21/09/2023 đến 30/09/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	189.418	188.317	110.100
Khung giờ cao điểm	100	82.298	81.947	35.100
Khung giờ thấp điểm	100	45.795	45.779	1.600
				Tổng: 146.800



☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	110.100	176.600.400
Khung giờ cao điểm	2.959	35.100	103.860.900
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.600	1.659.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		146.800	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			282.120.500
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			22.569.640
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			304.690.140

Bằng chữ: Ba trăm linh bốn triệu sáu trăm chín mươi nghìn một trăm bốn mươi đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/10/2023 14:40:13

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương

MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1286259288

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 535837 ngày 12 tháng 10 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương
Điện thoại	0834933888
Email	vietwoodvn@vnn.vn
Mã số thuế	3700756534
Địa chỉ sử dụng điện	Xã An Điền - Bến Cát
Mục đích sử dụng điện	100 % Sản xuất - Giờ bình thường 100 % Sản xuất - Giờ cao điểm 100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Cấp điện áp sử dụng	Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

...ch hàng
...40030183

...thanh toán
...0.116 đồng

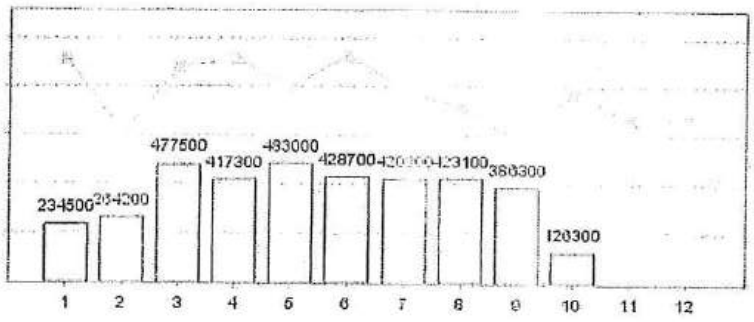
...nh toán
...2023

Để tránh p... các chi phí phạt vi phạm hợp đồng ... suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách ... thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 10/2023 (10 ngày từ 01/10/2023 đến 10/10/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	190.370	189.418	95.200
Khung giờ cao điểm	100	82.594	82.298	29.600
Khung giờ thấp điểm	100	45.810	45.795	1.500
				Tổng: 126.300



☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	95.200	152.700.800
Khung giờ cao điểm	2.959	29.600	87.586.400
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.500	1.555.500
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		126.300	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			241.842.700
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			19.347.416
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			261.190.116

Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi mốt triệu một trăm chín mươi nghìn một trăm mười sáu đồng.

THANH ... TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://...evnspc.vn/ và nhập ... toán để thực hiện dịch vụ ... QR Code để thanh toán trực tuyến

THÔ... ...N HỆ

Trung ... ...KH EVNSPC

12 ... ...phường Bến Nghé, Quận 1, ...t Nam

1... ...009000

... ...vn

T... ...miền Nam EVNSPC

T... ...CSKH trên IOS và A...

Android

... CÔNG TY ĐIỆN LỰC ...G
... 10/ 2023 09:38:37

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1286259288

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 535837 ngày 12 tháng 10 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
261.190.116 đồng

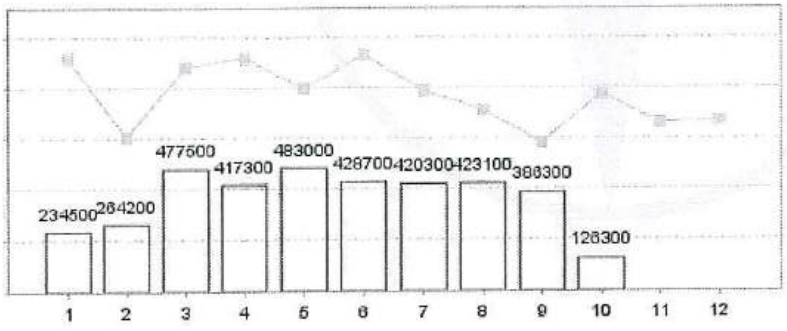
Hạn thanh toán
17/10/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 10/2023 (10 ngày từ 01/10/2023 đến 10/10/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	190.370	189.418	95.200
Khung giờ cao điểm	100	82.594	82.298	29.600
Khung giờ thấp điểm	100	45.810	45.795	1.500
				Tổng: 126.300



☐ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ▪ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	95.200	152.700.800
Khung giờ cao điểm	2.959	29.600	87.586.400
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.500	1.555.500
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**126.300**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**241.842.700**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**19.347.416**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			261.190.116

Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi mốt triệu một trăm chín mươi nghìn một trăm mười sáu đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 12/ 10/ 2023 09:38:37

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1292480368

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 558906 ngày 24 tháng 10 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
292.355.028 đồng

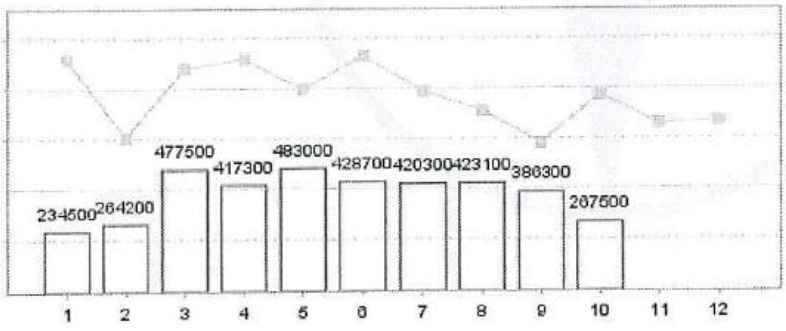
Hạn thanh toán
29/10/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 10/2023 (10 ngày từ 11/10/2023 đến 20/10/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	191.433	190.370	106.300
Khung giờ cao điểm	100	82.927	82.594	33.300
Khung giờ thấp điểm	100	45.826	45.810	1.600
				Tổng: 141.200



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	106.300	170.505.200
Khung giờ cao điểm	2.959	33.300	98.534.700
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.600	1.659.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**141.200**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**270.699.100**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**21.655.928**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			292.355.028

Bằng chữ: Hai trăm chín mươi hai triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn không trăm hai mươi tám đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 24/ 10/ 2023 08:48:59

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1293327543

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 562108 ngày 01 tháng 11 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
295.438.860 đồng

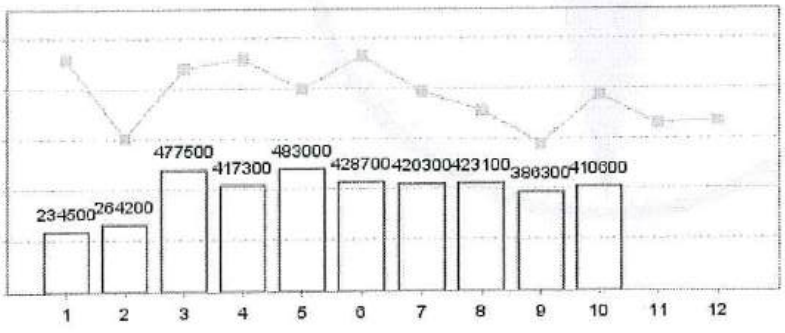
Hạn thanh toán
06/11/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 10/2023 (11 ngày từ 21/10/2023 đến 31/10/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	192.515	191.433	108.200
Khung giờ cao điểm	100	83.259	82.927	33.200
Khung giờ thấp điểm	100	45.843	45.826	1.700
				Tổng: 143.100



TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	108.200	173.552.800
Khung giờ cao điểm	2.959	33.200	98.238.800
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.700	1.762.900
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**143.100**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**273.554.500**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**21.884.360**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			295.438.860

Bằng chữ: Hai trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 11/ 2023 10:12:38

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-014**

Địa chỉ *(Address):* Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006-19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 11 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial):* **1K23THD**

Số *(No):* **594752**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Mã số thuế *(Tax code):* 3700756534

Địa chỉ *(Address):* TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB04040030183

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 11 năm 2023 từ ngày 01/11/2023 đến ngày 10/11/2023	kWh	156.200	-	299.805.000
	(kèm theo bảng kê số 1296002682 ngày 16 tháng 11 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**299.805.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**23.984.400**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**323.789.400**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Ba trăm hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 16/ 11/ 2023 16:18:12

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1296002682

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 594752 ngày 16 tháng 11 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
323.789.400 đồng

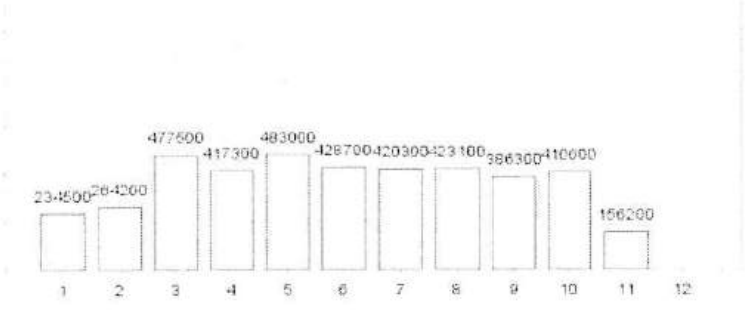
Hạn thanh toán
21/11/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 11/2023 (10 ngày từ 01/11/2023 đến 10/11/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường - **Chốt chỉ số** ngày 09/11/2023	100	193.444	192.515	92.900
Khung giờ cao điểm - **Chốt chỉ số** ngày 09/11/2023	100	83.529	83.259	27.000
Khung giờ thấp điểm - **Chốt chỉ số** ngày 09/11/2023	100	45.855	45.843	1.200
Khung giờ bình thường	100	193.713	193.444	26.900
Khung giờ cao điểm	100	83.608	83.529	7.900
Khung giờ thấp điểm	100	45.858	45.855	300
				Tổng: 156.200



TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.604	92.900	149.011.600
Khung giờ cao điểm	2.959	27.000	79.893.000
Khung giờ thấp điểm	1.037	1.200	1.244.400
Khung giờ bình thường	1.669	26.900	44.896.100
Khung giờ cao điểm	3.093	7.900	24.434.700
Khung giờ thấp điểm	1.084	300	325.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**156.200**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**299.805.000**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**23.984.400**

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 16/ 11/ 2023 16:18:12

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			323.789.400

Bằng chữ: Ba trăm hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm đồng.

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-014**

Địa chỉ *(Address):* Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006-19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 11 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial):* **1K23THD**

Số *(No):* **604672**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Mã số thuế *(Tax code):* 3700756534

Địa chỉ *(Address):* TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB04040030183

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 11 năm 2023 từ ngày 11/11/2023 đến ngày 20/11/2023	kWh	135.600	-	268.301.300
	(kèm theo bảng kê số 1298772322 ngày 21 tháng 11 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**268.301.300**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**21.464.104**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**289.765.404**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm tám mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm linh bốn đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/11/2023 14:08:33

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1298772322

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 604672 ngày 21 tháng 11 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
289.765.404 đồng

Hạn thanh toán
26/11/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

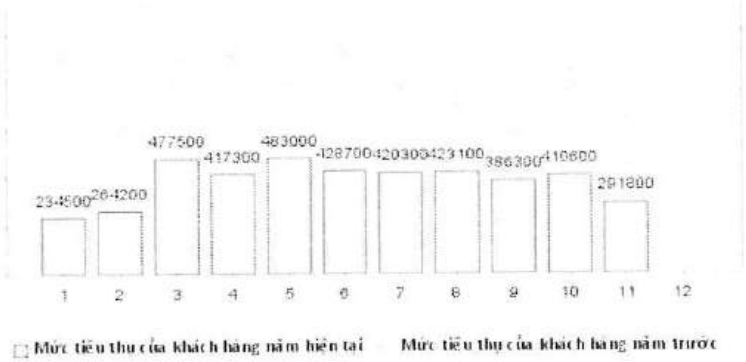
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 11/2023 (10 ngày từ 11/11/2023 đến 20/11/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	194.753	193.713	104.000
Khung giờ cao điểm	100	83.909	83.608	30.100
Khung giờ thấp điểm	100	45.873	45.858	1.500
				Tổng: 135.600



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS Android

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	104.000	173.576.000
Khung giờ cao điểm	3.093	30.100	93.099.300
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.500	1.626.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**135.600**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**268.301.300**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**21.464.104**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			289.765.404

Bằng chữ: Hai trăm tám mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm linh bốn đồng.

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 11/ 2023 14:08:33

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0300942001-014**

Địa chỉ *(Address)*: Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001006-19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: **1K23THD**

Số *(No)*: **628066**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Mã số thuế *(Tax code)*: 3700756534

Địa chỉ *(Address)*: TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PB04040030183

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency)*:VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 11 năm 2023 từ ngày 21/11/2023 đến ngày 30/11/2023	kWh	154.200	-	305.124.600
	(kèm theo bảng kê số 1304947356 ngày 02 tháng 12 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**305.124.600**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**24.409.968**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**329.534.568**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Ba trăm hai mươi chín triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/12/2023 14:54:00

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1304947356

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 628066 ngày 02 tháng 12 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
329.534.568 đồng

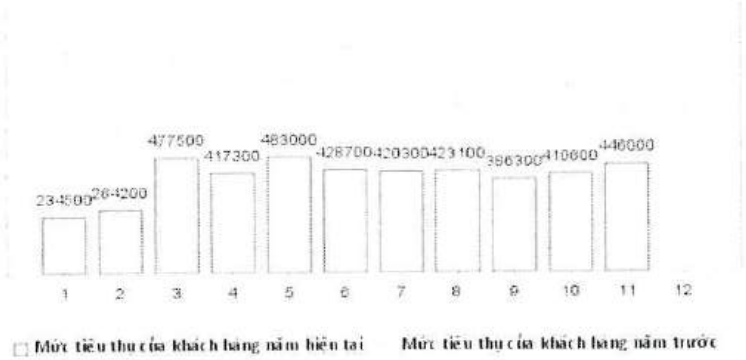
Hạn thanh toán
07/12/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 11/2023 (10 ngày từ 21/11/2023 đến 30/11/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	195.937	194.753	118.400
Khung giờ cao điểm	100	84.251	83.909	34.200
Khung giờ thấp điểm	100	45.889	45.873	1.600
				Tổng: 154.200



TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	118.400	197.609.600
Khung giờ cao điểm	3.093	34.200	105.780.600
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.600	1.734.400
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**154.200**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**305.124.600**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**24.409.968**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			329.534.568

Bằng chữ: Ba trăm hai mươi chín triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 12/ 2023 14:54:00

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0300942001-014**

Địa chỉ *(Address)*: Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001006-19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: **1K23THD**

Số *(No)*: **646696**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Mã số thuế *(Tax code)*: 3700756534

Địa chỉ *(Address)*: TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PB04040030183

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency)*:VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 12 năm 2023 từ ngày 01/12/2023 đến ngày 10/12/2023	kWh	147.800	-	306.747.900
	(kèm theo bảng kê số 1306604647 ngày 11 tháng 12 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**306.747.900**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**24.539.832**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**331.287.732**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Ba trăm ba mươi mốt triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/12/2023 08:47:36

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1306604647

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 646696 ngày 11 tháng 12 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
331.287.732 đồng

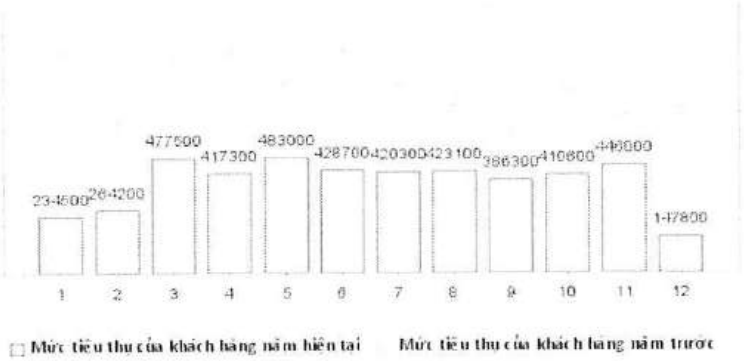
Hạn thanh toán
16/12/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 12/2023 (10 ngày từ 01/12/2023 đến 10/12/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	196.972	195.937	103.500
Khung giờ cao điểm	100	84.679	84.251	42.800
Khung giờ thấp điểm	100	45.904	45.889	1.500
				Tổng: 147.800



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 12/ 2023 08:47:36

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	103.500	172.741.500
Khung giờ cao điểm	3.093	42.800	132.380.400
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.500	1.626.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**147.800**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**306.747.900**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**24.539.832**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			331.287.732

Bằng chữ: Ba trăm ba mươi mốt triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng.

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-014**

Địa chỉ *(Address):* Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006-19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial):* **1K23THD**

Số *(No):* **663323**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Mã số thuế *(Tax code):* 3700756534

Địa chỉ *(Address):* TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB04040030183

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 12 năm 2023 từ ngày 11/12/2023 đến ngày 20/12/2023	kWh	174.400	-	370.652.100
	(kèm theo bảng kê số 1312849276 ngày 21 tháng 12 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**370.652.100**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**29.652.168**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**400.304.268**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bốn trăm triệu ba trăm linh bốn nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/12/2023 10:50:12

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1312849276

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 663323 ngày 21 tháng 12 năm 2023)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
400.304.268 đồng

Hạn thanh toán
26/12/2023

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

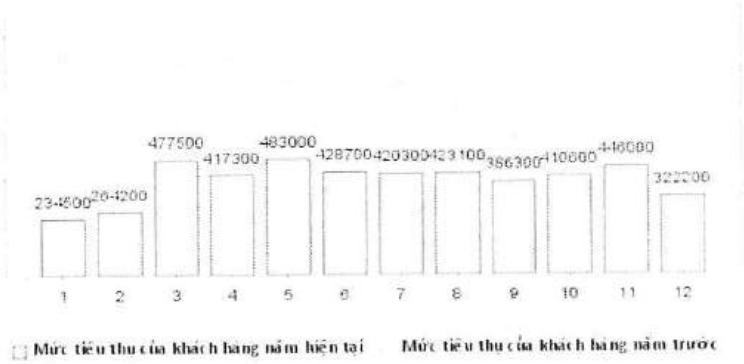
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 12/2023 (10 ngày từ 11/12/2023 đến 20/12/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	198.136	196.972	116.400
Khung giờ cao điểm	100	85.244	84.679	56.500
Khung giờ thấp điểm	100	45.919	45.904	1.500
				Tổng: 174.400



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS *Android*

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	116.400	194.271.600
Khung giờ cao điểm	3.093	56.500	174.754.500
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.500	1.626.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**174.400**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**370.652.100**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**29.652.168**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			400.304.268

Bằng chữ: Bốn trăm triệu ba trăm linh bốn nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng.

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 12/ 2023 10:50:12

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-014**

Địa chỉ *(Address):* Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006-19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 04 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24THD**

Số *(No):* **1525**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Mã số thuế *(Tax code):* 3700756534

Địa chỉ *(Address):* TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB04040030183

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 12 năm 2023 từ ngày 21/12/2023 đến ngày 31/12/2023	kWh	177.200	-	375.434.600
	(kèm theo bảng kê số 1331640415 ngày 04 tháng 01 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**375.434.600**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**30.034.768**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**405.469.368**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bốn trăm linh năm triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 04/ 01/ 2024 15:38:00

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1331640415

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 1525 ngày 04 tháng 01 năm 2024)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
405.469.368 đồng

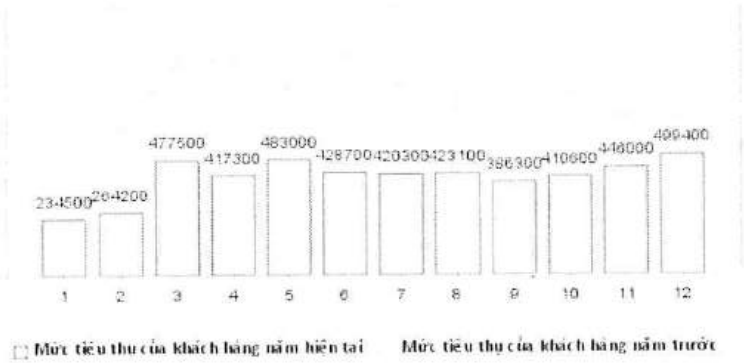
Hạn thanh toán
09/01/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 12/2023 (11 ngày từ 21/12/2023 đến 31/12/2023)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	199.323	198.136	118.700
Khung giờ cao điểm	100	85.811	85.244	56.700
Khung giờ thấp điểm	100	45.937	45.919	1.800
				Tổng: 177.200



TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	118.700	198.110.300
Khung giờ cao điểm	3.093	56.700	175.373.100
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.800	1.951.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**177.200**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**375.434.600**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**30.034.768**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			405.469.368

Bằng chữ: Bốn trăm linh năm triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 04/ 01/ 2024 15:38:00

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-014**

Địa chỉ *(Address):* Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006-19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24THD**

Số *(No):* **41898**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Mã số thuế *(Tax code):* 3700756534

Địa chỉ *(Address):* TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Blnh Dương

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB04040030183

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 1 năm 2024 từ ngày 01/01/2024 đến ngày 10/01/2024	kWh	163.400	-	350.299.500
	(kèm theo bảng kê số 1342506801 ngày 11 tháng 01 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**350.299.500**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**28.023.960**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**378.323.460**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Ba trăm bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/01/2024 16:00:04

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1342506801

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 41898 ngày 11 tháng 01 năm 2024)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
378.323.460 đồng

Hạn thanh toán
16/01/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

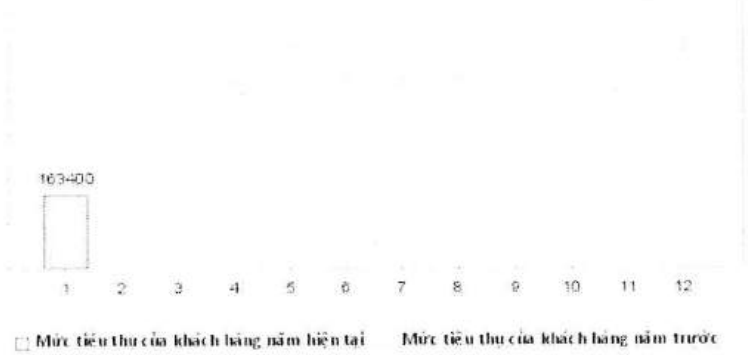
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 1/2024 (10 ngày từ 01/01/2024 đến 10/01/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	200.391	199.323	106.800
Khung giờ cao điểm	100	86.362	85.811	55.100
Khung giờ thấp điểm	100	45.952	45.937	1.500
				Tổng: 163.400



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS Android

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	106.800	178.249.200
Khung giờ cao điểm	3.093	55.100	170.424.300
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.500	1.626.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**163.400**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**350.299.500**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**28.023.960**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			378.323.460

Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi đồng.

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 01/ 2024 16:00:04

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0300942001-014**

Địa chỉ *(Address)*: Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001006-19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 22 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: **1K24THD**

Số *(No)*: **57799**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Mã số thuế *(Tax code)*: 3700756534

Địa chỉ *(Address)*: TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PB04040030183

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency)*:VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 1 năm 2024 từ ngày 11/01/2024 đến ngày 20/01/2024	kWh	187.600	-	404.301.200
	(kèm theo bảng kê số 1344160498 ngày 22 tháng 01 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**404.301.200**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**32.344.096**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**436.645.296**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Bốn trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi sáu đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 22/01/2024 09:24:47

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1344160498

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 57799 ngày 22 tháng 01 năm 2024)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
436.645.296 đồng

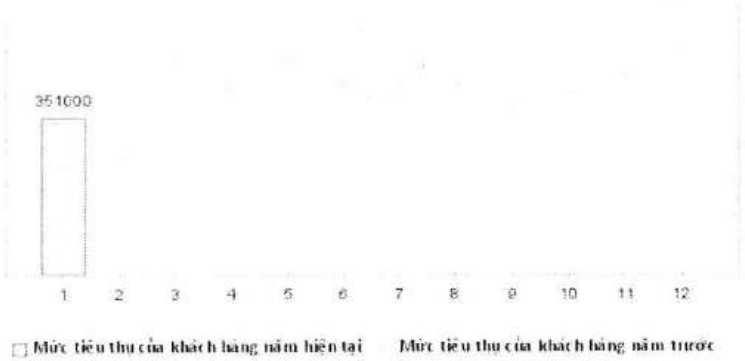
Hạn thanh toán
27/01/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 1/2024 (10 ngày từ 11/01/2024 đến 20/01/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	201.604	200.391	121.300
Khung giờ cao điểm	100	87.009	86.362	64.700
Khung giờ thấp điểm	100	45.968	45.952	1.600
				Tổng: 187.600



TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	121.300	202.449.700
Khung giờ cao điểm	3.093	64.700	200.117.100
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.600	1.734.400
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**187.600**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**404.301.200**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**32.344.096**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			436.645.296

Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi sáu đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 22/ 01/ 2024 09:24:47

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-014**

Địa chỉ *(Address):* Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006-19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24THD**

Số *(No):* **62980**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Mã số thuế *(Tax code):* 3700756534

Địa chỉ *(Address):* TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB04040030183

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 1 năm 2024 từ ngày 21/01/2024 đến ngày 31/01/2024	kWh	177.200	-	373.013.800
	(kèm theo bảng kê số 1348992500 ngày 01 tháng 02 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**373.013.800**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**29.841.104**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**402.854.904**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bốn trăm linh hai triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm linh bốn đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 02/ 2024 11:45:05

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1348992500

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 62980 ngày 01 tháng 02 năm 2024)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
402.854.904 đồng

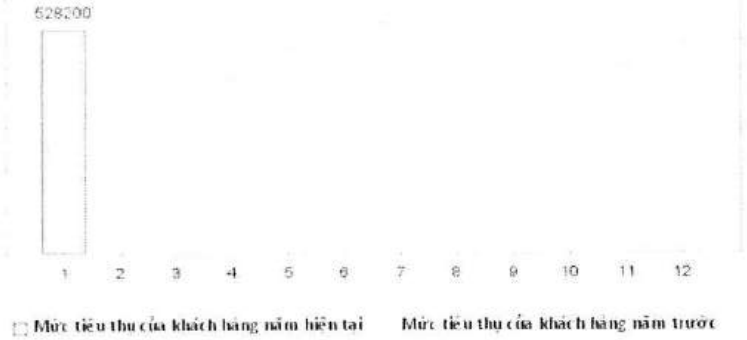
Hạn thanh toán
06/02/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 1/2024 (11 ngày từ 21/01/2024 đến 31/01/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	202.808	201.604	120.400
Khung giờ cao điểm	100	87.559	87.009	55.000
Khung giờ thấp điểm	100	45.986	45.968	1.800
				Tổng: 177.200



TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	120.400	200.947.600
Khung giờ cao điểm	3.093	55.000	170.115.000
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.800	1.951.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**177.200**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**373.013.800**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**29.841.104**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			402.854.904

Bằng chữ: Bốn trăm linh hai triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm linh bốn đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 02/ 2024 11:45:05

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-014**

Địa chỉ *(Address):* Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006-19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24THD**

Số *(No):* **99129**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Mã số thuế *(Tax code):* 3700756534

Địa chỉ *(Address):* TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB04040030183

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 10/02/2024	kWh	32.900	-	65.541.600
	(kèm theo bảng kê số 1353002592 ngày 16 tháng 02 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**65.541.600**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**5.243.328**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**70.784.928**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bảy mươi triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi tám đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 16/ 02/ 2024 08:39:23

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1353002592

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 99129 ngày 16 tháng 02 năm 2024)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
70.784.928 đồng

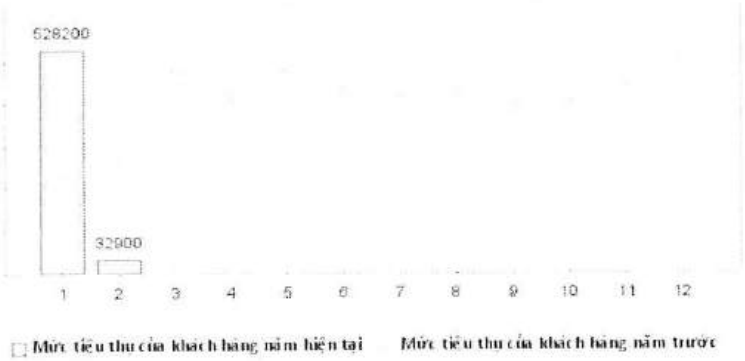
Hạn thanh toán
21/02/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 2/2024 (10 ngày từ 01/02/2024 đến 10/02/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	203.044	202.808	23.600
Khung giờ cao điểm	100	87.639	87.559	8.000
Khung giờ thấp điểm	100	45.999	45.986	1.300
				Tổng: 32.900



TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	23.600	39.388.400
Khung giờ cao điểm	3.093	8.000	24.744.000
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.300	1.409.200
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**32.900**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**65.541.600**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**5.243.328**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			70.784.928

Bằng chữ: Bảy mươi triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi tám đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 16/ 02/ 2024 08:39:23

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-014**

Địa chỉ *(Address):* Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006-19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 22 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24THD**

Số *(No):* **112820**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Mã số thuế *(Tax code):* 3700756534

Địa chỉ *(Address):* TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB04040030183

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 2 năm 2024 từ ngày 11/02/2024 đến ngày 20/02/2024	kWh	39.400	-	82.856.600
	(kèm theo bảng kê số 1354822633 ngày 22 tháng 02 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**82.856.600**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**6.628.528**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**89.485.128**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Tám mươi chín triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn một trăm hai mươi tám đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 22/ 02/ 2024 11:32:00

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1354822633

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 112820 ngày 22 tháng 02 năm 2024)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
89.485.128 đồng

Hạn thanh toán
27/02/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

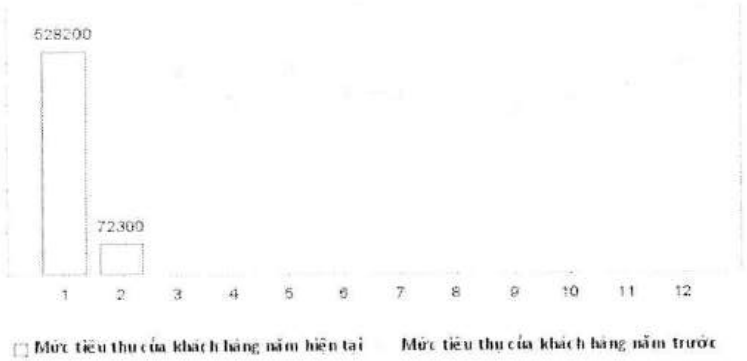
THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 2/2024 (10 ngày từ 11/02/2024 đến 20/02/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường	100	203.301	203.044	25.700
Khung giờ cao điểm	100	87.764	87.639	12.500
Khung giờ thấp điểm	100	46.011	45.999	1.200
				Tổng: 39.400



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS Android

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	25.700	42.893.300
Khung giờ cao điểm	3.093	12.500	38.662.500
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.200	1.300.800
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**39.400**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**82.856.600**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**6.628.528**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			89.485.128

Bằng chữ: Tám mươi chín triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn một trăm hai mươi tám đồng.

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 22/ 02/ 2024 11:32:00

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-014**

Địa chỉ *(Address):* Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006-19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24THD**

Số *(No):* **126426**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Mã số thuế *(Tax code):* 3700756534

Địa chỉ *(Address):* TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB04040030183

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 2 năm 2024 từ ngày 21/02/2024 đến ngày 29/02/2024	kWh	164.404	-	350.446.108
	(kèm theo bảng kê số 1361700826 ngày 02 tháng 03 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**350.446.108**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**28.035.689**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**378.481.797**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Ba trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 03/ 2024 10:07:14

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1361700826

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 126426 ngày 02 tháng 03 năm 2024)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
378.481.797 đồng

Hạn thanh toán
07/03/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 2/2024 (9 ngày từ 21/02/2024 đến 29/02/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
17087758				
Khung giờ bình thường - Tháo ngày 27/02/2024	100	204.114	203.301	81.300
Khung giờ cao điểm - Tháo ngày 27/02/2024	100	88.130	87.764	36.600
Khung giờ thấp điểm - Tháo ngày 27/02/2024	100	46.022	46.011	1.100
23015022				
Khung giờ bình thường	1	28.060	454	27.606
Khung giờ cao điểm	1	17.854	436	17.418
Khung giờ thấp điểm	1	818	438	380
				Tổng: 164.404



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	108.906	181.764.114
Khung giờ cao điểm	3.093	54.018	167.077.674
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.480	1.604.320
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**164.404**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**350.446.108**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**28.035.689**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			378.481.797

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 02/ 03/ 2024 10:07:14

Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng.

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0300942001-014**

Địa chỉ *(Address)*: Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001006-19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial)*: **1K24THD**

Số *(No)*: **154012**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Mã số thuế *(Tax code)*: 3700756534

Địa chỉ *(Address)*: TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PB04040030183

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency)*:VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2024 từ ngày 01/03/2024 đến ngày 10/03/2024	kWh	167.124	-	360.042.896
	(kèm theo bảng kê số 1363710385 ngày 11 tháng 03 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**360.042.896**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**28.803.432**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**388.846.328**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Ba trăm tám mươi tám triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi tám đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 03/ 2024 16:55:00

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1363710385

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 154012 ngày 11 tháng 03 năm 2024)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
388.846.328 đồng

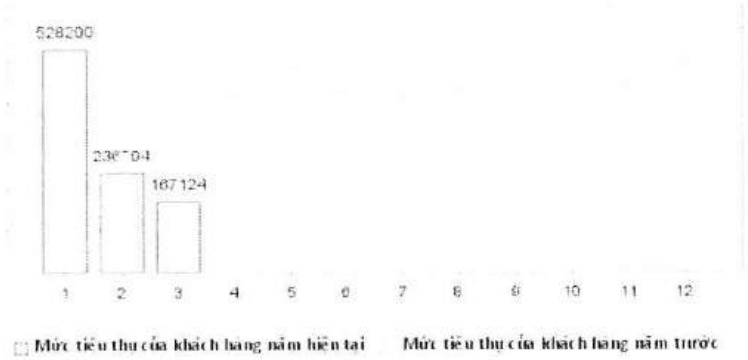
Hạn thanh toán
16/03/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 3/2024 (10 ngày từ 01/03/2024 đến 10/03/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
23015022				
Khung giờ bình thường	1	135.892	28.060	107.832
Khung giờ cao điểm	1	75.494	17.854	57.640
Khung giờ thấp điểm	1	2.470	818	1.652
				Tổng: 167.124



TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	107.832	179.971.608
Khung giờ cao điểm	3.093	57.640	178.280.520
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.652	1.790.768
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**167.124**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**360.042.896**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**28.803.432**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			388.846.328

Bằng chữ: Ba trăm tám mươi tám triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi tám đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 03/ 2024 16:35:00

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-014**

Địa chỉ *(Address):* Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006-19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24THD**

Số *(No):* **177671**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Mã số thuế *(Tax code):* 3700756534

Địa chỉ *(Address):* TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB04040030183

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 3 năm 2024 từ ngày 11/03/2024 đến ngày 20/03/2024	kWh	203.652	-	445.411.454
	(kèm theo bảng kê số 1365153282 ngày 21 tháng 03 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**445.411.454**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**35.632.916**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**481.044.370**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bốn trăm tám mươi mốt triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 03/ 2024 10:27:51

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1365153282

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 177671 ngày 21 tháng 03 năm 2024)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
481.044.370 đồng

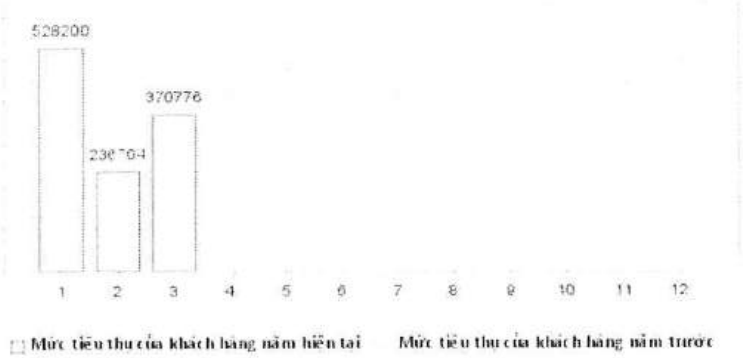
Hạn thanh toán
26/03/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 3/2024 (10 ngày từ 11/03/2024 đến 20/03/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
23015022				
Khung giờ bình thường	1	262.954	135.892	127.062
Khung giờ cao điểm	1	150.318	75.494	74.824
Khung giờ thấp điểm	1	4.236	2.470	1.766
				Tổng: 203.652



TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	127.062	212.066.478
Khung giờ cao điểm	3.093	74.824	231.430.632
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.766	1.914.344
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**203.652**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**445.411.454**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**35.632.916**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			481.044.370

Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi mốt triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 21/ 03/ 2024 10:27:51

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-014**

Địa chỉ *(Address):* Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006-19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24THD**

Số *(No):* **195185**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Mã số thuế *(Tax code):* 3700756534

Địa chỉ *(Address):* TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB04040030183

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 3 năm 2024 từ ngày 21/03/2024 đến ngày 31/03/2024	kWh	197.716	-	428.271.796
	(kèm theo bảng kê số 1372053955 ngày 01 tháng 04 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**428.271.796**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**34.261.744**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**462.533.540**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Bốn trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ba mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 04/ 2024 21:38:33

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014
EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1372053955

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 195185 ngày 01 tháng 04 năm 2024)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
462.533.540 đồng

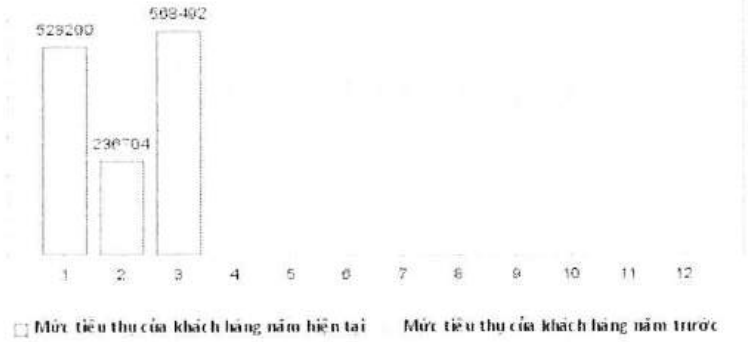
Hạn thanh toán
06/04/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 3/2024 (11 ngày từ 21/03/2024 đến 31/03/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
23015022				
Khung giờ bình thường	1	388.874	262.954	125.920
Khung giờ cao điểm	1	220.146	150.318	69.828
Khung giờ thấp điểm	1	6.204	4.236	1.968
				Tổng: 197.716



TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	125.920	210.160.480
Khung giờ cao điểm	3.093	69.828	215.978.004
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.968	2.133.312
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**197.716**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**428.271.796**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**34.261.744**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			462.533.540

Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ba mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

IOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 04/ 2024 21:38:33

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-014**

Địa chỉ *(Address):* Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006-19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24THD**

Số *(No):* **213269**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Mã số thuế *(Tax code):* 3700756534

Địa chỉ *(Address):* TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB04040030183

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 10/04/2024	kWh	158.410	-	316.354,122
	(kèm theo bảng kê số 1374349133 ngày 11 tháng 04 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**316.354.122**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**25.308.330**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**341.662.452**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Ba trăm bốn mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 04/ 2024 15:45:46

Công ty Điện lực Bình Dương
Điện lực Bến Cát
Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

19001006-19009000

Số bảng kê: 1374349133

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 213269 ngày 11 tháng 04 năm 2024)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
341.662.452 đồng

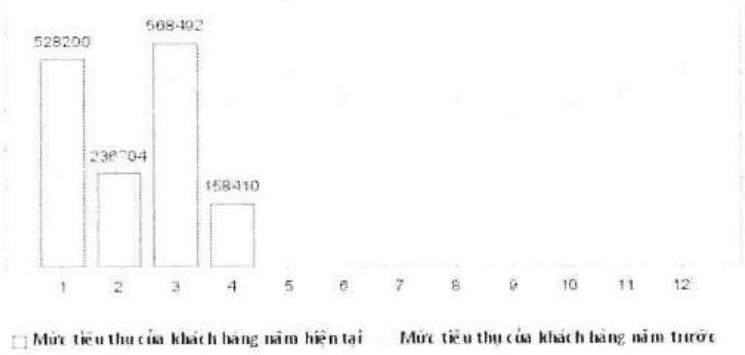
Hạn thanh toán
16/04/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 4/2024 (10 ngày từ 01/04/2024 đến 10/04/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
23015022				
Khung giờ bình thường	1	508.476	388.874	119.602
Khung giờ cao điểm	1	257.314	220.146	37.168
Khung giờ thấp điểm	1	7.844	6.204	1.640
				Tổng: 158.410



TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	119.602	199.615.738
Khung giờ cao điểm	3.093	37.168	114.960.624
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.640	1.777.760
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**158.410**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**316.354.122**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**25.308.330**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			341,662,452

Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi mốt triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 11/ 04/ 2024 15:45:46

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-014**

Địa chỉ *(Address):* Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006-19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 22 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24THD**

Số *(No):* **237193**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Mã số thuế *(Tax code):* 3700756534

Địa chỉ *(Address):* TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB04040030183

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):* VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 4 năm 2024 từ ngày 11/04/2024 đến ngày 20/04/2024	kWh	161.036	-	321.630.526
	(kèm theo bảng kê số 1375973214 ngày 22 tháng 04 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**321.630.526**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**25.730.442**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**347.360.968**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Ba trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 22/04/2024 15:19:18

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1375973214

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 237193 ngày 22 tháng 04 năm 2024)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
347.360.968 đồng

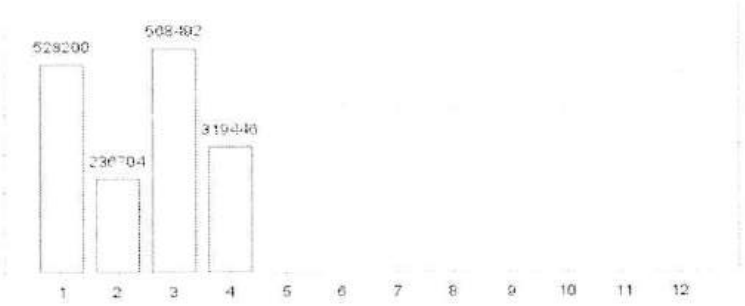
Hạn thanh toán
27/04/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 4/2024 (10 ngày từ 11/04/2024 đến 20/04/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
23015022				
Khung giờ bình thường	1	630.068	508.476	121.592
Khung giờ cao điểm	1	295.112	257.314	37.798
Khung giờ thấp điểm	1	9.490	7.844	1.646
				Tổng: 161.036



TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	121.592	202.937.048
Khung giờ cao điểm	3.093	37.798	116.909.214
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.646	1.784.264
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**161.036**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**321.630.526**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**25.730.442**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			347.360.968

Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ https://www.cskh.evnspc.vn/ và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 22/ 04/ 2024 15:19:18

EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300942001-014**

Địa chỉ *(Address):* Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 19001006-19009000

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1K24THD**

Số *(No):* **257969**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Mã số thuế *(Tax code):* 3700756534

Địa chỉ *(Address):* TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PB04040030183

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 4 năm 2024 từ ngày 21/04/2024 đến ngày 30/04/2024	kWh	112.284	-	228.673.018
	(kèm theo bảng kê số 1382172227 ngày 01 tháng 05 năm 2024)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**228.673.018**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**18.293.841**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**246.966.859**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi chín đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 05/ 2024 17:42:59

Công ty Điện lực Bình Dương

Điện lực Bến Cát

Số 233 đường 30/4 Phường Phú Thọ-TP Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương
MST: 0300942001-014

EVN

19001006-19009000

Số bảng kê: 1382172227

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 257969 ngày 01 tháng 05 năm 2024)

Khách hàng	**Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt**
Địa chỉ	**TĐ 358, TBĐ 42,Ấp An Sơn,Xã An Điền,Thị xã Bến Cát,T.Bình Dương**
Điện thoại	**0834933888**
Email	**vietwoodvn@vnn.vn**
Mã số thuế	**3700756534**
Địa chỉ sử dụng điện	**Xã An Điền - Bến Cát**
Mục đích sử dụng điện	**100 % Sản xuất - Giờ bình thường** **100 % Sản xuất - Giờ cao điểm** **100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm**
Cấp điện áp sử dụng	**Từ 22kV đến dưới 35kV**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

Mã khách hàng
PB04040030183

Số tiền thanh toán
246.966.859 đồng

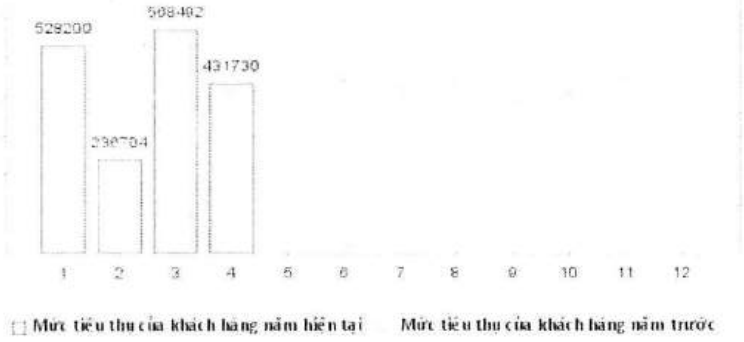
Hạn thanh toán
06/05/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 4/2024 (10 ngày từ 21/04/2024 đến 30/04/2024)

CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
23015022				
Khung giờ bình thường	1	711.290	630.068	81.222
Khung giờ cao điểm	1	324.700	295.112	29.588
Khung giờ thấp điểm	1	10.964	9.490	1.474
				Tổng: 112.284



TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	81.222	135.559.518
Khung giờ cao điểm	3.093	29.588	91.515.684
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.474	1.597.816
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		**112.284**	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			**228.673.018**
Thuế suất GTGT			**8%**
Thuế GTGT (đồng)			**18.293.841**
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			246.966.859

Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi chín đồng.

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ
https://www.cskh.evnspc.vn/
và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNSPC

12 Thi Sách, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam

19001006-19009000

cskh@evnspc.vn

TCT Điện lực miền Nam EVNSPC

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android

iOS *Android*

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/ 05/ 2024 17:42:59

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, P. TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 028 – 37100613 - Fax: 028 - 37100614

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

3707NT/GV.I2014

Căn cứ theo hợp đồng số 3707/DNH - HD/2014 được ký ngày 16./07./2014. về việc Cung cấp và lắp đặt hệ thống xử lý bụi Xưởng 1- Công suất 85.000 m³/h''

1. Thành phần tham gia nghiệm thu:

Bên A (Chủ đầu tư): CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Đại diện: Ông/bà:.....Kiều Tấn Thái..... - Chức vụ:...Phó GĐKT
Đại diện: Ông/bà:..... - Chức vụ:.....

Bên B (Nhà thầu): CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
Đại diện: Ông: Đỗ Quang Hải - Chức vụ: Chỉ huy công trình

2. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

- Bắt đầu: ..8...giờ....., Ngày..11..tháng..1.....năm ..2014..
- Kết thúc: ..10..giờ....., Ngày..11..tháng..1.....năm ..2014.

Tại công trình: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, TX Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

3. Đánh giá chất lượng công trình đã hoàn thành, khắc phục, hướng dẫn hệ thống hút bụi và bàn giao đưa vào sử dụng:

- Tài liệu căn cứ nghiệm thu: Hợp đồng số 3707/DNH - HD/2014.. được ký ngày 16./07./2014.
- Chất lượng công việc thi công, lắp đặt:
  + Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng đúng theo thoả thuận trong hợp đồng.
  + Yêu cầu chất lượng, kỹ thuật: Đạt yêu cầu kĩ thuật và bàn giao đưa vào sử dụng.

4. Kết luận: Chấp nhận nghiệm thu hệ thống hút bụi và bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

- Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Bình Dương, Ngày 11 tháng 01 năm 2014

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Kiều Tấn Thái	Đỗ Quang Hải

STT	HẠNG MỤC- CHỦNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
A	**THIẾT BỊ**			
1	**SILO CHỨA BỤI Ø7.0xH6.0m** Thân , nóc, đáy tôn 2.0mm (phần thân cao 6.1m) -Chân đỡ I298 x148x 6x6mm /04 chân -Thanh ngang đỡ buồng chứa U200mm -Thanh giằng ngang chân trước U160mm -Thanh giằng chéo chân V75mm -Thanh đỡ nóc U160mm -Bản mã chân 500x300x20mm -Lan can bảo vệ ống D34 -Sơn phủ trong 1 lớp, ngoài 2 lớp(bạch tuyết) -Van xả đáy 1Hp /01 cái -Bộ túi lọc giảm áp -Bộ cảm biến nhiệt độ (cảnh báo cháy) -Van cấp nước tự động -Bộ chống đầy bồn -Các ống dẫn nước chữa cháy tới chân bồn	Bộ	1,0	
2	**Fiter rung rũ cơ 11mudum** Q= 60.000M3/h -Thân thiết bị sử dụng tôn tráng kẽm 1.45mm (tôn Hoa Sen) -Khung chân C200x2.6mm, bản mã liên kết -Thanh giằng chân kẽm V50 -Túi Lọc PE 400-100% Polyester /560m2 -Quạt rung rũ 2Hp/ 11 cái	Bộ	1,0	
3	**Filter rung rũ khí nén** Q= 30.000M3/h/Filter (W2600xL3.170xH7.000mm) -Thân thiết bị sử dụng tôn kẽm 1.95mm -Hoa Sen -Khung chân V100, V50 (tôn kẽm 2.6mm)/ -Bản mã chân 10mm/Foot code -Túi lọc bụi Polyester PE 500- Ø155mm/327M² -Khung xương túi lọc Ø145 /168 bộ -Van điện từ -Joi (Korea)/ 14 bộ -Bộ điều khiển 15 cổng/ 1 bộ	Bộ	1,0	
4	**Cyclone lắng bụi Ø2000x2.0mm**	Bộ	1,0	
5	Khung chân đỡ Cyclone V75 & V50	Bộ	1,0	
6	**Cyclone lắng bụi Ø1800x2.0mm**	Bộ	2,0	
7	Khung chân đỡ Cyclone V75 & V50	Bộ	2,0	
8	**Quạt ly tâm** 4205-No9; chuyền động trực tiếp -Võ quạt thép CT3 x 4mm -Đĩa cánh 10 mm- **cánh quạt tháo mở có măng xông** -Q=25.000M3/h; H= 320 H2O ; N = 45Kw Motor GSP hoặc ATT mới 100%	Bộ	2,0	

9	**Quạt ly tâm** 4205-No9; chuyền động trực tiếp -Võ quạt thép CT3 x 4mm -Đĩa cánh 10 mm- **cánh quạt tháo mở có măng xông** -Q=35.000M3/h; H= 320 H2O ; N = 75Kw Motor GSP hoặc ATT mới 100%	Bộ	1,0	
10	**Quạt ly tâm trực tiếp (Quạt tải bụi)** Model : D550 -L= 5.200M3/h; P= 5.500Pa -N= 30HP Motor GSP hoặc ATT mới 100% -Chuyền động trực tiếp	Bộ	1,0	
11	**Tủ điện điều khiển (thiết bị LS)** -W 300 x L1200 x H1000 mm -Võ tủ tôn 2.0mm, sơn tỉnh điện -Thiết bị LS	Cụm	1,0	
12	**Cụm dây điện cho thiết bị** (từ tủ tới thiết bị) Khoảng cách không quá 10m	Cụm	1,0	
13	**Hệ thống ống quạt tải bụi (30HP)** -Ống xoắn TK Ø250x 0.8mm -Bích nối ống : bản 40x1mm	Hệ	1,0	
14	**Hệ thống ống hút và phụ kiện (60HP)** -Ống xoắn TK Ø120- Ø400 sử dụng tôn 0.6mm -Ống xoắn TK Ø450- Ø700 sử dụng tôn 0.8mm , -Bích nối ống : bích la 2-4mm và bích đai 1mm **(không bao gồm cổ dê và ống nhựa mềm)**	Hệ	2,0	
15	**Hệ thống ống hút và phụ kiện (100HP)** -Ống xoắn TK Ø120- Ø400 sử dụng tôn 0.6mm -Ống xoắn TK Ø450- Ø700 sử dụng tôn 0.8mm , -Bích nối ống : bích la 2-4mm và bích đai 1mm **(không bao gồm cổ dê và ống nhựa mềm)**	Hệ	1,0	
16	Vật tư phụ (bulong, ty ren,silicone.v.v)	Cụm	1,0	
17	Silicone (24 chai)	thùng	3,0	
18	Chi phí xe cẩu lắp đặt KATO	Ca	1,0	
19	Chi phí xe cẩu thùng lắp đặt	Ca	2,0	
20	Chi phí xe cẩu thùng lắp đặt	Ca	1,0	
21	Chi phí nhân công lắp đặt - THIẾT BỊ	Cụm	1,0	
22	Chi phí vận chuyển	Cụm	1,0	

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, P. TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 028 – 37100613 - Fax: 028 - 37100614

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

4205.NT/GV.2017

Căn cứ theo hợp đồng số 4205/DNH - HD/2017 được ký ngày 02./.05/2017 về việc Cung cấp và lắp đặt hệ thống xử lý bụi Xưởng 2- Công suất 75.000 m³/h''

1. Thành phần tham gia nghiệm thu:

Bên A (Chủ đầu tư): CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Đại diện: Ông/bà:....Kiều.....Tấn.....Thái.....- Chức vụ:....Phó..GĐKT
Đại diện: Ông/bà:.....- Chức vụ:.....

Bên B (Nhà thầu): CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
Đại diện: Ông: Đỗ Quang Hải - Chức vụ: Chỉ huy công trình

2. Thời gian tiến hành nghiệm thu:
- Bắt đầu: ..8...giờ....., Ngày..12...tháng..06...năm ..2017..
- Kết thúc: ..10..giờ....., Ngày..12..tháng..06.....năm ..2017..

Tại công trình: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, TX Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

3. Đánh giá chất lượng công trình đã hoàn thành, khắc phục, hướng dẫn hệ thống hút bụi và bàn giao đưa vào sử dụng:
- Tài liệu căn cứ nghiệm thu: Hợp đồng số 4205/DNH - HD/2017.. được ký ngày 02./.05/2017.
- Chất lượng công việc thi công, lắp đặt:
  + Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng đúng theo thoả thuận trong hợp đồng.
  + Yêu cầu chất lượng, kỹ thuật: Đạt yêu cầu kĩ thuật và bàn giao đưa vào sử dụng.

4. Kết luận: Chấp nhận nghiệm thu hệ thống hút bụi và bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

- Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Bình Dương, Ngày 12 tháng 06 năm 2017

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Kiều Tấn Thái	Đỗ Quang Hải

STT	HẠNG MỤC- CHỦNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
A	**THIẾT BỊ**			
1	**Opptiflow 30m** -Tôn tráng kẽm 1.45mm - tôn Hoa Sen -Motor hộp số xích cào 1Hp -Tunglee Taiwan -Cụm van sao 1 HP -Tunglee Taiwan -Bộ trục chủ động, bị động -Bạc đạn gối đỡ nhật- Asahi -Xích Cào S55 (DongHua)+ bộ trục/ 01 bộ -Bộ tăng xích / 01 bộ -Nhông nhựa đỡ xích chống mòn / 15 bộ	Bộ	1,0	
2	**Fiter rung rũ cơ 11mudum** Q= 60.000M3/h -Thân thiết bị sử dụng tôn tráng kẽm 1.45mm (tôn Hoa Sen) -Khung chân C200x2.6mm, bản mã liên kết -Thanh giằng chân kẽm V50 -Túi Lọc PE 500-100% Polyester /560m2 -Quạt rung rũ 2Hp/ 11 cái	Bộ	1,0	
3	**Fiter rung rũ cơ 6mudum** Q= 30.000M3/h -Thân thiết bị sử dụng tôn tráng kẽm 1.45mm (tôn Hoa Sen) -Khung chân C200x2.6mm, bản mã liên kết -Thanh giằng chân kẽm V50 -Túi Lọc PE 500-100% Polyester /560m2 -Quạt rung rũ 2Hp/ 6 cái	Bộ	1,0	
4	**Quạt ly tâm** 4205-No9; chuyền động trực tiếp -Võ quạt thép CT3 x 4mm -Đĩa cánh 10 mm- **cánh quạt tháo mở có măng xông** -Q=25.000M3/h; H= 320 H2O ; N = 45Kw Motor GSP hoặc ATT mới 100%	Bộ	3,0	
5	**Quạt ly tâm trực tiếp (Quạt tải bụi)** Model : D550 -L= 5.200M3/h; P= 5.500Pa -N= 30HP Motor GSP hoặc ATT mới 100% -Chuyền động trực tiếp	Bộ	1,0	
6	**Tủ điện điều khiển (thiết bị LS)** -W 300 x L1200 x H1000 mm -Võ tủ tôn 2.0mm, sơn tĩnh điện -Thiết bị LS	Cụm	1,0	
7	**Cụm dây điện cho thiết bị** (từ tủ tới thiết bị) Khoảng cách không quá 20m	Cụm	1,0	
8	**Hệ thống ống quạt tải bụi (30HP)** -Ống xoắn TK Ø250x 0.8mm -Bích nối ống : bản 40x1mm	Hệ	1,0	

9	**Hệ thống ống hút và phụ kiện (60HP)** -Ống xoắn TK Ø120- Ø400 sử dụng tôn 0.6mm -Ống xoắn TK Ø450- Ø700 sử dụng tôn 0.8mm , -Bích nối ống : bích la 2-4mm và bích đai 1mm **(không bao gồm cổ dê và ống nhựa mềm)**	Hệ	1,0	
10	Vật tư phụ (bulong, ty ren,silicone.v.v)	Cụm	1,0	
11	Silicone (24 chai)	thùng	3,0	
12	Chi phí xe cẩu thùng lắp đặt	Ca	2,0	
13	Chi phí nhân công lắp đặt - THIẾT BỊ	Cụm	1,0	
14	Chi phí vận chuyển	Cụm	1,0	

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, P. TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 028 – 37100613 - Fax: 028 - 37100614

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

3105..NT/GV.1.2015

Căn cứ theo hợp đồng số 3105../DNH - HD/2015 được ký ngày 10./05./2015. về việc Cung cấp và lắp đặt hệ thống xử lý bụi Xưởng 3- Công suất 75.000 m³/h''

1. Thành phần tham gia nghiệm thu:

Bên A (Chủ đầu tư): CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Đại diện: Ông/bà:....Kiều...Tấn...Thái.....- Chức vụ:..Phó..GĐKT
Đại diện: Ông/bà:.....- Chức vụ:.....
Bên B (Nhà thầu): CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
Đại diện: Ông: Đỗ Quang Hải - Chức vụ: Chỉ huy công trình

2. Thời gian tiến hành nghiệm thu:
- Bắt đầu: .8...giờ....., Ngày27..tháng.06.....năm .2015.
- Kết thúc: 10...giờ....., Ngày27..tháng.06.....năm .2015

Tại công trình: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, TX Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

3. Đánh giá chất lượng công trình đã hoàn thành, khắc phục, hướng dẫn hệ thống hút bụi và bàn giao đưa vào sử dụng:
- Tài liệu căn cứ nghiệm thu: Hợp đồng số 3105../DNH - HD/2015 được ký ngày 10./.05./.2015 .
- Chất lượng công việc thi công, lắp đặt:
  + Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng đúng theo thoả thuận trong hợp đồng.
  + Yêu cầu chất lượng, kỹ thuật: Đạt yêu cầu kĩ thuật và bàn giao đưa vào sử dụng.

4. Kết luận: Chấp nhận nghiệm thu hệ thống hút bụi và bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

- Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Bình Dương, Ngày27.tháng 06.năm2015

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Kiều Tấn Thái	Đỗ Quang Hải

STT	HẠNG MỤC- CHỦNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
A	**THIẾT BỊ**			
1	**SILO CHỨA BỤI Ø7.0xH6.0m** Thân , nóc, đáy tôn 2.0mm (phần thân cao 6.1m) -Chân đỡ I298 x148x 6x6mm /04 chân -Thanh ngang đỡ buồng chứa U200mm -Thanh giằng ngang chân trước U160mm -Thanh giằng chéo chân V75mm -Thanh đỡ nóc U160mm -Bản mã chân 500x300x20mm -Lan can bảo vệ ống D34 -Sơn phủ trong 1 lớp, ngoài 2 lớp(bạch tuyết) -Van xả đáy 1Hp /01 cái -Bộ túi lọc giảm áp -Bộ cảm biến nhiệt độ (cảnh báo cháy) -Van cấp nước tự động -Bộ chống đầy bồn -Các ống dẫn nước chữa cháy tới chân bồn	Bộ	1,0	
2	**Fiter rung rũ cơ 12mudum** Q= 60.000M3/h -Thân thiết bị sử dụng tôn tráng kẽm 1.45mm (tôn Hoa Sen) -Khung chân C200x2.6mm, bản mã liên kết -Thanh giằng chân kẽm V50 -Túi Lọc PE 400-100% Polyester /560m2 -Quạt rung rũ 2Hp/ 9 cái -Xích Cào S55 (Donghua) -Bộ truyền động 2Hp (Motor Tungle TaiWan)	Bộ	1,0	
3	**Fiter rung rũ cơ 6mudum** Q= 30.000M3/h -Thân thiết bị sử dụng tôn tráng kẽm 1.45mm (tôn Hoa Sen) -Khung chân C200x2.6mm, bản mã liên kết -Thanh giằng chân kẽm V50 -Túi Lọc PE 500-100% Polyester /560m2 -Quạt rung rũ 2Hp/ 6 cái	Bộ	1,0	
4	**Opptiflow 30m** -Tôn tráng kẽm 1.45mm - tôn Hoa Sen -Motor hộp số xích cào 1Hp -Tunglee Taiwan -Cụm van sao 1 HP -Tunglee Taiwan -Bộ trục chủ động, bị động -Bạc đạn gối đỡ nhật- Asahi -Xích Cào S55 (DongHua)+ bộ trục/ 01 bộ -Bộ tăng xích / 01 bộ -Nhông nhựa đỡ xích chống mòn / 15 bộ	Bộ	1,0	

5	**Quạt ly tâm** 4205-No9; chuyển động trực tiếp -Vỏ quạt thép CT3 x 4mm -Đĩa cánh 10 mm- **cánh quạt tháo mở có măng xông** -Q=25.000M3/h; H= 320 H2O ; N = 45Kw Motor GSP hoặc ATT mới 100%	Bộ	3,0	
6	**Quạt ly tâm trực tiếp (Quạt tải bụi)** Model : D550 -L= 5.200M3/h; P= 5.500Pa -N= 20HP Motor GSP hoặc ATT mới 100% -Chuyền động trực tiếp	Bộ	1,0	
7	**Tủ điện điều khiển (thiết bị LS)** -W 300 x L1200 x H1000 mm -Vỏ tủ tôn 2.0mm, sơn tĩnh điện -Thiết bị LS	Cụm	1,0	
8	**Cụm dây điện cho thiết bị** (từ tủ tới thiết bị) Khoảng cách không quá 20m	Cụm	1,0	
9	**Hệ thống ống quạt tải bụi (20HP)** -Ống xoắn TK Ø250x 0.8mm -Bích nối ống : bản 40x1mm	Hệ	1,0	
10	**Hệ thống ống hút và phụ kiện (3 quạt 60HP)** -Ống xoắn TK Ø120- Ø400 sử dụng tôn 0.6mm -Ống xoắn TK Ø450- Ø700 sử dụng tôn 0.8mm , -Bích nối ống : bích la 2-4mm và bích đai 1mm **(không bao gồm cổ dê và ống nhựa mềm)**	Hệ	1,0	
11	Vật tư phụ (bulong, ty ren,silicone.v.v)	Cụm	1,0	
12	Silicone (24 chai)	thùng	3,0	
13	Chi phí xe cẩu thùng lắp đặt	Ca	2,0	
14	Chi phí nhân công lắp đặt - THIẾT BỊ	Cụm	1,0	
15	Chi phí vận chuyển	Cụm	1,0	



CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, P. TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 028 – 37100613 - Fax: 028 - 37100614

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

2505.NT/:GV.I2014

Căn cứ theo hợp đồng số 2505.../DNH - HD/2014 được ký ngày 26./.05./2014. về việc Cung cấp và lắp đặt hệ thống xử lý bụi Xưởng 4- Công suất 120.000 m³/h''

1. Thành phần tham gia nghiệm thu:

Bên A (Chủ đầu tư): CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Đại diện: Ông/bà:.....Kiều Tấn Thái.....- Chức vụ:...Phó GĐKT
Đại diện: Ông/bà:.....- Chức vụ:.....
Bên B (Nhà thầu): CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
Đại diện: Ông: Đỗ Quang Hải - Chức vụ: Chỉ huy công trình

2. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

- Bắt đầu: ..8....giờ....., Ngày..18..tháng..08....năm 2014...
- Kết thúc: .10...giờ....., Ngày..18..tháng...08...năm ..2014.

Tại công trình: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, TX Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

3. Đánh giá chất lượng công trình đã hoàn thành, khắc phục, hướng dẫn hệ thống hút bụi và bàn giao đưa vào sử dụng:

- Tài liệu căn cứ nghiệm thu: Hợp đồng số 2505.../DNH - HD/2014 được ký ngày 26./.05./.2014.
- Chất lượng công việc thi công, lắp đặt:
  + Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng đúng theo thoả thuận trong hợp đồng.
  + Yêu cầu chất lượng, kỹ thuật: Đạt yêu cầu kĩ thuật và bàn giao đưa vào sử dụng.

4. Kết luận: Chấp nhận nghiệm thu hệ thống hút bụi và bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

- Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Bình Dương, Ngày 18.tháng 07.năm 2014

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Kiều Tấn Thái	Đỗ Quang Hải

STT	HẠNG MỤC- CHỦNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
A	**THIẾT BỊ**			
1	**Fiter rung rũ cơ 11mudum** Q= 60.000M3/h -Thân thiết bị sử dụng tôn tráng kẽm 1.45mm (tôn Hoa Sen) -Khung chân C200x2.6mm, bản mã liên kết -Thanh giằng chân kẽm V50 -Túi Lọc PE 400-100% Polyester /560m2 -Quạt rung rũ 2Hp/ 11 cái	Bộ	2,0	
2	**Opptiflow 30m** -Tôn tráng kẽm 1.45mm - tôn Hoa Sen -Motor hộp số xích cào 1Hp -Tunglee Taiwan -Cụm van sao 1 HP -Tunglee Taiwan -Bộ trục chủ động, bị động -Bạc đạn gối đỡ nhật- Asahi -Xích Cào S55 (DongHua)+ bộ trục/ 01 bộ -Bộ tăng xích / 01 bộ -Nhông nhựa đỡ xích chống mòn / 30 bộ	Bộ	2,0	
3	**Quạt ly tâm** 4205-No9; chuyền động trực tiếp -Võ quạt thép CT3 x 4mm -Đĩa cánh 10 mm- **cánh quạt tháo mở có măng xông** -Q=30.000M3/h; H= 320 H2O ; N = 55Kw Motor GSP hoặc ATT mới 100%	Bộ	1,0	
4	**Quạt ly tâm** 4205-No9; chuyền động trực tiếp -Võ quạt thép CT3 x 4mm -Đĩa cánh 10 mm- **cánh quạt tháo mở có măng xông** -Q=25.000M3/h; H= 320 H2O ; N = 45Kw Motor GSP hoặc ATT mới 100%	Bộ	1,0	
5	**Quạt ly tâm** 4205-No9; chuyền động trực tiếp -Võ quạt thép CT3 x 4mm -Đĩa cánh 10 mm- **cánh quạt tháo mở có măng xông** -Q=20.000M3/h; H= 320 H2O ; N = 30Kw Motor GSP hoặc ATT mới 100%	Bộ	3,0	
6	**Quạt ly tâm trực tiếp (Quạt tải bụi)** Model : D550 -L= 5.200M3/h; P= 5.500Pa -N= 30HP Motor GSP hoặc ATT mới 100% -Chuyền động trực tiếp	Bộ	2,0	
7	**Tủ điện điều khiển (thiết bị LS)** -W 300 x L1200 x H1000 mm -Võ tủ tôn 2.0mm, sơn tinh điện -Thiết bị LS	Cụm	1,0	
8	**Cụm dây điện cho thiết bị** (từ tủ tới thiết bị) Khoảng cách không quá 10m	Cụm	1,0	

9	**Hệ thống ống quạt tải bụi (30HP)** -Ống xoắn TK Ø250x 0.8mm -Bích nối ống : bản 40x1mm	Hệ	2,0	
10	**Hệ thống ống hút và phụ kiện (3 quạt 50+1 quạt 60+1 quạt 75hp)** -Ống xoắn TK Ø120- Ø400 sử dụng tôn 0.6mm -Ống xoắn TK Ø450- Ø700 sử dụng tôn 0.8mm , -Bích nối ống : bích la 2-4mm và bích đai 1mm **(không bao gồm cổ dê và ống nhựa mềm)**	Hệ	1,0	
11	Vật tư phụ (bulong, ty ren,silicone.v.v)	Cụm	1,0	
12	Silicone (24 chai)	thùng	2,0	
13	Chi phí xe cẩu thùng lắp đặt	Ca	2,0	
14	Chi phí nhân công lắp đặt - THIẾT BỊ	Cụm	1,0	
15	Chi phí vận chuyển	Cụm	1,0	

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, P. TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 028 – 37100613 - Fax: 028 - 37100614

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

0901../NT/GV.12015

Căn cứ theo hợp đồng số 0901./DNH - HD/2015 được ký ngày 21./.01./.2015 về việc Cung cấp và lắp đặt hệ thống xử lý bụi Xưởng 5- Công suất 75.000 m³/h''

1. Thành phần tham gia nghiệm thu:

Bên A (Chủ đầu tư): CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Đại diện: Ông/bà:.....Kiều Tấn Thái..... - Chức vụ:...Phó GĐKT
Đại diện: Ông/bà:..... - Chức vụ:.....

Bên B (Nhà thầu): CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
Đại diện: Ông: Đỗ Quang Hải - Chức vụ: Chỉ huy công trình

2. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

- Bắt đầu: ..8...giờ....., Ngày..14..tháng..03.....năm 2015..
- Kết thúc: 10...giờ....., Ngày..14...tháng..03.....năm 2015...

Tại công trình: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, TX Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

3. Đánh giá chất lượng công trình đã hoàn thành, khắc phục, hướng dẫn hệ thống hút bụi và bàn giao đưa vào sử dụng:

- Tài liệu căn cứ nghiệm thu: Hợp đồng số 0901./DNH - HD/2015 được ký ngày 21./.01./.2015.
- Chất lượng công việc thi công, lắp đặt:
  + Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng đúng theo thoả thuận trong hợp đồng.
  + Yêu cầu chất lượng, kỹ thuật: Đạt yêu cầu kĩ thuật và bàn giao đưa vào sử dụng.

4. Kết luận: Chấp nhận nghiệm thu hệ thống hút bụi và bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

- Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Bình Dương, Ngày 14..tháng 03.năm 2015

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Kiều Tấn Thái	Đỗ Quang Hải

STT	HẠNG MỤC- CHỦNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
A	**THIẾT BỊ**			
1	**Fiter rung rũ cơ 12mudum** Q= 80.000m³/h'' -Thân thiết bị sử dụng tôn tráng kẽm 1.45mm (tôn Hoa Sen) -Khung chân C200x2.6mm, bản mã liên kết -Thanh giằng chân kẽm V50 -Túi Lọc PE 400-100% Polyester /560m2 -Quạt rung rũ 2Hp/ 12 cái	Bộ	1,0	
2	**Opptiflow 30m** -Tôn tráng kẽm 1.45mm - tôn Hoa Sen -Motor hộp số xích cào 1Hp -Tunglee Taiwan -Cụm van sao 1 HP -Tunglee Taiwan -Bộ trục chủ động, bị động -Bạc đạn gối đỡ nhật- Asahi -Xích Cào S55 (DongHua)+ bộ trục/ 01 bộ -Bộ tăng xích / 01 bộ -Nhông nhựa đỡ xích chống mòn / 30 bộ	Bộ	1,0	
3	**Quạt ly tâm** 4205-No9; chuyền động trực tiếp -Vỏ quạt thép CT3 x 4mm -Đĩa cánh 10 mm- **cánh quạt tháo mở có măng xông** -Q=25.000M3/h; H= 320 H2O ; N = 45Kw Motor GSP hoặc ATT mới 100%	Bộ	3,0	
4	**Quạt ly tâm trực tiếp (Quạt tải bụi)** Model : D550 -L= 5.200M3/h; P= 5.500Pa -N= 20HP Motor GSP hoặc ATT mới 100% -Chuyền động trực tiếp	Bộ	1,0	
5	**Tủ điện điều khiển (thiết bị LS)** -W 300 x L1200 x H1000 mm -Vỏ tủ tôn 2.0mm, sơn tĩnh điện -Thiết bị LS	Cụm	1,0	
6	**Cụm dây điện cho thiết bị** (từ tủ tới thiết bị) Khoảng cách không quá 10m	Cụm	1,0	
7	**Hệ thống ống quạt tải bụi (20HP)** -Ống xoắn TK Ø250x 0.8mm -Bích nối ống : bản 40x1mm	Hệ	1,0	
8	**Hệ thống ống hút và phụ kiện (3 quạt 60hp)** -Ống xoắn TK Ø120- Ø400 sử dụng tôn 0.6mm -Ống xoắn TK Ø450- Ø725 sử dụng tôn 0.8mm , -Bích nối ống : bích la 2-4mm và bích đai 1mm **(không bao gồm cổ dê và ống nhựa mềm)**	Hệ	1,0	
9	Vật tư phụ (bulong, ty ren,silicone.v.v)	Cụm	1,0	
10	Silicone (24 chai)	thùng	2,0	
11	Chi phí xe cẩu thùng lắp đặt	Ca	2,0	
12	Chi phí nhân công lắp đặt - THIẾT BỊ	Cụm	1,0	
13	Chi phí vận chuyển	Cụm	1,0	

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, P. TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 028 – 37100613 - Fax: 028 - 37100614

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

11342 NT/GV/2017

Căn cứ theo hợp đồng số 11342/DNH - HD/2017 được ký ngày 18../12../2017. về việc Cung cấp và lắp đặt hệ thống xử lý bụi Xưởng 8- Công suất 50.000 m³/h''

1. Thành phần tham gia nghiệm thu:

Bên A (Chủ đầu tư): CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Đại diện: Ông/bà:.....Kiều Tấn Thái..... - Chức vụ:.....Phó G.Đốc
Đại diện: Ông/bà:..... - Chức vụ:.....

Bên B (Nhà thầu): CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
Đại diện: Ông: Đỗ Quang Hải - Chức vụ: Chỉ huy công trình

2. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

- Bắt đầu: .8...giờ....., Ngày 11..tháng..06.....năm 2018
- Kết thúc: .10...giờ....., Ngày.11..tháng.06.....năm .2018

Tại công trình: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
Địa chỉ: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, TX Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

3. Đánh giá chất lượng công trình đã hoàn thành, khắc phục, hướng dẫn hệ thống hút bụi và bàn giao đưa vào sử dụng:

- Tài liệu căn cứ nghiệm thu: Hợp đồng số...../DNH - HD/.....được ký ngày..../..../..... .
- Chất lượng công việc thi công, lắp đặt:
  + Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng đúng theo thoả thuận trong hợp đồng.
  + Yêu cầu chất lượng, kỹ thuật: Đạt yêu cầu kĩ thuật và bàn giao đưa vào sử dụng.

4. Kết luận: Chấp nhận nghiệm thu hệ thống hút bụi và bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

- Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Bình Dương, Ngày 11.tháng 06.năm.2018

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Kiều Tấn Thái	Đỗ Quang Hải

STT	HẠNG MỤC- CHỦNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
A	**THIẾT BỊ**			
1	**SILO CHỨA BỤI W4.0xL6.0m** **(chiều cao tổng 13.8m)cao đáy 4.0m** -Thân thiết bị sử dụng tôn đen 2mm- sơn Hải Âu -Chân đỡ I298 x148x 6x6mm /04 chân -Thanh ngang đỡ buồng chứa U200mm -Thanh giằng ngang chân trước U200mm -Thanh giằng chéo chân V75mm -Thanh đỡ nóc U160mm -Bản mã chân 500x300x20mm -Lan can bảo vệ hộp Ø34 -Sơn phủ khung chân (bạch tuyết) -Van xả đáy 1Hp / 01 Bộ- có nút bấm khi xả bụi -Tủ điện điều khiển van xả -Cảm biến nhiệt (cảnh báo cháy)/02 bộ -Bộ túi lọc giảm áp/ 01 bộ -Các ống dẫn nước chữa cháy tới chân bồn -Tôn 3.5zem che, lợp mái cho xe lấy bụi -Xà gồ lợp tôn hộp kẽm 30x60x1.2mm **(không bao gồm phần móng bê tông, tường xây cao 1m=> 26m2)**	Bộ	1,0	
2	**Filter rung rũ khí nén** Q= 30.000M3/h/Filter (W2600xL3.170xH7.000mm) -Thân thiết bị sử dụng tôn kẽm 1.95mm -Hoa Sen -Khung chân V100, V50 (tôn kẽm 2.6mm)/ -Bản mã chân 10mm/Foot code -Túi lọc bụi Polyester PE 500- Ø155mm/327M² -Khung xương túi lọc Ø145 /168 bộ -Van điện từ -Joi (Korea)/ 14 bộ -Bộ điều khiển 15 cổng/ 1 bộ	Bộ	1,0	
3	**Opptiflow 30m** -Tôn tráng kẽm 1.45mm - tôn Hoa Sen -Motor hộp số xích cào 1Hp -Tunglee Taiwan -Cụm van sao 1 HP -Tunglee Taiwan -Bộ trục chủ động, bị động -Bạc đạn gối đỡ nhật- Asahi -Xích Cào S55 (DongHua)+ bộ trục/ 01 bộ -Bộ tăng xích / 01 bộ -Nhông nhựa đỡ xích chống mòn / 30 bộ	Bộ	1,0	
4	**Quạt ly tâm** 4205-No9; chuyên động trực tiếp -Võ quạt thép CT3 x 4mm -Đĩa cánh 10 mm- **cánh quạt tháo mở có măng xông** -Q=25.000M3/h; H= 320 H2O ; N = 45Kw Motor GSP hoặc ATT mới 100%	Bộ	2,0	

5	**Quạt ly tâm trực tiếp (Quạt tải bụi)** Model : D550 -L= 5.200M3/h; P= 5.500Pa -N= 20HP Motor GSP hoặc ATT mới 100% -Chuyền động trực tiếp	Bộ	1,0	
6	**Tủ điện điều khiển (thiết bị LS)** -W 300 x L1200 x H1000 mm -Võ tủ tôn 2.0mm, sơn tỉnh điện -Thiết bị LS	Cụm	1,0	
7	**Cụm dây điện cho thiết bị** (từ tủ tới thiết bị) Khoảng cách không quá 10m	Cụm	1,0	
8	**Hệ thống ống quạt tải bụi (20HP)** -Ống xoắn TK Ø250x 0.8mm -Bích nối ống : bản 40x1mm	Hệ	1,0	
9	**Hệ thống ống hút và phụ kiện (2 quạt 60hp)** -Ống xoắn TK Ø120- Ø400 sử dụng tôn 0.6mm -Ống xoắn TK Ø450- Ø700 sử dụng tôn 0.8mm , -Bích nối ống : bích la 2-4mm và bích đai 1mm **(không bao gồm cổ dê và ống nhựa mềm)**	Hệ	1,0	
10	Vật tư phụ (bulong, ty ren,silicone.v.v)	Cụm	1,0	
11	Silicone (24 chai)	thùng	4,0	
12	Chi phí xe cẩu lắp đặt KATO	Ca	1,0	
13	Chi phí xe cẩu thùng lắp đặt	Ca	2,0	
14	Chi phí nhân công lắp đặt - THIẾT BỊ	Cụm	1,0	
15	Chi phí vận chuyển	Cụm	1,0	



ĐẠI NHÂN HÒA

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, P. TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 08 - 37183787 Fax: 08 - 37183797

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP.HCM, ngày 01 tháng 10 năm 2014

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Số: 3707NT-GV/2014

Căn cứ theo hợp đồng số 3707CT/DNH -GV/2014 được ký ngày 16/7/2014 về việc cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống hút xưởng 1.

Đại diện hai bên Công ty gồm có:

Bên A (Chủ đầu tư): **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Đại diện: Ông ..... - Chức Vụ: .....

Bên B(Nhà Thầu) : **CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA**

Đại diện: Ông Hồ Văn Hòa - Chức Vụ: Phó Giám Đốc

Hai bên cùng tiến hành lập biên bản bàn giao, nghiệm thu hệ thống theo hợp đồng số 3707CT/DNH-GV/2014 như sau:

Nội dung nghiệm thu bàn giao gồm các khoản sau :

STT	Tên Thiết bị - Quy Cách	ĐVT	Số Lượng	Ghi chú
1	**Fiter rung rũ cơ** Q= 100.000M3/h **L12100xW2400 x H6300mm** -Thân thiết bị sử dụng tôn tráng kẽm 1.5mm -Khung chân C 200, bản mã liên kết -Túi Lọc PE 400-100% Polyester -Quạt rung rũ 2Hp/ 14cái -Tủ điện điều khiển -Cụm Van sao 500x290; hộp số 1Hp ;I 30	Bộ	1	
2	Van 1 chiều cho miệng quạt tôn 2mm	Bộ	2.0	
3	**Quạt Ly Tâm 15Hp** ; (chạy trực tiếp) Q= 4.000M3/h; H=4500Pa -Đĩa cánh tôn 10mm -Cánh quạt tôn 5mm -Vỏ quạt 4mm -Motor Teco VN mới 100%	Bộ	1.0	
4	Ống Spiral D800x 0.8mm	Mét	18.0	
5	Co 90o D800	Cái	3.0	
6	Bích đa D800	Cái	13.0	
7	Chạc 3 D800-600x600	Cái	4.0	
8	Ống Spiral D600x 0.8mm	Mét	6.0	GV
9	Co 90o Ø600	Cái	4.0	

10	Bích đai D600	Cái	24.0	
11	Ống Spiral Ø250x0.6mm tải bụi	Mét	20.0	
12	Co 90o Ø250x0.8mm	Cái	5.0	
13	Bích đai D250	Cái	26.0	
14	Vật tư phụ (bulong, ty ren, cáp, silicone…..v.v)	HT	1.0	

- Nay công ty chúng tôi đã thực hiện xong khối lượng công việc trên, hệ thống đã đưa vào hoạt động đúng yêu cầu kỹ thuật .
- Biên bản được lập thành 02 bảng, mỗi bên giữ 01 bảng có giá trị như nhau

Đại diện bên A

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

NGUYỄN VĂN NGHỆ

Đại diện bên B

Kiều Tấn Thai

X2

DAI NHAN HOA

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, Kp3, P TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 08 – 37100612 – Fax: 08 – 37100614

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP.HCM, ngày 02 Tháng 06 năm 2017

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Số: *4205/NT -GV/2017*

Căn cứ theo HĐ số *4205/DNH -GV/2017* được ký ngày 02/05/2017 về việc cung cấp và lắp đặt thiết bị hút bụi

Bên A: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Đại diện: Ông ..... - Chức Vụ: .....

Bên B: **CTY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA**

Đại diện: Ông HỒ VĂN HÒA - Chức Vụ: PHÓ GIÁM ĐỐC

Hai bên cùng tiến hành lập biên bản bàn giao, nghiệm thu với nội dung sau:

STT	Tên Thiết bị	ĐVT	Số Lượng	Ghi chú
A	**HỆ THỐNG LỌC BỤI**			
1	**Quạt Ly Tâm 15Hp** Q= 4.500M3/h; H=4500Pa -Đĩa cánh tôn 10mm -Cánh quạt tôn 5mm -Võ quạt 4mm -Motor Teco VN mới 100%	Bộ	1	
2	Cụm van sao 1Hp,I 30 (đáy Cyclone) Motor giảm tốc Tunglee mới 100%	Bộ	2	
3	**Fiter rung rũ cơ** Q= 60.000M3/h -Thân thiết bị sử dụng tôn tráng kẽm 1.4- 1.5mm -Khung chân C195, bản mã liên kết -Túi Lọc PE 400-100% Polyester -Quạt rung rũ 2Hp/ 6 cái -Tủ điện điều khiển	Bộ	1	
4	Tủ điện điều khiển (thiết bị LS)	tủ	1	
5	Giảm ra vào miệng quạt D250 + bích V40	Bộ	1	
6	Ống Spiral Ø250x0.6mm tải bụi	Mét	12	
7	Co 90o Ø250x0.8mm	Cái	5	
8	Co 45o Ø250x0.8mm	Cái	2	
9	Bích đai D250	Cái	18	
10	Ống Spiral Ø700x0.6mm	Mét	8	
11	Bích đai D700	Cái	5	
12	Chạc 3 D700x600-600	Cái	1	

13	Ống Spiral Ø600x 0.6mm	Mét	3	
14	Co 90o Ø600	Cái	1	
15	Bích đai D600	Cái	5	
16	Ống Spiral Ø150x 0.6mm	Mét	7.5	
17	Co 90o Ø150	Cái	1	
18	Chụp hút D150	Cái	1	
19	Van D150 Khí quán	Cái	1	
20	Bích đai D150	Cái	4	
21	Bích la D150	Cái	1	
22	Co sắt D800x2ly (phát sinh theo yêu cầu)	Cái	1	
23	Vật tư phụ (bulong, ty ren, cáp, silicone…..v.v)	HT	1	
B	**HỆ THỐNG ỐNG CHO BUỒNG SƠN**			
1	Ống Spiral Ø600x 0.6mm	Mét	84	
2	Omega D600x2x40mm	Bộ	42	
3	Bích đai Ø600	Cái	42	
4	Thanh V30 giằng, chống ống	Bộ	14	
5	Ống Spiral Ø700x 0.6mm	Mét	24	
6	Omega D700x2x40mm	Bộ	12	
7	Bích đai Ø700	Cái	12	
8	Thanh V30 giằng, chống ống	Bộ	6	
9	Vật tư phụ (vít bắn tôn, silicone, cáp treo, tôn chống dột)	HT	1	

- Nay công ty chúng tôi đã hoàn thành xong và hệ thống đưa vào sử dụng theo yêu cầu.
- Biên bản được lập thành 02 bảng, mỗi bên giữ 01 bảng có giá trị như nhau

Đại diện bên A

M.S.D.N: 3700756534 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
TX. GÒ CÁT - T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN VĂN NGHÊ

Đại diện bên B

Kiều Tấn Thái

ĐẠI NHÂN HÒA

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, P. TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 08 – 35977978 - Fax: 08 - 35977976

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP.HCM, ngày ... tháng ... năm 2015

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Số: 3105NT-GV/2015

Căn cứ theo hợp đồng số *3105 / DNH -GV/2015* được ký ngày 10/05/2015 về *việc* cung cấp và lắp đặt thiết bị hút bụi
Đại diện hai bên Công ty gồm có:

Bên A (Chủ đầu tư): **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Đại diện: Ông ..LÊ...TRUNG...TUY. - Chức Vụ: ..P...Tổng...Giám...Đốc

Bên B(Nhà Thầu) : **CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA**

Đại diện: Ông ....Hồ.....Văn....Hóa... - Chức Vụ: .....

Hai bên cùng tiến hành lập biên bản bàn giao, nghiệm thu hệ thống theo nội dung sau:

STT	Tên Thiết bị - Quy Cách	ĐVT	Số Lượng	Ghi chú
1	Chạc 3 D175-125x125	Cái	1	
2	Chụp hút D175	Cái	1	
3	Bích đai D175	Cái	4	
4	Co 90o D200	Cái	1	
5	Chạc 3 D200 -175x125	Cái	1	
6	Nhánh chạc 3 D200	Cái	1	
7	Chụp hút D200/ 100x4	Cái	1	
8	Bích đai D200	Cái	7	
9	Van khí nén D200	Cái	1	
10	Co 90o D225	Cái	2	
11	Nhánh chạc 3 D200	Cái	1	
12	Chụp hút D225/ 150x2	Cái	2	
13	Bích đai D225	Cái	11	
14	Van khí nén D225	Cái	2	
15	Chạc 3 D250-200x125	Cái	1	
16	Ống Spiral D400x 0.6mm	Mét	46	
17	Co 90o D400	Cái	1	
18	Chạc 3 D400-150x225	Cái	1	
19	Bích đai D400	Cái	9	
20	Vật tư phụ (cáp treo, ty ren, silicone…v,v)	cụm	1	

- Nay công ty chúng tôi đã thực hiện xong khối lượng công việc trên, hệ thống đã đưa vào hoạt động đúng yêu cầu kỹ thuật .
- Biên bản được lập thành 02 bảng, mỗi bên giữ 01 bảng có giá trị như nhau

Đại diện bên A

NGUYỄN VĂN NGHỆ

Đại diện bên B

Kiên Tâm Thái - Hồ Văn Hóa

DAI NHAN HOA

X4

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, P. TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 08 - 37183787 - Fax: 08 - 37183797

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP.HCM, ngày 08 tháng 07 năm 2014

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Số: 2505NT-GV/2014

Căn cứ theo hợp đồng số *2505CT/DNH -GV/2014* được ký ngày 26/05/2014 về việc cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống hút bụi xưởng sơn và tạo dáng.

Đại diện hai bên Công ty gồm có:

Bên A (Chủ đầu tư): **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Đại diện: Ông ..... - Chức Vụ: .....

Bên B(Nhà Thầu) : **CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA**

Đại diện: Ông Hồ Văn Hòa - Chức Vụ: Phó Giám Đốc

Hai bên cùng tiến hành lập biên bản bàn giao, nghiệm thu hệ thống theo hợp đồng số *2505CT/DNH-GV/2014* như sau:

Nội dung nghiệm thu bàn giao gồm các khoản sau :

STT	Tên Thiết bị - Quy Cách	ĐVT	Số Lượng	Ghi chú
A	**THIẾT BỊ**			
1	**Quạt Ly Tâm 50Hp** ;Q= 28.000M3/h; H=3300Pa	Bộ	3.0	Gỗ Việt
2	**Fiter rung rũ cơ** Q= 100.000M3/h -Thân thiết bị sử dụng tôn tráng kẽm 1.5mm -Khung chân U200, bản mã liên kết -Túi Lọc PE 500-100% Polyester -Quạt rung rũ 2Hp/ 11 cái -Tủ điện điều khiển -Túi vải chứa bụi hồi -CụmVan sao 750x290; hộp số 1Hp ;I 40 -Tunglee mới 100%	Bộ	1	
3	**Opptiflow 30m** (tôn tráng kẽm 1.4-1.5mm) -Motor hộp số xích cào 2Hp -Tunglee -Cụm van sao 1 HP -Tunglee -Nhông xích S55 -Bộ trục chủ động, bị động -Bạc đạn gối đỡ	Cụm	1.0	
4	Tủ điện điều khiển PLC Bao gồm biến tần INVT 50Hp	Cụm	1.0	
5	Van 1 chiều cho miệng quạt tôn 2mm	Bộ	3.0	

B	HỆ THỐNG ÓNG CHÍNH			
1	Ống Spiral D600x 0.8mm	Mét	96.0	Gỗ Việt
2	Co 90o Ø600	Cái	13.0	
3	Bích đai D600	Cái	30.0	
4	Ống Spiral D600x 0.8mm	Mét	60.0	
5	Co 90o Ø600	Cái	5.0	
6	Bích đai D600	Cái	70.0	
7	Ống Spiral Ø250x0.6mm tải bụi	Mét	54.0	
8	Co 90o Ø250x0.8mm	Cái	2.0	
9	Bích đai D250	Cái	65.0	
10	Giảm vào miệng quạt 850x900x360xD850x2mm (có bích V40)	Cái	3.0	
11	Đổi vào miệng quạt 850x360xD600x1mm(có bích V40)	Cái	3.0	
12	Đổi ra miệng quạt 760x500xD600x1mm	Cái	3.0	
13	Giảm tròn D650- D600x1mm	Cái	5.0	
14	Đổi ra miệng quạt 210x210xD250x2mm	Cái	1.0	
15	Co 90o D200x2mm (Rtb 500)	Cái	1.0	
C	HỆ THỐNG ÓNG NHÁNH			
1	Ống Spiral D125x 0.6mm	Mét	38.0	
2	Co 90o D125	Cái	9.0	
3	Bích đai D125	Cái	116.0	
4	Van khí nén D125	Cái	13.0	
5	Chụp hút D125/ 100x1	Cái	10.0	
6	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø100	Mét	150.0	
7	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø125	Mét	90.0	
8	Ống Spiral D150x 0.6mm	Mét	14.0	
9	Co 90o D150	Cái	8.0	
10	Chụp hút D150/ 100x2	Cái	7.0	
11	Chạc 3 D150	Cái	1.0	
12	Bích đai D150	Cái	40.0	
13	Van khí nén D150	Cái	7.0	
14	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø150	Mét	10.0	
15	Ống Spiral D175x 0.6mm	Mét	8.0	
16	Chạc 3 D175	Cái	3.0	
17	Chụp hút D175/ 100x3	Cái	1.0	
18	Bích đai D175	Cái	16.0	
19	Van khí nén D175	Cái	3.0	
20	Ống Spiral D200x 0.6mm	Mét	15.0	
21	Co 90o D200	Cái	2.0	
22	Chạc 3 D200	Cái	2.0	
23	Chụp hút D200/ 100x4	Cái	3.0	

24	Bích đai D200	Cái	30.0	
25	Van khí nén D200	Cái	1.0	
26	Ống Spiral D225x 0.6mm	Mét	12.0	
27	Chạc 3 D225	Cái	2.0	
28	Bích đai D225	Cái	6.0	
29	Ống Spiral D250x 0.6mm	Mét	18.0	
30	Co 90o D250	Cái	3.0	
31	Chạc 3 D250	Cái	2.0	
32	Chụp hút D250/ 80x2- 150x2	Cái	1.0	
33	Chụp hút D250/ 125x4	Cái	2.0	
34	Bích đai D250	Cái	29.0	
35	Van khí nén D250	Cái	3.0	
36	Chạc 3 D275	Cái	1.0	
37	Bích đai D275	Cái	9.0	
38	Van khí nén D275	Cái	1.0	
39	Ống Spiral D300x 0.6mm	Mét	4.0	
40	Co 90o D300	Cái	1.0	
41	Chạc 3 D300	Cái	3.0	
42	Chụp hút 300/ 150x2-200x1	Cái	1.0	
43	Bích đai D300	Cái	16.0	
44	Van khí nén D300	Cái	1.0	
45	Ống Spiral D325x 0.6mm	Mét	10.5	
46	Co 90o D325	Cái	1.0	
47	Chụp hút D325/125x6	Cái	2.0	
48	Chạc 3 D325	Cái	2.0	
49	Bích đai D325	Cái	14.0	
50	Van khí nén D325	Cái	2.0	
51	Ống Spiral D350x 0.6mm	Mét	11.0	
52	Chạc 3 D350	Cái	2.0	
53	Chạc 4 D350	Cái	1.0	
54	Bích đai D350	Cái	8.0	
55	Co 90o D375	Cái	1.0	
56	Chạc 3 D375	Cái	1.0	
57	Bích đai D375	Cái	3.0	
58	Ống Spiral D400x 0.6mm	Mét	8.0	
59	Chạc 3 D400	Cái	5.0	
60	Bích đai D400	Cái	12.0	
61	Ống Spiral D475x 0.6mm	Mét	3.0	
62	Co 90o D475	Cái	2.0	
63	Chụp hút D475/125x14	Cái	1.0	
64	Bích đai D475	Cái	11.0	

65	Van khí nén	Cái	1.0	
66	Ống Spiral D500x 0.6mm	Mét	26.0	
67	Co 90o D500	Cái	1.0	
68	Chạc 3 D500	Cái	1.0	
69	Chạc 4 D500	Cái	1.0	
70	Bích đai D500	Cái	12.0	

- Nay công ty chúng tôi đã thực hiện xong khối lượng công việc trên, hệ thống đã đưa vào hoạt động đúng yêu cầu kỹ thuật .
- Biên bản được lập thành 02 bảng, mỗi bên giữ 01 bảng có giá trị như nhau

Đại diện bên A

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

NGUYỄN VĂN NGHỆ

Kiều Tấn Thái

Đại diện bên B

Hồ Văn Hòa

Lê Hữu Thiều

ĐẠI NHÂN HÒA

X6

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, P. TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 08 – 35977978 - Fax: 08 - 35977976

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP.HCM, ngày .. tháng . năm 2015

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Số: 0901NT-GV/2015

Căn cứ theo hợp đồng số *0901/DNH -GV/2015* được ký ngày 21/1/2015 về việc cung cấp và lắp đặt hệ thống hút bụi.

Đại diện hai bên Công ty gồm có:

Bên A (Chủ đầu tư): **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Đại diện: Ông ..... - Chức Vụ: .....

Đại diện: Ông ..... - Chức Vụ: .....

Bên B(Nhà Thầu) : **CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA**

Đại diện: Ông ..... - Chức Vụ: .....

Hai bên cùng tiến hành lập biên bản bàn giao, nghiệm thu hệ thống theo nội dung sau:

STT	Tên Thiết bị - Quy Cách	ĐVT	Số Lượng	Ghi chú
A	**THIẾT BỊ**			
1	**Quạt ly tâm** 4205-No10; chuyền động gián tiếp -Vỏ quạt thép CT3 x 4mm -Đĩa cánh 10 mm Q=37.000M3/h: H= 330 H2O N = 45Kw (Motor TeCo VN mới 100%) **60Hp**	Bộ	3,0	
2	**Quạt Ly Tâm 15Hp** ; (chạy trực tiếp) Q= 4.500M3/h; H=4500Pa, Motor Teco -Đĩa cánh tôn 10mm -Cánh quạt tôn 5mm . Vỏ quạt 4mm	Bộ	1,0	
3	Cụm van sao 1Hp,I 30 (đáy Cyclone) Motor giảm tốc Tunglee mới 100%	Bộ	1,0	
4	**Fiter rung rũ cơ** Q= 115.000M3/h -Thân thiết bị sử dụng tôn tráng kẽm 1.4- 1.5mm -Khung chân C195, bản mã liên kết -Túi Lọc PE 400-100% Polyester -Quạt rung rũ 2Hp/ 12 cái -Tủ điện điều khiển -CụmVan sao 500x290: hộp số 1Hp ;I 30 /04 cái	Bộ	1	
5	**Opptiflow 45m** (tôn tráng kẽm 1.4-1.5mm) -Motor hộp số xích cào 2Hp -Tunglee -Cụm van sao 1 HP -Tunglee -Nhông xích S55 -Bộ trục chủ động, bị động , Bạc đạn gối đỡ	Cụm	1,0	

6	**Tủ điện điều khiển PLC**	Bộ	1,0	
7	Van 1 chiều cho miệng quạt tôn 2mm	Bộ	3,0	
8	Giảm ra vào miệng quạt + bích V50	Bộ	9,0	
9	**Cyclone** lắng bụi D1000x2mm -Khung chân đỡ Cyclone V50, V40	Bộ	1,0	
B	**HỆ THỐNG ỐNG CHÍNH**			
1	Ống Spiral D725x 0.8mm	Mét	128,0	
2	Co 90o Ø725	Cái	12,0	
3	Co 45o Ø725	Cái	6,0	
4	Bích đai D725	Cái	46,0	
5	Bích la D725	Cái	18,0	
6	Omega D725	Cái	4,0	
7	Ống Spiral Ø250x0.6mm tải bụi	Mét	114,0	
8	Co 90o Ø250x0.8mm	Cái	10,0	
9	Co 45o Ø250x0.8mm	Cái	5,0	
10	Bích đai D250	Cái	42,0	
11	Omega D250	Cái	6,0	
12	Khung V50xR450xH600xL18000mm + chân đỡ	Bộ	1.0	
C	**HỆ THỐNG ỐNG NHÁNH**			
1	Ống Spiral D125x 0.6mm	Mét	74,0	
2	Co 90o D125	Cái	18,0	
3	Bích đai D125	Cái	76,0	
4	Van khí nén D125	Cái	18,0	
5	Giảm D125-D100	Cái	17,0	
6	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø76	Mét	10,0	
7	Cổ de D90	Cái	6.0	
8	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø100	Mét	180,0	
9	Cổ de D114	Cái	136,0	
10	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø125	Mét	150,0	
11	Cổ de D140	Cái	76,0	
12	Ống Spiral D150x 0.6mm	Mét	60,0	
13	Co 90o D150	Cái	14,0	
14	Co 45o D150	Cái	2.0	
15	Chụp hút D150/ 100x2	Cái	13,0	
16	Bích đai D150	Cái	60,0	
17	Van khí nén D150	Cái	14,0	
18	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø150	Mét	15,0	
19	Cổ de D168	Cái	10,0	
20	Giảm D150-D125	Cái	4,0	
21	Ống Spiral D175x 0.6mm	Mét	27,5	
22	Co 90o D175	Cái	5,0	
23	Chạc 3 D175-125x125	Cái	2,0	
24	Chụp hút D175	Cái	5,0	
25	Bích đai D175	Cái	26,0	
26	Van khí nén D175	Cái	5,0	
27	Ống Spiral D200x 0.6mm	Mét	50,0	

28	Co 90o D200	Cái	6,0	
29	Chạc 3 D200 -175x125	Cái	3,0	
30	Chạc 3 D200 -150x150	Cái	1,0	
31	Chụp hút D200/ 100x4	Cái	6,0	
32	Bích đai D200	Cái	38,0	
33	Van khí nén D200	Cái	6,0	
34	Ống Spiral D225x 0.6mm	Mét	11,5	
35	Co 90o D225	Cái	1,0	
36	Co 45o D225	Cái	2,0	
37	Chạc 3 D225-200x175	Cái	1,0	
38	Chụp hút D225/ 150x2	Cái	1,0	
39	Bích đai D225	Cái	11,0	
40	Van khí nén D225	Cái	1,0	
41	Ống Spiral D250x 0.6mm	Mét	61,0	
42	Co 90o D250	Cái	5,0	
43	Chạc 3 D250-200x175	Cái	1,0	
44	Chạc 4 D250-200x125x125	Cái	1,0	
45	Chụp hút D250/ 125x4	Cái	7,0	
46	Bích đai D250	Cái	40,0	
47	Van khí nén D250	Cái	3,0	
48	Ống Spiral D300x 0.6mm	Mét	33,5	
49	Co 90o D300	Cái	2,0	
50	Co 45o D300	Cái	1,0	
51	Chạc 3 D300-250x125	Cái	1,0	
52	Chạc 4 D300-150x225x200	Cái	1,0	
53	Chụp hút 300/ 125x6	Cái	2,0	
54	Bích đai D300	Cái	17,0	
55	Van khí nén D300	Cái	2,0	
56	Ống Spiral D325x 0.6mm	Mét	10,0	
57	Co 45o D325	Cái	1,0	
58	Chạc 3 D325-325x125	Cái	1,0	
59	Chạc 3 D325-300x150	Cái	3,0	
60	Bích đai D325	Cái	10,0	
61	Ống Spiral D350x 0.6mm	Mét	76,0	
62	Co 45o D350	Cái	3,0	
63	Chạc 3 D350-325x125	Cái	1,0	
64	Chạc 3 D350-325x150	Cái	1,0	
65	Chạc 3 D350-250x200	Cái	1,0	
66	Chạc 3 D350-350x150	Cái	1,0	
67	Chạc 4 D350-175x175x225	Cái	1,0	
68	Chụp hút D300	Cái	1,0	
69	Bích đai D350	Cái	23,0	
70	Ống Spiral D375x 0.6mm	Mét	3,0	
71	Chạc 3 D375-350x125	Cái	1,0	
72	Bích đai D375	Cái	2,0	
73	Ống Spiral D400x 0.6mm	Mét	13,5	
74	Co 90o D400	Cái	1,0	

75	Co 45o D400	Cái	1,0	
76	Chạc 3 D400-350x200	Cái	1,0	
77	Chạc 3 D400-375x125	Cái	1,0	
78	Chạc 3 D400-250x200	Cái	1,0	
79	Bích đai D400	Cái	8,0	
80	Ống Spiral D425x 0.6mm	Mét	25,5	
81	Co 45o D425	Cái	1,0	
82	Chạc 3 D425-400x150	Cái	1,0	
83	Chạc 3 D425-400x150x125	Cái	1,0	
84	Bích đai D425	Cái	8,0	
85	Ống Spiral D450x 0.6mm	Mét	12,0	
86	Co 90o D450	Cái	1,0	
87	Chạc 3 D450-400x200	Cái	1,0	
88	Bích đai D450	Cái	4,0	
89	Ống Spiral D500x 0.6mm	Mét	31,0	
90	Co 90o D500	Cái	1,0	
91	Co 45o D500	Cái	2,0	
92	Chạc 4 D500-350x250x250	Cái	1,0	
93	Bích đai D500	Cái	10,0	
D	**HỆ THỐNG HÚT BỤI BÀN CHÀ NHÁM**			
1	**Quạt Hướng trục D630 - gián tiếp** -Lưu lượng 12.000M3/h -Công Suất : 2Hp Motor thường IP 55-Motor Teco	Bộ	8,0	
2	Chụp hút L2000xW600xH600xD630mm tôn tráng kẽm 0.8mm	Cái	8,0	
3	Giảm âm L2000xW600xH600mm tôn tráng kẽm 0.8mm, muốt cách âm	Cái	8,0	
4	Ống Spiral D600x 0.6mm	Mét	72,0	
5	Co 90o Ø600	Cái	16,0	
6	Bích đai D600	Cái	40,0	
6	Omega D600	Cái	8,0	
7	Nón thải + chân đỡ nón	Bộ	8,0	
8	Bích La D630	Cái	16,0	
9	Vật tư phụ (vít bắn tôn, silicone, cáp treo, tôn chống dột)	HT	1,0	
11	**Bộ giảm áp nóc SILO chứa bụi** -Vách , thân, nóc, sàn lỗ- tôn 1.5mm -Khung treo túi lọc -Túi lọc D200 PE 350-100% Polyester/ 24 túi -Đĩa treo túi tôn 1.5mm	Bộ	1,0	

- Nay công ty chúng tôi đã thực hiện xong khối lượng công việc trên, hệ thống đã đưa vào hoạt động đúng yêu cầu kỹ thuật .
- Biên bản được lập thành 02 bảng, mỗi bên giữ 01 bảng có giá trị như nhau

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Kiều Tấn Thái

ĐẠI NHÂN HÒA

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, P. TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 08 – 35977978 - Fax: 08 - 35977976

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập -- Tự Do – Hạnh Phúc

TP.HCM, ngày ... tháng ... năm 2015

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

X6

Số: 0401NT-GV/2015

Căn cứ theo hợp đồng số *0401CT/DNH -GV/2014* được ký ngày 14/1/2015 về việc cung cấp và lắp đặt dây chuyền sơn treo và cấp gió sạch.

Đại diện hai bên Công ty gồm có:

Bên A (Chủ đầu tư): **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Đại diện: Ông ..... - Chức Vụ: .....

Ông ..... - Chức Vụ: .....

Bên B(Nhà Thầu) : **CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA**

Đại diện: Ông Hà Văn Hòa - Chức Vụ: .....

Hai bên cùng tiến hành lập biên bản bàn giao, nghiệm thu hệ thống theo nội dung sau:

STT	Tên Thiết bị - Quy Cách	ĐVT	Số Lượng	Ghi chú
A	**BUỒNG SƠN KHÔ 5M**	**Bộ**	**6,0**	
1	**Buồng sơn khô L5000xW700xH2400mm** -Thân tôn tráng kẽm 1.2mm -Chụp hút tôn TK 0.8mm -Giấy lọc bụi sơn + khung lọc -Tủ điện điều khiển (thiết bị LG)	Bộ	1,0	
2	Quạt hướng trục gián tiếp D700 -15.000M3/h, Motor Teco 3Hp mới 100%	Bộ	2,0	
3	Vật tư phụ (bulong, ty ren, cáp treo, silicone.v.v)	Cụm	1,0	
4	Chi phí nhân công lắp đặt	Cụm	1,0	
5	Chi phí vận chuyển	Cụm	1,0	
B	**BUỒNG SƠN KHÔ 6M**	**Bộ**	**14,0**	
1	**Buồng sơn khô L6000xW700xH2400mm** -Thân tôn tráng kẽm 1.2mm -Chụp hút tôn TK 0.8mm -Giấy lọc bụi sơn + khung lọc -Tủ điện điều khiển (thiết bị LG)	Bộ	1,0	
2	Quạt hướng trục gián tiếp D630 -12.000M3/h, Motor Teco 2Hp mới 100%	Bộ	3,0	
3	Vật tư phụ (bulong, ty ren, cáp treo, silicone.v.v)	Cụm	1,0	
4	Chi phí nhân công lắp đặt	Cụm	1,0	
5	Chi phí vận chuyển	Cụm	1,0	

C	**CỤM ỐNG BUỒNG SƠN**			
1	Ống xoắn tráng kẽm D600x0.6mm (Spiral)	Mét	343,0	
2	Co 45o Ø600	Cái	36,0	
3	Bích đai D600	Cái	110.0	
4	Bích La D630	Cái	84,0	
5	Ống xoắn tráng kẽm D700x0.6mm (Spiral)	Mét	72,0	
6	Co 90o D700	Cái	8,0	
7	Bích La D700	Cái	24.0	
8	Bích đai D700	Cái	12,0	
9	Nón che mưa D1200 + chân đỡ nón 3mm	Bộ	54,0	
D	**SƠN TREO, GIÓ SẠCH, BĂNG TẢI**			
1	**Truyền sơn treo Line 1 , Line 2, Line 3** -Đường ray 3.8mm- Trung Quốc -Xích treo -Đài Loan -Móc Y, móc khóa (khoảng cách 600mm/ 1 cái) -Co ngang, lên xuống -Bộ tăng đơ -Mặt bích liên kết -Hộp đỡ truyền 80x40x1.5mm -Thanh V40 treo -Bộ truyền động -Motor giảm tốc 3Hp-TungLe -Đài Loan -Biến tần INVT 3Hp - Công nghệ Mỹ sxTrung Quốc -Sơn 1 lớp (màu vàng) -Nhân công lắp đặt (không bao gồm mỡ bò cho xích)	Line	3,0	Mỗi line 360M
2	**Khung ,Lưới bảo vệ L98m x W14.6m** -Khung hộp 40x20x1.1mm -Lưới bảo vệ 2mm (nhúng kẽm) -Thanh treo lưới V30 -Sơn, nhân công lắp đặt -Chi phí vận chuyển	M2	1.430.0	
3	**BỘ CẤP GIÓ SẠCH** Vỏ thiết bị cấp gió sạch tôn 1.5mm sơn 2 lớp -Khung chân đỡ bộ lọc U 100 (kẹp đôi)	Bộ	2,0	
	Bộ lọc sơ cấp +hộp lọc (đặt phía ngoài xưởng) Bộ lọc F8 Bộ lọc trần + khung lưới	Bộ	2,0	
	Hệ thống ống, co, hộp cấp gió sạch (tôn tráng kẽm 0.6-1.0mm)	Bộ	2,0	
	Tủ điện (Không bao gồm dây điện cho thiết bị)	Bộ	2,0	
	Biến tần INVT 50Hp	Bộ	2,0	
	Quạt ly tâm Lòng Sóc , chạy gián tiếp Công xuất : 50Hp -Motor Teco VN -Lưu lượng :100.000M3/h, Áp xuất :160PA	Bộ	2,0	
	Vật tư phụ (bulong, silicone V treo ống, cáp. .)	Bộ	2,0	
	Nhân công lắp đặt	Bộ	2,0	
	Chi phí vận chuyển	Bộ	2,0	

4	**Khung nóc phòng cấp gió sạch 8m x 32m** -Hộp 50x50x1.5mm -Tấm trần Fibro xi măng 10mm -Khung U ốp tường U 100x2mm (không bao gồm phần xây tường , cửa sổ)	bộ	1,0	
5	**Băng tải con lăn W700mm** -Vách băng tải C100x2mm -Con lăn D60 xi kẽm/ trục 12mm , -Khung chân hộp 50x1.5mm -Ty M14 tăng đơ chân lên xuống	Mét	50,0	
6	**Băng tải xoay bạc đạn W1000xL2500mm** -Mặt băng tải tôn 2mm -Khung chân hộp 50x1.5mm -Ty M14 tăng đơ chân lên xuống	Bộ	2,0	
E	**HỆ THỐNG HÚT BỤI CHÀ NHÁM TAY**	Bộ	6,0	
1	Filter lọc bụi 12.000M3/h	Bộ	1,0	
2	Hệ thống ống, co cho thiết bị	HT	1,0	
3	Quạt ly tâm 20Hp-Teco VN	Bộ	1,0	
4	Nhân công lắp đặt, vận chuyển	Bộ	1,0	

Nay công ty chúng tôi đã thực hiện xong khối lượng công việc trên, hệ thống đã đưa vào hoạt động đúng yêu cầu kỹ thuật .

- Biên bản được lập thành 02 bảng, mỗi bên giữ 01 bảng có giá trị như nhau

Đại diện bên A

NGUYỄN VĂN NGHỆ

Đại diện bên B

Kiên Tâm Thái - Hồ Văn Hoa

XT

DAI NHAN HOA

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, P. TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 08 – 37100613 - Fax: 08 – 37100614

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP.HCM, ngày 09 tháng 01 năm 2017

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Số: 4508NT-GV/2016

Căn cứ theo hợp đồng số *4508/DNH -GV/2016* được ký ngày 05/08/2016 về *việc* cung cấp và lắp đặt thiết bị hút bụi

Đại diện hai bên Công ty gồm có:

Bên A (Chủ đầu tư): **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Đại diện: Ông ...Kiều Tấn Thái - Chức Vụ: ..phó Giám Đốc KT

Đại diện: Ông ..... - Chức Vụ: .....

Bên B(Nhà Thầu) : **CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA**

Đại diện: Ông **ĐỖ QUANG HẢI** - Chức Vụ: Giám sát

Hai bên cùng tiến hành lập biên bản bàn giao, nghiệm thu hệ thống theo nội dung sau:

STT	Tên Thiết bị - Quy Cách	ĐVT	Số Lượng	Ghi chú
A	**THIẾT BỊ**			
1	**Quạt ly tâm** 4205-No10; chuyền động gián tiếp -Võ quạt thép CT3 x 4mm -Đĩa cánh 10 mm Q=37.000M3/h; H= 330 H2O N = 45Kw (Motor TeCo VN mới 100%) 1-**60Hp;1-75hp**	Bộ	2.0	
2	**Quạt Ly Tâm 15Hp (20Hp)** Q= 4.500M3/h; H=4500Pa -Đĩa cánh tôn 10mm -Cánh quạt tôn 5mm -Võ quạt 4mm -Motor Teco VN mới 100%	Bộ	1.0	
3	Cụm van sao 1Hp,I 30 (đáy Cyclone) Motor giảm tốc Tunglee mới 100%	Bộ	1.0	
4	**Fiter rung rũ cơ** Q= 80.000M3/h (thực tế 110.000m3/h) -Thân thiết bị sử dụng tôn tráng kẽm 1.4- 1.5mm -Khung chân C195, bản mã liên kết -Túi Lọc PE 400-100% Polyester -Quạt rung rũ 2Hp/ 9 cái (thực tế 11 quạt) -Tủ điện điều khiển -CụmVan sao 750x290; hộp số 1Hp ;I 60 /03 cái (04 cái)	Bộ	1.0	

5	**Opptiflow 30m** (tôn tráng kẽm 1.4-1.5mm) -Motor hộp số xích cào 2Hp -Tunglee -Cụm van sao 1 HP -Tunglee -Nhông xích S55 -Bộ trục chủ động, bị động -Bạc đạn gối đỡ	Cụm	1.0	
6	Tủ điện điều khiển PLC Bao gồm 01 biến tần INVT 60Hp (thực tế 75Hp)	Cụm	1.0	
7	Van 1 chiều cho miệng quạt tôn 2mm	Bộ	2.0	
8	Giảm ra vào miệng quạt + bích V50	Bộ	2.0	
9	**Cyclone** lắng bụi D1000x2mm -Khung chân đỡ Cyclone V50, V40	Bộ	1.0	
B	**HỆ THỐNG ỐNG CHÍNH**			
1	Ống Spiral D725x 0.8mm	Mét	88.0	
2	Co 90o Ø725	Cái	10.0	
3	Co 45o Ø725	Cái	2.0	
4	Chạc 3 D725-600x600	Cái	2.0	
5	Bích đai D725	Cái	30.0	
6	Bích la D725	Cái	6.0	
7	Ống Spiral Ø250x0.6mm tải bụi	Mét	7.0	
8	Co 90o Ø250x0.8mm	Cái	8.0	
9	Co 45o Ø250x0.8mm	Cái	6.0	
10	Bích đai D250	Cái	45.0	
11	Omega D250	Cái	2,0	
C	**HỆ THỐNG ỐNG NHÁNH**			
1	Ống Spiral D125x 0.6mm	Mét	26.0	
2	Co 90o D125	Cái	6.0	
3	Bích đai D125	Cái	26.0	
4	Van khí nén D125	Cái	18.0	
5	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø100	Mét	60.0	
6	Cổ de D114	Cái	40	
7	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø125	Mét	90.0	
8	Cổ de D140	Cái	60.0	
9	Ống Spiral D150x 0.6mm	Mét	15.0	
10	Co 90o D150	Cái	2.0	
11	Chụp hút D150/ 100x2	Cái	2.0	
12	Bích đai D150	Cái	10.0	
13	Van khí nén D150	Cái	2.0	
14	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø150	Mét	15.0	
15	Cổ de D168	Cái	8.0	
16	Ống Spiral D175x 0.6mm	Mét	1.0	
17	Co 90o D175	Cái	1.0	
18	Chụp hút D175	Cái	2.0	
19	Bích đai D175	Cái	7.0	
20	Van khí nén D175	Cái	1.0	
21	Ống Spiral D200x 0.6mm	Mét	35.0	
22	Co 90o D200	Cái	4.0	

23	Chạc 3 D200 -175x125	Cái	2.0	
24	Chụp hút D200/ 100x4	Cái	2.0	
25	Bích đai D200	Cái	20.0	
26	Van khí nén D200	Cái	2.0	
27	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø200	Mét	12.0	
28	Cổ de D219	Cái	6.0	
29	Ống Spiral D250x 0.6mm	Mét	14.0	
30	Co 45o D250	Cái	8.0	
31	Co 90o D250	Cái	1.0	
32	Chạc 3 D250	Cái	1.0	
33	Bích đai D250	Cái	7.0	
34	Ống Spiral D300x 0.6mm	Mét	1.0	
35	Co 90o D300	Cái	1.0	
36	Chạc 3 D300-125x225	Cái	1.0	
37	Bích đai D300	Cái	5.0	
38	Ống Spiral D325x 0.6mm	Mét	5.0	
39	Co 45o D325	Cái	1.0	
40	Co 90o D325	Cái	3.0	
41	Chụp hút D325	Cái	3.0	
42	Bích đai D325	Cái	19.0	
43	Van khí nén D325	Cái	1.0	
44	Ống Spiral D375x 0.6mm	Mét	8.0	
45	Co 45o D375	Cái	1.0	
46	Co 90o D375	Cái	1.0	
47	Chụp hút D375	Cái	1.0	
48	Van khí nén D375	Cái	1.0	
49	Chạc 3 D375-175x325	Cái	1.0	
50	Bích đai D375	Cái	9.0	
51	Ống Spiral D400x 0.6mm	Mét	11.0	
52	Bích đai D400	Cái	3.0	
53	Ống Spiral D425x 0.6mm	Mét	8.0	
54	Co 45o D425	Cái	1.0	
55	Co 90o D425	Cái	1.0	
56	Van khí nén D 425	Cái	1.0	
57	Bích đai D425	Cái	7.0	
58	Ống Spiral D450x 0.6mm	Mét	13.0	
59	Chạc 3 D450	Cái	1.0	
60	Bích đai D450	Cái	3.0	
61	Ống Spiral D500x 0.6mm	Mét	29.0	
62	Co 90o D500	Cái	1.0	
63	Chạc 4 D500	Cái	1.0	
64	Bích đại D500	Cái	8.0	
D	**VẬT TƯ PHỤ, NHÂN CÔNG & VẬN CHUYỂN**			
1	Chi Phí Vận chuyển	HT	1.0	
2	Chi Phí lắp đặt	HT	1.0	
3	Vật tư phụ (bulong, ty ren, cáp, silicone…..v.v)	HT	1.0	

E	**HỆ THỐNG HÚT BỤI BÀN CHÀ NHÁM**			
1	**Vỏ Quạt Hướng trục D570 - Trực tiếp** -Lưu lượng 10.000M3/h	Bộ	8.0	
2	Đối quạt D570x30	Cái	16.0	
3	Bích la D630	Cái	16.0	
4	**Quạt Hướng trục D630 - gián tiếp** -Lưu lượng 12.000M3/h -Công xuất : 2Hp - **Motor phòng nổ** -Motor Teco mới 100%	Bộ	8.0	
5	**Quạt Hướng trục D630 - gián tiếp** -Lưu lượng 12.000M3/h -Công xuất : 2Hp Motor thường IP 55 -Motor Teco mới 100%	Bộ	6.0	
6	Chụp hút L2000xW600xH600xD630mm tôn tráng kẽm 0.8mm	Cái	6.0	
7	Giảm âm L2000xW600xH600mm tôn tráng kẽm 0.8mm, muốt cách âm	Cái	6.0	
8	Ống Spiral D600x 0.6mm	Mét	72.0	
9	Co 90o Ø600	Cái	12.0	
10	Bích đai D600	Cái	36.0	
11	Omega D600	Cái	6.0	
12	Nón thải + chân đỡ nón	Bộ	6.0	
13	Bích La D630	Cái	12.0	
14	Vật tư phụ (vít bắn tôn, silicone, cáp treo, tôn chống dột)	HT	1.0	
15	Nhân công lắp đặt	HT	1.0	
F	**HỆ THỐNG CẤP GIÓ SẠCH**			
1	**BỘ CẤP GIÓ SẠCH** Võ thiết bị cấp gió sạch tôn 1.5mm sơn 2 lớp -Khung chân đỡ bộ lọc U 100 (kẹp đôi)	Bộ	2.0	
2	Bộ lọc sơ cấp +hộp lọc (đặt phía ngoài xưởng) Bộ lọc F8 Bộ lọc trần + khung lưới	Bộ	2.0	
3	Hệ thống ống, co, hộp cấp gió sạch (tôn tráng kẽm 0.6-1.0mm)	Bộ	2.0	
4	Tủ điện (Không bao gồm dây điện cho thiết bị)	Bộ	2.0	
5	Biến tần INVT 50Hp	Bộ	2.0	
6	Quạt ly tâm Lòng Sóc , chạy gián tiếp Công xuất : 50Hp -Motor Teco VN -Lưu lượng :100.000M3/h, Áp xuất :160PA	Bộ	2.0	
7	Ống Spiral D900x 0.8mm	Mét	44.0	Do di dời an toàn phòng cháy chữa cháy
8	Co 90o D900	Cái	8.0	
9	Bích đai D900	Cái	22.0	
10	Omega D900	Cái	8.0	
11	Khung đỡ ống hộp 40x80	Bộ	4.0	
12	Giảm D1400/D900x2 (chạc 3)	Cái	4.0	
13	Vật tư phụ (bulong, silicone V treo ống, cáp. .)	Bộ	2.0	
14	Nhân công lắp đặt	Bộ	2.0	

15	Chi phí vận chuyển	Bộ	2.0	
G	**BUỒNG SƠN KHÔ 6M**	**Bộ**		
1	**Buồng sơn khô L6000xW700xH2400mm** -Thân tôn tráng kẽm 1.2mm -Chụp hút tôn TK 0.8mm -Giấy lọc bụi sơn + khung lọc -Tủ điện điều khiển (thiết bị LG)	Bộ	4.0	
2	Quạt hướng trục gián tiếp D630 -12.000M3/h, Motor Teco 2Hp mới 100%	Bộ	12.0	
3	Vật tư phụ (bulong, ty ren, cáp treo, silicone.v.v)	Cụm	4.0	
4	Chi phí nhân công lắp đặt	Cụm	4.0	
5	Chi phí vận chuyển	Cụm	4.0	
H	**CỤM ỐNG BUỒNG SƠN**			
1	Ống xoắn tráng kẽm D600x0.6mm (Spiral)	Mét	60.0	
2	Co 45o Ø600	Cái	24.0	
3	Co 90o Ø600	Cái	36.0	
4	Bích đai D600	Cái	74.0	
5	Ống xéo che mưa	Cái	12.0	
6	Bích La D630	Cái	12.0	

- Công ty Đại Nhân Hòa đã thực hiện xong khối lượng công việc trên, hệ thống đã đưa vào hoạt động đúng yêu cầu kỹ thuật .
- Biên bản được lập thành 02 bảng, mỗi bên giữ 01 bảng có giá trị như nhau.

Đại diện bên A

Kiều Tấn Thái

Đại diện bên B

Luong Thái

ĐẠI NHÂN HÒA

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, P. TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 08 - 37183787 Fax: 08 - 37183797

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP.HCM, ngày 01 tháng 10 năm 2014

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Số: 3707NT-GV/2014

Căn cứ theo hợp đồng số 3707CT/DNH -GV/2014 được ký ngày 16/7/2014 về việc cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống hút xưởng 1.

Đại diện hai bên Công ty gồm có:

Bên A (Chủ đầu tư): **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Đại diện: Ông ..... - Chức Vụ: .....

Bên B(Nhà Thầu) : **CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA**

Đại diện: Ông Hồ Văn Hòa - Chức Vụ: Phó Giám Đốc

Hai bên cùng tiến hành lập biên bản bàn giao, nghiệm thu hệ thống theo hợp đồng số 3707CT/DNH-GV/2014 như sau:

Nội dung nghiệm thu bàn giao gồm các khoản sau :

STT	Tên Thiết bị - Quy Cách	ĐVT	Số Lượng	Ghi chú
1	**Fiter rung rũ cơ** Q= 100.000M3/h **L12100xW2400 x H6300mm** -Thân thiết bị sử dụng tôn tráng kẽm 1.5mm -Khung chân C 200, bản mã liên kết -Túi Lọc PE 400-100% Polyester -Quạt rung rũ 2Hp/ 14cái -Tủ điện điều khiển -Cụm Van sao 500x290; hộp số 1Hp ;I 30	Bộ	1	
2	Van 1 chiều cho miệng quạt tôn 2mm	Bộ	2.0	
3	**Quạt Ly Tâm 15Hp** ; (chạy trực tiếp) Q= 4.000M3/h; H=4500Pa -Đĩa cánh tôn 10mm -Cánh quạt tôn 5mm -Vỏ quạt 4mm -Motor Teco VN mới 100%	Bộ	1.0	
4	Ống Spiral D800x 0.8mm	Mét	18.0	
5	Co 90o D800	Cái	3.0	
6	Bích đa D800	Cái	13.0	
7	Chạc 3 D800-600x600	Cái	4.0	
8	Ống Spiral D600x 0.8mm	Mét	6.0	GV
9	Co 90o Ø600	Cái	4.0	

10	Bích đai D600	Cái	24.0	
11	Ống Spiral Ø250x0.6mm tải bụi	Mét	20.0	
12	Co 90o Ø250x0.8mm	Cái	5.0	
13	Bích đai D250	Cái	26.0	
14	Vật tư phụ (bulong, ty ren, cáp, silicone…..v.v)	HT	1.0	

- Nay công ty chúng tôi đã thực hiện xong khối lượng công việc trên, hệ thống đã đưa vào hoạt động đúng yêu cầu kỹ thuật .
- Biên bản được lập thành 02 bảng, mỗi bên giữ 01 bảng có giá trị như nhau

Đại diện bên A

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

NGUYỄN VĂN NGHỆ

Đại diện bên B

Kiều Tấn Thai

X2

DAI NHAN HOA

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, Kp3, P TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 08 – 37100612 – Fax: 08 – 37100614

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP.HCM, ngày 02 Tháng 06 năm 2017

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Số: *4205/NT -GV/2017*

Căn cứ theo HĐ số *4205/DNH -GV/2017* được ký ngày 02/05/2017 về việc cung cấp và lắp đặt thiết bị hút bụi

Bên A: **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Đại diện: Ông ..... - Chức Vụ: .....

Bên B: **CTY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA**

Đại diện: Ông HỒ VĂN HÒA - Chức Vụ: PHÓ GIÁM ĐỐC

Hai bên cùng tiến hành lập biên bản bàn giao, nghiệm thu với nội dung sau:

STT	Tên Thiết bị	ĐVT	Số Lượng	Ghi chú
A	**HỆ THỐNG LỌC BỤI**			
1	**Quạt Ly Tâm 15Hp** Q= 4.500M3/h; H=4500Pa -Đĩa cánh tôn 10mm -Cánh quạt tôn 5mm -Võ quạt 4mm -Motor Teco VN mới 100%	Bộ	1	
2	Cụm van sao 1Hp,I 30 (đáy Cyclone) Motor giảm tốc Tunglee mới 100%	Bộ	2	
3	**Fiter rung rũ cơ** Q= 60.000M3/h -Thân thiết bị sử dụng tôn tráng kẽm 1.4- 1.5mm -Khung chân C195, bản mã liên kết -Túi Lọc PE 400-100% Polyester -Quạt rung rũ 2Hp/ 6 cái -Tủ điện điều khiển	Bộ	1	
4	Tủ điện điều khiển (thiết bị LS)	tủ	1	
5	Giảm ra vào miệng quạt D250 + bích V40	Bộ	1	
6	Ống Spiral Ø250x0.6mm tải bụi	Mét	12	
7	Co 90o Ø250x0.8mm	Cái	5	
8	Co 45o Ø250x0.8mm	Cái	2	
9	Bích đai D250	Cái	18	
10	Ống Spiral Ø700x0.6mm	Mét	8	
11	Bích đai D700	Cái	5	
12	Chạc 3 D700x600-600	Cái	1	

13	Ống Spiral Ø600x 0.6mm	Mét	3	
14	Co 90o Ø600	Cái	1	
15	Bích đai D600	Cái	5	
16	Ống Spiral Ø150x 0.6mm	Mét	7.5	
17	Co 90o Ø150	Cái	1	
18	Chụp hút D150	Cái	1	
19	Van D150 Khí quán	Cái	1	
20	Bích đai D150	Cái	4	
21	Bích la D150	Cái	1	
22	Co sắt D800x2ly (phát sinh theo yêu cầu)	Cái	1	
23	Vật tư phụ (bulong, ty ren, cáp, silicone…..v.v)	HT	1	
B	**HỆ THỐNG ỐNG CHO BUỒNG SƠN**			
1	Ống Spiral Ø600x 0.6mm	Mét	84	
2	Omega D600x2x40mm	Bộ	42	
3	Bích đai Ø600	Cái	42	
4	Thanh V30 giằng, chống ống	Bộ	14	
5	Ống Spiral Ø700x 0.6mm	Mét	24	
6	Omega D700x2x40mm	Bộ	12	
7	Bích đai Ø700	Cái	12	
8	Thanh V30 giằng, chống ống	Bộ	6	
9	Vật tư phụ (vít bắn tôn, silicone, cáp treo, tôn chống dột)	HT	1	

- Nay công ty chúng tôi đã hoàn thành xong và hệ thống đưa vào sử dụng theo yêu cầu.
- Biên bản được lập thành 02 bảng, mỗi bên giữ 01 bảng có giá trị như nhau

Đại diện bên A

M.S.D.N: 3700756534 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT
TX. GÒ CÁT - T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN VĂN NGHÊ

Đại diện bên B

Kiều Tấn Thái

ĐẠI NHÂN HÒA

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, P. TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 08 – 35977978 - Fax: 08 - 35977976

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP.HCM, ngày ... tháng ... năm 2015

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Số: 3105NT-GV/2015

Căn cứ theo hợp đồng số *3105 / DNH -GV/2015* được ký ngày 10/05/2015 về *việc* cung cấp và lắp đặt thiết bị hút bụi
Đại diện hai bên Công ty gồm có:

Bên A (Chủ đầu tư): **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Đại diện: Ông ..LÊ...TRUNG...TUY. - Chức Vụ: ..P...Tổng...Giám...Đốc

Bên B(Nhà Thầu) : **CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA**

Đại diện: Ông ....Hồ.....Văn....Hóa... - Chức Vụ: .....

Hai bên cùng tiến hành lập biên bản bàn giao, nghiệm thu hệ thống theo nội dung sau:

STT	Tên Thiết bị - Quy Cách	ĐVT	Số Lượng	Ghi chú
1	Chạc 3 D175-125x125	Cái	1	
2	Chụp hút D175	Cái	1	
3	Bích đai D175	Cái	4	
4	Co 90o D200	Cái	1	
5	Chạc 3 D200 -175x125	Cái	1	
6	Nhánh chạc 3 D200	Cái	1	
7	Chụp hút D200/ 100x4	Cái	1	
8	Bích đai D200	Cái	7	
9	Van khí nén D200	Cái	1	
10	Co 90o D225	Cái	2	
11	Nhánh chạc 3 D200	Cái	1	
12	Chụp hút D225/ 150x2	Cái	2	
13	Bích đai D225	Cái	11	
14	Van khí nén D225	Cái	2	
15	Chạc 3 D250-200x125	Cái	1	
16	Ống Spiral D400x 0.6mm	Mét	46	
17	Co 90o D400	Cái	1	
18	Chạc 3 D400-150x225	Cái	1	
19	Bích đai D400	Cái	9	
20	Vật tư phụ (cáp treo, ty ren, silicone…v,v)	cụm	1	

- Nay công ty chúng tôi đã thực hiện xong khối lượng công việc trên, hệ thống đã đưa vào hoạt động đúng yêu cầu kỹ thuật .
- Biên bản được lập thành 02 bảng, mỗi bên giữ 01 bảng có giá trị như nhau

Đại diện bên A

NGUYỄN VĂN NGHỆ

Đại diện bên B

Kiên Tâm Thái - Hồ Văn Hóa

DAI NHAN HOA

X4

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, P. TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 08 - 37183787 - Fax: 08 - 37183797

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP.HCM, ngày 08 tháng 07 năm 2014

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Số: 2505NT-GV/2014

Căn cứ theo hợp đồng số *2505CT/DNH -GV/2014* được ký ngày 26/05/2014 về việc cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống hút bụi xưởng sơn và tạo dáng.

Đại diện hai bên Công ty gồm có:

Bên A (Chủ đầu tư): **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Đại diện: Ông ..... - Chức Vụ: .....

Bên B(Nhà Thầu) : **CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA**

Đại diện: Ông Hồ Văn Hòa - Chức Vụ: Phó Giám Đốc

Hai bên cùng tiến hành lập biên bản bàn giao, nghiệm thu hệ thống theo hợp đồng số *2505CT/DNH-GV/2014* như sau:

Nội dung nghiệm thu bàn giao gồm các khoản sau :

STT	Tên Thiết bị - Quy Cách	ĐVT	Số Lượng	Ghi chú
A	**THIẾT BỊ**			
1	**Quạt Ly Tâm 50Hp** ;Q= 28.000M3/h; H=3300Pa	Bộ	3.0	Gỗ Việt
2	**Fiter rung rũ cơ** Q= 100.000M3/h -Thân thiết bị sử dụng tôn tráng kẽm 1.5mm -Khung chân U200, bản mã liên kết -Túi Lọc PE 500-100% Polyester -Quạt rung rũ 2Hp/ 11 cái -Tủ điện điều khiển -Túi vải chứa bụi hồi -CụmVan sao 750x290; hộp số 1Hp ;I 40 -Tunglee mới 100%	Bộ	1	
3	**Opptiflow 30m** (tôn tráng kẽm 1.4-1.5mm) -Motor hộp số xích cào 2Hp -Tunglee -Cụm van sao 1 HP -Tunglee -Nhông xích S55 -Bộ trục chủ động, bị động -Bạc đạn gối đỡ	Cụm	1.0	
4	Tủ điện điều khiển PLC Bao gồm biến tần INVT 50Hp	Cụm	1.0	
5	Van 1 chiều cho miệng quạt tôn 2mm	Bộ	3.0	

B	HỆ THỐNG ÓNG CHÍNH			
1	Ống Spiral D600x 0.8mm	Mét	96.0	Gỗ Việt
2	Co 90o Ø600	Cái	13.0	
3	Bích đai D600	Cái	30.0	
4	Ống Spiral D600x 0.8mm	Mét	60.0	
5	Co 90o Ø600	Cái	5.0	
6	Bích đai D600	Cái	70.0	
7	Ống Spiral Ø250x0.6mm tải bụi	Mét	54.0	
8	Co 90o Ø250x0.8mm	Cái	2.0	
9	Bích đai D250	Cái	65.0	
10	Giảm vào miệng quạt 850x900x360xD850x2mm (có bích V40)	Cái	3.0	
11	Đổi vào miệng quạt 850x360xD600x1mm(có bích V40)	Cái	3.0	
12	Đổi ra miệng quạt 760x500xD600x1mm	Cái	3.0	
13	Giảm tròn D650- D600x1mm	Cái	5.0	
14	Đổi ra miệng quạt 210x210xD250x2mm	Cái	1.0	
15	Co 90o D200x2mm (Rtb 500)	Cái	1.0	
C	HỆ THỐNG ÓNG NHÁNH			
1	Ống Spiral D125x 0.6mm	Mét	38.0	
2	Co 90o D125	Cái	9.0	
3	Bích đai D125	Cái	116.0	
4	Van khí nén D125	Cái	13.0	
5	Chụp hút D125/ 100x1	Cái	10.0	
6	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø100	Mét	150.0	
7	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø125	Mét	90.0	
8	Ống Spiral D150x 0.6mm	Mét	14.0	
9	Co 90o D150	Cái	8.0	
10	Chụp hút D150/ 100x2	Cái	7.0	
11	Chạc 3 D150	Cái	1.0	
12	Bích đai D150	Cái	40.0	
13	Van khí nén D150	Cái	7.0	
14	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø150	Mét	10.0	
15	Ống Spiral D175x 0.6mm	Mét	8.0	
16	Chạc 3 D175	Cái	3.0	
17	Chụp hút D175/ 100x3	Cái	1.0	
18	Bích đai D175	Cái	16.0	
19	Van khí nén D175	Cái	3.0	
20	Ống Spiral D200x 0.6mm	Mét	15.0	
21	Co 90o D200	Cái	2.0	
22	Chạc 3 D200	Cái	2.0	
23	Chụp hút D200/ 100x4	Cái	3.0	

24	Bích đai D200	Cái	30.0	
25	Van khí nén D200	Cái	1.0	
26	Ống Spiral D225x 0.6mm	Mét	12.0	
27	Chạc 3 D225	Cái	2.0	
28	Bích đai D225	Cái	6.0	
29	Ống Spiral D250x 0.6mm	Mét	18.0	
30	Co 90o D250	Cái	3.0	
31	Chạc 3 D250	Cái	2.0	
32	Chụp hút D250/ 80x2- 150x2	Cái	1.0	
33	Chụp hút D250/ 125x4	Cái	2.0	
34	Bích đai D250	Cái	29.0	
35	Van khí nén D250	Cái	3.0	
36	Chạc 3 D275	Cái	1.0	
37	Bích đai D275	Cái	9.0	
38	Van khí nén D275	Cái	1.0	
39	Ống Spiral D300x 0.6mm	Mét	4.0	
40	Co 90o D300	Cái	1.0	
41	Chạc 3 D300	Cái	3.0	
42	Chụp hút 300/ 150x2-200x1	Cái	1.0	
43	Bích đai D300	Cái	16.0	
44	Van khí nén D300	Cái	1.0	
45	Ống Spiral D325x 0.6mm	Mét	10.5	
46	Co 90o D325	Cái	1.0	
47	Chụp hút D325/125x6	Cái	2.0	
48	Chạc 3 D325	Cái	2.0	
49	Bích đai D325	Cái	14.0	
50	Van khí nén D325	Cái	2.0	
51	Ống Spiral D350x 0.6mm	Mét	11.0	
52	Chạc 3 D350	Cái	2.0	
53	Chạc 4 D350	Cái	1.0	
54	Bích đai D350	Cái	8.0	
55	Co 90o D375	Cái	1.0	
56	Chạc 3 D375	Cái	1.0	
57	Bích đai D375	Cái	3.0	
58	Ống Spiral D400x 0.6mm	Mét	8.0	
59	Chạc 3 D400	Cái	5.0	
60	Bích đai D400	Cái	12.0	
61	Ống Spiral D475x 0.6mm	Mét	3.0	
62	Co 90o D475	Cái	2.0	
63	Chụp hút D475/125x14	Cái	1.0	
64	Bích đai D475	Cái	11.0	

65	Van khí nén	Cái	1.0	
66	Ống Spiral D500x 0.6mm	Mét	26.0	
67	Co 90o D500	Cái	1.0	
68	Chạc 3 D500	Cái	1.0	
69	Chạc 4 D500	Cái	1.0	
70	Bích đai D500	Cái	12.0	

- Nay công ty chúng tôi đã thực hiện xong khối lượng công việc trên, hệ thống đã đưa vào hoạt động đúng yêu cầu kỹ thuật .
- Biên bản được lập thành 02 bảng, mỗi bên giữ 01 bảng có giá trị như nhau

Đại diện bên A

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

NGUYỄN VĂN NGHỆ

Kiều Tấn Thái

Đại diện bên B

Hồ Văn Hòa

Lê Hữu Thiều

ĐẠI NHÂN HÒA

X6

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, P. TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 08 – 35977978 - Fax: 08 - 35977976

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP.HCM, ngày .. tháng . năm 2015

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Số: 0901NT-GV/2015

Căn cứ theo hợp đồng số *0901/DNH -GV/2015* được ký ngày 21/1/2015 về việc cung cấp và lắp đặt hệ thống hút bụi.

Đại diện hai bên Công ty gồm có:

Bên A (Chủ đầu tư): **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Đại diện: Ông ..... - Chức Vụ: .....

Đại diện: Ông ..... - Chức Vụ: .....

Bên B(Nhà Thầu) : **CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA**

Đại diện: Ông ..... - Chức Vụ: .....

Hai bên cùng tiến hành lập biên bản bàn giao, nghiệm thu hệ thống theo nội dung sau:

STT	Tên Thiết bị - Quy Cách	ĐVT	Số Lượng	Ghi chú
A	**THIẾT BỊ**			
1	**Quạt ly tâm** 4205-No10; chuyền động gián tiếp -Vỏ quạt thép CT3 x 4mm -Đĩa cánh 10 mm Q=37.000M3/h: H= 330 H2O N = 45Kw (Motor TeCo VN mới 100%) **60Hp**	Bộ	3,0	
2	**Quạt Ly Tâm 15Hp** ; (chạy trực tiếp) Q= 4.500M3/h; H=4500Pa, Motor Teco -Đĩa cánh tôn 10mm -Cánh quạt tôn 5mm . Vỏ quạt 4mm	Bộ	1,0	
3	Cụm van sao 1Hp,I 30 (đáy Cyclone) Motor giảm tốc Tunglee mới 100%	Bộ	1,0	
4	**Fiter rung rũ cơ** Q= 115.000M3/h -Thân thiết bị sử dụng tôn tráng kẽm 1.4- 1.5mm -Khung chân C195, bản mã liên kết -Túi Lọc PE 400-100% Polyester -Quạt rung rũ 2Hp/ 12 cái -Tủ điện điều khiển -CụmVan sao 500x290: hộp số 1Hp ;I 30 /04 cái	Bộ	1	
5	**Opptiflow 45m** (tôn tráng kẽm 1.4-1.5mm) -Motor hộp số xích cào 2Hp -Tunglee -Cụm van sao 1 HP -Tunglee -Nhông xích S55 -Bộ trục chủ động, bị động , Bạc đạn gối đỡ	Cụm	1,0	

6	**Tủ điện điều khiển PLC**	Bộ	1,0	
7	Van 1 chiều cho miệng quạt tôn 2mm	Bộ	3,0	
8	Giảm ra vào miệng quạt + bích V50	Bộ	9,0	
9	**Cyclone** lắng bụi D1000x2mm -Khung chân đỡ Cyclone V50, V40	Bộ	1,0	
B	**HỆ THỐNG ỐNG CHÍNH**			
1	Ống Spiral D725x 0.8mm	Mét	128,0	
2	Co 90o Ø725	Cái	12,0	
3	Co 45o Ø725	Cái	6,0	
4	Bích đai D725	Cái	46,0	
5	Bích la D725	Cái	18,0	
6	Omega D725	Cái	4,0	
7	Ống Spiral Ø250x0.6mm tải bụi	Mét	114,0	
8	Co 90o Ø250x0.8mm	Cái	10,0	
9	Co 45o Ø250x0.8mm	Cái	5,0	
10	Bích đai D250	Cái	42,0	
11	Omega D250	Cái	6,0	
12	Khung V50xR450xH600xL18000mm + chân đỡ	Bộ	1.0	
C	**HỆ THỐNG ỐNG NHÁNH**			
1	Ống Spiral D125x 0.6mm	Mét	74,0	
2	Co 90o D125	Cái	18,0	
3	Bích đai D125	Cái	76,0	
4	Van khí nén D125	Cái	18,0	
5	Giảm D125-D100	Cái	17,0	
6	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø76	Mét	10,0	
7	Cổ de D90	Cái	6.0	
8	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø100	Mét	180,0	
9	Cổ de D114	Cái	136,0	
10	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø125	Mét	150,0	
11	Cổ de D140	Cái	76,0	
12	Ống Spiral D150x 0.6mm	Mét	60,0	
13	Co 90o D150	Cái	14,0	
14	Co 45o D150	Cái	2.0	
15	Chụp hút D150/ 100x2	Cái	13,0	
16	Bích đai D150	Cái	60,0	
17	Van khí nén D150	Cái	14,0	
18	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø150	Mét	15,0	
19	Cổ de D168	Cái	10,0	
20	Giảm D150-D125	Cái	4,0	
21	Ống Spiral D175x 0.6mm	Mét	27,5	
22	Co 90o D175	Cái	5,0	
23	Chạc 3 D175-125x125	Cái	2,0	
24	Chụp hút D175	Cái	5,0	
25	Bích đai D175	Cái	26,0	
26	Van khí nén D175	Cái	5,0	
27	Ống Spiral D200x 0.6mm	Mét	50,0	

28	Co 90o D200	Cái	6,0	
29	Chạc 3 D200 -175x125	Cái	3,0	
30	Chạc 3 D200 -150x150	Cái	1,0	
31	Chụp hút D200/ 100x4	Cái	6,0	
32	Bích đai D200	Cái	38,0	
33	Van khí nén D200	Cái	6,0	
34	Ống Spiral D225x 0.6mm	Mét	11,5	
35	Co 90o D225	Cái	1,0	
36	Co 45o D225	Cái	2,0	
37	Chạc 3 D225-200x175	Cái	1,0	
38	Chụp hút D225/ 150x2	Cái	1,0	
39	Bích đai D225	Cái	11,0	
40	Van khí nén D225	Cái	1,0	
41	Ống Spiral D250x 0.6mm	Mét	61,0	
42	Co 90o D250	Cái	5,0	
43	Chạc 3 D250-200x175	Cái	1,0	
44	Chạc 4 D250-200x125x125	Cái	1,0	
45	Chụp hút D250/ 125x4	Cái	7,0	
46	Bích đai D250	Cái	40,0	
47	Van khí nén D250	Cái	3,0	
48	Ống Spiral D300x 0.6mm	Mét	33,5	
49	Co 90o D300	Cái	2,0	
50	Co 45o D300	Cái	1,0	
51	Chạc 3 D300-250x125	Cái	1,0	
52	Chạc 4 D300-150x225x200	Cái	1,0	
53	Chụp hút 300/ 125x6	Cái	2,0	
54	Bích đai D300	Cái	17,0	
55	Van khí nén D300	Cái	2,0	
56	Ống Spiral D325x 0.6mm	Mét	10,0	
57	Co 45o D325	Cái	1,0	
58	Chạc 3 D325-325x125	Cái	1,0	
59	Chạc 3 D325-300x150	Cái	3,0	
60	Bích đai D325	Cái	10,0	
61	Ống Spiral D350x 0.6mm	Mét	76,0	
62	Co 45o D350	Cái	3,0	
63	Chạc 3 D350-325x125	Cái	1,0	
64	Chạc 3 D350-325x150	Cái	1,0	
65	Chạc 3 D350-250x200	Cái	1,0	
66	Chạc 3 D350-350x150	Cái	1,0	
67	Chạc 4 D350-175x175x225	Cái	1,0	
68	Chụp hút D300	Cái	1,0	
69	Bích đai D350	Cái	23,0	
70	Ống Spiral D375x 0.6mm	Mét	3,0	
71	Chạc 3 D375-350x125	Cái	1,0	
72	Bích đai D375	Cái	2,0	
73	Ống Spiral D400x 0.6mm	Mét	13,5	
74	Co 90o D400	Cái	1,0	

75	Co 45o D400	Cái	1,0	
76	Chạc 3 D400-350x200	Cái	1,0	
77	Chạc 3 D400-375x125	Cái	1,0	
78	Chạc 3 D400-250x200	Cái	1,0	
79	Bích đai D400	Cái	8,0	
80	Ống Spiral D425x 0.6mm	Mét	25,5	
81	Co 45o D425	Cái	1,0	
82	Chạc 3 D425-400x150	Cái	1,0	
83	Chạc 3 D425-400x150x125	Cái	1,0	
84	Bích đai D425	Cái	8,0	
85	Ống Spiral D450x 0.6mm	Mét	12,0	
86	Co 90o D450	Cái	1,0	
87	Chạc 3 D450-400x200	Cái	1,0	
88	Bích đai D450	Cái	4,0	
89	Ống Spiral D500x 0.6mm	Mét	31,0	
90	Co 90o D500	Cái	1,0	
91	Co 45o D500	Cái	2,0	
92	Chạc 4 D500-350x250x250	Cái	1,0	
93	Bích đai D500	Cái	10,0	
D	**HỆ THỐNG HÚT BỤI BÀN CHÀ NHÁM**			
1	**Quạt Hướng trục D630 - gián tiếp** -Lưu lượng 12.000M3/h -Công Suất : 2Hp Motor thường IP 55-Motor Teco	Bộ	8,0	
2	Chụp hút L2000xW600xH600xD630mm tôn tráng kẽm 0.8mm	Cái	8,0	
3	Giảm âm L2000xW600xH600mm tôn tráng kẽm 0.8mm, muốt cách âm	Cái	8,0	
4	Ống Spiral D600x 0.6mm	Mét	72,0	
5	Co 90o Ø600	Cái	16,0	
6	Bích đai D600	Cái	40,0	
6	Omega D600	Cái	8,0	
7	Nón thải + chân đỡ nón	Bộ	8,0	
8	Bích La D630	Cái	16,0	
9	Vật tư phụ (vít bắn tôn, silicone, cáp treo, tôn chống dột)	HT	1,0	
11	**Bộ giảm áp nóc SILO chứa bụi** -Vách , thân, nóc, sàn lỗ- tôn 1.5mm -Khung treo túi lọc -Túi lọc D200 PE 350-100% Polyester/ 24 túi -Đĩa treo túi tôn 1.5mm	Bộ	1,0	

- Nay công ty chúng tôi đã thực hiện xong khối lượng công việc trên, hệ thống đã đưa vào hoạt động đúng yêu cầu kỹ thuật .
- Biên bản được lập thành 02 bảng, mỗi bên giữ 01 bảng có giá trị như nhau

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Kiều Tấn Thái

ĐẠI NHÂN HÒA

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, P. TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 08 – 35977978 - Fax: 08 - 35977976

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập -- Tự Do – Hạnh Phúc

TP.HCM, ngày ... tháng ... năm 2015

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

X6

Số: 0401NT-GV/2015

Căn cứ theo hợp đồng số *0401CT/DNH -GV/2014* được ký ngày 14/1/2015 về việc cung cấp và lắp đặt dây chuyền sơn treo và cấp gió sạch.

Đại diện hai bên Công ty gồm có:

Bên A (Chủ đầu tư): **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Đại diện: Ông ..... - Chức Vụ: .....

Ông ..... - Chức Vụ: .....

Bên B(Nhà Thầu) : **CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA**

Đại diện: Ông Hà Văn Hòa - Chức Vụ: .....

Hai bên cùng tiến hành lập biên bản bàn giao, nghiệm thu hệ thống theo nội dung sau:

STT	Tên Thiết bị - Quy Cách	ĐVT	Số Lượng	Ghi chú
A	**BUỒNG SƠN KHÔ 5M**	**Bộ**	**6,0**	
1	**Buồng sơn khô L5000xW700xH2400mm** -Thân tôn tráng kẽm 1.2mm -Chụp hút tôn TK 0.8mm -Giấy lọc bụi sơn + khung lọc -Tủ điện điều khiển (thiết bị LG)	Bộ	1,0	
2	Quạt hướng trục gián tiếp D700 -15.000M3/h, Motor Teco 3Hp mới 100%	Bộ	2,0	
3	Vật tư phụ (bulong, ty ren, cáp treo, silicone.v.v)	Cụm	1,0	
4	Chi phí nhân công lắp đặt	Cụm	1,0	
5	Chi phí vận chuyển	Cụm	1,0	
B	**BUỒNG SƠN KHÔ 6M**	**Bộ**	**14,0**	
1	**Buồng sơn khô L6000xW700xH2400mm** -Thân tôn tráng kẽm 1.2mm -Chụp hút tôn TK 0.8mm -Giấy lọc bụi sơn + khung lọc -Tủ điện điều khiển (thiết bị LG)	Bộ	1,0	
2	Quạt hướng trục gián tiếp D630 -12.000M3/h, Motor Teco 2Hp mới 100%	Bộ	3,0	
3	Vật tư phụ (bulong, ty ren, cáp treo, silicone.v.v)	Cụm	1,0	
4	Chi phí nhân công lắp đặt	Cụm	1,0	
5	Chi phí vận chuyển	Cụm	1,0	

C	**CỤM ỐNG BUỒNG SƠN**			
1	Ống xoắn tráng kẽm D600x0.6mm (Spiral)	Mét	343,0	
2	Co 45o Ø600	Cái	36,0	
3	Bích đai D600	Cái	110.0	
4	Bích La D630	Cái	84,0	
5	Ống xoắn tráng kẽm D700x0.6mm (Spiral)	Mét	72,0	
6	Co 90o D700	Cái	8,0	
7	Bích La D700	Cái	24.0	
8	Bích đai D700	Cái	12,0	
9	Nón che mưa D1200 + chân đỡ nón 3mm	Bộ	54,0	
D	**SƠN TREO, GIÓ SẠCH, BĂNG TẢI**			
1	**Truyền sơn treo Line 1 , Line 2, Line 3** -Đường ray 3.8mm- Trung Quốc -Xích treo -Đài Loan -Móc Y, móc khóa (khoảng cách 600mm/ 1 cái) -Co ngang, lên xuống -Bộ tăng đơ -Mặt bích liên kết -Hộp đỡ truyền 80x40x1.5mm -Thanh V40 treo -Bộ truyền động -Motor giảm tốc 3Hp-TungLe -Đài Loan -Biến tần INVT 3Hp - Công nghệ Mỹ sxTrung Quốc -Sơn 1 lớp (màu vàng) -Nhân công lắp đặt (không bao gồm mỡ bò cho xích)	Line	3,0	Mỗi line 360M
2	**Khung ,Lưới bảo vệ L98m x W14.6m** -Khung hộp 40x20x1.1mm -Lưới bảo vệ 2mm (nhúng kẽm) -Thanh treo lưới V30 -Sơn, nhân công lắp đặt -Chi phí vận chuyển	M2	1.430.0	
3	**BỘ CẤP GIÓ SẠCH** Vỏ thiết bị cấp gió sạch tôn 1.5mm sơn 2 lớp -Khung chân đỡ bộ lọc U 100 (kẹp đôi)	Bộ	2,0	
	Bộ lọc sơ cấp +hộp lọc (đặt phía ngoài xưởng) Bộ lọc F8 Bộ lọc trần + khung lưới	Bộ	2,0	
	Hệ thống ống, co, hộp cấp gió sạch (tôn tráng kẽm 0.6-1.0mm)	Bộ	2,0	
	Tủ điện (Không bao gồm dây điện cho thiết bị)	Bộ	2,0	
	Biến tần INVT 50Hp	Bộ	2,0	
	Quạt ly tâm Lòng Sóc , chạy gián tiếp Công xuất : 50Hp -Motor Teco VN -Lưu lượng :100.000M3/h, Áp xuất :160PA	Bộ	2,0	
	Vật tư phụ (bulong, silicone V treo ống, cáp. .)	Bộ	2,0	
	Nhân công lắp đặt	Bộ	2,0	
	Chi phí vận chuyển	Bộ	2,0	

4	**Khung nóc phòng cấp gió sạch 8m x 32m** -Hộp 50x50x1.5mm -Tấm trần Fibro xi măng 10mm -Khung U ốp tường U 100x2mm (không bao gồm phần xây tường , cửa sổ)	bộ	1,0	
5	**Băng tải con lăn W700mm** -Vách băng tải C100x2mm -Con lăn D60 xi kẽm/ trục 12mm , -Khung chân hộp 50x1.5mm -Ty M14 tăng đơ chân lên xuống	Mét	50,0	
6	**Băng tải xoay bạc đạn W1000xL2500mm** -Mặt băng tải tôn 2mm -Khung chân hộp 50x1.5mm -Ty M14 tăng đơ chân lên xuống	Bộ	2,0	
E	**HỆ THỐNG HÚT BỤI CHÀ NHÁM TAY**	Bộ	6,0	
1	Filter lọc bụi 12.000M3/h	Bộ	1,0	
2	Hệ thống ống, co cho thiết bị	HT	1,0	
3	Quạt ly tâm 20Hp-Teco VN	Bộ	1,0	
4	Nhân công lắp đặt, vận chuyển	Bộ	1,0	

Nay công ty chúng tôi đã thực hiện xong khối lượng công việc trên, hệ thống đã đưa vào hoạt động đúng yêu cầu kỹ thuật .

- Biên bản được lập thành 02 bảng, mỗi bên giữ 01 bảng có giá trị như nhau

Đại diện bên A

NGUYỄN VĂN NGHỆ

Đại diện bên B

Kiên Tâm Thái - Hồ Văn Hoa

XT

DAI NHAN HOA

CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA
33/14/15 Bùi Văn Ngữ, P. TCH, Quận 12, TP.HCM
ĐT: 08 – 37100613 - Fax: 08 – 37100614

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP.HCM, ngày 09 tháng 01 năm 2017

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Số: 4508NT-GV/2016

Căn cứ theo hợp đồng số *4508/DNH -GV/2016* được ký ngày 05/08/2016 về *việc* cung cấp và lắp đặt thiết bị hút bụi

Đại diện hai bên Công ty gồm có:

Bên A (Chủ đầu tư): **CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Đại diện: Ông ...Kiều Tấn Thái - Chức Vụ: ..phó Giám Đốc KT

Đại diện: Ông ..... - Chức Vụ: .....

Bên B(Nhà Thầu) : **CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI NHÂN HÒA**

Đại diện: Ông **ĐỖ QUANG HẢI** - Chức Vụ: Giám sát

Hai bên cùng tiến hành lập biên bản bàn giao, nghiệm thu hệ thống theo nội dung sau:

STT	Tên Thiết bị - Quy Cách	ĐVT	Số Lượng	Ghi chú
A	**THIẾT BỊ**			
1	**Quạt ly tâm** 4205-No10; chuyền động gián tiếp -Võ quạt thép CT3 x 4mm -Đĩa cánh 10 mm Q=37.000M3/h; H= 330 H2O N = 45Kw (Motor TeCo VN mới 100%) 1-**60Hp;1-75hp**	Bộ	2.0	
2	**Quạt Ly Tâm 15Hp (20Hp)** Q= 4.500M3/h; H=4500Pa -Đĩa cánh tôn 10mm -Cánh quạt tôn 5mm -Võ quạt 4mm -Motor Teco VN mới 100%	Bộ	1.0	
3	Cụm van sao 1Hp,I 30 (đáy Cyclone) Motor giảm tốc Tunglee mới 100%	Bộ	1.0	
4	**Fiter rung rũ cơ** Q= 80.000M3/h (thực tế 110.000m3/h) -Thân thiết bị sử dụng tôn tráng kẽm 1.4- 1.5mm -Khung chân C195, bản mã liên kết -Túi Lọc PE 400-100% Polyester -Quạt rung rũ 2Hp/ 9 cái (thực tế 11 quạt) -Tủ điện điều khiển -CụmVan sao 750x290; hộp số 1Hp ;I 60 /03 cái (04 cái)	Bộ	1.0	

5	**Opptiflow 30m** (tôn tráng kẽm 1.4-1.5mm) -Motor hộp số xích cào 2Hp -Tunglee -Cụm van sao 1 HP -Tunglee -Nhông xích S55 -Bộ trục chủ động, bị động -Bạc đạn gối đỡ	Cụm	1.0	
6	Tủ điện điều khiển PLC Bao gồm 01 biến tần INVT 60Hp (thực tế 75Hp)	Cụm	1.0	
7	Van 1 chiều cho miệng quạt tôn 2mm	Bộ	2.0	
8	Giảm ra vào miệng quạt + bích V50	Bộ	2.0	
9	**Cyclone** lắng bụi D1000x2mm -Khung chân đỡ Cyclone V50, V40	Bộ	1.0	
B	**HỆ THỐNG ỐNG CHÍNH**			
1	Ống Spiral D725x 0.8mm	Mét	88.0	
2	Co 90o Ø725	Cái	10.0	
3	Co 45o Ø725	Cái	2.0	
4	Chạc 3 D725-600x600	Cái	2.0	
5	Bích đai D725	Cái	30.0	
6	Bích la D725	Cái	6.0	
7	Ống Spiral Ø250x0.6mm tải bụi	Mét	7.0	
8	Co 90o Ø250x0.8mm	Cái	8.0	
9	Co 45o Ø250x0.8mm	Cái	6.0	
10	Bích đai D250	Cái	45.0	
11	Omega D250	Cái	2,0	
C	**HỆ THỐNG ỐNG NHÁNH**			
1	Ống Spiral D125x 0.6mm	Mét	26.0	
2	Co 90o D125	Cái	6.0	
3	Bích đai D125	Cái	26.0	
4	Van khí nén D125	Cái	18.0	
5	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø100	Mét	60.0	
6	Cổ de D114	Cái	40	
7	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø125	Mét	90.0	
8	Cổ de D140	Cái	60.0	
9	Ống Spiral D150x 0.6mm	Mét	15.0	
10	Co 90o D150	Cái	2.0	
11	Chụp hút D150/ 100x2	Cái	2.0	
12	Bích đai D150	Cái	10.0	
13	Van khí nén D150	Cái	2.0	
14	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø150	Mét	15.0	
15	Cổ de D168	Cái	8.0	
16	Ống Spiral D175x 0.6mm	Mét	1.0	
17	Co 90o D175	Cái	1.0	
18	Chụp hút D175	Cái	2.0	
19	Bích đai D175	Cái	7.0	
20	Van khí nén D175	Cái	1.0	
21	Ống Spiral D200x 0.6mm	Mét	35.0	
22	Co 90o D200	Cái	4.0	

23	Chạc 3 D200 -175x125	Cái	2.0	
24	Chụp hút D200/ 100x4	Cái	2.0	
25	Bích đai D200	Cái	20.0	
26	Van khí nén D200	Cái	2.0	
27	Ống nhựa xoắn (mềm) Ø200	Mét	12.0	
28	Cổ de D219	Cái	6.0	
29	Ống Spiral D250x 0.6mm	Mét	14.0	
30	Co 45o D250	Cái	8.0	
31	Co 90o D250	Cái	1.0	
32	Chạc 3 D250	Cái	1.0	
33	Bích đai D250	Cái	7.0	
34	Ống Spiral D300x 0.6mm	Mét	1.0	
35	Co 90o D300	Cái	1.0	
36	Chạc 3 D300-125x225	Cái	1.0	
37	Bích đai D300	Cái	5.0	
38	Ống Spiral D325x 0.6mm	Mét	5.0	
39	Co 45o D325	Cái	1.0	
40	Co 90o D325	Cái	3.0	
41	Chụp hút D325	Cái	3.0	
42	Bích đai D325	Cái	19.0	
43	Van khí nén D325	Cái	1.0	
44	Ống Spiral D375x 0.6mm	Mét	8.0	
45	Co 45o D375	Cái	1.0	
46	Co 90o D375	Cái	1.0	
47	Chụp hút D375	Cái	1.0	
48	Van khí nén D375	Cái	1.0	
49	Chạc 3 D375-175x325	Cái	1.0	
50	Bích đai D375	Cái	9.0	
51	Ống Spiral D400x 0.6mm	Mét	11.0	
52	Bích đai D400	Cái	3.0	
53	Ống Spiral D425x 0.6mm	Mét	8.0	
54	Co 45o D425	Cái	1.0	
55	Co 90o D425	Cái	1.0	
56	Van khí nén D 425	Cái	1.0	
57	Bích đai D425	Cái	7.0	
58	Ống Spiral D450x 0.6mm	Mét	13.0	
59	Chạc 3 D450	Cái	1.0	
60	Bích đai D450	Cái	3.0	
61	Ống Spiral D500x 0.6mm	Mét	29.0	
62	Co 90o D500	Cái	1.0	
63	Chạc 4 D500	Cái	1.0	
64	Bích đại D500	Cái	8.0	
D	**VẬT TƯ PHỤ, NHÂN CÔNG & VẬN CHUYỂN**			
1	Chi Phí Vận chuyển	HT	1.0	
2	Chi Phí lắp đặt	HT	1.0	
3	Vật tư phụ (bulong, ty ren, cáp, silicone…..v.v)	HT	1.0	

E	**HỆ THỐNG HÚT BỤI BÀN CHÀ NHÁM**			
1	**Vỏ Quạt Hướng trục D570 - Trực tiếp** -Lưu lượng 10.000M3/h	Bộ	8.0	
2	Đối quạt D570x30	Cái	16.0	
3	Bích la D630	Cái	16.0	
4	**Quạt Hướng trục D630 - gián tiếp** -Lưu lượng 12.000M3/h -Công xuất : 2Hp - **Motor phòng nổ** -Motor Teco mới 100%	Bộ	8.0	
5	**Quạt Hướng trục D630 - gián tiếp** -Lưu lượng 12.000M3/h -Công xuất : 2Hp Motor thường IP 55 -Motor Teco mới 100%	Bộ	6.0	
6	Chụp hút L2000xW600xH600xD630mm tôn tráng kẽm 0.8mm	Cái	6.0	
7	Giảm âm L2000xW600xH600mm tôn tráng kẽm 0.8mm, muốt cách âm	Cái	6.0	
8	Ống Spiral D600x 0.6mm	Mét	72.0	
9	Co 90o Ø600	Cái	12.0	
10	Bích đai D600	Cái	36.0	
11	Omega D600	Cái	6.0	
12	Nón thải + chân đỡ nón	Bộ	6.0	
13	Bích La D630	Cái	12.0	
14	Vật tư phụ (vít bắn tôn, silicone, cáp treo, tôn chống dột)	HT	1.0	
15	Nhân công lắp đặt	HT	1.0	
F	**HỆ THỐNG CẤP GIÓ SẠCH**			
1	**BỘ CẤP GIÓ SẠCH** Võ thiết bị cấp gió sạch tôn 1.5mm sơn 2 lớp -Khung chân đỡ bộ lọc U 100 (kẹp đôi)	Bộ	2.0	
2	Bộ lọc sơ cấp +hộp lọc (đặt phía ngoài xưởng) Bộ lọc F8 Bộ lọc trần + khung lưới	Bộ	2.0	
3	Hệ thống ống, co, hộp cấp gió sạch (tôn tráng kẽm 0.6-1.0mm)	Bộ	2.0	
4	Tủ điện (Không bao gồm dây điện cho thiết bị)	Bộ	2.0	
5	Biến tần INVT 50Hp	Bộ	2.0	
6	Quạt ly tâm Lòng Sóc , chạy gián tiếp Công xuất : 50Hp -Motor Teco VN -Lưu lượng :100.000M3/h, Áp xuất :160PA	Bộ	2.0	
7	Ống Spiral D900x 0.8mm	Mét	44.0	Do di dời an toàn phòng cháy chữa cháy
8	Co 90o D900	Cái	8.0	
9	Bích đai D900	Cái	22.0	
10	Omega D900	Cái	8.0	
11	Khung đỡ ống hộp 40x80	Bộ	4.0	
12	Giảm D1400/D900x2 (chạc 3)	Cái	4.0	
13	Vật tư phụ (bulong, silicone V treo ống, cáp. .)	Bộ	2.0	
14	Nhân công lắp đặt	Bộ	2.0	

15	Chi phí vận chuyển	Bộ	2.0	
G	**BUỒNG SƠN KHÔ 6M**	**Bộ**		
1	**Buồng sơn khô L6000xW700xH2400mm** -Thân tôn tráng kẽm 1.2mm -Chụp hút tôn TK 0.8mm -Giấy lọc bụi sơn + khung lọc -Tủ điện điều khiển (thiết bị LG)	Bộ	4.0	
2	Quạt hướng trục gián tiếp D630 -12.000M3/h, Motor Teco 2Hp mới 100%	Bộ	12.0	
3	Vật tư phụ (bulong, ty ren, cáp treo, silicone.v.v)	Cụm	4.0	
4	Chi phí nhân công lắp đặt	Cụm	4.0	
5	Chi phí vận chuyển	Cụm	4.0	
H	**CỤM ỐNG BUỒNG SƠN**			
1	Ống xoắn tráng kẽm D600x0.6mm (Spiral)	Mét	60.0	
2	Co 45o Ø600	Cái	24.0	
3	Co 90o Ø600	Cái	36.0	
4	Bích đai D600	Cái	74.0	
5	Ống xéo che mưa	Cái	12.0	
6	Bích La D630	Cái	12.0	

- Công ty Đại Nhân Hòa đã thực hiện xong khối lượng công việc trên, hệ thống đã đưa vào hoạt động đúng yêu cầu kỹ thuật .
- Biên bản được lập thành 02 bảng, mỗi bên giữ 01 bảng có giá trị như nhau.

Đại diện bên A

Kiều Tấn Thái

Đại diện bên B

Luong Thái

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 01...tháng 07..năm 2019

BIÊN BẢN SỐ: ...../NTHTCTĐVSD

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Công trình: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Hạng mục: Nước thải sản xuất và sinh hoạt

Công suất: 70 m^3/ngày

Địa điểm: Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Đối tượng nghiệm thu: *Nghiệm thu hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào sử dụng*

1. Thành phần tham gia:

a. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

- Ông: ..... Chức vụ: .....
- Ông: ..... Chức vụ: .....
- Ông: ...Võ...Hùng...Bảo. Chức vụ: ...Quản...Lý.....

b. Đại diện Đơn vị thi công: Công ty TNHH Công Nghệ Môi Trường Nông Lâm

- Ông: Nguyễn Hàn Mộng Du Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ông: Phùng Bá Quang Chức vụ: Trưởng phòng vận hành

2. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu lúc: .....giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm 2019

Kết thúc lúc: .....giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm 2019

Tại hiện trường công trình: Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt

4. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện:

a) Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng thi công lắp đặt số 132/HĐ.18 ký ngày 18 tháng 07 năm 2018 giữa Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt và Công ty TNHH Công Nghệ Môi Trường Nông Lâm .

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận.
- TCVN TCVN 4055:2012 Tổ chức thi công
- TCXD 183:1996 Máy bơm – Sai số lắp đặt
- TCVN 5639:1991 về nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt xong - nguyên tắc cơ bản
- QCVN 40:2011/BTNMT cột A.

b) Về chất lượng công việc:

.....

.....

.....

c) Các ý kiến khác (nếu có):

.....

.....

.....

3. Kết luận:

- Đồng ý nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng

Biên bản nghiệm thu được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị như nhau, Chủ đầu tư giữ 02 (hai) bản, nhà thầu giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG**
M.S.D.N: 3700756534-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT TX.BẾN CÁT-T.BÌNH DƯƠNG	M.S.D.N: 0305988793-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM Q.THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Văn Quảng	TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Hàn Mộng Du

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

****

Tp.HCM, Ngày 05 Tháng 12 Năm 2018

NGHIỆM THU VẬT LIỆU TRƯỚC KHI ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

BIÊN BẢN SỐ: GV/APB/LA/E/YCNTVT/01

Công trình: Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Địa điểm: Thửa đất 358, tờ bản đồ số 42, ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

Hạng mục: Nước thải sản xuất và sinh hoạt

1. Đối tượng nghiệm thu:

- Thiết bị hệ thống xử lý nước thải

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

Đại diện : **Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt**

Ông: Chức vụ:

Ông: Trần Đức Phương Chức vụ:

Đại diện nhà thầu thi công: **Công Ty TNHH Công Nghệ Môi Trường Nông Lâm**

Ông: Chức vụ:

Ông: Trần Văn Đông Chức vụ:

3. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu : 15..h ...., 05/12/2018

Kết thúc : 17.h ...., 05/12/2018

Tại công trường: Xử lý nước thải

4. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện:

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

+ Phiếu yêu cầu nghiệm thu của Nhà thầu
+ Các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, nghiệm thu, chỉ dẫn kỹ thuật thi công.
+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.
+ Khối lượng, nhãn hiệu, xuất xứ.
+ Chứng chỉ chất lượng vật liệu.
+ Biên bản lấy mẫu, kết quả thí nghiệm vật liệu.
+ Hợp đồng thi công số 132/HĐ.18

b) Về chất lượng : Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

c) Các ý kiến khác (nếu có): ……

d) Ý kiến Tư vấn giám sát: ……

5. Kết luận:

- Đồng ý nghiệm thu, cho phép đưa vào sử dụng

Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt	**Nhà thầu thi công**
	Trần Văn Đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bình Dương, Ngày 01 Tháng 12 Năm 2018

Công trình: Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Địa điểm: Thửa đất 358, tờ bản đồ số 42, ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

Hạng mục: Nước thải sản xuất và sinh hoạt

DANH MỤC VẬT LIỆU, THIẾT BỊ NHẬP VÀO CÔNG TRÌNH

TT	Thiết bị	Model	Xuất xứ	Đơn vị	SL	Ghi chú
1	Bơm chìm	B-312	Henglong - Taiwan	Bộ	6	
2	Bơm chìm	B-3052	Henglong - Taiwan	Bộ	6	
3	Phao mực nước	MGM0506GB0C	Mac3 - Ý	Cái	8	
4	Motor hộp số	PF28-0400-20S3	Tunglee - Taiwan	Bộ	1	
5	Motor hộp số	PF28-0400-60S3	Tunglee - Taiwan	Bộ	1	
6	Bồn hóa chất	500L, PE	Đại Thành - VN	Bộ	4	
7	Bồn hóa chất	300L, PE	Đại Thành - VN	Bộ	1	
8	Bơm định lượng hóa chất	C6250-P	Bluewhite - Mỹ	Bộ	3	
9	Bơm định lượng hóa chất	C660-P	Bluewhite - Mỹ	Bộ	1	
10	Bơm định lượng hóa chất	C6125-P	Bluewhite - Mỹ	Bộ	1	
11	Đĩa phân phối khí tinh	HD270	Jaeger - Đức	Bộ	28	
12	Máy khuấy chìm	EFM-05T	Evergush - Taiwan	Bộ	1	
13	Giá thể sinh học	Nhựa HDPE, 16*11mm, 800m2/m3	VN	kg	240	
14	Máy thổi khí	GT-065	Goldentech - Taiwan	Bộ	2	
15	Đồng hồ lưu lượng	DN50	Unik-Taiwan	Bộ	1	
16	Bồn lọc áp lực	Composite 2472 D600 x H1800mm; áp 150Psi	Pentair - Mỹ CO - TQ	Bộ	1	
17	Van Runxin	điều khiển tay loại 3 ngã cỡ 4"	Runxin - TQ	Bộ	1	

Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt

ĐD. NHÀ THẦU THI CÔNG

Trần Văn Đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

****

Bình Dương, Ngày 18 Tháng 12 Năm 2018

PHIẾU YÊU CẦU NGHIỆM THU

BIÊN BẢN SỐ: 01/PYC/LD/CTXLNT

Kính gửi: Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Tên nhà thầu thi công: Công Ty TNHH Công Nghệ M ôi Trường Nông Lâm

Dự án Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Địa điểm: Thửa đất 358, tờ bản đồ số 42, ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, BD

Hạng mục: Nước thải sản xuất và sinh hoạt

Đối tượng nghiệm thu:

- Hoàn thành lắp đặt hệ thống xử lý nước thải

Thời gian đề nghị nghiệm thu: 13h 30 phút. Ngày 19 tháng 12 năm 2018

Nội dung yêu cầu nghiệm thu :

+ Lắp đặt hoàn thiện toàn bộ hệ thống thiết bị xử lý nước thải

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

Trần Văn Đông

- Ý kiến của chủ đầu tư

Chấp thuận ☑ Chấp thuận với điều kiện ghi chú sau ☐ Không chấp thuận ☐

.....

ĐẠI DIỆN CÔNG TY GỖ VIỆT

Võ Huy Bảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

****

Bình Dương, Ngày 29 Tháng 12 Năm 2018

NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC LẮP ĐẶT

BIÊN BẢN SỐ: 01/NT/LD/CTXLNT

Dự án: Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Địa điểm: Thửa đất 358, tờ bản đồ số 42, ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

Hạng mục: Nước thải sản xuất và sinh hoạt

1. Đối tượng nghiệm thu:

+ Lắp đặt hoàn thiện toàn bộ hệ thống thiết bị xử lý nước thải

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

Đại diện nhà thầu chính: Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Ông: Võ Duy Cửu Chức vụ:

Ông: Chức vụ:

Ông: Chức vụ:

Đại diện nhà thầu thi công: Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Môi Trường Nông Lâm

Ông: Chức vụ:

Ông: Trần Văn Đông Chức vụ: CHT

3. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu : *13h 30 phút. Ngày 29 tháng 12 năm 2018*

Kết thúc : *16h 30 phút. Ngày 29 tháng 12 năm 2018*

Tại công trường: Công ty Gỗ Việt

4. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu

+ Biên bản tập kết thiết bị trước khi lắp đặt

+ Hợp đồng thi công số 132/HĐ.18

+ Phiếu yêu cầu nghiệm thu của Nhà thầu *Số: 01/PYC/LD/CTXLNT*

+ TCVN 4513-1988 Cấp nước bên trong- Tiêu chuẩn thiết kế

+ TCVN 4519 – 1988: Hệ thống cấp thoát nước bên trong nhà và công trình

+ QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

+ Các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, nghiệm thu, chỉ dẫn kỹ thuật thi công.

+ Biên bản kiểm tra nghiệm thu nội bộ : *Số: 01/NTNB/LD/CTXLNT*

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.

+ Khối lượng, nhãn hiệu, xuất xứ.

+ Chất lượng vật liệu, sản phẩm lắp đặt

5. Đánh giá chất lượng công trình

Đạt

.....

.....

.....

6. Các ý kiến khác (nếu có):

.....

.....

.....

7. Kết luận:

- Đồng ý nghiệm thu

8. Đại diện các thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT	**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
	Trần Văn Đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

****

Bình Dương, Ngày 2 Tháng 1 Năm 2019

PHIẾU YÊU CẦU NGHIỆM THU

BIÊN BẢN SỐ: 01/PYC/DDKT/CTXLNT

Kính gửi: Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Tên nhà thầu thi công: Công Ty TNHH Công Nghệ M ôi Trường Nông Lâm

Dự án Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Địa điểm: Thửa đất 358, tờ bản đồ số 42, ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

Hạng mục: Nước thải sinh hoạt

Đối tượng nghiệm thu:

- Chạy đơn động thiết bị không tải

Thời gian đề nghị nghiệm thu: 13h 30 phút. Ngày 2 tháng 1 năm 2019

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

Trần Văn Đông

- Ý kiến của chủ đầu tư

Chấp thuận ☑ Chấp thuận với điều kiện ghi chú sau ☐ Không chấp thuận ☐

.....

ĐẠI DIỆN CÔNG TY KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

****

Bình Dương, Ngày 2 Tháng 1 Năm 2019

NGHIỆM THU THIẾT BỊ ĐƠN ĐỘNG KHÔNG TẢI

BIÊN BẢN SỐ: 01/NT/DDKT/CTXLNT

Dự án: Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Địa điểm: Thửa đất 358, tờ bản đồ số 42, ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

Hạng mục: Nước thải sản xuất và sinh hoạt

1. Đối tượng nghiệm thu:

+ Chạy đơn động thiết bị không tải

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

Đại diện nhà thầu chính: Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Ông: Mỏ Duy Khuê Chức vụ:

Ông: Chức vụ:

Ông: Chức vụ:

Đại diện nhà thầu thi công: Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Môi Trường Nông Lâm

Ông: Chức vụ:

Ông: Trần Văn Đông Chức vụ: Chỉ huy trưởng

3. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu : *13h 30 phút. Ngày 2 tháng 1 năm 2019*

Kết thúc : *16h 30 phút. Ngày 2 tháng 1 năm 2019*

Tại công trường: Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt

4. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu

+ Phiếu yêu cầu nghiệm thu 01/PYC/DDKT/CTXLNT

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt thiết bị 01/NT/LD/CTXLNT

+ Biên bản tập kết thiết bị trước khi lắp đặt

+ Hợp đồng thi công số 132/HĐ.18

+ TCVN 4513-1988 Cấp nước bên trong- Tiêu chuẩn thiết kế

+ TCVN 4519 – 1988: Hệ thống cấp thoát nước bên trong nhà và công trình

+ QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

+ Các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, nghiệm thu, chỉ dẫn kỹ thuật thi công.

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.

+ Khối lượng, nhãn hiệu, xuất xứ.

+ Chất lượng vật liệu, sản phẩm lắp đặt

5. Đánh giá chất lượng công trình

Đạt

.....

.....

.....

6. Các ý kiến khác (nếu có):

.....

.....

.....

7. Kết luận:

- Đồng ý nghiệm thu

8. Đại diện các thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT	**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
Võ Duy Khiêm	**Trần Văn Đông**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

****

Bình Dương, Ngày 2 Tháng 1 Năm

PHIẾU YÊU CẦU NGHIỆM THU

BIÊN BẢN SỐ: 01/PYC/LDCT/CTXLNT

Kính gửi: Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Tên nhà thầu thi công: Công Ty TNHH Công Nghệ M ôi Trường Nông Lâm

Dự án Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Địa điểm: Thửa đất 358, tờ bản đồ số 42, ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

Hạng mục: Nước thải sinh hoạt

Đối tượng nghiệm thu:

- Chạy liên động có tải thiết bị xử lý nước thải

Thời gian đề nghị nghiệm thu: 13h 30 phút. Ngày 2 tháng 1 năm

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

Trần Văn Đông

- Ý kiến của chủ đầu tư

Chấp thuận ☑ Chấp thuận với điều kiện ghi chú sau ☐ Không chấp thuận ☐

.....

ĐẠI DIỆN CÔNG TY KỸ NGHỆ GỖ VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

****

Bình Dương, Ngày 2 Tháng 1 Năm 2019

NGHIỆM THU THIẾT BỊ LIÊN ĐỘNG CÓ TẢI

BIÊN BẢN SỐ: 01/NT/LDCT/CTXLNT

Dự án: Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Địa điểm: Thửa đất 358, tờ bản đồ số 42, ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

Hạng mục: Nước thải sản xuất và sinh hoạt

1. Đối tượng nghiệm thu:

+ Chạy liên động thiết bị có tải

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

Đại diện nhà thầu chính: Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt

Ông: Chức vụ:

Ông: Chức vụ:

Ông: Chức vụ:

Đại diện nhà thầu thi công: Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Môi Trường Nông Lâm

Ông: Chức vụ:

Ông: Trần Văn Đông Chức vụ: Chỉ huy trưởng

3. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu : *13h 30 phút. Ngày 2 tháng 1 năm 2019*

Kết thúc : *16h 30 phút. Ngày 2 tháng 1 năm 2019*

Tại công trường: Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt

4. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu

+ Phiếu yêu cầu nghiệm thu 01/PYC/LDCT/CTXLNT

+ Biên bản nghiệm thu đơn động không tải thiết bị 01/NT/DDKT/CTXLNT

+ Phiếu yêu cầu nghiệm thu 01/PYC/DDKT/CTXLNT

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt thiết bị 01/NT/LD/CTXLNT

+ Biên bản tập kết thiết bị trước khi lắp đặt

+ Hợp đồng thi công số 132/HĐ.18

+ TCVN 4513-1988 Cấp nước bên trong- Tiêu chuẩn thiết kế

+ TCVN 4519 – 1988: Hệ thống cấp thoát nước bên trong nhà và công trình

+ QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

+ Các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, nghiệm thu, chỉ dẫn kỹ thuật thi công.

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt.

+ Khối lượng, nhãn hiệu, xuất xứ.

+ Chất lượng vật liệu, sản phẩm lắp đặt

5. Đánh giá chất lượng công trình

..... Đạt .....

.....

.....

6. Các ý kiến khác (nếu có):

.....

.....

.....

7. Kết luận:

- Đồng ý nghiệm thu

8. Đại diện các thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT	**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
Võ Duy Bảo	**Trần Văn Đông**

KT3-02415AMT9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **MẪU NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ CỦA CÔNG TY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**
Địa chỉ: Thửa đất 358 Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling time:* 10^{h}30 – 07/06/2019 tại hệ thống xử lý nước thải

2. Mô tả mẫu / *Description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu nước chứa trong bình nhựa, khoảng 5,0 L
As received, the water sample was contained in plastic bottle, about 5,0 L
Trên bình chứa mẫu có chữ ký dán trên nắp bình./ *There was a signature seal on the lid of the sample bottle.*
Xem hình/ *See picture on page 03/03*

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 07/06/2019

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing time* : 10/06/2019 – 18/06/2019

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
Lô O.51 Khu Nhà Vạn Phúc 1, Quốc Lộ 13, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results* : Xem trang/ *See page 02/03*

TL.TRƯỞNG PHÒNG PTN MÔI TRƯỜNG
PP. HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giá trị/ *Value* C[(a)]	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1.	Độ pH ở 25 °C/ *pH value at 25 °C*	TCVN 6492 : 2011	6,0 – 9,0	-	7,2
7.2.	Nhu cầu oxy sinh hoá (BOD_5) quy về O_2, mg/L *Biochemical oxygen demand as O_2*	TCVN 6001 – 1 : 2008	30	-	16,3
7.3.	Nhu cầu oxy hóa học (COD) quy về O_2, *Chemical oxygen demand as O_2* mg/L	SMEWW 5220D : 2017	75	-	53,8
7.4.	Hàm lượng chất rắn lơ lửng (cặn không tan), mg/L *Suspended solid content*	SMEWW 2540D : 2017	50	-	38,9
7.5.	Hàm lượng amoni (NH_4^+) (tính theo nitơ (N)), mg/L *Ammonium nitrogen content*	TCVN 5988 : 1995	5,0	0,5	Không phát hiện *Not detected*
7.6.	Hàm lượng nitơ tổng, mg/L *Total nitrogen content*	TCVN 6638 : 2000	20	-	17,0
7.7.	Hàm lượng tổng phospho (tính theo P), mg/L *Total phosphorus content*	US EPA Method 200.7 – 1994	4,0	-	1,43
7.8.	Coliform, MPN/ 100 mL	TCVN 6187 – 2 : 1996	3000	-	$4,9 \times 10^2$

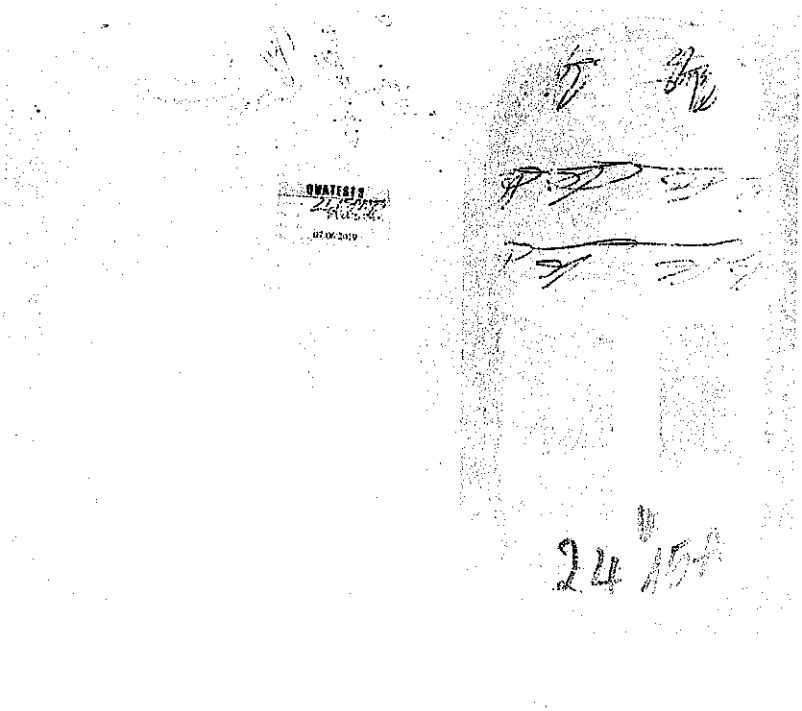
Ghi chú / *Notice:*

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water.

TCVN : Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ *National standards*

US EPA: United States Environmental Protection Agency.

(a) : C là giá trị của thông số ô nhiễm làm cơ sở để tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải công nghiệp quy định tại cột A, bảng 1. thuộc QCVN 40 : 2011/ BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp./ *C is value of pollution parameter as basis for calculating the maximum requirement level in industrial wastewater stipulated at column A, table 1. in QCVN 40 : 2011/ BTNMT National Technical Regulation on Industrial Wastewater.*



PHIẾU BẢO HÀNH

Mã số : 132/HĐ.18

Khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ GỖ VIỆT**

Đối tượng BH : **Hệ thống xử lý nước thải sản xuất và sinh hoạt công suất 70m³/ngày.**

Địa điểm : **Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.**

Sản phẩm bảo hành :

Tư vấn thiết kế, cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sản xuất và sinh hoạt công suất 70m³/ngày Chi tiết theo Hợp đồng số 132/HĐ.18 ký ngày 18 tháng 07 năm 2018 **giữa Công ty CP Kỹ Nghệ Gỗ Việt (Bên A) và Công ty TNHH Công Nghệ Môi Trường Nông Lâm (Bên B).**

Thời gian bảo hành : 12 tháng

Điều kiện bảo hành :

Phạm vi bảo hành: Những máy móc, thiết bị do **Công ty Nông Lâm** cung cấp và lắp đặt, các hư hỏng có nguyên nhân do lỗi kỹ thuật trong điều kiện sử dụng bình thường, đúng theo hồ sơ kỹ thuật do **Công ty Nông Lâm** cung cấp.

Trong các trường hợp sau sẽ thu phí sửa chữa và linh kiện thay thế:

- Phiếu bảo hành bị mất, bị sửa đổi.
- Khách hàng tự động tháo máy hoặc tự ý sửa chữa mà chưa được sự đồng ý của Công ty Nông Lâm.
- Vận hành không tuân thủ hướng dẫn của Công ty Nông Lâm, nhà sản xuất.
- Hệ thống hoạt động không được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ theo qui định.
- Không cập nhật đầy đủ sổ nhật ký vận hành.
- Hư hỏng do sự cố mạng lưới điện.
- Hư hại do những yếu tố bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, bạo loạn; động vật làm hỏng, tác nhân chủ quan, cố ý của con người...

NGÀY PHÁT HÀNH

...../...../.....

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM

M.S.D.N: 0305988793 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM - Q. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hàn Mộng Du

Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Nông Lâm
Lô O51, Khu Vạn Phúc, QL13, P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức, Tp. HCM
ĐT: 028 7300 8766 Mail: mail@moitruongnonglam.com
Fax: 028 7300 8755 Web: www.moitruongnonglam.com

MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM

THUYẾT MINH CÔNG NGHỆ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT VÀ SINH HOẠT

TỔNG CÔNG SUẤT 70 M^3/ngày.đ

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM

Lô O51, Khu nhà Vạn Phúc 1, QL 13, F. Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, TP. HCM
Tel: +848 54453225 Fax: +848 54453226
Website: http://www.moitruongnonglam.com

Đơn vị thực hiện

Công ty TNHH Công nghệ môi trường Nông Lâm

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hàn Mộng Du

Chủ đầu tư

Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

NGUYỄN VĂN NGHỆ

Nội dung

Nội dung 3

Giới thiệu 6

1.1 TÊN DỰ ÁN 6

1.2 CHỦ ĐẦU TƯ 6

1.3 ĐƠN VỊ THỰC HIỆN 6

Thuyết minh Hệ thống 7

1.4 TÍNH CHẤT NGUỒN NƯỚC XỬ LÝ 7

1.5 CƠ SỞ LỰA CHỌN CÔNG NGHỆ XỬ LÝ 8

1.6 CHẤT LƯỢNG NƯỚC SAU XỬ LÝ 8

1.7 QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ XỬ LÝ 9

1.8 THUYẾT MINH : 9

1.8.1 Các thông số gây ô nhiễm 9

1.8.2 Chức năng từng bể 10

An toàn trong vận hành 14

2.1 AN TOÀN KHI LÀM VIỆC VỚI HỒ BỂ 14

2.2 AN TOÀN KHI LÀM VIỆC VỚI HÓA CHẤT 15

2.3 AN TOÀN KHI LÀM VIỆC VỚI ĐIỆN 15

2.4 BIỆN PHÁP CẤP CỨU 17

2.5 AN TOÀN LAO ĐỘNG 18

Đào tạo vận hành và chuyển ngiao công nghệ 20

3.1 KIỂM TRA HỆ THỐNG 20

3.2 QUY TRÌNH VẬN HÀNH 22

3.2.1 Kỹ thuật vận hành – các thông số cần kiểm soát 22

3.2.2 Pha chế và định lượng hóa chất 27

3.2.3 Hướng dẫn sử dụng cột lọc áp lực 32

3.2.4 Kiểm tra thiết bị 32

3.3 KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG BÙN VI SINH, NỒNG ĐỘ BÙN VI SINH TRONG BỂ AEROTANK, ANOXIC 33

3.4 CHẾ ĐỘ VẬN HÀNH CÁC THIẾT BỊ TRONG HỆ THỐNG 35

3.5 TẦN SUẤT BẢO DƯỠNG CÁC THIẾT BỊ 39

3.6 sỰ CỐ VÀ CÁCH XỬ LÝ SỰ CỐ 40

4.1 sự cần thiết phải lưu giữ số liệu 52

4.2 SỰ THAY ĐỔI VỀ LƯU LƯỢNG VÀ TÍNH CHẤT NƯỚC THẢI TIẾP NHẬN 52

4.3 các thay đổi trong quá trình vận hành 53

4.4 CÁC THÔNG SỐ CẦN ĐƯỢC GHI CHÉP, LƯU GIỮ 53

LỜI NÓI ĐẦU

Vì lý do an toàn, xin vui lòng đọc kỹ hướng dẫn vận hành này trước khi vận hành hệ thống xử lý nước thải.

Luôn luôn đọc kỹ sổ tay hướng dẫn sử dụng hoặc catalogue của nhà sản xuất và hiểu thấu đáo trước khi vận hành hoặc bảo trì bất kỳ bộ phận nào của thiết bị.

Chỉ những nhân viên đã hoàn thành khoá đào tạo mới được phép vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa và khắc phục các sự cố thiết bị.

Quyển hướng dẫn vận hành này được biên soạn trước khi hệ thống xử nước thải chính thức hoạt động. Do đó chắc chắn sẽ có một số điểm không phù hợp với quá trình vận hành sau này, có thể sẽ có một số thông số vận hành cần phải thay đổi để phù hợp với thực tế.

Công Ty TNHH Công Nghệ Môi Trường Nông Lâm không chịu trách nhiệm bảo hành đối với những hư hỏng hay thiệt hại do vận hành và bảo trì hệ thống không đúng theo hướng dẫn.

Khi có bất kì sự cố nào xảy ra với hệ thống xử lý nước thải hoặc cần thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ với công ty chúng tôi theo địa chỉ sau:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
Địa chỉ: Lô O51, KDT Vạn Phúc, QL13, P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức, Tp. HCM
ĐT: (84-8) 5445 3225 (Gặp Bộ Phận Vận Hành, Bảo Trì – Bảo Hành)

MỘT SỐ THUẬT NGỮ

DO: nồng độ oxy hòa tan, đơn vị mgO2/

BOD (Nhu cầu oxy sinh học) : là lượng oxy cần thiết cho vi sinh vật sử dụng đểoxy hóa chất hữu cơ có trong nước thải.

COD (Nhu cầu oxy hóa học) : là lượng oxy cần thiết để oxy hoá chất hữu cơ cótrong nước thải bởi các tác nhân hóa học.

VFA (Axit béo bay hơi) : là các axit hình thành trong pha chuyển hóa axit củaquá trình sinh học kỵ khí.

Bùn hoạt tính : là tập hợp các vi sinh vật có trong nước thải, hình thành nhữngbông bùn có khả năng hấp thu và phân hủy chất hữu cơ khi có mặt của oxy.

F/ M : tỷ lệ thức ăn (chính là chất hữu cơ) trên một đơn vị vi sinh vật trong bểAerotank.

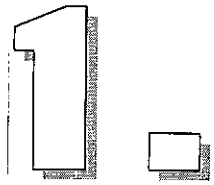
MLSS : nồng độ vi sinh vật (hay bùn hoạt tính) trong bể Aerotank.

Nitrat hoá : là quá trình chuyển hoá ammonia và nitơ hữu cơ thành nitrit và nitritthành nitrat.

Khử nitrat : là quá trình chuyển hóa nitrat thành nitơ phân tử ở dạng khí.

SVI (Chỉ số thể tích bùn) : là thông số chỉ khả năng lắng của bùn hoạt tính.

Tuổi bùn : là thời gian bùn tồn tại trong hệ thống bùn hoạt tính.



Giới thiệu

Mô tả tổng quan về dự án

1.1 TÊN DỰ ÁN

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CTY CP KỸ NGHỆ - GỖ VIỆT

Công suất : 70 M^3/ngày đêm

Địa điểm : Thửa đất 358, Tờ bản đồ 42, Ấp An Sơn, Xã An Điền, T.X Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

1.2 CHỦ ĐẦU TƯ

Tên : Công Ty Cổ phần Kỹ Nghệ Gỗ Việt

1.3 ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM

Địa chỉ : Lô O51, Khu nhà ở Vạn Phúc 1, QL 13, F. Hiệp Bình Phước, Q.Thủ Đức , TP. HCM

Điện thoại : (08) 22 165 461

Fax : (08) 73 008 755

Email : mail@moitruongnonglam.com

Wesite : moitruongnonglam.com

Thuyết minh Hệ thống

Mô tả công nghệ xử lý nước thải.

1.4 TÍNH CHẤT NGUỒN NƯỚC XỬ LÝ

Nguồn nước : Nhà vệ sinh (Chủ yếu) , bếp ăn, dây chuyền sản xuất, trộn pha chế.

Tính chất nước : Chất hữu cơ cao, dễ bị phân hủy gây mùi hôi thối.

+ Tính chất nước cụ thể như sau (tham khảo):

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả
pH	-	7.2
SS	mg/l	200
COD	mgO/l	150
BOD	mgO/l	52
Tổng Photpho	mg/l	16.9
Amoni	Mg/l	57.4
Tổng Nitơ	Mg/l	72.6

Các công trình chuyên dụng ngoài việc đảm bảo xử lý tốt các thông số này, còn phải đảm bảo hiệu quả xử lý các thông số khác, phù hợp với yêu cầu chung về bảo vệ môi trường.

1.5 CƠ SỞ LỰA CHỌN CÔNG NGHỆ XỬ LÝ

Nồng độ các tạp chất trong nước thải và yêu cầu công suất là cơ sở tính toán thiết kế.

Kinh ngiệm, kiến thức chuyên môn đóng vai trò quan trọng trong quá trình thiết kế cũng như lắp đặt hệ thống.

Tự động hóa qui trình vận hành, phương pháp vận hành của hệ thống đơn giản, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Hạn chế thấp nhất các thao tác thủ công, thao tác đóng mở van, tắt mở động cơ nhằm để tăng tuổi thọ thiết bị.

Lựa chọn công nghệ thích hợp, hiện đại, đã được áp dụng thành công tại các công trình có tính chất tương tự.

Công nghệ xử lý phải đảm bảo sự phối hợp đồng bộ giữa các công đoạn, thiết bị, đảm bảo thuận tiện trong công tác vận hành ổn định, dễ dàng khắc phục sự cố.

Dễ dàng trong trong tác đào tạo nhân viên vận hành.

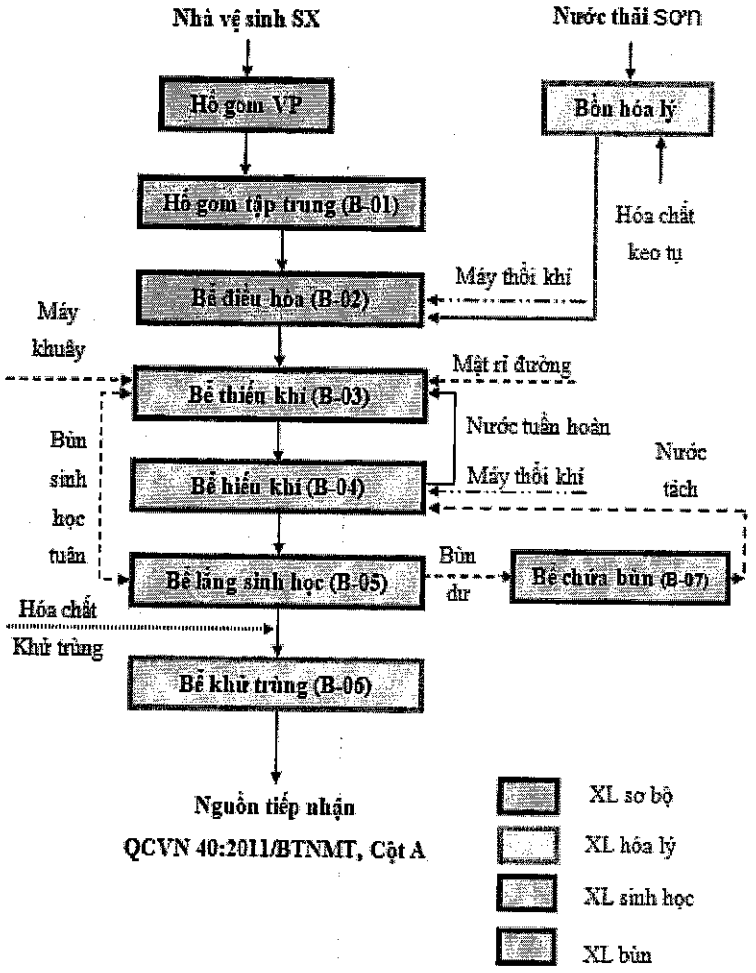
Dễ dàng và chủ động kiểm soát được chất lượng nước thải đầu ra, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

1.6 CHẤT LƯỢNG NƯỚC SAU XỬ LÝ

Chất lượng nước sau xử lý phải đạt Quy định của QCVN 40:2011/BTNMT cột A.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
01	pH	-	6 – 9
02	BOD	mg/l	30
03	COD	mg/l	75
04	TSS	mg/l	50
05	Tổng Nitơ	mg/l	20
06	Tổng Photpho	mg/l	4
07	Dầu mỡ	mg/l	5
08	Coliform	MPN/100ml	3000

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ XỬ LÝ



1.7 THUYẾT MINH :

1.7.1 Các thông số gây ô nhiễm

- pH: Thể hiện tính acid hay bazo của nước thải, nếu pH thấp thể hiện nước thải có tính acid, nếu pH cao thể hiện nước thải có tính bazo.
- SS: Chất rắn lơ lững trong nước, các hạt này có kích thước từ 0.1 – 10 µm, do kích thước nhỏ, trọng lượng thấp nên cân bằng giữa trọng lực và lực đẩy Accimet nên cứ tồn tại dạng lơ lững không lắng, cũng không nổi, gây ô nhiễm nguồn nước, mất mỹ

quan, cản trở quá trình hoạt động của các sinh vật trong nước thải.

- COD: Nhu cầu Oxy hóa học, các chất gây ô nhiễm trong nước đều có thể oxy hóa bằng pháp hóa học, thông qua phương pháp xác định lượng Oxy dùng để oxy hóa các chất ô nhiễm này, có thể xác định được mức độ ô nhiễm nguồn nước.
- BOD: Nhu cầu Oxy sinh hóa, các chất hữu cơ trong nước thải sẽ được vi sinh vật phân giải thành các chất đơn giản, ít gây ô nhiễm, thông qua phương pháp xác định lượng Oxy được dùng bơi vi sinh vật để phân giải các chất hữu cơ, có thể xác định được mức độ ô nhiễm nguồn nước, khả năng ứng dụng xử lý bằng các phương pháp sinh học.
- TN, TP, Amoni: Tổng Nitơ, Tổng Photpho, các hợp chất của Nitơ tồn tại trong nước thải gây ra hiện tượng "phú dưỡng hóa". Được gọi các chất ô nhiễm dạng "dinh dưỡng", khi TN và TP cao, thúc đẩy sự phát triển của tảo, giảm nồng độ Oxy hòa tan trong nước, làm mất mỹ quan, gây mùi khó chịu, cản trở các quá trình sinh trưởng và phát triển của sinh vật trong nước.

  Amoni gây ngộ độc cho cá, tôm, làm giảm pH nước. Chuyển hóa thành Nitrate tích lũy trong thực vật gây ngộ độc thứ cấp.

1.7.2 Chức năng từng bể

- Bể điều hòa: Nước thải khi đầy theo phao sẽ báo tín hiệu để bơm tự động về bể điều hòa. Nhiệm vụ của bể điều hòa là điều hòa lưu lượng và chất lượng nước. Khí được cấp liên tục từ dưới đáy bể thông qua các đĩa tán khí nhằm xáo trộn lượng nước trong bể. Mực nước thấp nhất trong bể sẽ được giới hạn nhằm đảm bảo khả năng điều hòa. Tại đây đặt 2 con bơm luân phiên, tự động theo mực phao.

  Bể điều hòa được thiết kế thời gian lưu tối thiểu 12 tiếng, kết hợp với việc vận hành liên tục, luôn duy trì mực nước bể điều hòa ở mức thấp nhất.
- Bồn Phản ứng: Nước tại hầm thu gom nước sơn được bơm lên bồn phản ứng keo tụ, dung dịch trung hòa sẽ được bơm lên sau để trung hòa pH trong nước thải (pH = 9-11).Sau đó hóa chất keo tụ PAC và chất trợ keo tụ Polymer anion sẽ được châm vào

bằng bơm định lượng theo đúng liều lượng tính toán dựa vào thí nghiệm tỷ lệ hóa chất và thông số ô nhiễm đầu vào.

Hóa chất keo tụ sẽ phản ứng, các hạt cặn lơ lững, chất ô nhiễm dạng keo sẽ được keo tụ, tạo thành bông cặn nhờ Polymer, làm giảm SS, độ màu, COD, BOD, TN, TP,... trong nước thải.

Các bông keo được hình thành và tách dần ra khỏi nước, trọng lượng của các bông keo lớn dần nhờ vào lực liên kết VanderWals của các hạt keo mang điện tích, dưới tác dụng của PAC (Điện tích dương), chuyển động xoáy tròn của cánh khuấy tạo thành chuyển động Brown, góp phần kết dính các hạt keo lại với nhau dưới tác dụng của Polymer anion (điện tích âm).

- Bể Anoxic: Tận dụng nguồn chất ô nhiễm đầu vào, nước thải chứa NO_3 đã được nitrate hóa tại bể sinh học hiếu khí, tại đây có lắp đặt máy khuấy, tạo điều kiện thiếu khí, kích thích quá trình denitrification chuyển hóa NO_3 thành khí N_2 bay lên, đây là công trình chuyên dụng dùng để xử lý Nitơ trong nước thải.
- Bể sinh học hiếu khí: Nước thải được tự động tràn từ bể Anoxic đến bể Sinh học hiếu khí, tại đây các quá trình sinh học sẽ diễn ra bởi Bùn hoạt tính – hình thải của các vi sinh vật trong nước có khả năng xử lý các chất ô nhiễm trong nước.

  Trong điều kiện được sục khí liên tục bằng hệ thống cung cấp và phân tán khí Oxy đặt dưới đáy bể, hệ thống này có nhiệm vụ cung cấp khí Oxy và xáo trộn hoàn toàn, tạo điều kiện tiếp xúc giữa vi sinh vật và nước thải và giá thể. Các vi sinh vật hiếu khí (như, vi sinh vật Nitrate hóa, vi khuẩn, xạ khuẩn, nấm mốc,...) sẽ phân giải các hợp chất hữu cơ có trong nước thải. Những chủng loại vi sinh vật này sử dụng chất hữu cơ (thể hiện qua chỉ số BOD và COD) như là thức ăn để tổng hợp sinh khối là Bùn hoạt tính, động học của quá trình này như sau:

  ► Oxy hóa các chất hữu cơ:

  $C_xH_yO_z + O_2 + Enzym \rightarrow CO_2 + H_2O + \Delta H$

  ► Tổng hợp tế bào mới:

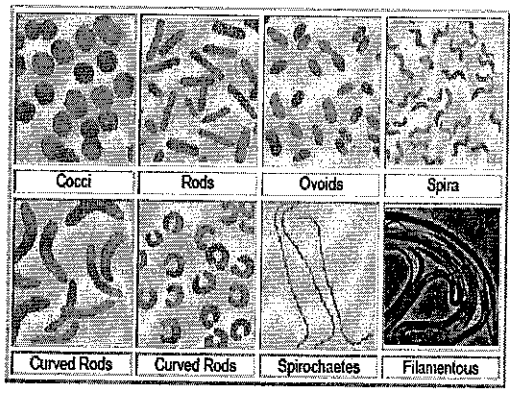
  $C_xH_yO_z + NH_3 + O_2 + Enzym \rightarrow$ Tế bào vi khuẩn $+ CO_2 + H_2O + C_5H_7NO_2 + \Delta H$

  ► Oxy hóa nội bào:

$$4C_5H_7NO_2 + 29O_2 + Enzym \rightarrow 20CO_2 + 14H_2O + 4NO_3 \pm \Delta H$$

Nói đơn giản hơn, các quá trình sinh học hiếu khí chuyển hóa các hợp chất hữu cơ và các hợp chất chứa Nitơ về dạng đơn giản hơn là CO_2, H_2O và NO_3. Nồng độ Oxy hòa tan trong nước phải luôn được duy trì từ 2 – 4 mg/l.

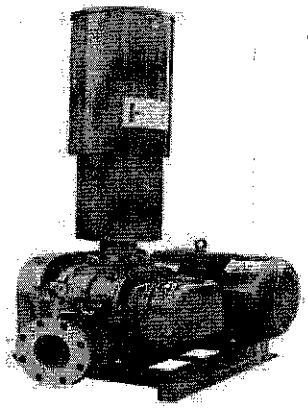
Khí được cấp liên tục bằng máy thổi khí, các đĩa phân tán khí có nhiệm vụ phân tán khí Oxy hòa tan vào nước.



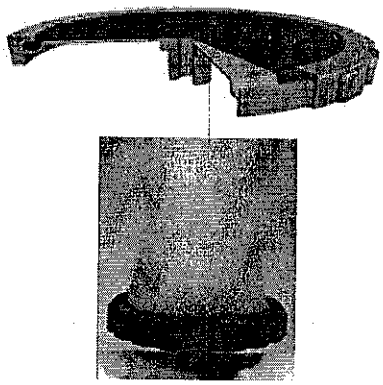
Hình . Các dạng vi sinh vật trong bể hiếu khí



Hình . Bể sinh học hiếu khí



Hình . Máy thổi khí



Hình . Đĩa phân phối khí tinh

Quá trình sinh học hiếu khí có thể xử lý hầu hết các chất hữu cơ trong nước, chỉ số BOD và COD đều giảm, hiệu suất xử lý đạt từ 80 – 95%, hiệu suất chuyển hóa Amoni thành Nitrate đạt 90 – 100 %.

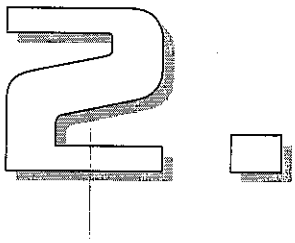
- Bể lắng : Bùn hoạt tính khi được hình thành sẽ rất dễ tách pha với nước, cũng giống như quá trình Keo tụ - tạo bông, bể lắng sinh học có nhiệm vụ tách bông bùn hoạt tính lắng xuống đáy, nước trong tự chảy ra ngoài bằng máng thu nước. Bùn sinh học

phần lớn sẽ được tuần hoàn về bể Anoxic, một phần bùn hoạt tính dư được xả về bể chứa bùn.

Phải cho bùn hoạt tính tuần hoàn trở về vì phải giữ nồng độ bùn trong bể bùn hoạt tính ở mức ổn định, chỉ xả đi lượng bùn dư - tương ứng với lượng tăng sinh khối - không cần thiết cho quá trình mà thôi.

Bể lắng sinh học được thiết kế có 1 bơm bùn tuần hoàn. Trong quá trình vận hành, sẽ xác định lượng bùn hoạt tính phù hợp rồi điều chỉnh duy trì.

- Khử trùng: Các chất có tính Oxy hóa mạnh như nước Javen, Clorine dạng bột có hiệu quả cao trong việc tiêu diệt các vi sinh vật gây hại. Dung dịch khử trùng sẽ được châm trên đường ống bằng bơm định lượng, đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra.
- Cột lọc áp lực: Lọc áp lực là quá trình tách các chất rắn lơ lửng ra khỏi nước khi hỗn hợp nước và chất rắn lơ lửng đi qua lớp vật liệu lọc gồm cát lọc và sỏi đỡ chất rắn lơ lửng được giữ lại và nước tiếp tục chảy qua. Bể lọc áp lực là 1 loại bể lọc khép kín được chế tạo bằng thép hoặc inox có dạng hình trụ đứng.
- Bể chứa bùn: Có chức năng cô đặc bùn dư từ các bể lắng bơm về. Cấu tạo bể chứa bùn làm tăng mật độ bùn, nước dư sẽ tràn về bể điều hòa để xử lý lại. Bùn cô đặc được định kỳ xử lý.



An toàn trong vận hành

2.1 AN TOÀN KHI LÀM VIỆC VỚI HỒ BỂ

Khi làm việc quanh các bể, các qui định về an toàn lao động phải tuyệt đối chấp hành:

- Đi giày, ủng có khả năng chống trượt. o Mặc áo phao khi làm việc tại các bể
- Thường xuyên cọ rửa sàn thao tác tránh sự sinh sôi của tảo gây trơn trượt.
- Giữ gìn sạch sẽ khu vực xử lý: dầu mỡ, rác, giẻ lau... o Không để rơi dụng cụ, thiết bị và vật liệu có thể gây ảnh hưởng tới quá trình, làm hỏng các thiết bị đặt chìm trong các bể.
- Phải thực hiện các biện pháp an toàn khi tiếp xúc với các thiết bị điện.
- Khu vực xử lý phải có đủ ánh sáng để làm việc vào buổi tối, đặc biệt là lúc có sự cố xảy ra.

Khi có sự cố về thiết bị, máy móc và điện để ngắt điện một cách nhanh chóng công nhân có thể ấn nút an toàn màu đỏ hình tròn ở trên mặt cửa của tủ điện.

Trong quá trình vận hành nếu phát hiện có sự hư hỏng các thiết bị hay có tiếng động lạ phát ra từ các thiết bị thì ngừng hoạt động ngay và kiểm tra, sữa chữa trước khi cho thiết bị hoạt động lại.

2.2 AN TOÀN KHI LÀM VIỆC VỚI HÓA CHẤT

Nhiều hóa chất dùng trong hệ thống xử lý nước thải có thể cực kỳ nguy hiểm khi không được lưu trữ và sử dụng thích hợp.

Các nội quy liên quan quy định tất cả các nhân viên đều phải có dãy dữ liệu an toàn vật liệu.

Dãy dữ liệu này cung cấp thông tin về hóa chất bao gồm quy trình an toàn và nguy hiểm khi sử dụng.

Dãy dữ liệu này cũng phải giữ trong khu vực sử dụng hóa chất và nhà xưởng.

Người vận hành phải dùng những thiết bị an toàn chính xác và mô tả quá trình tiến hành an toàn trong dãy dữ liệu.

o Phải có đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động khi pha chế hóa chất.

o Phải thực hiện đúng các bước chỉ dẫn khi pha chế hóa chất.
o Tránh để hóa chất tiếp xúc với nước trong quá trình lưu trữ và bảo quản.

o Khi đưa hóa chất vào thùng pha chế, nên đổ từ từ và từng tí một.

o Tránh bụi hóa chất bay lên và khả năng văng phẩy dung dịch hoá chất.

o Dùng nước sạch vệ sinh khu vực pha chế hóa chất.

2.3 AN TOÀN KHI LÀM VIỆC VỚI ĐIỆN

Dòng điện có điện áp trên 36 volt đi qua cơ thể người gây ra sự huỷ hoại các tế bào của người hoặc làm hệ thần kinh có những phản xạ tiêu cực.

Sự ảnh hưởng đến sức khoẻ con người do dòng điện gây ra tuỳ thuộc điện áp, điện trở của người, cường độ dòng điện của dây tải điện, tần số và loại dòng điện. Sự tác hại của dòng điện đi qua cơ thể lại phụ thuộc đường đi của dòng điện và thời gian tác động của dòng điện. Những điều kiện ngoại vi như độ ẩm của môi trường, vật liệu của kết cấu mà cơ thể tiếp xúc như sàn nhà, ghế ngồi ...

Dòng điện qua cơ thể người ta gây ra những phản ứng làm thay đổi trạng thái thần kinh, biến đổi thành phần máu hay gây cháy bỏng.

Thời gian tác động của dòng điện qua cơ thể càng dài, càng nguy hiểm.

Khi vận hành thiết bị điện cần được trang bị các nghi khí cách điện , đảm bảo an toàn tuyệt đối. Công nhân phải đứng làm các thao tác trong môi trường khô ráo, chân đứng có thảm cách điện. Chân phải mang giày đảm bảo độ cách điện. Tay người công nhân phải đi găng cách điện. Phải mang kính và có mũ cách điện. Khi tiếp xúc với các bộ phận kim loại đang có điện phải dùng các dụng cụ chuyên có độ cách điện thoả đáng. Những dụng cụ này phải được thường xuyên kiểm tra độ cách điện đáp ứng các yêu cầu về an toàn sử dụng điện.

Hiện nay phần vận hành thiết bị điện đã tự động hoá cao. Khi điều khiển hệ thiết bị điện lẻ theo phương pháp thủ công, phải đảm bảo các điều kiện trang bị cho công nhân như yêu cầu trên. Tai nạn hay xảy ra khi vận hành thiết bị điện và biện pháp ngăn ngừa phải như sau:

o Môi trường vận hành ẩm ướt. Với những điều kiện môi trường ẩm ướt, phải có biện pháp thích ứng mới được vận hành.

o Trang bị cá nhân không đủ đáp ứng các yêu cầu cách điện cho mọi bộ phận cơ thể có khả năng va chạm với các bộ phận mang điện. Không đủ điều kiện trang bị an toàn, không vận hành thiết bị điện.

Va đập dụng cụ kim loại đang cầm tay vào các bộ phận có điện. Phải hết sức chú ý khi thao tác và mọi dụng cụ phải có tay cầm đủ cách điện với điện áp tương ứng. o Khi lên cao, mặt đứng không đủ vững chãi, không đủ độ cách điện. Phải có sàn đứng vững chãi và mặt chân đứng phải có lớp thảm hoặc lớp đệm cách điện. o Mọi thiết bị điện phải có nối đất để dòng điện song song qua người nếu xảy ra là nhỏ, không đủ gây tử vong hay tai nạn.

Công nhân vận hành cần phải nắm vững các biện pháp an toàn, cách xử lý sự cố và phương pháp cấp cứu tai nạn điện giật.

Cần thường xuyên tiến hành kiểm tra sự an toàn của các thiết bị điện,các dây dẫn, ổ cắm, các lớp bảo vệ chống tiếp xúc, kiển tra điện rò.Sửa chữa, bổ sung và thay thế hệ thống đường dây và thiết bị điện khicần thiết.

Trước khi tiến hành sửa chữa đường dây hay thiết bị điện phải cắt điện một phần hay toàn bộ khu vực có liên quan. Khi sửa chữa phải tuyệt đối tuân thủ các quy định an toàn điện và có trang bị an toàn thích hợp (thử điện trước khi sửa chữa bằng bút thử điện, đeo găng tay, đi ủng cách điện...), dùng vật liệu cách điện để che chắn các bộ phận thiết bị xung quanh có khả năng dẫn điện.

o Khi cắt điện để sửa chữa phải có người canh cầu dao hoặc có biển báo hiệu «cấm đóng điện, có người làm việc" để đề phòng những người khác vô tình đóng cầu dao.

o Tránh để các vật có khả năng gây cháy nổ và nước bắn vào trong tủ điện điều khiển.

Khi có sự cố cháy, nổ, chập điện thì người vận hành phải lập tức nhấn nút POWER OFF trên mặt tủ điện để ngừng ngay hoạt động.

2.4 BIỆN PHÁP CẤP CỨU

2.4.1. NGUYÊN TẮC:

o Khi xảy ra tai nạn điện giật, việc đầu tiên là phải nhanh chóng cắt dòng điện qua cơ thể nạn nhân.

o Phải đảm bảo an toàn cho người đến cứu, vì nếu không người đến cứu dễ bị điện giật lây đồng thời nạn nhân còn bị nguy hiểm nặng hơn. Do đó, khi có người bị điện giật, người đến cứu phải hết sức bình tĩnh và thực hiện đúng các thao tác cần thiết, không tiếp xúc trực tiếp với nạn nhân mà phải thông qua các vật cách điện.

2.4.2. NHỮNG VIỆC CỤ THỂ PHẢI ĐƯỢC THỰC HIỆN NGAY:

Cắt điện khu vực xảy ra tai nạn (ngắt cầu dao, rút phích cắm điện, rút cầu chì...).

o Tách nạn nhân ra khỏi dòng điện: dùng vật liệu cách điện (sào, gỗ, thanhnhựa... khô) gạt dây điện hoặc thiết bị điện ra khỏi nạn nhân.

o Dùng chăn, đệm, bạt nilông (tất cả đều phải khô) để đẩy nạn nhân rakhỏi vật mang điện.

o Nếu nạn nhân còn tỉnh táo cần giữ nạn nhân nghỉ ngơi, không cho đi lại hoạt động ngay, vì do triệu chứng sốc thần kinh nên có thể một lúc sau nạn nhân mới chuyển dần sang trạng thái mê sảng, tê liệt.

o Nếu nạn nhân bất tỉnh nhưng còn thở, tim còn đập thì đặt nạn nhân nằm nghỉ nơi thoáng, đầu để hơi thấp để tránh thiếu máu não, giữ ấm cơ thể nạn nhân và tránh gió lùa. Cởi các dây buộc, nút, cúc áo và hạn chế cử động của các cơ ngực, bụng. Có thể cho ngửi amoniac loãng để nạn nhân mau tỉnh. Tuyệt đối không vảy nước lên mặt nạn nhân vì có thể gây xung huyết não do lạnh đột ngột. Theo dõi nạn nhân để nếu cần thiết thì tiến hành hô hấp nhân tạo và xoa bóp tim kịp thời.

o Nếu nạn nhân đã ngừng thở nhưng tim còn đập thì phải tiến hành hô hấp nhân tạo ngay. Nếu tim nạn nhân ngừng đập thì tiến hành xoa bóp tim ngoài lồng ngực. Sau khi có dấu hiệu tim đập lại cần tiếp tục hô hấp nhân tạo, xoa bóp tim khoảng 5 – 10 phút rồi gọi bác sĩ hoặc đưa tới bệnh viện gần nhất

2.5 AN TOÀN LAO ĐỘNG

Làm việc trên cao và gần khu vực hố sâu phải được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp với chức danh công việc đang làm. Phải sử dụng đúng và đủ chúng khi làm việc (đặc biệt chú ý dây đai an toàn, giầy chống trượt). Người thợ phải được cấp túi đựng dụng cụ đồ nghề đầy đủ. Không được đi dép lê, đi giày có đế dễ trượt.

Khi lên, xuống và di chuyển phải đi đúng tuyến qui định. Nghiêm cấm leo trèo, đi lại tùy tiện. Không được mang vác vật nặng, cồng kềnh khi lên xuống thang.

Trước và trong thời gian làm việc không được uống rượu bia, hút thuốc lào. Không được đùa nghịch khi đang làm việc.

Không được làm việc trên cao và gần khu vực hố sâu khi không đủ ánh sáng, khi có mưa to, giông bão, gió mạnh từ cấp 5 trở lên.

Các lỗ mà người dễ bị lọt qua trên mặt sàn, trên tường phải được bịt lại, rào lại, hoặc đặt tín hiệu báo nguy hiểm.

3.

Đào tạo vận hành và chuyển giao công nghệ

3.1 KIỂM TRA HỆ THỐNG

3.1.1. KIỂM TRA LƯỢNG HÓA CHẤT SỬ DỤNG.

Lượng hóa chất pha chế trong bồn phải đảm bảo cho hệ thống hoạt động ít nhất trong vòng một ngày.

3.1.2. KIỂM TRA THIẾT BỊ.

Trước khi bật máy cũng như sau khi máy đã hoạt động cần kiểm tra tình trạng của tất cả các thiết bị trong HTXLNT Sau khi hệ thống hoạt động liên tục, ổn định cần kiểm tra lại tình trạng của các thiết bị, máy móc sau mỗi ngày. Chú ý những hiện tượng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của chúng.

Bảng Chi Tiết Cần Kiểm Tra Thiết Bị, Máy Móc Trước Khi Vận Hành

STT	THIẾT BỊ	KÝ HIỆU	CÁC CHI TIẾT CẦN KIỂM TRA
1	Bơm thu gom	P01-02-03-04	Kiểm tra phao báo mức (vướng dây), vale (độ mở)
2	Sọt chắn rác	SCR	Lưới lược rác: vệ sinh lưới, loại bỏ rác bám trên lưới mỗi tháng
3	Bơm điều hòa	P05-06	Kiểm tra phao báo mức (vướng dây), vale (độ mở)

4	Máy Thổi khí	AB01-02	- Dây coroa (mức độ giãn) - Lọc khí (mức độ sạch) - Bulông (mức siết chặt) - Mực dầu bôi trơn (thêm dầu nếu dầu cạn, không được châm đầy vì có thể gây nổ máy nén) - Thử van an toàn
5	Bơm hóa chất NaOH	CP01	- Kiểm tra Van 1 chiều
6	Bơm hóa chất PAC	CP02	- Kiểm tra Van 1 chiều
7	Bơm hóa chất Polymer	CP03	- Kiểm tra Van 1 chiều
8	Bơm hóa chất khử trùng	CP04	- Kiểm tra Van 1 chiều
9	Bơm hóa chất D/Dưỡng	CP05	- Kiểm tra Van 1 chiều
10	Motor khuấy keo tụ	M-01,02	- Kiểm tra cánh khuấy, hộp số
11	Bơm nước tuần hoàn	P07-08	Kiểm tra vale (độ mở)
12	Bơm bùn	SP01	
15	Tủ Điện	EP-01	Kiểm tra tiếp điểm, trạng thái đóng mở của các thiết bị,
16	Máy khuấy Anoxic	MX01	Kiểm tra sự xáo trộn trong bể anoxic
17	Bơm Cột lọc	P09/ 10	Kiểm tra Lupe

3.1.3. KIỂM TRA ĐIỆN

Kiểm tra về điện áp: Đáp (380V), đủ pha (3 pha), dòng định mức cung cấp(5A). Nếu không đủ điều kiện vận hành: mất pha, thiếu hoặc dư áp, dòng thiếu hoặc dòng cao hơn mức cho phép thì không nên hoạt động hệ thống vì lúc này các thiết bị sẽ dễ xảy ra sự cố.

Kiểm tra trạng thái làm việc của các công tắc, cầu dao. Tất cả các thiết bị phải ở trạng thái sẵn sàng làm việc.

Các ký hiệu bên trong tủ điện điều khiển:

ON, OFF - Đóng mở nguồn cấp cho tủ điện điều khiển

AUTO, MAN - Chế độ điều khiển tự động và bằng tay Đèn của máy nào trên tủ điện sáng thì máy đó đang hoạt động.

Các nút nhấn xanh : Mở máy

Các nút nhấn đỏ : Tắt máy

Hệ thống xử lý nước thải được điều khiển ở 02 chế độ:

Chế độ tự động - Hoạt động theo chế độ điều khiển tự động bằng hệ thống cảm biến mực nước và hệ thống hiển thị số liệu timer.

Chế độ điều khiển bằng tay - Hoạt động theo sự điều khiển của công nhân vận hành tại tủ động lực.

Khi tủ điện có còi báo sự cố vang lên, người vận hành lập tức tới tủ điện ngắt điện toàn hệ thống (CB tổng). Kiểm tra máy nào có sự cố và kịp thời sửa chữa.

3.2 QUY TRÌNH VẬN HÀNH

3.2.1 Kỹ thuật vận hành – các thông số cần kiểm soát

a. Kiểm soát chất lượng nước thải vào

Khi lưu lượng và chất lượng nước thải tiếp nhận thay đổi, thì môi trường của bể Anoxic, Aerotank và bể lắng thay đổi theo. Nếu quá trình bùn hoạt tính bể Aerotank được thiết lập tốt, BOD và SS sau khi xử lý phải nhỏ hơn 20mg/ l và không quá 50mg/l. Nếu lưu lượng vào hoặc nồng độ chất ô nhiễm trong dòng vào tăng đáng kể (quá 10%), cần phải điều chỉnh các thông số vận hành.

Lưu lượng: Kiểm tra lưu lượng nước thải là cần thiết cho sự duy trì hoạt động ổn định của hệ thống. Lưu lượng cùng với nồng độ BOD, COD xác định tải trọng của bể Aerotank.

BOD, COD: Kiểm tra nồng độ BOD/ COD để kiểm soát các quá trình trong bể. Tỉ số BOD/ COD cho biết tỉ lệ các chất hữu cơ dễ phân huỷ sinh học có trong nước thải. BOD là thông số thể hiện lượng chất hữu cơ có thể bị oxy hoá bằng vi sinh vật.

Chỉ số COD thể hiện toàn bộ chất hữu cơ bị oxy hóa thuần tuý bằng tác nhân hóa học. Tỷ số BOD/ COD dùng kiểm soát nồng độ chất hữu cơ thích hợp cho quá trình xử lý sinh học.

Các chất dinh dưỡng: Nitơ, phospho là hai thành phần dinh dưỡng quan trọng nhất cho sự phát triển của vi sinh vật.

Nitơ và phospho cần có số lượng đủ để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của các vi sinh vật. Tỷ lệ BOD : N : P trong bể cân bằng cần duy trì 100 : 5 : 1 là đáp ứng tương đối đủ cho nhu cầu phát triển của các vi sinh vật.

pH : Quá trình xử lý sinh học hiếu khí hoạt động tốt ở pH = 6.5 - 8.5. Nếu pH thay đổi thì cần phải bổ sung axit/ xút để đưa pH của bể về môi trường thích hợp cho vi sinh vật hoạt động.

Nhiệt độ : Xử lý nước thải bằng phương pháp xử lý sinh học hiếu khí thực chất là quá trình oxy hóa chất hữu cơ bởi các vi sinh vật. Do đó yêu cầu kiểm tra nhiệt độ của nước tạo điều kiện cho các vi sinh vật phát triển để nâng cao hiệu quả xử lý của bể. Điều kiện tốt nhất là duy trì nhiệt độ của dòng nước thải trong khoảng 25 – 35oC (đây là khoảng nhiệt độ bình thường tại Việt Nam).

b. Kiểm soát bể Hóa lý.

Bông bùn cặn được tạo thành từ giai đoạn hóa lý phải đảm bảo lắng hoàn toàn trước khi chảy sang bể sinh học. TSS cao là 1 nguyên nhân gây ức chế vi sinh.

Nếu Hệ hóa lý hoạt động không tốt, COD, TSS cao sẽ gây sốc tải.

Các bước điều chỉnh hóa chất keo tụ:

B1: Điều chỉnh pH tối ưu. Đối với loại nước thải sơn keo tụ bằng PAC, pH hiệu quả từ 9.0 – 11.0, tối ưu từ 9.6 đến 10.4.

Dùng 3 – 4 cốc thủy tinh (càng nhiều càng chính xác), định lượng 1 lượng nước thải như nhau (thông thường là 500 ml), điều chỉnh pH của mỗi cốc theo các giá trị trong dãy tối ưu. Ghi lại lượng hóa chất dùng để điều chỉnh pH.

Cho PAC 1 lượng đều nhau vào các cốc, với tỷ lệ cho mỗi Lít nước thải so với SS đầu vào là S_o : mPAC = 1:5 (Nghĩa là SS đầu vào 100 mg/l, thì PAC dùng 500mg cho mỗi lít nước thí nghiệm). Khuấy đều trong 1-3 phút.

Cốc nào tạo bông tốt nhất, nước trong nhất thì pH của cốc đó tối ưu. Cần cân nhắc yếu tố kỹ thuật và chi phí phải hài hòa với nhau.

B2: Điều chỉnh PAC tối ưu. Sau khi đã chọn được pH tối ưu, tiếp tục dùng các cốc thủy tinh cùng thể tích nước thải, thay đổi lượng PAC tăng giảm với điểm chuẩn theo tỷ lệ so với SS đầu vào là 1:5 (như bước 1). Khuấy đều trong 1-3 phút.

Cốc nào tạo bông tốt nhất, nước trong nhất thì pH và PAC của cốc đó tối ưu. Cần cân nhắc yếu tố kỹ thuật và chi phí phải hài hòa với nhau.

B3: Điều chỉnh Polymer Anion tối ưu. Sau khi đã xác định được pH và PAC tối ưu, cho 1 lượng Polymer 0.1% vào các cốc, với điểm chuẩn theo tỷ lệ so với SS đầu vào là S_o : v = 100 : 2 (Nghĩa là mỗi lít nước thải có SS = 100 mg/L thì cho vào 2ml dung dịch Anion Polymer 0.1%).

Khuấy chậm từ 3-5 phút, cốc nào tạo bông to nhất, nước trong nhất thì tỷ lệ hóa chất tối ưu. Cần cân nhắc yếu tố kỹ thuật và chi phí phải hài hòa với nhau.

Các dung dịch sử dụng để thí nghiệm (hoặc sử dụng thực tế nên pha theo tỷ lệ sau:

- NaOH: 5% (50g/lít)
- PAC: 10% (100g/lít)
- Polymer Anion: 0.005% (0.5g/lít)

Sau khi xác định được tỷ lệ tối ưu bằng thí nghiệm, chuyển thành tỷ lệ thực tế trên hệ thống, quan sát các phản ứng bằng mắt thường và điều chỉnh cho phù hợp.

c. Kiểm soát bể Anoxic

Do tỷ lệ BOD:N:P Bị chênh lệch quá nhiều nên cần phải bổ sung Chất hữu cơ (mật rỉ đường) để vi sinh có thể xử lý Nitơ (cụ thể là quá trình khử Nitrate.

Độ kiềm và pH cần được duy trì, sử dụng $NaHCO_3$ duy trì độ kiềm trong nước thải sao cho pH đầu ra bể Anoxic từ 7.5 - 8.

DO duy trì ở mức <1.0, khoảng tối ưu từ 0.1 - 0.5 mg/l.

d. Kiểm soát bể Aerotank.

pH: Giá trị pH của nước thải ảnh hưởng đến quá trình hóa sinh của vi sinh vật, quá trình tạo bùn và lắng. Quá trình xử lý sinh học hiếu khí hoạt động tốt với giá trị pH trong khoảng 6.5 - 8.5. Trong bể xử lý sinh học, do có các hoạt động phân hủy của các vi sinh vật và quá trình giải phóng CO2 nên pH của các bể luôn thay đổi. Giá trị pH thay đổi theo chiều hướng tăng là do: quá trình biến đổi các axit thành khí CO2.

Bảng khoảng giá trị pH

STT	Khoảng Giá Trị pH	Cách Đánh Giá
1	pH = 6.5 - 8.5	Khoảng pH tối ưu nhất cho vi sinh hoạt động
2	pH < 6.5	Phát triển chủng vi sinh dạng nấm Ức chế quá trình phân hủy chất hữu cơ
3	pH > 8.5	Ức chế quá trình phân hủy chất hữu cơ

Tải trọng hợp chất hữu cơ COD, BOD: Tải trọng hữu cơ ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình xử lý sinh học hiếu khí.

Do đó cần có sự kiểm soát BOD, COD để giữ cho tải trọng bể ổn định và đạt hiệu suất tối ưu.

Sự quá tải dẫn đến:

- Giảm hiệu suất quá trình.
- Tăng hàm lượng BOD, COD của nước sau khi xử lý.

- Trương bùn.

Nồng độ oxy hòa tan – DO: Nồng độ oxy hòa tan tối ưu là từ 2 – 4 mg/ l. Nhu cầu oxy tùy thuộc vào tải trọng hữu cơ (BOD; COD) và nồng độ bùn (MLSS) trong bể phản ứng. Nồng độ oxy hòa tan nên được đo thường xuyên và tại nhiều vị trí khác nhau trong bể Aerotank.

Sự thiếu oxy trong bể phản ứng dẫn đến :

- Giảm hiệu suất xử lý và chất lượng nước sau xử lý.
- Giảm khả năng lắng, tăng số lượng vi khuẩn dạng sợi.
- Ức chế quá trình oxy hóa .

Nồng độ oxy cao dẫn đến :

- Phá vỡ bông bùn
- Giảm khả năng lắng, nước sau xử lý bị đục.
- Tốn năng lượng.

Kiểm soát bùn: Đối với bể Aerotank, cần phải theo dõi chặt chẽ sự hình thành bùn trong bể.Tính quan trọng của bùn là khả năng tạo bông.

Bùn trong bể Aerotank thường có tuổi lớn, từ 3 – 15 ngày. Hoạt tính của bùn giảm theo tuổi của bùn.

SV/SVI là chỉ tiêu đánh giá khả năng lắng và chất lượng của bùn hoạt tính.

SV là một điều cần kiểm soát và phải theo dõi hằng ngày. Đây là chỉ số thể hiện thể tích bùn hoạt tính có trong nước thải, sử dụng dụng cụ ống Imhoff, múc đầy định mức của ống (thông thường là 1000 ml), để lắng tự nhiên trong 30 phút (hay còn gọi là SV30). Xác định phần bùn lắng là bao nhiêu phần trăm.

SVI là tỷ số SV_{30}/MLVSS. MLVSS được xác định tại phòng thí nghiệm.

Lượng bùn ngày một gia tăng do sự phát triển của các vi sinh vật cũng như việc tách các chất bẩn ra khỏi nước thải. Số lượng bùn dư không giúp ích cho việc xử lý nước thải ngược lại nếu không lấy đi còn là trở ngại lớn. Lượng bùn dư này được bơm sang bể nén bùn để tăng nồng độ chất rắn.

Sau khi đã tính được chỉ số SVI, dựa vào giá trị SVI mà ta có thể chuẩn đoán được «bệnh" của hệ thống bùn bể hiếu khí như:

- SVI < 100: Bùn già: có thể trên bề mặt sẽ có bùn nhỏ như đầu mũi kim, đầu ra sẽ bị đục.

- 100 < SVI < 250: Bùn hoạt động tốt, lắng tốt, đầu ra ít đục. Thông thường, SVI từ 100 – 120 là tốt nhất.

- SVI > 250: Bùn khó lắng, đầu ra bị đục.

Mùi - màu: Mỗi loại nước thải có màu và mùi đặc trưng, tùy thuộc vào thành phần hóa học của nước thải ấy. Sự thay đổi của những tính chất này có thể do thành phần nước thải thay đổi và nó ảnh hưởng đến quá trình sinh học.

Bùn sinh học thường có màu vàng nâu. Khi quá tải hoặc không đủ oxy thì màu vàng nâu này sẽ trở thành màu xám hay đen. Khi thiếu oxy, quá trình sinh học yếm khí xảy ra và sinh ra mùi khó chịu của H2S, mercaptans...

Trong bể Aerotank, mẫu bùn hoạt tính lấy từ độ cao khác nhau có màu vàng nâu thể hiện bể hoạt động tốt. Nếu có lớp bùn bông màu đen cần lập tức kiểm tra các thông số liên quan và tìm biện pháp khắc phục.

3.2.2 Pha chế và định lượng hóa chất

Hệ thống định lượng hóa chất

Tất cả các hóa chất, dù là đặc, lỏng hay khí, đều cần một hệ thống cấp để kiểm soát chính xác và nhiều lần lượng được ứng dụng.

Việc sử dụng có kết quả các hóa chất tùy thuộc vào liều lượng chính xác. Hiệu quả của một vài loại hóa chất nào đó

nhạy về liều lượng hơn nhiều so với các loại khác. Mẫu hệ thống cấp hóa chất phải xem xét hình thức và đặc tính hóa, lý của mỗi hóa chất dùng cấp, nhiệt độ của phòng và xung quanh tối đa và tối thiểu, lưu lượng nước thải cực đại và cực tiểu, liều lượng cần và sự đáng tin cậy của thiết bị cấp. Hệ thống cấp hóa chất tiêu biểu gồm vận chuyển hóa chất từ nơi cấp đến nơi trữ hóa chất, việc cấp được hiệu chỉnh của hóa chất, hòa lẫn hóa chất với nước, và cấp hóa chất hoặc dung dịch đến quy trình xử lý.

Công suất của hệ thống, việc cản trở cung cấp tiềm năng và tỉ lệ sử dụng hóa chất là những điều cần lưu ý đối với cả lưu trữ và cấp. Công suất lưu trữ phải tính đến hiệu quả kinh tế về lượng mua ngược với những bất lợi trong chi phí xây dựng, sự phân hủy hóa chất với thời gian. Các bể trữ hoặc thùng chứa chất lỏng hóa học phải được thiết kế để thừa nhận góc nghỉ chính xác của hóa chất và những yêu cầu môi trường cần thiết của nó chẳng hạn như nhiệt độ và độ ẩm. Kích thước và độ dốc của băng tải cũng đáng lưu ý. Việc lựa chọn vật liệu cho xây dựng bể chứa, thiết bị cấp, bơm, ống, van cũng rất quan trọng vì nhiều hóa chất sẽ phá hủy dần các nguyên vật liệu.

Vì các đặc tính hóa chất khô khác nhau đáng kể nên cơ cấu tiếp liệu phải được lựa chọn cẩn thận, đặc biệt trong một thiết bị có kích thước nhỏ hơn nơi mà cơ cấu tiếp liệu độc lập có thể được dùng cho nhiều hơn một hóa chất. Nói chung, người vận hành nên chuẩn bị đầy đủ để bảo quản hóa chất khô nơi khô ráo và thoáng mát. Duy trì ẩm độ thấp cũng rất quan trọng, như các hóa chất hút ẩm (hấp thụ nước) có thể bị đóng thành cục, sền sệt, hay thậm chí cứng như đá. Các hóa chất khác hấp thụ ít nước hơn trở nên dễ dính trên các bề mặt hạt, làm liên kết cầu trong phễu tăng lên. Thông thường, chỉ những lượng dung dịch hóa chất bị hạn chế nên lấy từ các hóa chất khô vào bất cứ lúc nào vì thời hạn sử dụng của hóa chất hỗn hợp, đặc biệt đối với polyme, ngắn. Người vận hành nên trao đổi với người cung cấp hóa chất về hạn sử dụng đối với mỗi loại hóa chất.

Người vận hành phải giữ nơi lưu trữ hóa chất khô và thiết bị càng khô càng tốt. Nếu không, ẩm độ sẽ ảnh hưởng đến mật độ của hóa chất và có thể sẽ đưa đến kết quả cấp liệu thiếu. Tương tự, hiệu lực của hóa chất khô, đặc biệt là polime, có thể bị giảm. Nên dùng thiết bị tẩy bụi tại nơi thu dọn, khoang hút, phễu, và cơ cấu tiếp liệu để được gọn gàng, ngăn chặn ăn mòn, và sự an toàn. Bụi hóa chất được gom lại thường được dùng cùng với các hóa chất lưu trữ.

Nguyên Tắc Chung Pha Chế Và Định Lượng Hóa Chất

Bước 1: Cân hoặc định lượng khối lượng hóa chất cần pha theo chỉ dẫn.

Bước 2 : Mở van nước cấp của thùng đựng hóa chất đợi đến khi nước vào nửa thùng pha dung dịch và đóng van này lại.

Bước 3: Cho từ từ hóa chất vào thùng pha và khuấy đều để hóa chất tan hoàn toàn trong nước cho đến khi hết lượng hóa chất trên.

Bước 4: Mở van nước cấp tiếp tục cho nước vào đầy thùng pha.

Chú ý:

Thường xuyên kiểm tra lượng dd hóa chất trong các thùng đựng hóa chất.

Nếu hết hóa chất thì phải tắt bơm hóa chất và pha hóa chất như các bước pha hóa chất đã nêu ở trên.

Không nên bơm khi hóa chất chưa hòa tan hoàn toàn (có thể làm nghẽn đường ống hoặc hư màng bơm khi còn cặn).
· Đọc thêm tài liệu an toàn hoá chất (MSDS) tại phòng vận hành

3.2.2.1 PHA CHẾ DUNG DICH CLORIIN

Sau các công đoạn xử lý cơ học, sinh học trong điều kiện nhân tạo, vi khuẩn gây bệnh không thể bị tiêu diệt hoàn toàn. Để khử trùng nước thải sau xử lý, ở đây sử dụng

phương pháp oxy hóa bằng Chlorine. Liều lượng Chlorine châm vào nước thải sau xử lý thường là 2 g/ L(g/ m3),. Dung dịch Chlorine được pha với nồng độ 2-5%. Với thùng chứa dung dịch Chlorine 500 lít của trạm xử lý, lấy 1 KG CLORIN nguyên chất cho mỗi lần pha.

Các bước tiến hành như sau:

- Bước 1: Đong 1 KG JAVEL nguyên chất;
- Bước 2 : Mở van cấp nước và khí của thùng đựng hóa chất
- Bước 3: Cho từ từ 1 kg CLORIN vào thùng từ lúc bồn vừa cấp nước, chậm chậm từ từ cho đến khi nước cấp đến đầy bồn cũng đồng thời vừa hết clorin thêm vào.
- Bước 4: Khóa van cấp nước và cấp khí.

3.2.2.2 PHA CHẾ DUNG DICH MẬT RỈ ĐƯỜNG

Mật rỉ đường dùng để tăng chất hữu cơ trong nước, là điều kiện diễn ra quá trình khử Nitrate. Dung dịch Mật rỉ đường được pha với nồng độ 40 g/l. Với thùng chứa dung dịch Mật rỉ đường 300 lít của trạm xử lý, lấy 12 kg Mật rỉ đường nguyên chất cho mỗi lần pha.

Các bước tiến hành như sau:

- Bước 1: Đong 12 kg Mật rỉ đường nguyên chất;
- Bước 2 : Mở van cấp nước và khí vào bồn
- Bước 3: Đong 12 kg mật rỉ đường nguyên chất vào thùng bê có dung tích 20 lit, châm nước vào đầy sau đó khuấy từ từ cho đến khi tan hết.
- Bước 4: Cho hỗn hợp vừa khuấy từ thùng bê vào bồn.
- Bước 5: Đợi đến khi đầy thì khóa van cấp nước và khí lại.

3.2.2.3 PHA CHẾ DUNG DICH PAC

PAC dùng để keo tụ các SS, cặn lơ lững, chất hữu cơ,... Dung dịch PAC được pha với nồng độ 100 g/l. Với thùng chứa dung dịch PAC 500 lít của trạm xử lý, lấy 50 kg PAC nguyên chất cho mỗi lần pha.

Các bước tiến hành như sau:

- Bước 1: Lấy 50kg PAC 30%;
- Bước 2 : Mở van nước cấp của thùng đựng hóa chất đợi đến khi nước vào nửa thùng pha dung dịch và đóng van này lại. Mở van thổi khí trộn hóa chất, chỉnh van thổi khí ở mức 1/ 2 van.
- Bước 3: Cho 50 kg PAC vào
- Bước 4: Mở van nước cấp tiếp tục cho nước vào đầy thùng pha.

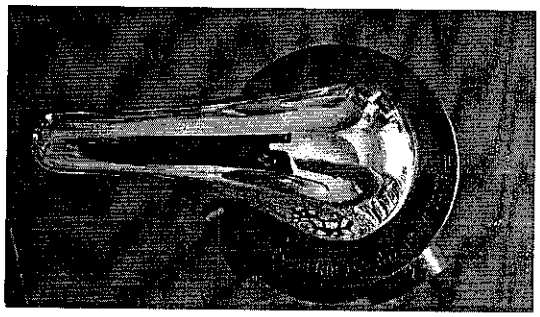
3.2.2.4 PHA CHẾ DUNG DICH POLYMER ANION

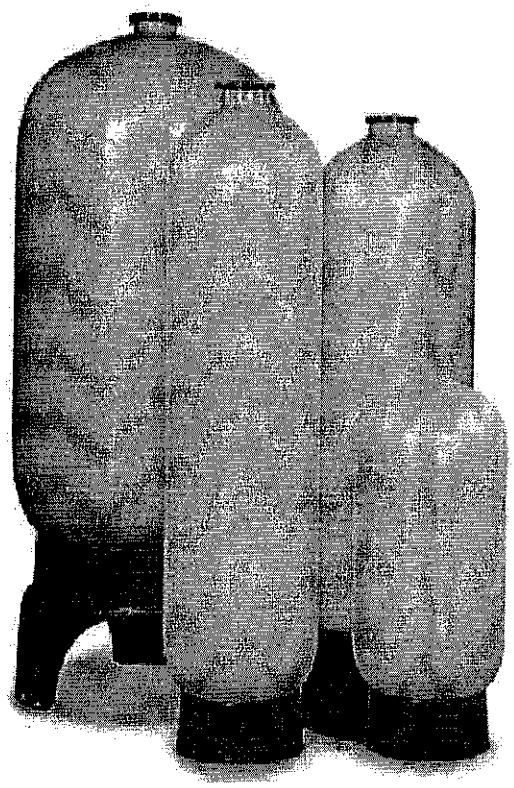
Polymer Aninon dùng để kết bông các hạt keo Dung dịch Polymer Anion được pha với nồng độ 0.05 g/l. Với thùng chứa dung dịch Polymer Anion 500 lít của trạm xử lý, lấy 200 g Polymer Anion nguyên chất cho mỗi lần pha.

Các bước tiến hành như sau:

- Bước 1: Lấy 200g Polymer Anion;
- Bước 2 : Mở van cấp nước và khí của thùng đựng hóa chất
- Bước 3: Cho từ từ 200g Polymer Anion vào thùng từ lúc bồn vừa cấp nước, **chậm chậm từ từ** cho đến khi nước cấp đến đầy bồn cũng đồng thời vừa hết Polymer thêm vào.
- Bước 4: Khóa van nước cấp.

3.2.3 Hướng dẫn sử dụng cột lọc áp lực





Nguyên tắc làm việc:

+ Chế độ lọc: nước thải được bơm vào bể qua một phểu bố trí ở đỉnh bể qua lớp cát lọc, lớp đỡ vào hệ thống thu nước trong đi vào đáy bể và vào nguồn tiếp nhận. Chuyển van sang chế độ **Filter**.

+ Chế độ rửa lọc: khi rửa bể nước từ đường ống áp lực chảy ngược từ dưới lên trên qua lớp cát lọc và vào phễu thu chảy theo ống thoát nước rửa xuống ống thu nước rửa lọc. Chuyển van sang chế độ **back wash** . Định kỳ 2 ngày rửa lọc 1 lần , thời gian rửa lọc từ 10-15p.Sau đó chuyển sang chế độ **Fast rinse** trong khoảng 30s rồi chuyển sang **Filter.**

Nhân viên vận hành điều chỉnh tùy theo chất lượng xử lý thực tế (nước đục sẽ phải rửa lọc nhiều hơn, nước trong thì rửa lọc ít hơn). Thời gian rửa lọc và tần suất rửa lọc có thể thay đổi. Nhân viên vận hành theo dõi quá trình rửa lọc và lọc, cách nhận biết thời điểm cần phải rửa lọc và kết thúc rửa lọc :

Rửa lọc: Khi nước đầu ra sau cột lọc cảm quan không tốt, nước đục, nhiều cặn.

Kết thúc rửa lọc: khi nước rửa lọc đã hết đục, cặn, chuyển thành màu nước của bể lắng.

3.2.4 Kiểm tra thiết bị

- Kiểm tra các bơm hoạt động có ồn hay không.
- Kiểm tra máy thổi khí có ồn không, có mùi lạ hay không.
- Kiểm tra các van, rắc co có bị xì hay không.
- Kiểm tra phao.
- Kiểm tra các cùm, support của đường ống có rung lắc hay không.

3.3 KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG BÙN VI SINH, NỒNG ĐỘ BÙN VI SINH TRONG BỂ AEROTANK, ANOXIC

- Kiểm tra tỉ lệ bùn: Sử dụng ống định mức có chia vạch (có thể sử dụng ly nhựa dạng miệng rộng đáy hẹp), thông thường thể tích là 500ml. Đổ đầy hỗn hợp bùn hoạt tính và nước thải tại các bể Aerotank và Anoxic, để lắng tự nhiên trong vòng 30 phút (gọi là SV30 – Sludge volume during 30 minutes). Hệ thống nên duy trì SV 30 từ 20-50%. Tỷ lệ chính xác cần dựa vào số liệu phân tích nước thải sau xử lý.
- Nếu SV30 <20% mà nước thải vẫn đạt tiêu chuẩn, nên duy trì ở mức 20%, bởi vì cần tránh trường hợp sốc tải, vi sinh già yếu hoặc có một sự cố nào khác làm mất khả năng phục hồi của Hệ bùn hoạt tính.
- Nếu SV30 >50% cần xả bùn vì càng duy trì số lượng bùn nhiều, tỷ lệ bùn già yếu và chết đi cũng tăng tỷ lệ thuận (mặc dù bùn mới vẫn sinh ra), bùn già yếu này sẽ tạo thành các cặn lơ lững làm đục nước, tăng thêm áp lực xử lý cho bể lọc áp lực. Tốc độ lắng của bùn là 1 biểu đồ hình Sin, nếu quá nhiều bùn, radien nồng độ tăng lên làm cản trở khả năng lắng, nếu quá ít bùn, các bông bùn không thể kết lại với nhau nên trọng lực nhỏ không thể thắng được lực đẩy của nước, làm bùn lơ lững.
- Nên thực hiện kiểm tra ít nhất 1 lần/ngày.
- Nên xả bùn theo định kỳ 1 tháng (10 phút)/lần
- Tỷ lệ bùn tốt nhất là tỷ lệ mà nước thải đầu ra đạt yêu cầu, tùy vào thực tế vận hành nên nhân viên vận hành cần phải theo dõi điều chỉnh, nhằm tránh trường hợp tỷ lệ F/M quá ít, vi sinh thiếu thức ăn, oxy.
- SV30 từ 20-50% là mức thông thường cho nước thải sinh hoạt, tỷ lệ thực tế cho từng công trình phụ thuộc vào tính chất cụ thể của nước thải, chế độ vận hành, chất lượng nước thải đầu ra. Nhân viên vận hành cần linh hoạt điều chỉnh duy trì tỷ lệ tốt nhất.
- Hình dạng, màu sắc và kích thước bông bùn phụ thuộc rất nhiều vào tính chất nước thải và chế độ vận hành. Không có

một tiêu chuẩn nào cụ thể chi tiết cho từng loại nước thải riêng biệt. Tuy nhiên, bông bùn có hoạt tính tốt, thông thường có các đặc điểm như sau:

+ Nước trong bể Aerotank không có bọt, hoặc bọt nhỏ dễ tan, không tạo thành ván hay lớp bọt dày trên bề mặt.

+ Bùn hoạt tính có màu nâu nhạt đến màu cà phê sữa đậm, tương ứng với hàm lượng BOD đầu vào từ thấp tới cao. Nếu BOD quá cao >600 mg/l. Bùn sẽ chuyển dần sang màu đen do tích lũy quá nhiều độc tố từ quá trình trao đổi chất, nồng độ chất hữu cơ cao cũng là 1 nguyên nhân gây ức chế quá trình phát triển của bùn hoạt tính.

+ Nếu chất hữu cơ thấp, BOD từ 100-300 mg/l, bông bùn có xu hướng hình thành dạng hạt, rắn chắc (hình thái giống gạo nấu vừa nở, chưa bị nhừ, kích thước bằng đầu bút bi hoặc đầu đũa ăn).

+ Nếu chất hữu cơ cao, BOD từ 300-600 mg/l, bông bùn chuyển sang hình thái khối lớp, không tách rõ ràng ra từng hạt (bùn nhuyễn nhừ hoặc kết khối như đậu hũ non).

- Tốc độ lắng: SV30 là thông số thể hiện thể tích bùn lắng được sau 30 phút. Tuy nhiên, bùn hoạt tính tốt, tốc độ lắng nhanh thông thường trong vòng 5 phút đầu tiên, thể tích bùn sẽ đạt mức của SV30, thời gian 25 phút tiếp theo chỉ là quá trình nén bùn và lắng các hạt cặn lơ lững nên thể tích không thay đổi nhiều. Nói cách khác khác, thông số SV30 thể hiện bao gồm: Tốc độ lắng, độ trong của nước, màu sắc của nước, sức khỏe của bùn hoạt tính, mùi.
- Như trình bày ở trên, khi phát hiện các trường hợp có khả năng sốc tải, từ hình thái bùn hoạt tính, hoặc thay đổi về nước thải tiếp nhận (được biết trước) cần linh hoạt xử lý.

  + Nếu vi sinh thiếu: tìm hiểu nguyên nhân làm chết bùn, khắc phục nguyên nhân đó sau đó cấy lại bùn vi sinh.
- Nước thải sau xử lý chứa nhiều Amoni thì sẽ có màu vàng nhạt, vẫn còn mùi khai đặc trưng, nếu nước thải sau xử lý chứa nhiều Nitrate, sẽ có hiện tượng bùn nổi dày đặc ở bể lắng. Cách xác định hiệu quả chính xác phải thông qua các số liệu phân tích định kỳ.

- Kiểm tra pH: mỗi ngày 1 lần.
- Các thao tác kiểm tra ít nhất 1 lần/ ngày, hoặc nhân viên vận hành điều chỉnh sao cho phù hợp.

3.4 CHẾ ĐỘ VẬN HÀNH CÁC THIẾT BỊ TRONG HỆ THỐNG

STT	*Thiết Bị*		*Vận Hành*
1	**Máy thổi khí**	Chức năng	• Cung cấp oxi cho bể điều hòa, điều hòa nồng độ và lưu lượng nước thải, ngăn chặn quá trình kỵ khí xãy ra gây mùi hôi cho các khu vực xung quanh • Xáo trộn hóa chất giúp hóa chất hòa tan nhanh vào trong nước
		Số lượng	• 02 máy
		Chế độ vận hành	• 02 máy thổi khí hoạt động mặc định ở chế độ tự động (AUTO). • Luôn được cấp nguồn để chạy luân phiên. • 02 máy thổi khí hoạt động luân phiên 24/24 giờ, một máy chạy một máy nghỉ, thời gian luân phiên của máy được cài đặt bằng timer, luân phiên mỗi 60 phút
2	**Bơm thu gom sinh hoạt**	Chức năng	• Bơm nước từ các điểm gom lên bể điều hòa
		Số lượng	• 02 máy
		Chế độ vận hành	• 02 máy hoạt động mặc định ở chế độ luân phiên tự động (AUTO). • Khi phao đầy sẽ cấp nguồn để chạy luân phiên. Phao cạn thì bơm tắt. • 02 máy hoạt động tự động luân phiên mỗi 1 giờ, phao đóng chạy phao ngắt máy nghỉ.
3	**Bơm thu gom**	Chức năng	• Bơm nước từ hố gom nước sơn lên bể hóa lý

	hóa lý	Số lượng	• 02 máy
		Chế độ vận hành	• 02 máy hoạt động mặc định ở chế độ luân phiên tự động (AUTO). • Khi phao đầy sẽ cấp nguồn để chạy luân phiên. Phao cạn thì bơm tắt. • 02 máy hoạt động tự động luân phiên mỗi 1 giờ, phao đóng chạy phao ngắt máy nghỉ.
4	Cụm bơm hóa lý PAC Polymer NaOH	Chức năng	• Bơm định lượng chất keo tụ vào bể keo tụ hóa lý
		Số lượng	• 03
		Chế độ vận hành	• Bơm hóa chất đều hoạt động mặc định ở chế độ tự động (AUTO) theo nguyên tắc sau: Bơm hóa chất hoạt động theo sự điều khiển của bơm thu gom hóa lý: bơm hóa lý chạy thì bơm hóa chất chạy, bơm hóa lý tắt thì tắt.
5	Motor khuấy	Chức năng	• Xáo trộn bể keo tụ giúp cho quá trình tiếp xúc giữa hóa chất và tác nhân ô nhiễm nhanh diễn ra
		Số lượng	• 02 máy
		Chế độ vận hành	• 02 máy hoạt động mặc định ở chế độ tự động (AUTO) theo nguyên tắc sau: • Motor khuấy hoạt động theo sự điều khiển của bơm thu gom hóa lý: bơm hóa lý chạy thì Motor khuấy chạy, bơm hóa lý tắt thì tắt.
6	Bơm điều hòa	Chức năng	• Bơm nước thải từ bể điều hòa tới bể Anoxic
		Số lượng	• 02 bơm
		Chế độ vận hành	• 02 bơm điều hòa hoạt động mặc định ở chế độ tự động (AUTO)

			• Khi phao đầy sẽ cấp nguồn để chạy luân phiên. Phao cạn thì bơm tắt. • Trong quá hoạt động: 02 bơm hoạt động luân phiên, một bơm chạy một bơm nghỉ , thời gian luân phiên của bơm được cài đặt bằng timer thay đổi mỗi 60 phút.
7	**Motor khuấy**	Chức năng	• Xáo trộn bể anoxic giúp bùn vi sinh tiếp xúc tốt với nước thải - hóa chất NaOH – dinh dưỡng và oxy trên bề mặt bể .
		Số lượng	• 01 máy
		Chế độ vận hành	• 01 máy hoạt động mặc định ở chế độ tự động (AUTO) • Luôn được cấp nguồn để chạy tự động. • Trong quá hoạt động: máy hoạt động gián đoạn, khuấy 12 phút nghỉ 12 phút • Được set bằng timer
8	**Bơm tuần hoàn**	Chức năng	• Bơm tuần hoàn nước có chứa Nitrate từ bể sinh học hiếu khí về Anoxic để khử nitơ
		Số lượng	• 02 bơm
		Chế độ vận hành	• 02 bơm tuần hoàn hoạt động mặc định ở chế độ tự động (AUTO) và theo nguyên tắc sau: • Trong quá hoạt động: Bơm hoạt động 1h30p và nghỉ 30p. • Được set bằng timer
9	**Bơm bùn bể lắng**	Chức năng	• Bơm bùn dư từ đáy bể lắng sinh học về bể chứa bùn • Bơm tuần hoàn bùn vi sinh từ đáy bể lắng sinh học về bể anoxic.
		Số lượng	• 02 bơm

		Chế độ vận hành	• Bơm bùn có 2 chức năng hoạt động nên sẽ có 2 chế độ vận hành: • Vận hành mặc định ở chế độ tự động (AUTO) để bơm tuần hoàn bùn từ bể lắng về bể anoxic, theo nguyên tắc sau: Nghĩ 1 giờ 30 phút bơm 30 phút : • Vận hành ở chế độ tay (HAND) để bơm xả bỏ bùn dư từ bể lắng về bể chứa bùn.
10	**Bơm dinh dưỡng**	Chức năng	• Bơm định lượng chất dinh dưỡng từ bồn chứa đến đầu bể Thiếu khí.
		Số lượng	• 01
		Chế độ vận hành	• Bơm hóa chất đều hoạt động mặc định ở chế độ tự động (AUTO) theo nguyên tắc sau: Bơm hóa chất hoạt động theo sự điều khiển của bơm điều hòa: bơm điều hòa chạy thì bơm hóa chất chạy, bơm điều hòa tắt thì tắt.
11	**Bơm khử trùng**	Chức năng	• Bơm định lượng các hóa chất Javel từ bồn chứa đến bể khử trùng.
		Số lượng	• 01 bơm
		Chế độ vận hành	• Bơm hóa chất đều hoạt động mặc định ở chế độ tự động (AUTO) theo nguyên tắc sau: Bơm hóa chất hoạt động theo sự điều khiển của bơm điều hòa: bơm điều hòa chạy thì bơm hóa chất chạy, bơm điều hòa tắt thì bơm hóa chất tắt.
12	**Bơm lọc**	Chức năng	• Bơm nước thải từ bể khử trùng qua bể lọc áp lực vào nguồn tiếp nhận
		Số lượng	• 02 bộ
		Chế độ vận hành	• 02 bơm trục ngang hoạt động mặc định ở chế độ tự động (AUTO) theo nguyên tắc sau:

			• 02 bơm được điều khiển bằng phao điện : phao đầy thì bơm chạy, phao cạn thì bơm tắt. • Trong quá hoạt động: 02 bơm hoạt động luân phiên, một bơm chạy một bơm nghỉ , thời gian luân phiên của bơm được cài đặt bằng timer luân phiên mỗi 60 phút. • Thường xuyên kiểm tra lupe xem có bị tuột nước hay không

3.5 TẦN SUẤT BẢO DƯỠNG CÁC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Kiểm tra	Bảo dưỡng	Tần suất
1	Bơm chìm	Kiểm tra lưu lượng, van 1 chiều, guồng bơm, cánh bơm.	Phốt, cốt, bạc đạn	6 tháng/lần
			Kiểm tra ngẹt rác	Khi giảm lưu lượng
2	Máy thổi khí	Thay nhớt, mỡ bò, dây curoa, nghe xem có tiếng kêu bất thường nào ko.	Thay nhớt	3 tháng/lần
			Thay mỡ bò	3 tháng/lần
			Thay dây Curoa	Khi dãn
			Vệ sinh lọc gió	3 tháng/lần
3	Bơm hóa chất	Kiểm tra nhớt và vệ sinh màng hút, van bi.	Vệ sinh van bi	1 lần/tuần
			Vệ sinh màng hút	1 tháng/lần
			Vệ sinh đường ống châm hóa chất	1 tuần/lần
4	Hộp số giảm tốc của các Motor khuấy	Thay nhớt, mỡ bò, nghe xem có tiếng kêu bất thường nào ko.	Thay nhớt	3 tháng/lần
			Thay mỡ bò	3 tháng/lần
6	Phao điện	Kiểm tra tiếp điểm		1 tháng/lần

3.6 SỰ CỐ VÀ CÁCH XỬ LÝ SỰ CỐ

Sự Cố		Nguyên Nhân	Biện Pháp Khắc Phục
Bơm chìm bể điều hòa Bơm trục ngang	Bơm chìm không khởi động được; hoặc khởi động được nhưng dừng ngay lập tức.	Sự cố nguồn cấp điện, dây điện	Kiểm tra, sữa chữa nguồn cấp điện, dây điện
		Sự cố điện điều khiển tự động.	Báo bộ phận bảo trì có chuyên môn kiểm tra và sửa chữa.
		Cánh bơm bị kẹt cứng bởi các vật thể bám vào	Tháo guồng bơm và loại bỏ vật thể bám vào cánh bơm
		Motor bơm bị cháy	Quấn lại cuộn dây hoặc thay mới
		Sự cố phao điện	Loại bỏ các vật cản trở và kiểm tra hoạt động của phao.
	Cột áp và lưu lượng bơm giảm	Nghẽn rác guồng bơm	Tháo rác trong guồng bơm
		Cánh bơm bị mòn hoặc hư hỏng	Thay thế cánh
		Ống xả của bơm bị tắc nghẽn	Vệ sinh ống xả
		Sai chiều quay của động cơ	Đổi vị trí 2 trong 3 dây bất kì
		Mực nước cạn dưới thân bơm	Luôn giữ thân bơm ngập trong nước
	Bơm dừng lại khi đang hoạt động	Cánh bơm bị kẹt	Tháo bơm vệ sinh cánh
		Bơm bị nóng quá mức do chạy khô nước trong nhiều giờ	Điều chỉnh phao để luôn giữ thân bơm ngập trong nước – Mồi nước đầy guồng bơm
		Điện áp không ổn định	Kiểm tra nguồn cấp điện, phải đảm bảo điện áp phù hợp với giá trị trên nhãn bơm.

	Thiết bị bảo vệ bơm trong tủ điện báo trip	Cánh bơm bị kẹt cứng bởi các vật thể bám vào	Tháo guồng bơm và loại bỏ vật thể bám vào cánh bơm
		Vòng đệm làm kín bị mòn dẫn đến rò rỉ nước vào bơm	Thay vòng đệm mới
		Motor bơm bị cháy	Quấn lại cuộn dây hoặc thay mới
	Tiếng ồn trong bơm	Hỏng vòng bi	Báo bộ phận bảo trì thay vòng bi
		Sai chiều quay của động cơ	Đổi vị trí 2 trong 3 dây bất kì
		Cánh bơm bị mẻ	Sửa chữa, thay thế cánh
Máy thổi khí	Máy thổi khí không quay	Rotor bị kẹt bởi vật thể bị hút vào	Loại bỏ vật thể
		Động cơ không chạy	Kiểm tra động cơ và nguồn điện
		Dây đai bị chùng quá mức	Căn chỉnh lại hoặc thay dây đai mới.
	Máy phát ra âm thanh lạ và rung động bất thường	Bạc đạn bị thiếu mỡ, hoặc mỡ bị biến chất, hoặc mỡ kém chất lượng	Bổ sung mỡ
		Thiếu dầu bôi trơn bánh răng, hoặc dầu bị biến chất, hoặc dầu kém chất lượng	Bổ sung hoặc thay mới dầu.
		Hỏng vòng bi	Thay vòng bi mới
		Vật thể bên ngoài bị máy hút vào	Loại bỏ vật thể
		Van an toàn bị đẩy ra	Căn chỉnh lại
		Dây đai quá căng	Căn chỉnh lại
		Guồng bơm hoặc ống hút bị	Kiểm tra, xiết kín các chỗ hở

		hở làm cho không khí xâm nhập vào	trong guồng bơm, đường ống hút.
	Lưu lượng khí thiếu	Rò rỉ trên đường ống	Siết chặt các đầu nối
		Rò rỉ tại van an toàn	Căn chỉnh lại van
		Đường ống hút hoặc đẩy bị tắc	Vệ sinh lại đường ống
		Dây đai bị chùng	Cân chỉnh lại hoặc thay dây đai mới.
	Tiếng ồn trong bơm	Hỏng vòng bi	Báo bộ phận bảo trì thay vòng bi
		Trục không thẳng hàng	Báo bộ phận bảo trì sửa chửa
		Cánh bơm bị mẻ	Sửa chữa, thay thế cánh
Bơm hóa chất	Bơm hóa chất không lên	Bơm bị nghẹt ở đầu hút, đầu đẩy	Vệ sinh đầu hút, đầu đẩy
		Sự cố nguồn cấp điện, dây dẫn	Kiểm tra, sửa chữa nguồn điện, dây dẫn
		Không khí đi vào đường ống qua các đầu nối	Kiểm tra , vặn kín các mối nối
		Nút chỉnh lưu lượng ở mức quá nhỏ	Vặn nút chỉnh lưu lượng ở mức lớn hơn
	Bơm hóa chất có tiếng kêu lạ	Bạc đạn bị mòn	Thay mới bạc đạn
Motor khuấy	Máy không hoạt động	Sự cố nguồn cấp điện, dây điện	Kiểm tra, sửa chữa nguồn điện, dây dẫn
		Hư hỏng bên trong motor	Báo bảo trì sữa chữa hoặc thay mới

	Máy có tiếng kêu lớn	Hỏng bạc đạn	Báo bộ phận bảo trì thay bạc đạn
		Trục không thẳng hàng	Báo bộ phận bảo trì sửa chửa
Phao điện	Phao điện không hoạt động bình thường	Sự cố nguồn cấp điện, dây điện	Kiểm tra, sửa chữa nguồn điện, dây dẫn
		Phao bị vô nước, dẫn đến hư hỏng bên trong	Thay mới

BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ

Các thiết bị tiêu thụ điện, dù tốt vẫn không tránh khỏi các rủi ro, ngay cả khi sử dụng đúng chính xác, người sử dụng dễ bị chủ quan không kiểm tra kỹ trước khi thao tác dẫn đến tai nạn.

Một số rủi ro thường xảy ra là:

- Rủi ro khi nối thiết bị với nguồn cung cấp điện.
- Rủi ro do sự rò rỉ điện.Để thực hiện công việc bảo trì an toàn phải tuân theo các tiến trình sau:
- Cử nhân viên có kinh nghiệm và thành thạo trong công việc thay thế và sửachữa các thiết bị điện cũng như các chi tiết về cơ khí của thiết bị tiêu thụ điện.
- Phải bảo đảm tuyệt đối là thiết bị đã được cách ly khỏi nguồn cung cấp điện.
- Cắm bảng báo hiệu để thông báo về việc sửa chữa.Nếu sửa chữa các thiết bị tại nơi có khả năng phát sinh nhiều khí độc và dễ pháthoả thì phải chú ý đến các vấn đề:
- Không được thực hiện việc bảo trì một mình.
- Làm thông thoáng hố bể trước khi bắt đầu công việc. Chuẩn bị trước các thiết bị phòng cháy (bình cứu hoả...)
- Nếu việc sửa chữa đòi hỏi phải xuống hố, bể, thì phải trang bị dây an toàn vàcác phương tiện thoát hiểm

nhanh trong trường hợp khẩn cấp. Bảo trì bơm chìm, Trình tự thực hiện:

- Cách ly thiết bị khỏi nguồn cung cấp điện.
- Kéo thiết bị lên khỏi hố bơm hoặc bể.
- Đối với bơm chìm, mở buồng bơm vệ sinh sạch sẽ, kiểm tra xem có vết xước doma sát giữa cánh bơm và buồng bơm không. Điều này chứng tỏ rằng hoặcbuồng bơm bị vật cứng chèn vào gây nên vết xước hoặc vòng bi đã bị hỏng làm lệch tâm phải thay vòng bi mới.
- Đo độ cách điện giữa pha với pha, pha với thân thiết bị xem có bị chạm mạch hay chập mạch không.
- Dùng một ly nhỏ trong suốt, lấy mẫu dầu cách điện (khoảng 50 ml) quan sát.Nếu mẫu dầu có màu trắng đục điều này cho biết phốt đã bị hỏng vì nước xâm nhập vào phải thay phốt và dầu cách điện. Nếu mẫu dầu có màu xám nhạt và cặn lơ lửng, phải thay dầu cách điện. Loại dầu cần dùng là CASTROLHYDROIL P46 hoặc sản phẩm tương đương.Khi thay thế các chi tiết như: Phốt, roon,... phải sử dụng đúng loại của chính hãng.Trong trường hợp phải sử dụng các chi tiết không chính hãng phải bảo đảm là cáckích thước phải chuẩn xác, vật liệu có tính năng kỹ thuật tương đương.

Chú ý: Khi đổ đầy dầu cách điện vào khoang chứa phải rút ra 20cc - 25cc để tạo vùng đệm khí thích hợp khi dầu tăng thể tích do bị nóng lên. Ngoài ra cần phải kiểm tra thêm về phần cơ để khắc phục luôn các hư hỏng như vòng bi, ổ trục, cánh quạt đẩy nước, cánh bơm.

Bảo trì bơm định lượng

- Kiểm tra điện áp nguồn đầu vào của máy có bằng điện áp định mức của máykhông.Kiểm tra màng bơm xem có bị xước không, nếu có điều này cho biết hóa chất sửdụng có lẫn nhiều tạp chất, loại bỏ tạp chất trước khi sử dụng.
- Thường xuyên vệ sinh các đầu hút và đầu đẩy của máy vì những chổ này cặnbẩn hay bám vào làm nghẹt đầu

bơm.Khi bơm không lên nước, kiểm tra đầu hút của máy có kín hay không nếu khôngkín khí sẽ lọt vào làm không lên nước.

- Khi có khí lọt vào buồn bơm dùng tay vặn nút xả khí, xả xong vặn kín trở lại.Vặn nút điều chỉnh lưu lượng không được vặn quá mức cho phép, nếu vặn quá sẽ gây hư hỏng máy.

Một số hư hỏng thường gặp ở máy bơm và biện pháp khắc phục:

STT	TÌNH TRẠNG	NGUYÊN NHÂN	BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC
1	Máy bơm không làm việc (không chạy)	- Không có nguồn điện cung cấp. - Máy bị ngẹt do cặn bám lâu ngày	- Kiểm tra nguồn điện, cấp nguồn - Kiểm tra đường ống bơm, guồng bơm vệ sinh cặn hoặc rác ra khỏi máy
2	Máy chạy nhưng có tiếng kêu gầm	- Điện nguồn mất pha đưa vào motor. - Cánh bơm bị chèn bởi các vật cứng. - Hộp giảm tốc bị thiếu dầu, mỡ. mòn... - Bị chèn các vật lạ có kích thước lớn vào buồng bơm, trục vít.	- Kiểm tra và khắc phục lại nguồn điện. - Tháo các vật bị chèn cứng ra khỏi cánh bơm. - Kiểm tra và bổ sung thêm, hoặc thay nhớt mới - Kiểm tra vệ sinh sạch sẽ
3	Máy bơm hoạt động nhưng không lên nước	- Ngược chiều quay - Vale đóng mở bị nghẹt hoặc hư hỏng - Đường ống bị tắc nghẽn - Chưa mở vale	- Đảo lại chiều quay bằng cách đấu nối lại tiếp điểm động lực của bơm - Vệ sinh đường ống - Mở vale
		- Màng bơm bị rách	- Thay màng mới

4	Lưu lượng bơm bị giảm	- Bị nghẹt ở cánh bơm, vale, đường ống - Mực nước bị cạn - Màng bơm bị đóng cặn	- Kiểm tra vệ sinh sạch sẽ - Tắt bơm bổ sung thêm hóa chất và nước - Mở ra và vệ sinh lại màng bơm

Bảo trì máy thổi khí

Trước khi vận hành cần kiểm tra một số điểm cơ bản sau đây:

- Kiểm tra toàn bộ các bu long, đai ốc xem có bị lỏng ra không. Thông thường trong khoảng thời gian hoạt động dài ngày các bulong có xu hướng bị nới lỏng do sự rung động của máy.
- Kiểm tra vòng quay, pulley xem nó có được trơn nhẹ nhàng không.
- Kiểm tra mức dầu bôi trơn ở hộp chứa dầu đã đúng và phù hợp chưa.
- Kiểm tra đường ống và việc đóng mở của các van của có hoạt động tốt chưa.
- Kiểm tra bộ lọc khí đầu vào, nếu bị đóng nhiều bụi bẩn phải vệ sinh sạch bằngxà phòng, sau đó làm khô bằng hơi khí nén.
- Kiểm tra dây coroa phải bảo đảm thẳng, dùng.

Trình tự thực hiện:

- Cách ly thiết bị khỏi nguồn cung cấp điện
- Đo độ cách điện và sự liên hệ giữa các pha để xem motor còn tốt không. Nếu độ cách điện giảm thì phải tẩm xấy lại.
- Tháo catte và dây coroa
- Dùng tay quay pulley đầu gió xem máy làm việc trơn, nhẹ hay không, có tiếng kêu không. Nếu có tiếng kêu phải tháo đầu gió để kiểm tra và khắc phục. Việc tháo đầugió phải được chuyên viên có tay nghề cao thực hiện.

- Vệ sinh sạch sẽ bộ lọc khí đầu vào
- Kiểm tra bánh răng truyền động xem có bị đổi màu (màu kim loại sau khi bị nung đỏ), điều này thể hiện bánh răng đã bị làm việc trong điều kiện thiếu dầu bôi trơn, đây là nguyên nhân chính dẫn đến hư hỏng bánh răng

Một số hư hỏng thường gặp ở máy thổi khí và biện pháp khắc phục:

STT	TÌNH TRẠNG	NGUYÊN NHÂN	BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC
1	Máy không làm việc (không chạy)	- Không có nguồn điện cung cấp. - Máy bị cháy	- Kiểm tra nguồn điện, cấp nguồn - Kiểm tra thay mới motor
2	Máy chạy nhưng có tiếng kêu gầm	- Điện nguồn mất pha đưa vào motor. - Cánh bơm cấp khí bị chèn bởi các vật cứng. - Vòng bi bị khô dầu mỡ hoặc bị vỡ	- Kiểm tra và khắc phục lại nguồn điện. - Tháo các vật bị chèn cứng ra khỏi cánh bơm. - Kiểm tra và bổ sung dầu mỡ, hoặc thay mới.
3	Máy bơm hoạt động nhưng không có khí thoát ra	- Ngược chiều quay - Vale đóng mở bị nghẹt hoặc hư hỏng - Đường ống bị tắc nghẽn - Chưa mở vale	- Đảo lại chiều quay bằng cách đấu nối lại tiếp điểm động lực của bơm - Vệ sinh đường ống - Mở vale
4	Lưu lượng khí bị giảm	- Bị nghẹt ở vale, đường ống - Bộ lọc khí bị tắc nghẽn	- Kiểm tra vệ sinh sạch sẽ - Tháo ra vệ sinh sạch sẽ bằng nước với xà phòng hoặc chất chuyên dụng và làm khô bằng khí nén

5	Máy làm việc với dòng điện vượt quá giá trị ghi trên nhãn máy	- Điện áp thấp dưới qui định. - Độ cách điện của motor giảm quá qui định, < 01MΩ. - Bị sự cố về cơ khí : bánh răng, vòng bi. - Dây coroa quá căng hoặc bị lệch.	- Tắt máy, khắc phục lại tình trạng điện áp. - Làm khô nâng cao độ cách điện - Phát hiện chỗ hư hỏng về cơ để khắc phục. - Cân chỉnh lại đúng vào vị trí và có độ võng 5-10mm

Chú Ý: Khi máy hoạt động liên tục với thời gian 2400 giờ hoặc ít nhất 03 tháng / lần phải tiến hành thay nhớt.

Các loại nhớt dùng cho máy thổi khí

Shell oil c o. Ltd	Caltex oil refining c o. Ltd	SK limited	Ssangyong oil refining c o. Ltd
Turbo T68	Regal R & O 68	Te re sso 68	DN.GEAR LUBE 68
Turbo T100	Regal R&O 100	Teresso 100	DN.GEAR LUBE 100

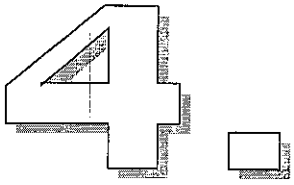
5.2. YÊU CẦU BẢO TRÌ TỔNG QUÁT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC	NỘI DUNG	CHU KỲ
1. Vệ sinh máy móc thiết bị	Lau chùi máy móc thiết bị	1 tháng
	Xả cặn và chùi rửa bể chứa nước thải, các bồn chứa	6 tháng
2. Bơm nước thải và van phao	Kiểm tra sự hoạt động	1 tuần
3. Máy bơm	Kiểm tra sự nghẹt rác Kiểm tra cường độ dòng điện	1 tuần
4. Bơm hóa chất	Kiểm tra sự hoạt động Kiểm tra cường độ dòng điện	1 tuần
5. Máy thổi khí	Kiểm tra sự hoạt động Kiểm tra lượng dầu mỡ	1 tuần
6. Hóa chất	Kiểm tra lượng hóa chất	1 ngày
7. Hệ thống van và đường ống	Kiểm tra sự hoạt động, đóng mở van	1 tuần
8. Tủ điện điều khiển	Kiểm tra sự hoạt động	1 tuần
9. Chất lượng nước thải	Kiểm nghiệm	3 tháng

SỰ CỐ SỐC VI SINH

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Khắc phục
1	Bể Sinh học hiếu khí	Bùn nổi	Vi sinh thiếu thức ăn	Bổ sung dinh dưỡng.
		SV30 giảm	Vi sinh bị chết	Kiểm tra pH, độc tố. Cấy lại vi sinh mới.
			Bùn không được tuần hoàn	Kiểm tra bơm tuần hoàn bùn
		pH <6.5	Thiếu soda	Đo độ pH, nếu thường xuyên thấp thì phải bổ sung soda.
		Bùn đen	Chất hữu cơ đầu vào tăng	Kiểm tra lại tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của hệ thống, nguyên nhân làm tăng chất hữu cơ. Bơm thêm nước sạch nhằm pha loãng nồng độ.
			Dầu mỡ nhiều	Kiểm tra thiết bị tách dầu mỡ.
			Màu đen do độc tố từ lò hơi	Kiểm tra lại lò hơi
		Nhiều bọt	Chất hữu cơ đầu vào cao	Kiểm tra lại tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của hệ thống, nguyên nhân làm tăng chất hữu cơ. Bơm thêm nước sạch nhằm pha loãng nồng độ.
			Quá ít vi sinh	Cần cấy thêm bùn
			Vi sinh quá già	Tăng cường xả bùn
		SV30 tăng	Bùn quá nhiều	Tăng cường xả bùn
			Bùn khólắng:già	Tăng cường xả bùn

2	Đầu ra	Nước đục	Tốc độ nước quá nhanh, tốc độ lắng quá chậm	Kiểm tra lại lưu lượng xử lý có bị vượt công suất hay không. Kiểm tra sức khỏe vi sinh
			Vi sinh chết	Kiểm tra pH, chế độ bùn tuần hoàn, độc tố.
			Vi sinh già	Tăng cường xả bùn
		Nước vàng, mùi khai	Amoni còn cao	Kiểm tra tỉ lệ BOD:NP, bổ sung chất hữu cơ cho bể Aerotank (mật rỉ hoặc Methanol), tăng cường sục khí Nitrate hóa DO duy trì 2-4 mg/l, bổ sung visinh mới. Bơm tuần hoàn bùn
3	Bể lắng	Bùn nổi bề mặt	Bùn quá nhiều, già	Tăng cường xả bùn
			Nitrate đầu ra cao	Kiểm tra bể Anoxic: cánh khuấy, pH, bổ sung chất hữu cơ, bơm tuần hoàn bùn, bơm tuần hoàn, DO của bể Anoxic duy trì <1 mg/l



GHI CHÉP VÀ LƯU GIỮ SỐ LIỆU

4.1 SỰ CẦN THIẾT PHẢI LƯU GIỮ SỐ LIỆU

Nhân viên vận hành phải ghi nhận các số liệu về lưu lượng và thành phần nướcthải tiếp nhận, các kết quả thí nghiệm, tình trạng máy móc thiết bị và những hiệntượng quan sát được bằng cảm quan. Những số liệu này sẽ giúp cho nhân viên vận hành tìm ra quy luật vận hành hệ thống ổn định nhất. Đặc biệt giúp cho nhân viênvận hành phát hiện sớm những vấn đề nảy sinh phá vỡ sự ổn định của hệ thống từ đó có phương án điều chỉnh kịp thời

4.2 SỰ THAY ĐỔI VỀ LƯU LƯỢNG VÀ TÍNH CHẤT NƯỚC THẢI TIẾP NHẬN

Nước thải tiếp nhận tại trạm bơm bao gồm tất cả các loại nước thải từ các quá trình sản xuất của nhà máy. Do đó, nước thải tiếp nhận phụ thuộc vào quá trình sản xuất và sinh hoạt tại các xưởng sản xuất. Lưu lượng và thành phần nước thải thay đổi chủ yếu theo chu kỳ sản xuất của các nhà máy và theo mùa. Bởi vậy, cần thiết phải tìm ra một quy luật về sự thay đổi này để tránh trường hợp phải liên tục phân tích xác định thành phần nước thải, giúp giảm thiểu các thao tác vận hành.

Công tác ghi chép và lưu giữ số liệu sẽ giúp tìm ra quy luật đó.

4.3 CÁC THAY ĐỔI TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH

Nếu nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu thì nhân viên vận hành phải xác địnhxem yếu tố nào đã ảnh hưởng tới hoạt động của hệ thống và làm giảm hiệu suất xửlý. Những yếu tố quan trọng có thể ảnh hưởng gồm:

Sự thay đổi lưu lượng và tải lượng BOD và COD đầu vào.

Có các thành phần khó xử lý trong nước thải đầu vào.

Nồng độ MLSS, trong bể Aerotank không thích hợp.

Tốc độ bùn hồi lưu về bể Aerotank không thích hợp có thể ảnh hưởng tới nồngđộ MLSS trong bể Aerotank.

Tốc độ thải bùn hoạt tính tại bể lắng thứ cấp cao hơn hoặc thấp hơn yêu cầu.

Nồng độ oxy trong bể Aerotank giảm xuống dưới mức cho phép.

Nhiệt độ nước thải tăng hoặc giảm đột biến. Do thiếu chất dinh dưỡng.

4.4 CÁC THÔNG SỐ CẦN ĐƯỢC GHI CHÉP, LƯU GIỮ

Để dễ dàng theo dõi, quan sát và kiểm soát hoạt động của nhà máy xử lý cần thiết lập biểu mẫu mô tả đầy đủ các thông số cơ bản đề cập bên dưới.

4.4.1. LƯU LƯỢNG NƯỚC THẢI HÀNG NGÀY

Tổng lưu lượng trong 1 ca

Lưu lượng tối đa và tối thiểu

4.4.2. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CÁC CHỈ TIÊU

Cần phải theo dõi và ghi chép thường xuyên các thông số phân tích thí nghiệm,đặc biệt trong giai đoạn khởi động nhằm kiểm soát hoạt động của trạm xử lý. Khi hệ thống đã đi vào ổn định cần chú ý đến các thông số: BOD, COD, SS, VSS, SVI, DO,lượng bùn phát sinh và thải bỏ hàng ngày...

CHỈ SỐ	LẤY MẪU TẠI BỂ	CÁCH XÁC ĐỊNH	TẦN SUẤT (ÍT NHẤT)
pH	Điều hòa; Anoxic; Aerotank; Bể lắng	Dùng giấy đo hoặc máy đo	3 lần/ngày
SS	Điều hòa;bể lắng	Dùng dụng cụ đo hoặc gửi mẫu kiểm định	1 lần/ngày
COD	Điều hòa; Anoxic; Aerotank; Bể lắng	Gửi mẫu kiểm định	1 lần/tuần
BOD	Điều hòa; Anoxic; Aerotank; Bể lắng	Gửi mẫu kiểm định	1 lần/tuần
Tổng Photpho	Điều hòa; Bể lắng	Dùng dụng cụ đo hoặc	1 lần/ngày
		Gửi mẫu kiểm định	1 lần/tuần
Amoni	Điều hòa; Aerotank; Bể lắng	Dùng dụng cụ đo hoặc	1 lần/ngày
		Gửi mẫu kiểm định	1 lần/tuần
Tổng Nitơ	Điều hòa; Bể lắng 2	Dùng dụng cụ đo hoặc	1 lần/ngày
		Gửi mẫu kiểm định	1 lần/tuần
Coliform	Bể khử trùng	Gửi mẫu kiểm định	1 lần/tuần

Qua quá trình thống kê số liệu, nếu hệ thống ổn định, các số liệu ít biến động có thể giảm tần suất xác định.

4.4.3. LƯỢNG HÓA CHẤT SỬ DỤNG

Theo dõi lượng hóa chất sử dụng trong một ca (hoặc 1ngày) để kiểm soát lượng hóa chất tiêu thụ, chuẩn bị hóa chất sẵn sàng cho quá trình hoạt động của trạm và tính toán chi phí vận hành hàng tháng.

4.4.4. HOẠT ĐỘNG CỦA MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Tình trạng thiết bị, máy móc Ghi lại tình trạng tất cả thiết bị, máy móc sau mỗi ca, các sự cố về các thiết bị

Thời gian hoạt động của thiết bị Phải ghi chép thời gian hoạt động của các thiết bị có thiết bị dự phòng để điều chỉnh hoạt động hợp lý, tránh tình trạng thiết bị hoạt động liên tục làm giảm tuổi thọ.

Lịch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị Cần phải thiết lập danh sách các thiết bị, máy móc cần được bảo trì, bảo dưỡng. Ghi rõ thời gian bảo trì lần đầu tiên và lên kế hoạch cho lần bảo trì tiếp theo.

Lượng điện tiêu thụ trong ngày (hoặc tháng)

4.4.5. GHI CHÉP KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ BÀN GIAO:

Ghi chép lại các thông số đề cập bên trên, các hiện tượng quan sát trong một ca. Khi giao ca phải bàn giao lại cho người trực ca sau cụ thể. Đặc biệt nếu phát hiện ra điều gì bất thường trong ca trực của mình phải báo cho người trực ca sau tiếp tục theo dõi và có biện pháp xử lý.

Trong trường hợp xảy ra sự cố vui lòng liên lạc chúng tôi qua:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM

Địa chỉ	:	Lô O51, Khu nhà ở Vạn Phúc 1, QL 13, P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức , TP. HCM.
Điện thoại	:	(848) 22165461
Fax	:	(848) 73008755
Email	:	mail@moitruongnonglam.com
Wesite	:	moitruongnonglam.com